

CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

Của cơ sở

NHÀ MÁY SẢN XUẤT KHÓA VÀ CÁC SẢN PHẨM KIM KHÍ KHÁC

**Địa điểm: Lô 38D, Khu Công nghiệp Quang Minh, xã Quang Minh,
thành phố Hà Nội**

Hà Nội, Năm 2026

CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

Của cơ sở

NHÀ MÁY SẢN XUẤT KHÓA VÀ CÁC SẢN PHẨM KIM KHÍ KHÁC

**Địa điểm: Lô 38D, Khu Công nghiệp Quang Minh, xã Quang Minh,
thành phố Hà Nội**

**CHỦ CƠ SỞ
CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG**



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quang Huy

Hà Nội, Năm 2026

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	iv
DANH MỤC CÁC BẢNG.....	v
DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ	vi
CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	8
1. Tên chủ cơ sở.....	8
2. Tên cơ sở	8
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở.....	11
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở.....	11
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở	11
3.3. Sản phẩm của cơ sở	21
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu (loại phế liệu, mã HS, khối lượng phế liệu dự kiến nhập khẩu, phương án, kế hoạch, lộ trình giảm tỷ lệ phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất), điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở.....	21
4.1. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, hóa chất sử dụng	21
4.2. Nhu cầu sử dụng điện	23
4.3. Nhu cầu sử dụng nước.....	24
4.4. Nhu cầu sử dụng lao động.....	26
5. Đối với cơ sở có sử dụng phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất phải nêu rõ: điều kiện kho, bãi lưu giữ phế liệu nhập khẩu; hệ thống thiết bị tái chế; phương án xử lý tạp chất; phương án tái xuất phế liệu.	26
6. Các công trình, hạng mục công trình có phát sinh chất thải và công trình bảo vệ môi trường còn tiếp tục thực hiện sau khi được cấp/cấp lại giấy phép môi trường (nếu có)	26
7. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở.....	26
7.1. Quy mô các hạng mục công trình tại cơ sở	26
7.2. Các máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất tại cơ sở	29
7.3. Sơ đồ tổ chức và bộ máy quản lý tại cơ sở.....	32
CHƯƠNG II: SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	33
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường, khoảng cách an toàn về môi trường theo quy định (nếu có). ..	33
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường (nếu có).....	34
CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	36
1. Công trình, biện pháp thu gom, thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải	36
1.1 Thu gom, thoát nước mưa	36

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở:
“Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác”**

1.2. Thu gom, thoát nước thải	38
1.3. Xử lý nước thải	40
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	60
2.1. Từ hoạt động giao thông ra/vào Dự án.....	60
2.2. Từ hoạt động của các máy móc sản xuất.....	60
2.1. Hệ thống thu gom và xử lý thải	63
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	76
3.1. Chất thải rắn sinh hoạt.....	76
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.....	77
5.1. Các công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung của cơ sở	78
5.2. Quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng đối với tiếng ồn, độ rung của cơ sở	79
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó với sự cố môi trường	80
6.1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải.....	80
6.2. Phương án phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường với bụi, khí thải.....	81
6.3. Phòng ngừa, ứng phó sự cố tràn hóa chất.....	81
6.4. Phòng chống cháy nổ.....	83
6.5. Sự cố về an toàn lao động.....	85
7. Công trình, các biện pháp bảo vệ môi trường khác.....	85
8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.....	85
CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	86
4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	86
4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải	86
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung	94
CHƯƠNG V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	95
1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường.....	95
1.1. Tình hình tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường	95
2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải	95
3. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải	98
5. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở.....	99
CHƯƠNG VI. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	100
6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở	100
6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.	103
6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ.....	103
6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải.....	104

***Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở:
“Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác”***

6.2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ dự án104

CHƯƠNG VII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ..... 105

1. Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp phép môi trường 105

2. Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan 105

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

ATVSTP	:	An toàn vệ sinh thực phẩm
BOD	:	Nhu cầu oxy sinh hóa
BTC	:	Bộ Tài chính
BTCT	:	Bê tông cốt thép
BTNMT	:	Bộ Tài nguyên và Môi trường
BXD	:	Bộ Xây dựng
COD	:	Nhu cầu oxy hóa học
CP	:	Chính phủ
CPĐD	:	Cấp phối đá dăm
CTNH	:	Chất thải nguy hại
CTR	:	Chất thải rắn
ĐTM	:	Báo cáo đánh giá tác động môi trường
ĐT	:	Đường tỉnh
HĐTĐC	:	Hoạt động tái định cư
HT	:	Hệ thống
HTXL	:	Hệ thống xử lý
NĐ	:	Nghị định
UBND	:	Ủy ban nhân dân
PCCC	:	Phòng cháy chữa cháy
QĐ	:	Quyết định
QL	:	Quốc lộ
QLDA	:	Quản lý dự án
QCVN	:	Quy chuẩn Việt Nam
STT	:	Số thứ tự
TCVN	:	Tiêu chuẩn Việt Nam
TCXD	:	Tiêu chuẩn xây dựng
TCXDVN	:	Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam
TNHH	:	Trách nhiệm hữu hạn
TT	:	Thông tư

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1.1. Tọa độ ranh giới ô đất Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác	9
Bảng 1.2. Nhu cầu nguyên, nhiên liệu của cơ sở	22
Bảng 1.3. Nhu cầu tiêu thụ điện của cơ sở	24
Bảng 1.4. Tính toán định mức sử dụng nước tại cơ sở	25
Bảng 1.5. Nhu cầu sử dụng nước của cơ sở	25
Bảng 1.7. Danh mục các hạng mục phụ trợ của cơ sở	28
Bảng 1.8. Danh mục các hạng mục công trình bảo vệ môi trường của cơ sở	29
Bảng 1.9. Danh mục máy móc, thiết bị của cơ sở	30
Bảng 2.1. Thông số hệ thống thu gom, thoát nước mưa của cơ sở	37
Bảng 2.2. Kích thước các bể của trạm XLNT	46
Bảng 2.3. Bảng tổng hợp máy móc, thiết bị bố trí tại hệ thống XLNT	49
Bảng 2.4. Thống kê các thiết bị trong hệ thống xử lý nước thải sản xuất của cơ sở	59
Bảng 2.5. Bảng tổng hợp hệ thống máy móc, thiết bị các hệ thống xử lý khí thải	71
Bảng 2.6. Danh mục CTNH của cơ sở	78
Bảng 2.7. Giá trị giới hạn cấp phép của tiếng ồn	79
Bảng 2.8. Giá trị giới hạn cấp phép của độ rung	79
Bảng 3.1. Tọa độ vị trí các điểm xả khí thải	89
Bảng 3.2. Bảng giá trị giới hạn các điểm phát sinh khí thải khi thải vào môi trường	90
Bảng 3.3. Giá trị giới hạn cấp phép của tiếng ồn	94
Bảng 3.4. Giá trị giới hạn cấp phép của độ rung	94
Bảng 4.1. Tổng hợp lưu lượng nước thải phát sinh tại cơ sở	95
Bảng 4.2. Tổng hợp kết quả quan trắc định kỳ nước thải tại Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác năm 2024	96
Bảng 4.3. Tổng hợp kết quả quan trắc định kỳ nước thải tại Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác năm 2025	97
Bảng 4.4. Tổng hợp khối lượng phát sinh chất thải nguy hại tại cơ sở	98
Bảng 5.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý chất thải	100

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

Hình 1.1 Vị trí Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác trên Google maps.....	8
Hình 1.2. Cổng ra vào nhà máy.....	9
Hình 1.3. Nhà điều hành.....	9
Hình 1.4. Phân xưởng mạ Elip.....	9
Hình 1.5. Phân xưởng Sơn Zi.....	9
Hình 1.6. Nhà để máy bơm PCCC.....	9
Hình 1.7. Khu vực trạm xử lý nước thải tập trung.....	9
Hình 1.8. Sơ đồ công nghệ sản xuất khóa.....	11
Hình 1.9. Sơ đồ công nghệ sản xuất sản phẩm kim khí khác.....	12
Hình 1.10. Sơ đồ công nghệ quy trình mạ elip.....	14
Hình 1.11. Sơ đồ công nghệ quy trình mạ kẽm.....	17
Hình 1.12. Sơ đồ công nghệ quy trình sơn.....	19
Hình 1.13. Sơ đồ bộ máy tổ chức quản lý và thực hiện vận hành.....	32
Hình 2.1. Sơ đồ hệ thống thu gom tiêu, thoát nước mưa.....	36
Hình 2.2. Vị trí điểm xả nước mưa số 1.....	37
Hình 2.3. Vị trí điểm xả nước mưa số 2.....	38
Hình 2.4. Phương án thu gom, thoát nước thải tại cơ sở.....	39
Hình 2.5. Vị trí điểm đầu nối xả thải của cơ sở.....	40
Hình 2.6. Sơ đồ bể tự hoại 3 ngăn.....	41
Hình 2.7. Sơ đồ dây chuyền công nghệ hệ thống xử lý nước thải.....	43
Hình 2.8. Một số hình ảnh hiện trạng hệ thống XLNT tại cơ sở.....	48
Hình 2.9. Chế độ hiển thị trên màn hình HMI.....	60
Hình 2.10. Sơ đồ hệ thống xử lý bụi dây chuyền phốt 01.....	63
Hình 2.11. Công nghệ xử lý bụi dây chuyền phốt 01.....	63
Hình 2.12. ảnh hiện trạng hệ thống thu gom, XLKT tại dây chuyền phốt 1.....	64
Hình 2.13. Sơ đồ hệ thống xử lý bụi dây chuyền phốt 02.....	64
Hình 2.14. Công nghệ xử lý bụi dây chuyền phốt 02.....	64
Hình 2.15. Ảnh hiện trạng hệ thống thu gom, XLKT tại dây chuyền phốt 2.....	65
Hình 2.16. Sơ đồ hệ thống xử lý khí tủ sấy.....	65
Hình 2.17. Công nghệ xử lý khí thải (Cu, Ni) tại dây chuyền mạ elip.....	66
Hình 2.18. Công nghệ xử lý bụi dây chuyền mạ Crom.....	66
Hình 2.19. Ảnh hiện trạng hệ thống thu gom, XLKT tại dây chuyền mạ Crom.....	67
Hình 2.20. Công nghệ xử lý khí thải (Cu, Ni) tại dây chuyền mạ thủ công.....	67

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở:
“Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác”**

Hình 2.21. Công nghệ xử lý khí thải tại buồng sơn Zi 01, Zi 02, Zi 03, Zi 04, Zi 05, Zi 06.....	68
Hình 2.22. Công nghệ xử lý khí thải tại buồng vệ sinh hàng.....	68
Hình 2.23. Công nghệ xử lý Bụi, khí thải tại buồng sơn tĩnh điện thủ công 01, 02	69
Hình 2.24. Công nghệ xử lý khí thải tại buồng sơn tĩnh điện bán tự động 03, 04 ...	69
Hình 2.25. Công nghệ xử lý khí thải tại buồng sơn tự động	70
Hình 2.26. Ảnh hiện trạng hệ thống thu gom, XLKT tại buồng sơn tự động	70
Hình 2.27. Kho chất thải rắn thông thường.....	77
Hình 2.28. Hiện trạng kho CTNH tại cơ sở	77

CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở

- Tên chủ cơ sở: Công ty TNHH Khóa Huy Hoàng
- Địa chỉ văn phòng: Lô 38D, Khu Công nghiệp Quang Minh, xã Quang Minh, thành phố Hà Nội.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Ông Nguyễn Quang Huy
- Chức vụ: Tổng giám đốc
- Điện thoại: 024.20214391
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 2500242018, đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 09 năm 2005, thay đổi lần thứ 17 ngày 03 tháng 01 năm 2025 do phòng Đăng ký kinh doanh sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

2. Tên cơ sở

- Tên cơ sở: **Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác**
- Địa điểm cơ sở: Lô 38D, Khu Công nghiệp Quang Minh, xã Quang Minh, thành phố Hà Nội.

Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác được xây dựng trên khu đất có diện tích 14.300m². (Hợp đồng thuê đất và các phụ lục hợp đồng được đính kèm tại phụ lục của báo cáo)



Hình 1.1 Vị trí Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác trên Google maps

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở:
“Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác”**

- Tọa độ ranh giới Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác

Bảng 1.1. Tọa độ ranh giới ô đất Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác

STT	Ký hiệu điểm	Tọa độ	
		X	Y
1	A	2 345 033	578 608
2	B	2 344 990	578 655
3	C	2 345 153	578 797
4	D	2 345 197	578 749

- Một số hình ảnh hiện trạng tại cơ sở:



Hình 1.2. Cổng ra vào nhà máy



Hình 1.3. Nhà điều hành



Hình 1.4. Phân xưởng mạ Elip



Hình 1.5. Phân xưởng Sơn Zi



Hình 1.6. Nhà để máy bơm PCCC



Hình 1.7. Khu vực trạm xử lý nước thải tập trung

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở:
“Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác”**

- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; các giấy phép môi trường; giấy phép môi trường thành phần:

+ Phiếu xác nhận bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường số 439/TNMT-MT ngày 25/5/2005 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác của Công ty TNHH Sản xuất thương mại và dịch vụ Huy Hoàng tại Khu công nghiệp Quang Minh – huyện Mê Linh.

+ Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại mã số QLCTNH: 01.000371.T do Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội cấp lần 2 ngày 28/9/2015.

+ Văn bản số 6207/STNMT-CCMT ngày 01/10/2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội về việc hoàn thành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo Phiếu xác nhận bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường.

- Quy mô của cơ sở:

Quy mô của dự án (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): tổng mức đầu tư của dự án là 30.000.000.000 đồng, dự án nhóm C (dự án thuộc lĩnh vực công nghiệp khác, tổng vốn đầu tư dưới 120 tỷ đồng), căn cứ tại khoản 5, điều 9 và khoản 3, điều 11 của Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024.

Dự án Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Phúc cấp phiếu xác nhận bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường số 439/TNMT-MT ngày 25/5/2005 và văn bản số 6207/STNMT-CCMT ngày 01/10/2015 của Sở Tài Nguyên và môi trường Hà Nội (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội) về việc hoàn thành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo Phiếu xác nhận bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường.

Cơ sở đi vào hoạt động trước ngày 01 tháng 01 năm 2022 và có tổng lưu lượng khí thải xả ra môi trường phải được xử lý từ 100.000 m³/giờ. Do đó cơ sở thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường quy định tại khoản 2, điều 39, luật BVMT số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 và quy định tại điểm c mục 1, phần VII phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Thẩm quyền cấp phép là UBND Thành phố (cơ quan được ủy quyền cấp giấy phép môi trường là Ban Quản lý các Khu công nghệ cao và Khu công nghiệp thành phố Hà Nội).

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường theo mẫu 22d tại Phụ lục 8 – Mẫu báo cáo đề xuất cấp, cấp lại giấy phép môi trường của cơ sở đang hoạt động của Thông tư số 09/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025.

- Yếu tố nhạy cảm về môi trường quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025: Dự án không có yếu tố nhạy cảm về môi trường.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở: “Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác”

- Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác. Cơ sở thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường có công suất nhỏ tại số thứ tự 10, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025.

- Phân nhóm dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường: Cơ sở thuộc nhóm III.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

Cơ sở hoạt động ổn định với công suất:

- Các sản phẩm khóa: 950.000 bộ sản phẩm/ năm (Quy đổi khoảng 550 tấn sản phẩm/năm);

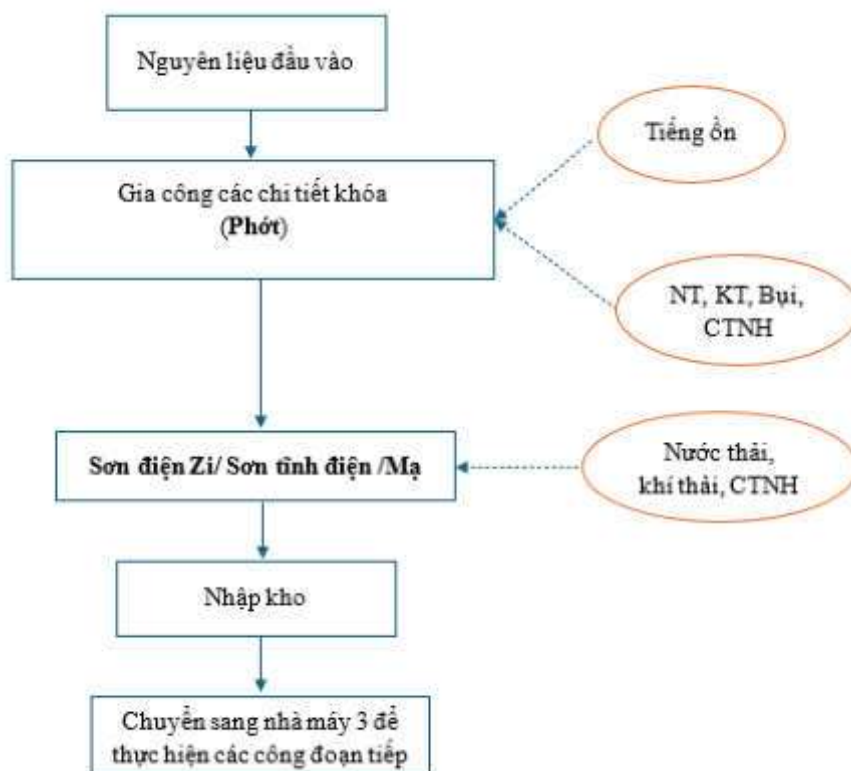
- Các sản phẩm kim khí: 520.000 sản phẩm/ năm (Quy đổi khoảng 210 tấn sản phẩm/năm).

(Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 01221000411 ngày 04 tháng 01 năm 2021 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp và Chế xuất Hà Nội cấp, chứng nhận lần đầu ngày 04/11/2011).

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

3.2.1. Công nghệ sản xuất khóa

- Công nghệ sản xuất khóa được thể hiện trong hình sau:



Hình 1.8. Sơ đồ công nghệ sản xuất khóa

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở:
“Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác”**

– Thuyết minh quy trình sản xuất khóa của cơ sở như sau:

Bước 1: Chuẩn bị nguyên liệu đầu vào

Nguyên liệu đầu vào tại cơ sở là các linh kiện, chi tiết khóa sau khi qua các công đoạn như đúc, khoan, cắt hoặc đột dập để gia công tạo hình tại nhà máy 3 của Công ty.

Bước 2: Gia công các chi tiết khóa (Phốt)

Các linh kiện, chi tiết khóa tại bước 1 được chuyển qua nhà máy để thực hiện công đoạn phốt.

Công đoạn này giúp xử lý bề mặt nhằm tạo độ nhẵn, độ bóng và cải thiện ngoại quan sản phẩm trước hoặc sau khi sơn, mạ.

Bước 3: Sơn Zi, Sơn tĩnh điện, Mạ

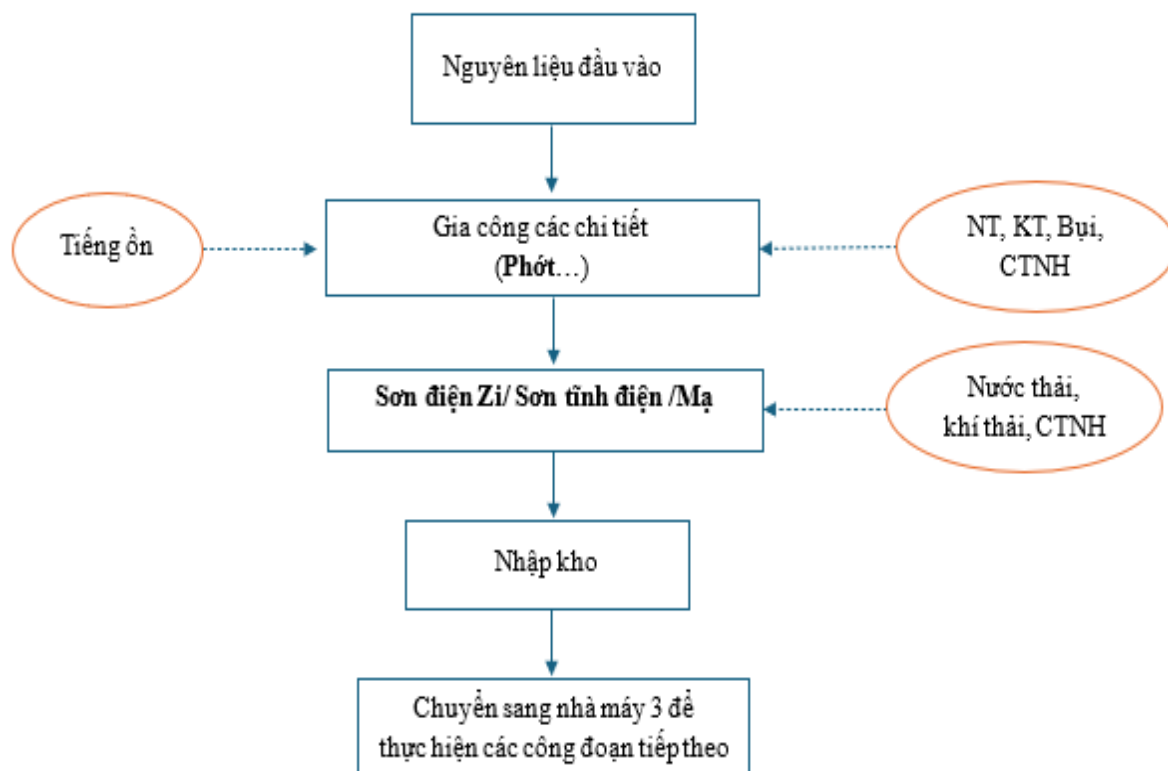
Mục đích của công đoạn này nhằm xử lý bề mặt của sản phẩm, chống ăn mòn, tăng độ bền và tính thẩm mỹ. Việc sơn hay mạ sẽ được áp dụng cho tùy loại sản phẩm và theo yêu cầu của khách hàng (*Chi tiết các bước sơn, mạ được nêu tại mục 3.2.3 và 3.2.4*)

Bước 4: Nhập kho

Sản phẩm sau khi được xử lý tại cơ sở qua các bước nêu trên sẽ được nhập vào kho thành phẩm của cơ sở và chuyển sang nhà máy 3 để tiếp tục lắp ráp và hoàn thiện sản phẩm cuối cùng.

3.2.2. Công nghệ sản xuất sản phẩm kim khí khác

Công nghệ sản xuất sản phẩm kim khí khác (bản lề, cremone, then gió, chốt cửa, vấu hãm, chốt bật, tay co, hít cửa, chặn cửa,...) được thể hiện trong hình sau:



Hình 1.9. Sơ đồ công nghệ sản xuất sản phẩm kim khí khác

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở:
“Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác”**

– Thuyết minh quy trình sản xuất sản phẩm kim khí khác của cơ sở như sau:

Bước 1: Chuẩn bị nguyên liệu đầu vào

Nguyên liệu đầu vào tại cơ sở đối với các sản phẩm kim khí là các linh kiện, chi tiết của bản lề, cremone, then gió, chốt cửa,... đã được gia công tạo hình qua các công đoạn như đúc, đột dập, khoan, cắt,...theo yêu cầu của khách hàng tại nhà máy 3 của Công ty.

Bước 2: Gia công các chi tiết khóa (Phốt)

Các linh kiện, chi tiết khóa tại bước 1 được chuyển qua nhà máy để thực hiện công đoạn phốt.

Công đoạn này giúp xử lý bề mặt nhằm tạo độ nhẵn, độ bóng và cải thiện ngoại quan sản phẩm trước hoặc sau khi sơn, mạ.

Bước 3: Sơn Zi, Sơn tĩnh điện, Mạ

Mục đích của công đoạn này nhằm xử lý bề mặt của sản phẩm, chống ăn mòn, tăng độ bền và tính thẩm mỹ. Việc sơn hay mạ sẽ được áp dụng cho tùy loại sản phẩm và theo yêu cầu của khách hàng (*Chi tiết các bước sơn, mạ được nêu tại mục 3.2.3 và 3.2.4*)

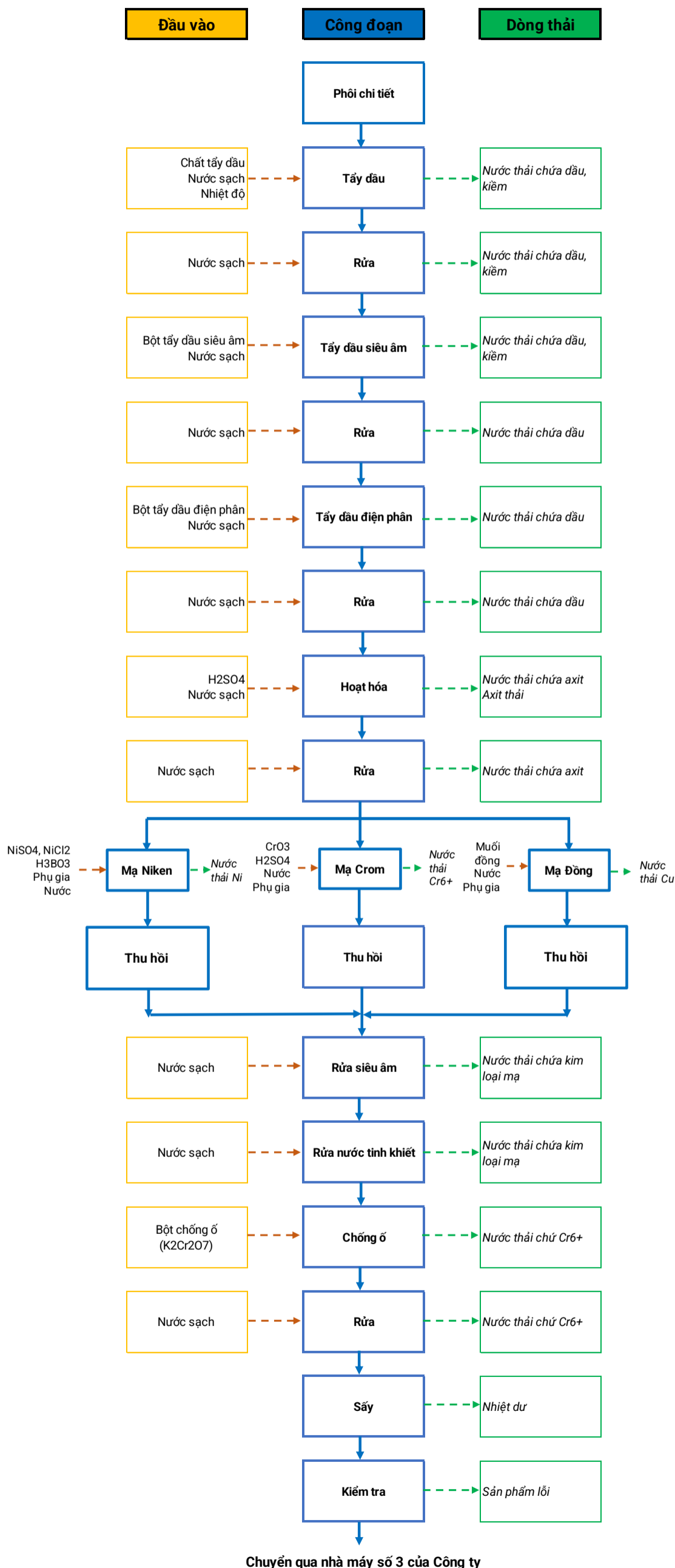
Bước 4: Nhập kho

Sản phẩm sau khi được xử lý tại cơ sở qua các bước nêu trên sẽ được nhập vào kho thành phẩm của cơ sở và chuyển sang nhà máy 3 để tiếp tục lắp ráp và hoàn thiện sản phẩm cuối cùng.

3.2.3. Công nghệ mạ

- Quy trình mạ của cơ sở áp dụng trong giai đoạn sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí được thể hiện trong hình dưới đây:

SƠ ĐỒ QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ MẠ ELIP



Hình 1.10. Sơ đồ công nghệ quy trình mạ elip

❖ **Thuyết minh quy trình mạ của cơ sở như sau:**

a. Công đoạn xử lý bề mặt:

Các sản phẩm mạ yêu cầu bề mặt sản phẩm trước khi mạ phải có độ sạch cao, do đó các phôi chi tiết sẽ phải qua các bước tiền xử lý nhằm làm sạch bề mặt để quá trình mạ đạt hiệu quả tốt nhất.

- Tẩy dầu nóng: Sản phẩm bước đầu được tiến hành tẩy dầu bằng hóa chất có tính kiềm với tỉ lệ sử dụng khoảng 10-40g/l ở nhiệt độ trong khoảng 6,5 phút, có tác dụng tẩy sạch dầu mỡ trên bề mặt sản phẩm. Sau đó đưa sản phẩm vào bể rửa nước để rửa sạch hóa chất còn bám dính trên bề mặt.

- Tẩy dầu siêu âm: Tại công đoạn này, pha bột tẩy dầu siêu âm với thành phần chính là CH₃OH với nước kết hợp với sóng siêu âm làm rung các kẽ bẩn trong sản phẩm, đẩy bột đánh bóng còn sót ra ngoài. Thời gian tẩy sóng siêu âm diễn ra khoảng 3,9 phút. Sau đó sản phẩm tiếp tục được rửa bằng nước để làm sạch dung dịch tẩy rửa và chuyển sang công đoạn tiếp theo.

- Tẩy dầu điện phân:

+ Với phương pháp này, quá trình làm sạch thông qua dòng điện một chiều được áp giữa điện cực không hòa tan và các phôi chi tiết cần làm sạch đặt trong dung dịch điện phân là bột tẩy dầu mỡ điện phân với thành phần chính là Na₂CO₃ pha với nước. Khi đó, các phôi chi tiết sẽ đóng vai trò là cực dương, dung dịch điện phân mang tính bazơ, thực hiện quá trình điện phân như sau:



+ Khí oxy được tạo ra trực tiếp tại bề mặt chi tiết ngay bên dưới chất gây ô nhiễm, khi chúng thoát ra thì các lớp dầu nhẹ sẽ nổi lên và được loại bỏ khỏi bề mặt chi tiết. Quá trình tẩy dầu điện phân được thực hiện trong khoảng 2,6 phút. Thực hiện xong quá trình tẩy dầu điện phân, sản phẩm tiếp tục được rửa bằng nước để làm sạch dung dịch tẩy rửa.

- Hoạt hóa: Công đoạn này được dùng trong quy trình xử lý hóa học cuối cùng trước khi sản phẩm được đưa vào bể mạ. Quá trình này sẽ dùng axit H₂SO₄ pha loãng để loại bỏ lớp oxit kim loại còn sót lại bên cạnh đó nó còn tạo chân để lớp mạ kim loại có độ bám tốt. Sau đó sản phẩm tiếp tục được rửa bằng nước để làm sạch dung dịch axit trên bề mặt.

b. Công đoạn mạ:

Tùy theo nhu cầu của mỗi loại sản phẩm sẽ được chuyển qua bể mạ Đồng hoặc mạ Niken hoặc mạ Crom:

- Mạ đồng:

+ Sau khi xử lý bề mặt được tốt nhất, chuyển các sản phẩm qua các bể mạ đồng. Tại đây một lớp đồng kim loại được phủ lên bề mặt của một vật liệu dẫn điện khác. Quá trình này tận dụng tính dẫn điện của dung dịch muối đồng sunfat (CuSO₄) và dòng điện một chiều để tạo ra lớp phủ đồng đồng đều và bền vững.

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở:
“Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác”**

+ Dung dịch mạ gồm 3 loại: Mạ đồng kiềm (Chế phẩm muối đồng, chất tạo phức và phụ gia), Mạ đồng photphat (Muối đồng photphat, muối kali photphat, amoniac và phụ gia) và Mạ đồng axit (CuSO_4 , H_2SO_4 98% và phụ gia).

Vật liệu cần mạ được nối với cực âm (catốt) của nguồn điện một chiều, một tấm đồng tinh khiết được nối với cực dương (anốt).

+ Quá trình điện phân diễn ra khi dòng điện chạy qua dung dịch, các ion đồng (Cu^{2+}) di chuyển về phía catốt và nhận electron để trở thành nguyên tử đồng bám vào bề mặt của vật liệu cần mạ. Đồng thời, tại anốt, nguyên tử đồng bị oxi hóa thành ion đồng và đi vào dung dịch, duy trì nồng độ ion đồng trong dung dịch. Quá trình mạ đồng diễn ra trong khoảng 36 phút. Sau đó sẽ chuyển các sản phẩm qua bể nước để rửa sạch dung dịch điện phân.

- Mạ Niken:

+ Các sản phẩm tiếp tục được chuyển qua các bể mạ niken. Dung dịch mạ được pha theo tỉ lệ đã được quy định bao gồm NiSO_4 , NiCl_2 , H_3BO_3 , phụ gia và nước.

+ Nguyên lý quá trình mạ tương tự như quá trình mạ đồng. Đầu tiên sản phẩm cho qua bể mạ Niken tạo lớp mạ giúp chống lăn mòn bằng dung dịch NiSO_4 . Tiếp theo qua bể mạ NiCl_2 để tạo lớp mạ Ni bóng.

+ Sau mạ Ni sản phẩm được chuyển qua rửa nước máy để làm sạch.

- Mạ Crom:

+ Quá trình mạ Crom giúp làm tăng tính thẩm mỹ của sản phẩm, chống ăn mòn, tăng cường độ sáng bóng và làm tăng độ cứng bề mặt.

+ Dung dịch mạ bao gồm CrO_3 , H_2SO_4 , phụ gia và nước.

+ Nguyên lý quá trình mạ tương tự như quá trình mạ đồng. Các chi tiết được phủ 1 lớp crom, tạo màu theo yêu cầu sản phẩm sau đó tiếp tục đưa sang các bể rửa để tráng rửa sạch hoàn toàn hóa chất bám dính trên sản phẩm.

c. Công đoạn rửa siêu âm: Để tránh độc hại và giảm thiểu ảnh hưởng tới môi trường, sản phẩm sau công đoạn mạ được đưa sang các bể rửa siêu âm. Tại công đoạn này, nước kết hợp với sóng siêu âm làm rung các kẽ bẩn trong sản phẩm, loại bỏ tạp chất ra ngoài.

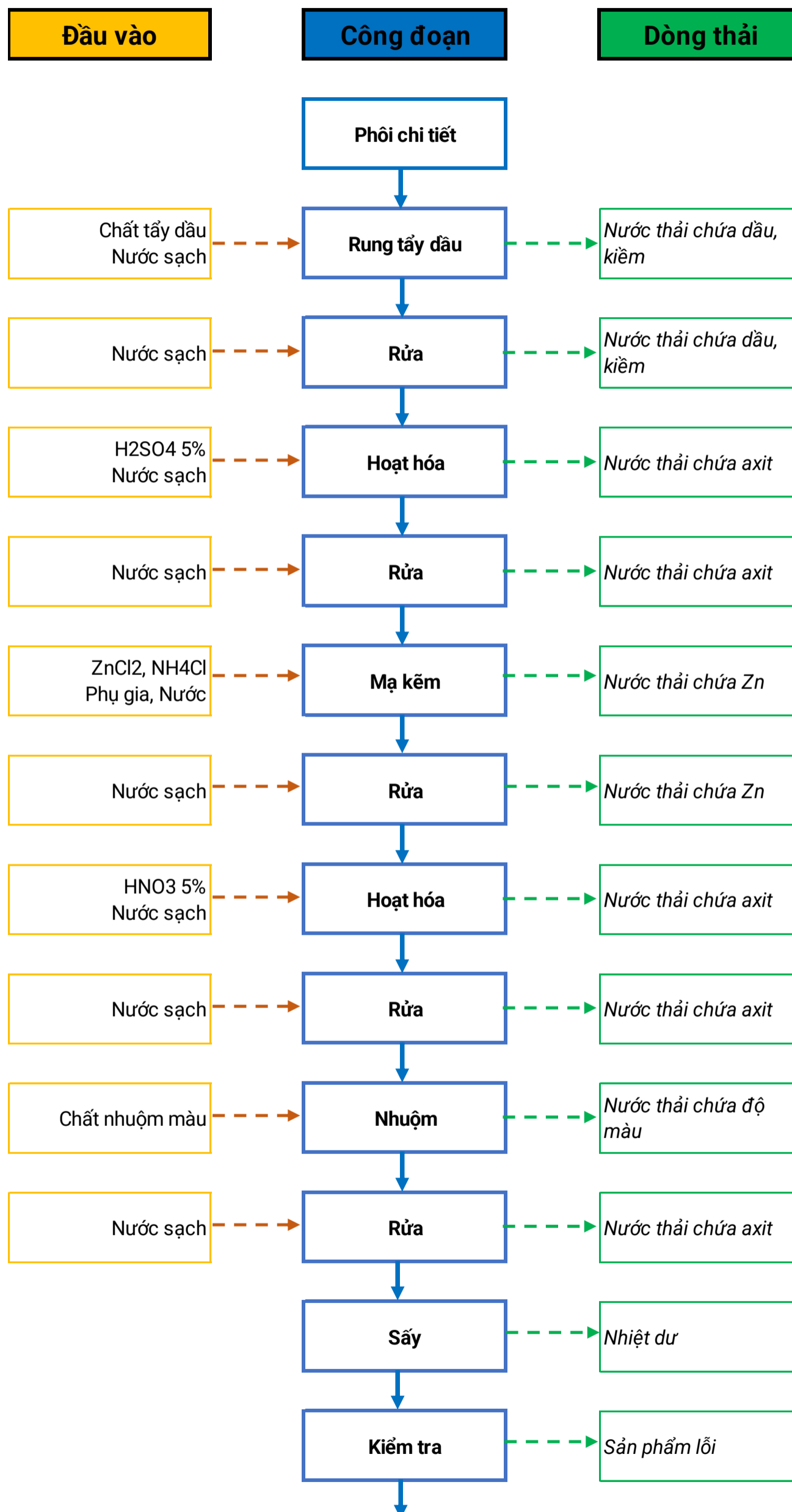
d. Công đoạn rửa tinh khiết: Để đảm bảo độ sạch của sản phẩm, tiếp tục được rửa nước tinh khiết để tráng rửa sạch hoàn toàn hóa chất bám dính trên sản phẩm.

e. Công đoạn chống ố, rửa, sấy, kiểm tra và đóng gói:

- Sản phẩm rửa xong sẽ được chuyển qua bể ngâm chống ố, sau đó tiếp tục được rửa để loại bỏ dung dịch hóa chất

- Sau khi sấy ở nhiệt độ 120-160 độ, sản phẩm sẽ được đưa đến khu vực kiểm tra, tại đây các nhân viên sẽ kiểm tra bề mặt của sản phẩm so với quy chuẩn mẫu xem lớp mạ đạt yêu cầu không. Sản phẩm đạt yêu cầu sẽ được chuyển sang phân xưởng KCS tại NM3 để lắp ráp và đóng gói. Sản phẩm không đạt yêu cầu sẽ được chỉnh sửa và mạ lại.

SƠ ĐỒ QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ MẠ KẼM



Chuyển qua nhà máy số 3 của Công ty

Hình 1.11. Sơ đồ công nghệ quy trình mạ kẽm

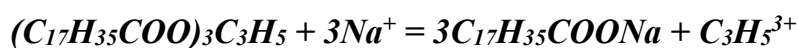
**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở:
“Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác”**

Để quá trình mạ đạt được hiệu quả và chất lượng tốt nhất, các chi tiết sẽ cần qua các bước xử lý bề mặt dưới đây:

- Rung tẩy dầu:

+ Sau quá trình đánh bóng, trên bề mặt sẽ có 1 lớp dầu mỏng (gốc dầu mỡ), dù mỏng nhưng lớp dầu làm cho bề mặt trở nên kỵ nước, không tiếp xúc được với dung dịch mạ.

+ Quá trình sẽ sử dụng chất tẩy dầu là các chất mang tính kiềm (NaOH, Na₂CO₃, Na₃PO₃, Na₂SiO₃) pha với nước theo tỷ lệ quy định để loại bỏ lớp dầu bám dính bằng cách cho sản phẩm vào máy rung xóc trong khoảng 30-40 phút để xảy ra quá trình xà phòng hóa, nhũ hóa.



Dầu

Muối axit béo

+ Để đảm bảo hiệu quả cho quá trình tẩy dầu, dung dịch trong bể sẽ được thải bỏ với tần suất 3 ngày/lần.

- Rửa: Sau khi tẩy dầu cần rửa lại với nước để trung hòa và làm sạch bề mặt sản phẩm. Tác dụng của quá trình này đơn giản chỉ để các chất tẩy không tác động với nhau, tạo hiệu ứng tốt nhất lên trên bề mặt sản phẩm.

- Hoạt hóa: Nhằm loại bỏ lớp oxit và màng thụ động còn sót lại trên bề mặt kim loại, đảm bảo lớp mạ bám dính tốt, sản phẩm được đưa qua công đoạn hoạt hóa bằng dung dịch H₂SO₄ 5%.

- Rửa: Sau khi hoạt hóa được chuyển qua công đoạn rửa bằng nước sạch để loại bỏ axit bám trên bề mặt và kéo theo sang bể mạ.

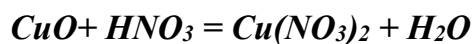
- Mạ Kẽm:

+ Các sản phẩm tiếp tục được chuyển qua các bể mạ kẽm. Dung dịch mạ được pha theo tỉ lệ đã được quy định bao gồm ZnCl₂, NH₄Cl, phụ gia và nước.

+ Nguyên lý quá trình mạ tương tự như quá trình mạ đồng. Các chi tiết được phủ 1 lớp kẽm, tạo màu theo yêu cầu sản phẩm sau đó tiếp tục đưa sang các bể rửa để tráng rửa sạch hoàn toàn hóa chất bám dính trên sản phẩm.

- Rửa: Để tránh độc hại, giảm thiểu ảnh hưởng tới môi trường và đảm bảo độ sạch của sản phẩm, tiếp tục được rửa nước.

- Hoạt hóa: Tại công đoạn này, các chi tiết sẽ được chi qua bể hoạt hóa chứa HNO₃ 5% để loại bỏ lớp oxit và muối kim loại hình thành sau mạ, làm sạch bề mặt lớp mạ và tăng độ đồng đều màu sắc ở công đoạn nhuộm màu.



- Tiếp tục cho qua rửa nước để chuyển sang công đoạn nhuộm màu để tạo màu sắc theo yêu cầu của sản phẩm, tăng tính thẩm mỹ và giá trị sản phẩm.

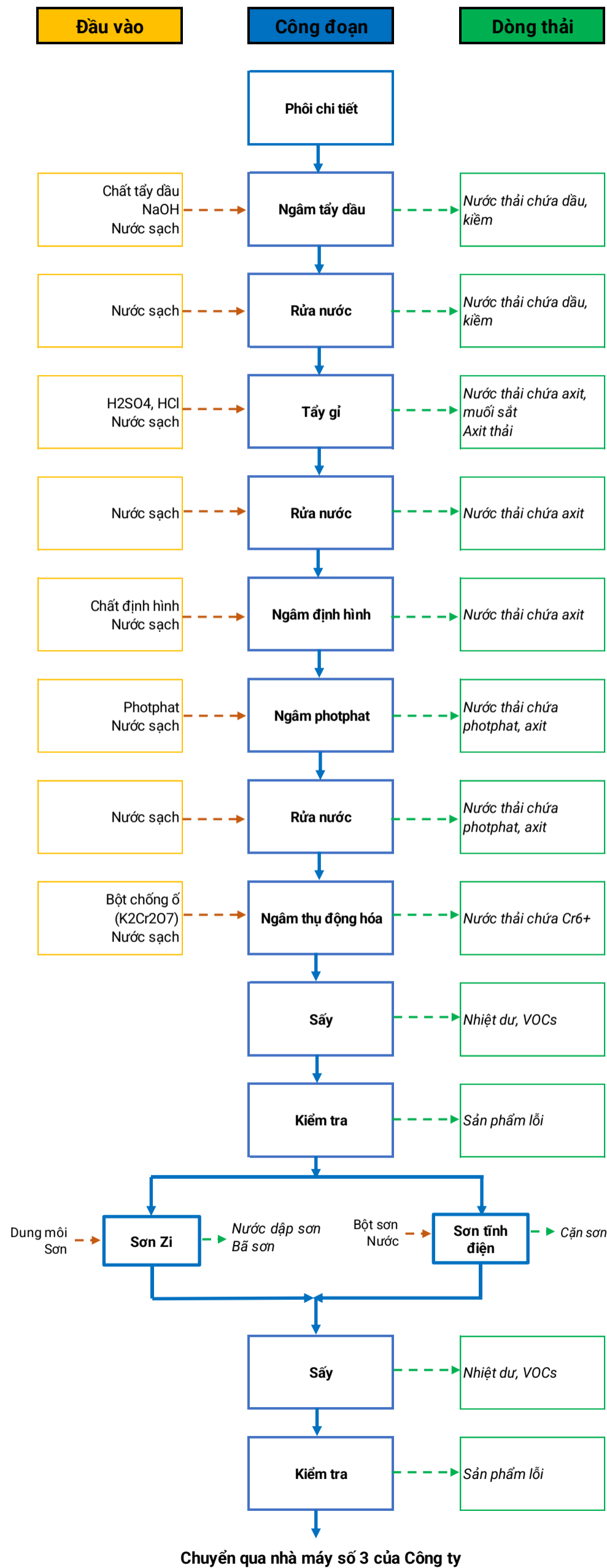
- Sau nhuộm màu sản phẩm được làm sạch bằng nước một lần nữa trước khi cho vào sấy

- Sấy và kiểm tra: Sản phẩm được để ráo nước, treo lên giá và đưa vào tủ sấy ở nhiệt độ 120-160 độ, sản phẩm sẽ được đưa đến khu vực kiểm tra, tại đây các nhân viên sẽ kiểm tra bề mặt của sản phẩm so với quy chuẩn mẫu xem lớp mạ đạt yêu cầu không. Sản phẩm đạt yêu cầu sẽ được chuyển sang phân xưởng KCS tại NM3 để lắp ráp và đóng gói. Sản phẩm không đạt yêu cầu sẽ được chỉnh sửa và mạ lại.

3.2.5. Công nghệ sơn

- Quy trình sơn của cơ sở áp dụng trong giai đoạn sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí được thể hiện trong hình dưới đây:

SƠ ĐỒ QUY TRÌNH SƠN



Hình 1.12. Sơ đồ công nghệ quy trình sơn

❖ **Thuyết minh quy trình sơn của cơ sở như sau:**

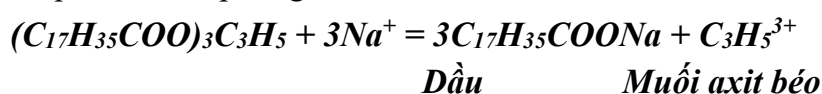
a. Công đoạn xử lý bề mặt:

Để quá trình sơn đạt được hiệu quả và chất lượng tốt nhất, các phôi chi tiết sẽ cần qua các bước xử lý bề mặt dưới đây:

- Ngâm tẩy dầu:

+ Sau quá trình đánh bóng, trên bề mặt sẽ có 1 lớp dầu mỏng (gốc dầu mỡ), dù mỏng nhưng lớp dầu làm cho bề mặt trở nên kỵ nước, không tiếp xúc được với dung dịch tẩy, dung dịch sơn/mạ.

+ Quá trình sẽ sử dụng chất tẩy dầu là các chất mang tính kiềm (NaOH, Na₂CO₃, Na₃PO₃, Na₂SiO₃) pha với nước theo tỷ lệ quy định để loại bỏ lớp dầu bám dính bằng cách cho sản phẩm vào rọ nhựa sau đó chuyển vào bể tẩy dầu ngâm trung bình khoảng 30-40 phút để xảy ra quá trình xà phòng hóa, nhũ hóa.



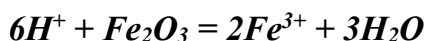
+ Đối với dòng sản phẩm cremone do công ty tự sản xuất sẽ ngâm tối thiểu 3 giờ.

+ Đối với dòng sản phẩm vật liệu nhôm kẽm sẽ sử dụng thêm phương pháp rung xóc bằng máy rung và quay tẩy dầu bằng máy quay (tùy theo loại sản phẩm) để làm gia tăng hiệu quả của quá trình tẩy dầu. Sau đó sẽ dội nước sạch để rửa sản phẩm trong máy.

+ Để đảm bảo hiệu quả cho quá trình tẩy dầu, dung dịch trong bể sẽ được thải bỏ với tần suất 3 ngày/lần.

- Rửa nước: Sau khi tẩy dầu cần rửa lại với nước để trung hòa và làm sạch bề mặt sản phẩm bằng cách dùng pa lăng nhấc rọ hàng vào bể nước, nhúng 2-3 lần có rung lắc để rửa sản phẩm trước khi qua giai đoạn tiếp theo. Tác dụng của quá trình này đơn giản chỉ để các chất tẩy không tác động với nhau, tạo hiệu ứng tốt nhất lên trên bề mặt sản phẩm.

- Ngâm tẩy gỉ: Quá trình tẩy gỉ nhằm loại bỏ các oxit sắt bám trên bề mặt kim loại bằng cách ngâm các chi tiết vào dung dịch axit (H₂SO₄, HCl, HNO₃, HF). Bề mặt kim loại càng nhẵn sạch thì lớp sơn/mạ càng bám chặt và sắc nét. Chuyển các rọ hàng sang vị trí bể tẩy gỉ là các bể axit pha với nước với nồng độ khoảng 20-25% ngâm trong khoảng từ 5-20 phút tùy theo vật liệu sản phẩm.



- Rửa nước: Tiếp tục cho các rọ hàng sau khi tẩy gỉ qua vị trí bể nước, dùng pa lăng nhấc rọ hàng vào bể nước, nhúng 2-3 lần có rung lắc để đảm bảo rửa sạch sản phẩm. Nếu sản phẩm vẫn còn lớp đen thì dùng vòi xịt nước để làm sạch lại. Nếu sản phẩm vẫn chưa sạch sẽ đưa lại bể axit để tẩy gỉ lại.

- Ngâm định hình: Di chuyển hàng qua khu vực bể ngâm định hình, có tác dụng định hình, trung hòa bề mặt cũng như thúc đẩy quá trình photphat diễn ra được nhanh hơn.

- Ngâm phốt phát: Nhằm kéo dài tuổi thọ màng sơn phủ hoặc nền kim loại khác trợ với các vật liệu sơn phủ thì lớp phốt phát hoá tạo ra lớp màng có nhiều lỗ xốp bám

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở:
“Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác”**

rất chắc với nền kim loại. Lớp này lại “thấm” sơn và như thế tạo thành lớp phủ đặc chắc gắn rất tốt với nền, hàng sẽ được chuyển qua bể ngâm phốt phát.

- Rửa nước: Tiếp tục cho các rọ hàng qua vị trí bể nước, dùng pa lăng nhắc rọ hàng vào bể nước, nhúng 2-3 lần có rung lắc để đảm bảo rửa sạch sản phẩm.

- Ngâm thụ động hóa chống ố: Sau khi rửa sạch bột hóa chất phốt phát sẽ được chuyển qua ngâm thụ động hóa để chống ố

- Sấy khô: Trước khi chuyển qua công đoạn sơn mạ, hàng sẽ đổ hàng ra xe giá phơi hàng, rải đều sản phẩm và bật quạt có gắn mai-so gia nhiệt để sấy khô. Kết hợp vòi xi để xi bớt nước những vị trí bị lấp và khó khô trong khoảng 40-50 phút.

- Kiểm tra:

Các sản phẩm hoàn chỉnh sẽ được kiểm tra theo mẫu chuẩn tại công đoạn:

+ Sản phẩm đạt yêu cầu sẽ được chuyển qua công đoạn sơn.

+ Sản phẩm không đạt yêu cầu sẽ được đưa đi xử lý lại hoặc xuất phế liệu. Hầu như các sản phẩm đều rất ít lỗi do sản phẩm được làm theo yêu cầu cài đặt sẵn trong các máy.

b. Công đoạn sơn:

- Tại cơ sở áp dụng 2 biện pháp bao gồm sơn tĩnh điện và sơn Zi. Sơn Zi sử dụng sơn dạng lỏng pha với dung môi, sơn tĩnh điện sử dụng bột sơn với nước để tạo dung dịch sơn.

- Đối với sơn Zi và sơn tĩnh điện thủ công: sản phẩm sau khi xử lý bề mặt sẽ được móc lên giá, treo vào khu vực buồng sơn và thực hiện sơn bằng súng phun sơn. Sau đó sẽ được chuyển vào tủ sấy để sấy trong thời gian nhất định.

- Đối với Sơn tĩnh điện tự động: Tiến hành móc các sản phẩm vào giá treo, theo băng chuyền đi vào khu vực buồng sơn, cài đặt thông số theo quy định. Súng phun sơn tự động phun lên bề mặt sản phẩm, tiếp tục theo băng chuyền vào khu vực tủ sấy.

- Sau khi sấy xong, để sản phẩm theo băng chuyền tới vị trí bàn ra hàng (có thể dùng quạt để làm nguội nhanh sản phẩm). Kiểm tra ngoại quan nếu đạt, xếp hàng gọn gàng vào thùng. Sản phẩm không đạt sẽ được xử lý và sơn lại.

3.3. Sản phẩm của cơ sở

- Các sản phẩm khóa: 950.000 bộ sản phẩm/ năm (Khóa cửa tay nắm, chốt cửa, khóa treo, khóa tủ,...) với mục tiêu phục vụ khách hàng chu đáo nhất với chất lượng sản phẩm tốt nhất, kiểu dáng sản phẩm đẹp nhất và giá thành hợp lý nhất).

- Các sản phẩm kim khí: 520.000 sản phẩm/ năm.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu (loại phế liệu, mã HS, khối lượng phế liệu dự kiến nhập khẩu, phương án, kế hoạch, lộ trình giảm tỷ lệ phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất), điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

4.1. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, hóa chất sử dụng

Tổng hợp danh mục nguyên, nhiên vật liệu phục vụ sản xuất của cơ sở và hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 120 m³/ngày.đêm được nêu tại bảng dưới đây:

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở:
“Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác”**

Bảng 1.2. Nhu cầu nguyên, nhiên liệu của cơ sở

STT	Nguyên liệu/Hóa chất sử dụng	Đơn vị/ năm	Khối lượng
I	Nguyên liệu		
1	Bán thành phẩm cần mạ	tấn	300
2	Bán thành phẩm cần sơn	tấn	350
II	Hóa chất phục vụ sản xuất		
1.	Tẩy dầu nhôm (Na_2SiO_3 , Na_3PO_4 , Na_2CO_3)	kg	6400
2.	Tẩy dầu sắt (NaOH , $\text{Na}_5\text{P}_3\text{O}_{10}$, NaNO_2)	kg	9400
3.	Tẩy dầu siêu âm (CH_3OH)	kg	550
4.	Tẩy dầu điện giải(NaHCO_3 , NP-9)	kg	400
5.	Muối hoạt tính	kg	1400
6.	Đồng sunfat	kg	5700
7.	Axit H_2SO_4 98%	kg	55000
8.	Chế phẩm muối đồng	kg	500
9.	Muối đồng phốt phát	kg	1450
10.	Muối kali phốt phát	kg	2400
11.	Amoniac	kg	255
12.	Axit boric	kg	1150
13.	Niken clorua	kg	775
14.	Niken sunfat	kg	4500
15.	Axit Chromic	kg	1300
16.	Kẽm clorua	kg	540
17.	Amoniac clorua	kg	625
18.	Phụ gia mạ	kg	3700
19.	Natri hydroxit	kg	18800
20.	Axit clorua	kg	675
21.	Chất tẩy sơn	kg	1025
22.	Phốt phát ($\text{Zn}(\text{H}_2\text{PO}_4)_2$, $\text{Zn}(\text{NO}_3)_2$, H_3PO_4)	kg	11700
23.	Chất định hình (Na_3PO_4 , $\text{Na}_4\text{P}_2\text{O}_7$)	kg	1800
24.	Cromat 6	kg	11000
25.	Bột chống ố ($\text{K}_2\text{Cr}_2\text{O}_7$)	kg	150
26.	Alu-zincate	kg	360
27.	Sơn nhũ bạc	kg	2000

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở:
“Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác”**

STT	Nguyên liệu/Hóa chất sử dụng	Đơn vị/ năm	Khối lượng
28.	Sơn nhũ bạc ZTT	kg	5500
29.	Sơn màu Champagne ZCP	kg	1400
30.	Sơn xám bạc	kg	1900
31.	Sơn nhũ đồng	kg	800
32.	Sơn đen	kg	50200
33.	Sơn đồng rêu	kg	300
34.	Sơn lót Epoxy	kg	400
35.	Sơn nâu	kg	480
36.	Sơn nhũ đồng	kg	880
37.	Sơn nhũ vàng	kg	7520
38.	Sơn TAIHO - CY C201	kg	730
39.	Sơn trắng	kg	3100
40.	Dung môi AM	kg	7800
41.	Dung môi Epoxy	kg	700
42.	Dung môi TAIHO NO 861	kg	1000
43.	Dung môi Thinner EP	kg	440
44.	Dung môi thường PU	kg	840
45.	Dung môi VPP Epoxy Primer Thinner	kg	580
III	Xử lý nước thải		
1	Chất trợ lắng PAC 30% (TQ)	kg	8.800
2	Vôi sống - Ca(OH) ₂	kg	22.000
3	Sắt Sunfat (FeSO ₄)	kg	11.000
4	Polymer Anion A1110 - CONH ₂ (CH ₂ -CH-)n	kg	450

(Nguồn: Công ty TNHH Khóa Huy Hoàng)

4.2. Nhu cầu sử dụng điện

Nguồn cung cấp điện cho cơ sở được đầu nối tại cột số 71 lộ 477E1.36 KCN Quang Minh do Công ty Cổ phần Điện lực Miền Bắc quản lý (căn cứ hợp đồng mua bán điện số 23/000125 ngày 30/9/2023).

- Điện áp cấp: 380V.
- Điểm đặt đo đếm: Đặt tại đầu cực 0,4kV máy biến áp 630kVA-22/0,4kV thuộc khu vực bên mua điện quản lý.
- Cơ sở không bố trí máy phát điện dự phòng.

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở:
“Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác”**

Theo hóa đơn sử dụng điện năm 2024, 2025, điện năng tiêu thụ của cơ sở được thể hiện chi tiết tại bảng sau:

Bảng 1.3. Nhu cầu tiêu thụ điện của cơ sở

STT	Đơn vị	Năm 2024	Năm 2025
Tháng 1	kWh/tháng	131.964	100.584
Tháng 2	kWh/tháng	83.964	120.396
Tháng 3	kWh/tháng	104.736	126.036
Tháng 4	kWh/tháng	101.582	113.448
Tháng 5	kWh/tháng	110.172	129.576
Tháng 6	kWh/tháng	101.354	122.688
Tháng 7	kWh/tháng	118.656	127.572
Tháng 8	kWh/tháng	133.776	122.952
Tháng 9	kWh/tháng	122.676	117.528
Tháng 10	kWh/tháng	124.836	129.624
Tháng 11	kWh/tháng	118.656	132.372
Tháng 12	kWh/tháng	133.776	95.280

(Nguồn: Công ty TNHH Khóa Huy Hoàng - Hóa đơn điện được đính kèm tại phụ lục của báo cáo.)

4.3. Nhu cầu sử dụng nước

- Nguồn cung cấp nước sạch cho cơ sở là do Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO, nước sạch cấp theo hệ thống cấp nước của Nhà máy nước Quang Minh cấp cho mục đích sinh hoạt, sản xuất và dịch vụ (căn cứ hợp đồng kinh tế số 8-86/2022/HĐKT-CCNS ngày 16/3/2022).

- Tính toán nhu cầu sử dụng nước của cơ sở: Nhu cầu sử dụng nước của cơ sở bao gồm: nước dùng cho sản xuất, các mục đích sinh hoạt của công nhân, vệ sinh sân bãi, tưới cây, rửa xe; cho hoạt động vận hành của hệ thống XLNT như nước để pha hóa chất, vệ sinh thiết bị... và dự phòng cháy.

+ Nhu cầu sử dụng nước cho sản xuất: Được sử dụng cho dây chuyền xi mạ của cơ sở. Căn cứ nhu cầu sử dụng nước thực tế hiện nay cho dây chuyền xi mạ khoảng 80m³/ngày. đêm.

+ Nhu cầu sử dụng nước cho mục đích sinh hoạt: Số lượng công nhân phục vụ cho quá trình sản xuất của Nhà máy có khoảng 170 người thay nhau làm việc 2 ca. Như vậy, nhu cầu sử dụng nước lớn nhất khoảng 19,13 m³/ngày (tính trung bình mỗi người dùng 45 lít nước/ca/người; hệ số không điều hòa giờ là 2,5).

+ Nhu cầu sử dụng nước cho pha hóa chất: Nước sử dụng để pha hóa chất của Nhà máy XLNT tính trung bình khoảng 3 m³/ngày.

+ Nước cấp cho PCCC = 324 l/s/một đám cháy; tương đương với nước dự phòng

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở:
“Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác”**

cháy khoảng 40m³.

+ Nhu cầu sử dụng nước cho các mục đích khác khoảng 4 – 5 m³/ngày

Bảng 1.4. Tính toán định mức sử dụng nước tại cơ sở

STT	Nhu cầu cấp nước	Chỉ tiêu cấp nước	Quy mô	Lưu lượng nước cấp
1	Mục đích sinh hoạt của khối sản xuất	45 lít/người/ca (hệ số không điều hòa giờ = 2,5)	170 người	19,13 m ³ /ngày
2	Mục đích phục vụ sản xuất	Thực tế	-	80 m ³ / ngày
3	Tưới cây	3,0 lít/m ²	682 m ²	2,046 m ³ /ngày
4	Rửa đường	0,4 lít/m ² x 2 lượt/ngày	5.838,8 m ²	2,335 m ³ /ngày
5	Pha hóa chất	Ước tính (theo thiết kế hệ thống XLNT)		3,0 m ³ /ngày
6	Dự phòng PCCC	324 l/s/đám cháy		40 m ³ /ngày
	Tổng nhu cầu cấp nước thường xuyên			104,46 m³/ngày
	Tổng nhu cầu cấp nước khi có cháy			144,46 m³/ngày

Ghi chú: Theo thực tế và theo TCVNXD 33:2006/BXD Cấp nước – Mạng lưới đường ống và công trình tiêu chuẩn thiết kế.

❖ Nhu cầu sử dụng nước thực tế của cơ sở theo hóa đơn sử dụng nước

Căn cứ theo hóa đơn sử dụng nước năm 2024 và năm 2025, nhu cầu sử dụng nước của cơ sở được thể hiện chi tiết tại bảng sau:

Bảng 1.5. Nhu cầu sử dụng nước của cơ sở

Thời gian	Đơn vị	Năm 2024	Năm 2025
Tháng 1	m ³ /tháng	2.967	2.742
Tháng 2	m ³ /tháng	2.697	2.000
Tháng 3	m ³ /tháng	2.564	2.843
Tháng 4	m ³ /tháng	3.060	2.881
Tháng 5	m ³ /tháng	2.607	2.907
Tháng 6	m ³ /tháng	3.074	3.073
Tháng 7	m ³ /tháng	3.122	2.322
Tháng 8	m ³ /tháng	3.085	3.332
Tháng 9	m ³ /tháng	1.745	2.711
Tháng 10	m ³ /tháng	1.644	2.532

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở:
“Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác”**

Thời gian	Đơn vị	Năm 2024	Năm 2025
Tháng 11	m ³ /tháng	1.609	2.817
Tháng 12	m ³ /tháng	3.851	3.271

(Nguồn: Công ty TNHH Khóa Huy Hoàng)

Căn cứ theo hóa đơn tiền nước của Công ty TNHH Khóa Huy Hoàng vào năm 2024 và năm 2025 thì nhu cầu sử dụng nước lớn nhất của cơ sở là 111,06 m³/ngày.

Hóa đơn mua nước sạch được đính kèm tại phụ lục của báo cáo.

4.4. Nhu cầu sử dụng lao động

Tổng số công nhân tại Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác khoảng 170 cán bộ công nhân viên.

Số ca làm việc tại cơ sở như sau:

- + Bộ phận sản xuất: 2 ca (8h-18h, 22h-8h)
- + Bộ phận hỗ trợ sản xuất: 1 ca (8h-18h)
- + Bộ phận vận hành HTXLNT (2 người): 2 ca (8h-20h và 20h-8h)

5. Đối với cơ sở có sử dụng phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất phải nêu rõ: điều kiện kho, bãi lưu giữ phế liệu nhập khẩu; hệ thống thiết bị tái chế; phương án xử lý tạp chất; phương án tái xuất phế liệu.

- Cơ sở không nhập phế liệu làm nguyên liệu sản xuất.

6. Các công trình, hạng mục công trình có phát sinh chất thải và công trình bảo vệ môi trường còn tiếp tục thực hiện sau khi được cấp/cấp lại giấy phép môi trường (nếu có)

7. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

7.1. Quy mô các hạng mục công trình tại cơ sở

- Quy mô đất đai: 14.300 m²
- Cơ cấu sử dụng đất: Theo chỉ tiêu chức năng sử dụng đất như sau:
 - + Diện tích xây dựng công trình (nhà điều hành, phân xưởng sản xuất chính, phân xưởng lắp ráp, khu xử lý nước thải, khu vệ sinh, khu để xe, nhà ăn, hội trường, nhà thay đồ, bể chứa nước pccc, nhà phụ trợ,...): 7.629 m².
 - + Diện tích xây xanh, sân đường nội bộ: 6.671 m².
 - + Tầng cao công trình: 01÷03 tầng (chưa kể tum mái).

7.1.1. Các hạng mục công trình chính của cơ sở

Bảng 1.6. Tổng hợp các hạng mục công trình chính đã xây dựng tại cơ sở

STT	Hạng mục	Diện tích xây dựng (m ²)
I	Công trình chính	
1	Nhà điều hành 3 tầng	160
2	Phân xưởng sản xuất chính	4.540

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở:
“Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác”**

STT	Hạng mục		Diện tích xây dựng (m ²)
3	Kho		1.250
3.1	Tầng 1	Kho thành phẩm	728
		Kho bán thành phẩm	420
3.2	Kho bán thành phẩm tại tầng 2		1.200
4	Nhà ăn + Hội trường		420

(Nguồn: Công ty TNHH Khóa Huy Hoàng)

a, Nhà điều hành

- Nhà điều hành (cao 03 tầng + tầng tum) được xây dựng với diện tích khoảng 160m², với kết cấu bê tông móng mác 200#, Rn=90Kg/cm², cốt thép nhóm AI và AII, móng được xây bằng gạch đặc vữa xi măng mác 50, sàn giữa các tầng là sàn đặc bằng bê tông cốt thép cốt liệu gốc silic, tường ngoài được xây bằng gạch không nung trát xi măng cát dày 15mm với toàn bộ bậc chịu lửa của công trình đạt bậc II.

- Công năng:

+ Tầng 1: Bố trí các khu vực tiếp thị, trưng bày sản phẩm, phòng khách và khu vực vệ sinh.

+ Tầng 2: Bố trí khu vực phòng giáo cụ, phòng đào tạo nhân viên mới, phòng trưng bày chi tiết sản phẩm mẫu, phòng khách và khu vực vệ sinh.

+ Tầng 3: Bố trí khu vực lưu trữ hồ sơ và khu vực vệ sinh.

b, Nhà xưởng chính

- Nhà xưởng chính (cao 02 tầng) được xây dựng với diện tích khoảng 4.450m², có các kết cấu chịu lực là cột bê tông cốt thép cốt liệu gốc silic có trát xi măng dày 15mm, sàn giữa các tầng là sàn bê tông cốt thép cốt liệu gốc silic có chiều dày trung bình lớp bê tông bảo cốt thép chịu lực là 15mm, chiều cao tổng thể của tiết diện là 100mm đảm bảo giới hạn chịu lửa REI60, các kết cấu mái, bộ phận của mái là kết cấu thép đảm bảo R15, RE15 và đạt bậc chịu lửa II.

- Công năng:

+ Tầng 1: Khu vực chuẩn bị phôi (425m²), khu vực chuẩn bị phôi (365m²), khu vực mạ điện (330m²), khu vực mạ điện (850m²), khu vực phụ trợ mạ (330m²), khu vực sơn điện zi (850m²), khu vực phốt phát (330m²), khu vực sơn tĩnh điện (850m²),

+ Tầng 2: Khu vực chuẩn bị phôi và không gian thông tầng.

c, Phân xưởng lắp ráp

- Nhà xưởng lắp ráp (cao 02 tầng) được xây dựng với diện tích khoảng 1.200m², có các kết cấu chịu lực là cột bê tông cốt thép cốt liệu gốc silic có trát xi măng dày 15mm với tiết diện $\geq 300 \times 300$, sàn giữa các tầng là sàn bê tông cốt thép cốt liệu gốc silic có chiều dày trung bình lớp bê tông bảo cốt thép chịu lực là 15mm, chiều cao tổng thể của tiết diện là 100mm đảm bảo giới hạn chịu lửa REI60, các kết cấu mái, bộ phận của mái là kết cấu thép đảm bảo R15, RE15 và đạt bậc chịu lửa II.

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở:
“Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác”**

- Công năng:

+ Tầng 1: Bố trí các kho thành phẩm và kho bán thành phẩm chứa các vật liệu không cháy (khóa kim loại) được chứa đựng trong các dụng cụ khay, kệ,...

+ Tầng 2: Bố trí kho bán thành phẩm.

d. Nhà ăn, hội trường

- Nhà ăn, hội trường (cao 01 tầng) được xây dựng với diện tích khoảng 420m², có các kết cấu chịu lực là cột bê tông cốt thép cốt liệu gốc silic có trát xi măng dày 15mm với tiết diện $\geq 300 \times 300$, sàn giữa các tầng là sàn bê tông cốt thép cốt liệu gốc silic có chiều dày trung bình lớp bê tông bảo cốt thép chịu lực là 15mm, chiều cao tổng thể của tiết diện là 100mm đảm bảo giới hạn chịu lửa REI60, các kết cấu mái, bộ phận của mái là kết cấu thép đảm bảo R15, RE15 và đạt bậc chịu lửa II.

- Công năng: Bao gồm phòng dụng cụ vệ sinh, hội trường kiêm phòng ăn, khu bếp, khu rửa...

7.1.2. Các hạng mục công trình phụ trợ của cơ sở

Bảng 1.7. Danh mục các hạng mục phụ trợ của cơ sở

STT	Hạng mục	ĐVT	Thông tin	Ghi chú
1	Nhà để xe	Nhà	01	435m ²
2	Nhà bảo vệ	Nhà	01	15m ²
3	Kho hóa chất mạ + phòng thí nghiệm	Nhà	01	123m ²
4	Nhà vệ sinh 1 + 2	Nhà	01	70m ²
5	Nhà cơ điện	Nhà	01	155 m ²
	Kho hóa chất phân xưởng sơn điện zi, sơn tĩnh điện	Nhà	01	163 m ²
6	Khu vực máy nén khí	Nhà	01	27 m ²
7	Nhà thay đồ	Nhà	01	65 m ²
	Kho carton	Nhà	01	34 m ²
8	Bể nước PCCC	Nhà	01	120 m ²
9	Hệ thống cấp điện	Hệ thống	01	-
10	Hệ thống cấp nước	Hệ thống	01	-
11	Hệ thống PCCC	Hệ thống	01	-
12	Hệ thống chống sét	Hệ thống	01	-
13	Nhà điều hành phân xưởng 1	Nhà	01	35 m ²
14	Kho hóa chất XLNT	Nhà	01	17 m ²

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở:
“Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác”**

STT	Hạng mục	ĐVT	Thông tin	Ghi chú
15	Đường nội bộ, cây xanh, hàng rào	-	-	6.671 m ²

(Nguồn: Công ty TNHH Khóa Huy Hoàng)

7.1.3. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường của cơ sở

Bảng 1.8. Danh mục các hạng mục công trình bảo vệ môi trường của cơ sở

STT	Hạng mục	ĐVT	Thông tin	Ghi chú
1	Khu xử lý nước thải	Khu vực	01	97
2	Hệ thống thoát nước mưa	Hệ thống	01	D200, D250, B400 và các hố ga
3	Bể tự hoại 3 ngăn	BỂ	03	5m ³ / 1 bể
4	Hệ thống thoát nước thải	Hệ thống	01	-
5	Kho chứa CTTT	Kho	01	15 m ²
6	Kho chứa CTNH	Kho	01	15 m ²

(Nguồn: Công ty TNHH Khóa Huy Hoàng)

7.2. Các máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất tại cơ sở

Các thiết bị, máy móc sử dụng trong hoạt động sản xuất của cơ sở được mua mới hoàn toàn từ trong nước và nước ngoài như Đài Loan, Trung Quốc,...

Danh sách cụ thể các loại máy móc, thiết bị của cơ sở như sau:

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở:
“Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác”**

Bảng 1.9. Danh mục máy móc, thiết bị của cơ sở

TT	Tên máy	Thông số kỹ thuật			Số lượng	Năm sản xuất	Tình trạng	Xuất xứ
		Kích thước	Công suất	Điện áp				
Thiết bị phân xưởng bơm nhựa								
1	Máy mạ nôm		17.5 kW		2		Đang sử dụng	
2	Tủ sấy		6 kW		1		Đang sử dụng	Việt Nam
3	Tháp làm mát nước				1		Đang sử dụng	
Thiết bị chính phân xưởng Mạ								
1	Buồng sơn nước		4kW		2	2024	Đang sử dụng	Việt Nam
2	Dây chuyền mạ tự động		60 kW		1		Đang sử dụng	Trung Quốc
3	Máy khắc Laser		0.1 kW		1		Đang sử dụng	
4	Máy mài 2 đá		2.2 kW	3P - 380 V	4	2025	Đang sử dụng	
5	Máy lọc dung dịch hóa chất		0.75 kW	3P - 380 V	5		Đang sử dụng	Trung Quốc
6	Máy rung				1		Đang sử dụng	
7	Máy rung siêu âm		6.8 kW		1	2023	Đang sử dụng	Trung Quốc
8	Máy sấy		140 kW	3P - 380 V	1	2024	Đang sử dụng	Trung Quốc
9	Máy sơn nước cơ				2	2026	Đang sử dụng	Việt Nam
10	Máy sơn nước điện tĩnh điện			220 V	2	2026	Đang sử dụng	Trung Quốc
11	Máy phốt		4 kW		4	2025	Đang sử dụng	Trung Quốc
12	Máy phốt 2 đầu		3 kW	3P - 380 V	7	2026	Đang sử dụng	Trung Quốc
13	Máy ráp đai		3 kW		2	2025	Đang sử dụng	Trung Quốc
14	Tủ sấy		6 kW		7		Đang sử dụng	Việt Nam
Thiết bị chính phân xưởng Sơn điện zi								
1	Buồng sơn nước nhỏ		4 kW		2	2025	Đang sử dụng	Việt Nam

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở:
“Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác”**

TT	Tên máy	Thông số kỹ thuật			Số lượng	Năm sản xuất	Tình trạng	Xuất xứ
		Kích thước	Công suất	Điện áp				
2	Buồng sơn nước to		9.5 kW		2	2023	Đang sử dụng	Trung Quốc
3	Buồng vệ sinh hàng				1	2025	Đang sử dụng	Việt Nam
4	Máy đánh bóng		2.2 kW		1	2018	Đang sử dụng	Trung Quốc
5	Máy rung		5.5 kW		2		Đang sử dụng	
6	Máy sơn nước cơ				3		Đang sử dụng	
7	Máy sơn nước điện tĩnh điện			220 V	8		Đang sử dụng	Trung Quốc
8	Tủ sấy				3		Đang sử dụng	
Thiết bị chính phân xưởng Sơn tĩnh điện								
1	Buồng sơn tĩnh điện to		9.5 kW		2	2023	Đang sử dụng	Trung Quốc
2	Buồng sơn tĩnh điện nhỏ		5.5 kW		2		Đang sử dụng	Việt Nam
3	Máy đột dập				1		Đang sử dụng	
4	Dây chuyền phốt phát		35 kW		2		Đang sử dụng	Việt Nam
5	Dây chuyền sơn tự động		54 kW		1		Đang sử dụng	Trung Quốc
6	Lò đốt giá		1.5 kW		1		Đang sử dụng	
7	Máy lọc thanh		7.5 kW		1		Đang sử dụng	
8	Máy rung		5.5 kW		6	2025	Đang sử dụng	Trung Quốc
9	Máy xóc		2.2 kW		1		Đang sử dụng	
10	Máy sàng sơn		0.27 kW		2		Đang sử dụng	
11	Máy sơn tĩnh điện		0.03 kW		1	2020	Đang sử dụng	
12	Tủ sấy		6 kW		3		Đang sử dụng	
13	Hệ thống làm mát nhà xưởng		4 kW		1		Đang sử dụng	Việt Nam

(Nguồn: Công ty TNHH Khóa Huy Hoàng)

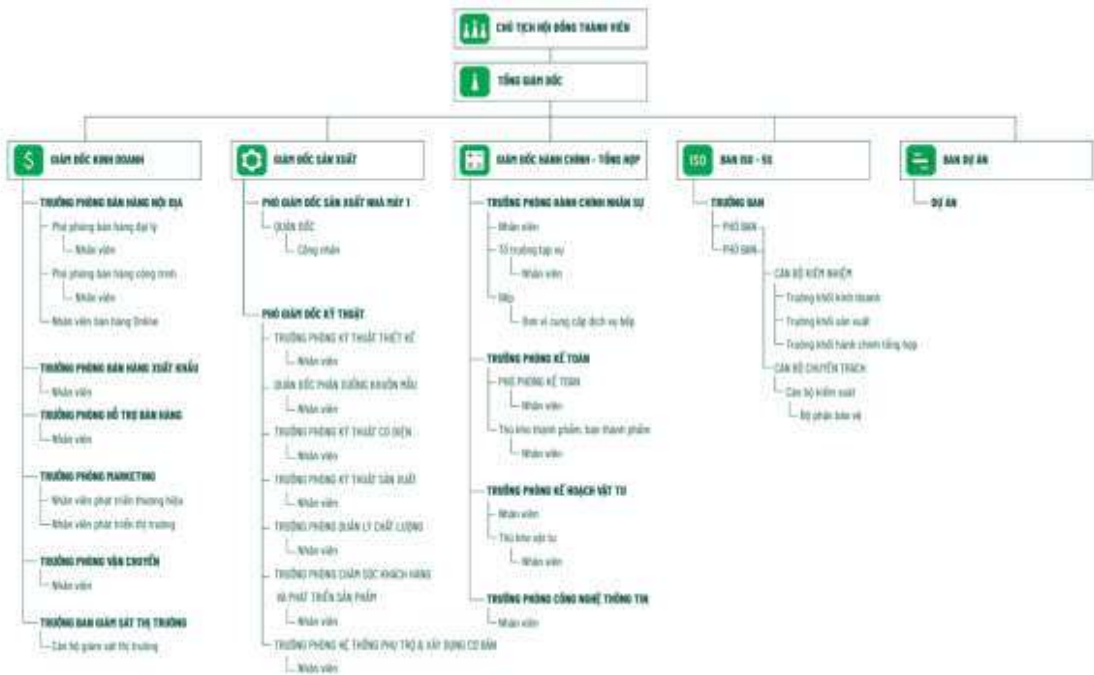
**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở:
“Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác”**

7.3. Sơ đồ tổ chức và bộ máy quản lý tại cơ sở

Đơn vị quản lý vận hành là: Công ty TNHH Khóa Huy Hoàng.

Các Đơn vị nhà cung cấp dịch vụ gồm: Đơn vị cung cấp dịch vụ vệ sinh; Đơn vị cung cấp dịch vụ an ninh; Đơn vị cung cấp dịch vụ chăm sóc cây cảnh; Đơn vị cung cấp dịch vụ diệt côn trùng.

Sơ đồ quản lý như sau:



Hình 1.13. Sơ đồ bộ máy tổ chức quản lý và thực hiện vận hành

CHƯƠNG II: SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường, khoảng cách an toàn về môi trường theo quy định (nếu có).

Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác được cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 01221000411 ngày 04 tháng 01 năm 2021 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp và Chế xuất Hà Nội cấp, chứng nhận lần đầu ngày 04/11/2011, dựa trên các văn bản pháp lý có liên quan gồm:

- Quyết định số 3742/2004/QĐ-UB ngày 22/10/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc thành lập, phê duyệt dự án và cho Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Nam Đức làm chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, TP. Hà Nội.

- Giấy chứng nhận đầu tư số 192023000055 do Ban quản lý các KCN tỉnh Vĩnh Phúc cấp, cấp lần đầu ngày 28/09/2007.

- Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng chính phủ về việc Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050.

- Quyết định số 2261/QĐ-UBND ngày 25/5/2012 của UBND Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển công nghiệp Thành phố Hà Nội đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

- Văn bản số 2376/TTg-KTN ngày 01/12/2014 của Thủ tướng chính phủ về việc điều chỉnh quy hoạch phát triển các khu công nghiệp thành phố Hà Nội đến năm 2020.

Với mục tiêu của cơ sở luôn phấn đấu đưa mọi sản phẩm mang thương hiệu Huy Hoàng tới mỗi ngôi nhà Việt với phương châm “Hàng Việt Nam chinh phục người tiêu dùng Việt Nam”, phù hợp với định hướng phát triển công nghiệp của Thủ tướng chính phủ “Hình thành các khu công nghệ cao, khu cụm công nghệ khoảng 8.000 ha. Phía Bắc bao gồm Sóc Sơn, Mê Linh, Đông Anh, Long Biên, Gia Lâm, Từ Liêm khoảng 3.200 ha; Ưu tiên phát triển công nghiệp điện tử - công nghệ thông tin, cơ khí, sản xuất ô tô, công nghiệp vật liệu mới, hóa dược - mỹ phẩm, dệt may ...”.

- Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác của Công ty TNHH Khóa Huy Hoàng được xây dựng và hoạt động tại Khu công nghiệp Quang Minh, xã Quang Minh, thành phố Hà Nội. Công ty TNHH Khóa Huy Hoàng đã đầu tư xây dựng nhà xưởng trong khuôn viên đã được quy hoạch sử dụng cho Khu công nghiệp Quang Minh, hoạt động sản xuất kinh doanh của cơ sở phù hợp với quy hoạch, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của xã Quang Minh nói riêng và thành phố Hà Nội nói chung, góp phần đem lại việc làm cho người lao động tại địa phương nơi hoạt động, đóng góp vào ngân sách nhà nước. Nhà máy nằm trên diện tích quy hoạch công nghiệp.

Do vậy, Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác hoàn toàn phù hợp với quy hoạch phát triển của thành phố Hà Nội.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường (nếu có)

a. Đối với môi trường nước

Nước thải sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải công suất 120 m³/ngày đêm tự chảy vào ống uPVC D200 chiều dài khoảng 190m, đặt ngầm chạy dọc đường nội bộ và đầu nối vào hố ga thu gom nước thải của Khu công nghiệp Quang Minh dẫn về trạm XLNT tập trung của KCN Quang Minh để tiếp tục xử lý trước khi xả thải vào nguồn tiếp nhận.

Công ty TNHH Khóa Huy Hoàng đã ký với Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển hạ tầng Nam Đức (là đơn vị quản lý hạ tầng KCN Quang Minh) Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải số 167/2018/HĐ-XLNT ngày 15/12/2018. Do đó, KCN có trách nhiệm tiếp nhận và xử lý nước thải của Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác – Công ty TNHH Khóa Huy Hoàng đạt quy chuẩn hiện hành trước khi xả thải ra môi trường (*Bản sao Hợp đồng được đính kèm tại Phụ lục Báo cáo*).

Hiện nay đã có 139 doanh nghiệp đầu tư vào Khu công nghiệp Quang Minh, lượng phát sinh nước thải trung bình khoảng 4.200m³/ngày đêm. Toàn bộ lượng nước thải phát sinh từ 139 doanh nghiệp thứ phát được thu gom đầu nối về Trạm xử lý nước thải tập trung KCN Quang Minh công suất 6.000m³/ngày đêm. Như vậy, với tổng lượng nước thải phát sinh tại cơ sở là 120m³/ngày đêm thì trạm xử lý nước thải tập trung của KCN hoàn toàn đáp ứng được khả năng tiếp nhận và xử lý nước thải.

Khu công nghiệp Quang Minh đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 3042/GP-BTNMT ngày 30/11/2017 (thời hạn giấy phép là 10 năm).

Nước thải sau xử lý đảm bảo đạt QCTĐHN 02:2014/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn Thủ đô Hà Nội và thoát vào kênh tiêu thoát nước chung của khu vực sau đó chảy vào đầm Và tại xã Tiền Phong, xã Quang Minh, thành phố Hà Nội (tọa độ điểm xả thải theo hệ tọa độ VN2000: X=2340543; Y=579277).

Công ty Nam Đức đã lắp đặt 01 trạm quan trắc tự động nhằm liên tục kiểm soát chất lượng nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Quang Minh.

Các thông số quan trắc nước thải tự động, liên tục: COD, TSS, pH, DO, N-NH₄, nhiệt độ, lưu lượng được truyền tải về Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội đảm bảo đạt quy chuẩn cho phép khi đối chiếu QCTĐHN 02:2014/BTNMT (Cột A, K_q = 0,6; K_f = 0,9). Tần suất truyền dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội: 5 phút/lần.

b. Đối với môi trường không khí

Để đánh giá sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường, chủ cơ sở đánh giá hiện trạng khu vực hoạt động của cơ sở như sau:

Đối với môi trường không khí xung quanh:

Cơ sở đã quan trắc định kỳ 06 tháng/lần tại điểm 02 điểm không khí xung quanh cho thấy tại thời điểm quan trắc, các chỉ tiêu phân tích đều đạt QCVN 05:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí và QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn. Do đó, quá trình hoạt động của cơ sở không gây ảnh hưởng tới chất lượng môi trường không khí của khu vực xung quanh.

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở:
“Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác”**

Đối với không khí môi trường lao động:

Cơ sở đã quan trắc định kỳ 06 tháng/lần tại điểm 04 vị trí tại phân xưởng cho thấy tại thời điểm quan trắc, các chỉ tiêu phân tích đều đạt QCVN 26:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu (giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc); QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; QCVN 24:2016/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc_ và QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Bụi (giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc. Do đó, chất lượng không khí môi trường lao động tại cơ sở vẫn đảm bảo đối với cán bộ công nhân làm việc tại cơ sở.

c, Đối với các nội dung khác

- Đối với chất thải rắn:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Cơ sở ký hợp đồng với Công ty cổ phần Công trình đô thị Long Biên về việc Thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt tại hợp đồng dịch vụ vệ sinh môi trường, hợp đồng số: 058/2026/HĐVSMT/QM ngày 3/1/2026 về thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt về điểm xử lý theo quy định của Thành phố. Tần suất thu gom 2 lần/tuần.

+ Chất thải nguy hại: Cơ sở ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường Thuận Thành theo hợp đồng số 20250417/HĐXL ngày 3/11/2025 về việc vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp nguy hại. Tần suất thu gom tùy thuộc vào lượng CTNH phát sinh: 1-2 tuần/ lần.

Do vậy, chất thải rắn của cơ sở luôn được kiểm soát và không gây ảnh hưởng tới sức khỏe con người và môi trường xung quanh.

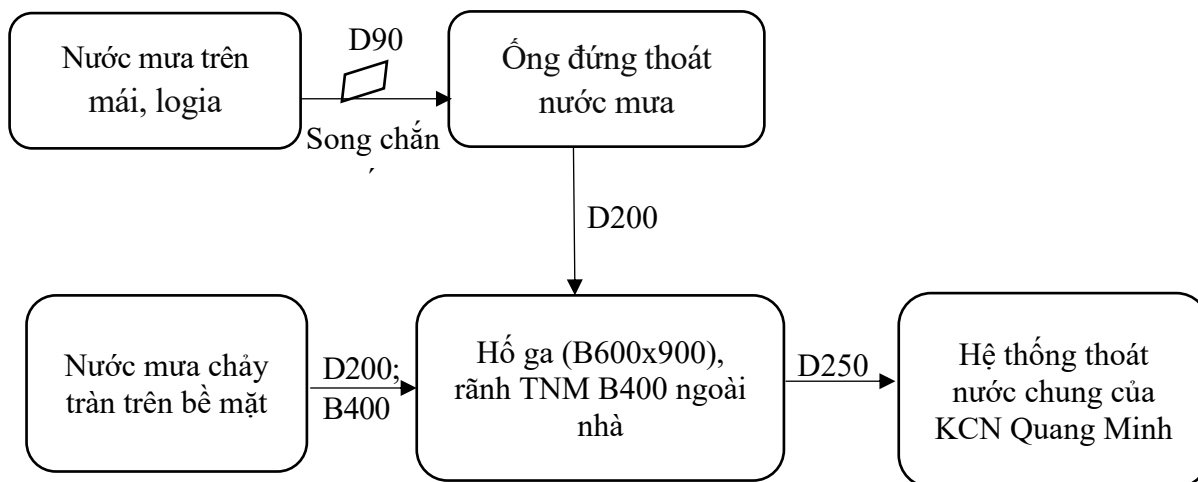
- Đối với tiếng ồn và độ rung:

Các thiết bị nhà máy thường xuyên được kiểm tra, bảo dưỡng và có biện pháp giảm tiếng ồn và độ rung. Định kỳ 6 tháng Cơ sở có quan trắc tiếng ồn và độ rung đều nằm trong phạm vi cho phép.

CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thu gom, thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1 Thu gom, thoát nước mưa



Hình 2.1. Sơ đồ hệ thống thu gom tiêu, thoát nước mưa

Mạng lưới thu gom, thoát nước mưa của cơ sở đã được đầu tư xây dựng hoàn chỉnh. Trong phạm vi Nhà máy, thiết kế hệ thống thoát nước mưa và nước thải riêng biệt. Hệ thống thu gom nước mưa bao gồm: Hệ thống thu gom nước mưa mái và hệ thống thu gom nước mưa bề mặt sân đường của nhà máy, cụ thể phương án thu gom thoát nước như sau:

- Hệ thống thoát nước mưa trên mái: Nước mưa trên mái các phân xưởng theo độ dốc mái 1-2% được thu vào các seno sau đó tập trung vào các ống đứng PVC D90 bố trí xung quanh mái của các nhà xưởng dẫn xuống hệ thống thoát nước BTCT bố trí dưới sân đường. Tại miệng ống có bố trí các rọ lưới chắn rác (song chắn rác) để giữ lại rác, lá cây,... không bị cuốn theo vào đường ống TNM đứng PVC D90 xuống hệ thống thoát nước dưới sân đường của nhà máy.

- Hệ thống thoát nước mưa chảy tràn trên bề mặt sân đường: Nhà máy bố trí hệ thống cống rãnh thoát nước bằng BTCT kích thước B400 đập tấm đan bê tông xung quanh hệ thống sân đường. Toàn bộ nước mưa chảy tràn của cơ sở được thoát theo hệ thống ống D250 ra hệ thống thoát nước chung của KCN Quang Minh tại phía trước nhà máy.

Hệ thống thoát nước mưa của cơ sở là hệ thống cống ngầm để tránh tác động cơ học, sử dụng được lâu, không thấm nước, không bị ăn mòn bởi axit, kiềm và hố ga được bố trí xung quanh các khu vực văn phòng làm việc, phân xưởng, nhà kho dọc theo các tuyến đường giao thông nội bộ trong cơ sở.

- Thực hiện các biện pháp duy tu, bảo dưỡng hệ thống thoát nước như:

+ Các hố ga sẽ được định kỳ nạo vét để loại bỏ những rác, cặn lắng. Rác, cặn được tập kết cùng rác từ song chắn rác của nhà máy và hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý theo quy định.

+ Định kỳ kiểm tra, nạo vét hệ thống rãnh thu, cống dẫn nước mưa nhằm phát hiện hỏng, hư hại để có kế hoạch sửa chữa, cải tạo kịp thời. Tần suất 3 tháng/lần.

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở:
“Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác”**

+ Đảm bảo duy trì các tuyến hành lang an toàn cho toàn hệ thống thoát nước mưa, hạn chế các loại rác thải xâm nhập vào đường thoát nước.

+ Thực hiện tốt các công tác vệ sinh công cộng để giảm bớt nồng độ các chất bẩn trong hệ thống thoát nước, đặc biệt vào mùa mưa bão; để đảm bảo khơi thông dòng chảy, thoát nước nhanh tránh ngập úng cục bộ.

Thông số kỹ thuật hệ thống thu gom, thoát nước mưa của cơ sở được trình bày tại bảng dưới đây:

Bảng 2.1. Thông số hệ thống thu gom, thoát nước mưa của cơ sở

Stt	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
I	Chiều dài cống		
1	Chiều dài Cống D250	m	55
2	Chiều dài Cống D200	m	130
4	Chiều dài Cống B400	m	190
5	Chiều dài Cống B600	m	22
II	Số lượng ga	Cái	20

Như vậy, với hệ thống đường ống thu, thoát nước và các hố ga bố trí trong khu đất cơ sở như vậy thì hoàn toàn có thể đảm bảo việc tiêu thoát nước mưa trong những ngày mưa mà không ảnh hưởng tới các hoạt động của cơ sở.

- Số lượng, vị trí điểm thoát nước mưa: Nước mưa tại cơ sở được thoát thông qua 02 điểm xả

+ Vị trí điểm xả nước mưa số 1: Điểm xả nước mưa nằm tại trước cổng ra vào nhà máy.

+ Tọa độ điểm xả nước thải (theo hệ tọa độ VN2000 múi chiếu 3⁰, kinh tuyến trực 105⁰)

$$X= 2.344.983 \quad Y= 578.652$$



Hình 2.2. Vị trí điểm xả nước mưa số 1

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở:
“Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác”**

+ Vị trí điểm xả nước mưa số 2: Điểm xả nước mưa nằm tại góc phía Tây Nam trước nhà máy.

+ Tọa độ điểm xả nước thải (theo hệ tọa độ VN2000 múi chiếu 3⁰, kinh tuyến trực 105⁰)

$$X= 2.345.016 \quad Y= 578.614$$



Hình 2.3. Vị trí điểm xả nước mưa số 2

- Phương thức xả thải: Tự chảy, khi có mưa.

- Nguồn tiếp nhận: Hệ thống thoát nước chung của KCN Quang Minh, xã Quang Minh, thành phố Hà Nội.

1.2. Thu gom, thoát nước thải

a, Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ khu vực nhà vệ sinh các phân xưởng. Thành phần các thông số ô nhiễm đặc trưng TSS, BOD₅, NH₄⁺, Coliform,...

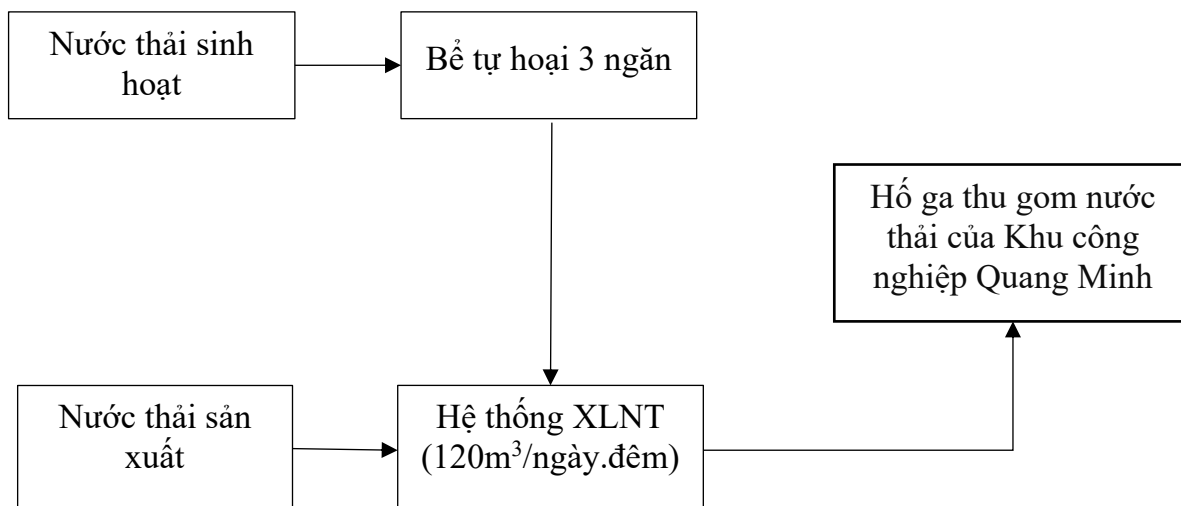
- Nguồn số 02: Nước thải sản xuất từ dây chuyền mạ Crom (Line 1). Thành phần các thông số ô nhiễm đặc trưng: ion Cr⁶⁺,...

- Nguồn số 03: Nước thải sản xuất từ dây chuyền mạ (Line 2). Thành phần các thông số ô nhiễm đặc trưng: ion Ni²⁺,...

- Nguồn số 04: Nước thải sản xuất từ dây chuyền mạ (Line 3). Thành phần các thông số ô nhiễm đặc trưng: ion Cu²⁺, Zn²⁺,...

- Nguồn số 05: Nước thải sản xuất từ dây chuyền sơn phốt phát bề mặt và máy rung (Line 4). Thành phần các thông số ô nhiễm đặc trưng: màu, COD,...

b, Phương án thu gom, thoát nước thải



Hình 2.4. Phương án thu gom, thoát nước thải tại cơ sở

❖ Các nguồn nước thải được thu gom, xử lý:

+ Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ khu vực nhà vệ sinh các phân xưởng → Bể tự hoại 3 ngăn (04 bể dung tích 5 m³/bể) → Hệ thống cống BTCT thu gom nước thải → Bể trung gian ET-101 của Hệ thống xử lý nước thải công suất 120 m³/ngày đêm.

+ Nguồn số 02: Nước thải sản xuất từ dây chuyền mạ (Line 1) → Hệ thống cống thu gom → Hệ thống xử lý nước thải công suất 120 m³/ngày đêm.

+ Nguồn số 03: Nước thải sản xuất từ dây chuyền mạ (Line 2) → Hệ thống cống thu gom → Hệ thống xử lý nước thải công suất 120 m³/ngày đêm.

+ Nguồn số 04: Nước thải sản xuất từ dây chuyền mạ (Line 3) → Hệ thống cống thu gom → Hệ thống xử lý nước thải công suất 120 m³/ngày đêm.

+ Nguồn số 05: Nước thải sản xuất từ dây chuyền sơn phốt phát bề mặt và máy rung (Line 4) → Hệ thống cống thu gom → Hệ thống xử lý nước thải công suất 120 m³/ngày đêm.

❖ Số lượng, vị trí điểm thoát nước thải (TNT):

- Số lượng: 01 điểm xả

- Vị trí xả nước thải: Tại hố ga thu gom nước thải của Khu công nghiệp Quang Minh, xã Quang Minh, thành phố Hà Nội (tại góc phía Tây Nam bên ngoài ranh giới của cơ sở).

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰, múi chiều 3⁰): X= 2 345 027; Y= 578 604

- Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 120 m³/ngày đêm.

- Phương thức xả nước thải: nước thải sau hệ thống xử lý tự chảy vào đường ống uPVC D200, L=190m, đặt ngầm chạy dọc đường nội bộ và đầu nối vào hố ga thu gom nước thải của Khu công nghiệp Quang Minh.



Hình 2.5. Vị trí điểm đầu nối xả thải của cơ sở

1.3. Xử lý nước thải

a, Công trình xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt

1. Bể tự hoại

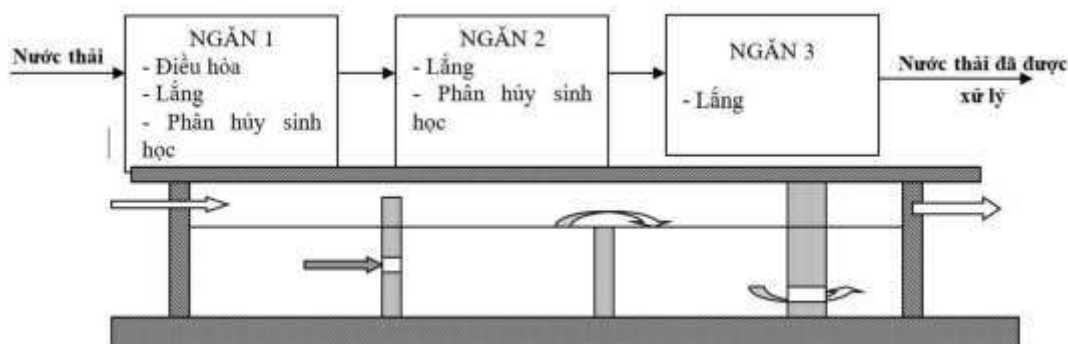
Hiện tại nước thải sinh hoạt (nước thải bệ xí, bệ tiểu và nước thải thoát sàn, lavabo) của cơ sở được xử lý qua bể tự hoại ba ngăn. Cơ sở đã tiến hành xây dựng 4 bể tự hoại 3 ngăn được đặt ngầm dưới các khu Nhà vệ sinh 1; Nhà vệ sinh 2; Nhà điều hành, cụ thể:

- Thể tích của mỗi bể tự hoại 5 m³.
- Các thông số kỹ thuật cơ bản:
 - + Kết cấu: Xây dựng theo kết cấu Bê tông cốt thép
 - + Vật liệu: Bê tông cốt thép.
 - + Chức năng: Xử lý sơ bộ nước thải.
- Quy mô, công suất, công nghệ xử lý:
 - + *Quy mô, công suất*: Công suất xử lý tối đa của mỗi bể Q = 5 m³/ngày đêm.
 - + Công nghệ xử lý nước thải:

Phù hợp với công nghệ xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt. Đảm bảo xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt và xử lý một phần, giảm nồng độ các chất ô nhiễm đặc trưng có trong nước thải sinh hoạt.

- *Thông số kỹ thuật cơ bản kèm theo sơ đồ và thuyết minh chi tiết quy trình vận hành:*
- Quy trình xử lý:

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở:
“Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác”**



Hình 2.6. Sơ đồ bể tự hoại 3 ngăn

+ *Thuyết minh chi tiết quy trình vận hành:*

Bước 1: Nước thải từ các khu vệ sinh được thu gom qua hệ thống đường ống nhựa PVC đi vào ngăn yếm khí 1. Tại đây diễn ra quá trình phân hủy yếm khí các thành phần hữu cơ đa phân tử trong nước thải sinh hoạt.

Bước 2: Nước thải sinh hoạt từ ngăn yếm khí 1 tiếp tục được phân hủy triệt để hơn trong ngăn yếm khí 2. Tại đây diễn ra chủ yếu là quá trình phân hủy sinh học các thành phần hữu cơ đơn giản hơn.

Bước 3: Nước thải sinh hoạt từ ngăn yếm khí 2 đi qua bể lắng. Tại đây diễn ra quá trình lắng đọng các thành phần cặn không tan, không thể phân hủy sinh học. Quá trình phân hủy sinh học diễn ra tương đối ít.

Căn cứ bảng 21, TCVN 7957:2023 - Thoát nước - Mạng lưới công trình bên ngoài - Yêu cầu thiết kế thì nước thải sau khi được xử lý qua bể tự hoại nồng độ SS giảm khoảng 35% đến 55%, BOD₅ giảm khoảng 30% đến 45% và TP giảm khoảng 25% đến 35%.

Nước thải sinh hoạt phát sinh tại cơ sở sau khi xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 3 ngăn được thu gom về Bể trung gian ET-101 của trạm xử lý nước thải tập trung công suất 120m³/ngày. đêm để tiếp tục xử lý.

Bùn thải của quá trình xử lý và bùn dư của quá trình xử lý sinh học định kỳ thuê công ty môi trường đô thị hút định kỳ 06 tháng/ lần.

b. Trạm xử lý nước thải sản xuất của cơ sở

Nước thải của cơ sở được thu gom từ dây chuyền xi mạ, với những đặc tính khác nhau nên được chia làm 4 phần:

- Loại 1: nước thải chứa ion Cr⁶⁺ là nước thải từ dây chuyền mạ.
- Loại 2: nước thải chứa các ion Ni²⁺ từ dây chuyền mạ.
- Loại 3: nước thải chứa Cu²⁺, Zn²⁺,...
- Loại 4: nước thải của dây chuyền sơn phốt phát và máy rung.

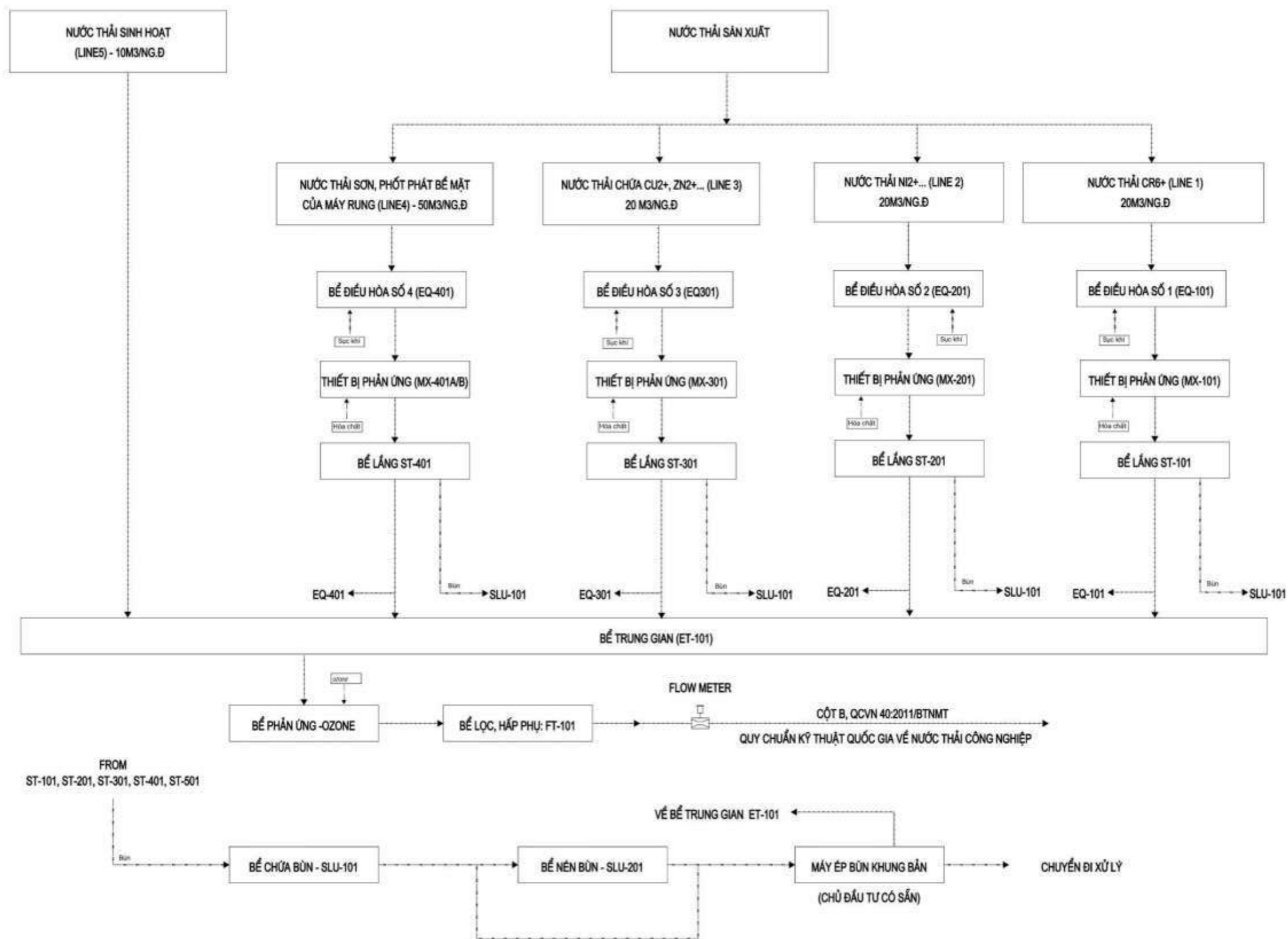
Đối với nước thải chứa Cr⁶⁺, Ni, Cu, Zn... là vô cùng nguy hiểm. Nếu xả thải trực tiếp ra ngoài môi trường thì sau một thời gian sẽ ngấm vào đất và nước ngầm, theo chuỗi thức ăn thâm nhập vào cơ thể con người cũng như sinh vật ở vùng lân cận gây nhiễm độc mãn tính, ngộ độc,... Các thành phần kim loại nặng như crom trong nước thải ảnh hưởng rất lớn tới quá trình sinh trưởng phát triển của động và thực vật. Tác hại lớn nhất là làm chết sinh vật trong nước hoặc gây ngộ độc mãn tính bằng cách tích tụ sinh học. Ngoài ra, nước thải mạ crom còn có thể tiêu diệt các sinh vật phù du – nguồn thức ăn nuôi cá, gây ngộ độc

***Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở:
“Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác”***

cho những động vật thủy sinh, làm biến đổi tính chất hóa lý của nguồn nước. Ngoài ra, thành phần kim loại nặng còn ảnh hưởng tới Hệ vi sinh trong hệ thống xử lý nước thải.

Với đặc tính nước thải nêu trên cơ sở đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải sản xuất của có công suất 120m³/ngày.đêm, được áp dụng công nghệ xử lý hóa lý. Hệ thống được thiết kế gồm các công trình xử lý liên hoàn được xây dựng hợp khối với nhau.

- Sơ đồ dây chuyền công nghệ hệ thống xử lý nước thải của cơ sở như sau:



Hình 2.7. Sơ đồ dây chuyền công nghệ hệ thống xử lý nước thải

❖ **Thuyết minh công nghệ xử lý**

b.1. Phần xử lý riêng từng line phát sinh nước thải:

- Line 1: Nước thải chứa ion Cr⁶⁺

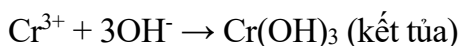
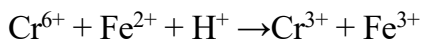
Phương pháp xử lý: Đối với nước thải chứa Cr⁶⁺ Phương án tốt nhất để xử lý là đưa Cr⁶⁺, về dạng Cr³⁺ bằng phương pháp kết tủa hóa học (Fenton), phương pháp này dựa trên phản ứng hóa học giữa chất đưa vào nước thải với kim loại cần tách, ở độ pH từ (3-11) đối với từng loại hóa chất sẽ tạo thành hợp chất kết tủa và được tách ra bằng phương pháp lắng (phương pháp keo tụ tạo bông).

- + Quy trình công nghệ:

Đầu tiên nước thải chứa ion Cr⁶⁺ khi vào hệ thống sẽ được dẫn vào bể điều hòa EQ 101. Trong bể EQ-101 nước thải được cung cấp khí bằng đĩa phân phối khí thô, để đảo trộn nước thải liên tục giúp nước thải được hòa trộn đều và tránh gây mùi.

Nước thải sau khi qua bể điều hòa sẽ được dùng bơm màng để bơm lên cụm xử lý hóa lý. Tại đây nước thải sẽ được đi qua lần lượt các bể và tại mỗi bể sẽ được châm vào một lượng hóa chất nhất định (hóa chất sử dụng cho cụm xử lý hóa lý cân bằng pH và tạo bông kết tủa: H₂SO₄, Alkali, FeSO₄, PAC, Polyme, ...). Nước thải qua bể pha trộn hóa chất sẽ phản ứng với các hóa chất xảy ra quá trình kết tủa, keo tụ tạo bông, các chất rắn lơ lửng trong nước sẽ bị keo tụ lại và kết dính với polyme tạo thành các bông bùn.

- + Quy trình phản ứng:



Sau quá trình oxy hóa cần nâng pH > 7 xảy ra phản ứng kết tủa của sắt Fe³⁺

Sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn dùng phương pháp keo tụ tạo bông để tách bùn cặn ra khỏi nước.

Ở bể lắng nước thải sẽ được tách ra khỏi các bông bùn theo nguyên lý chênh lệch về trọng lực, bông bùn có khối lượng nặng hơn sẽ chìm xuống dưới mang theo các chất rắn lơ lửng trong nước thải, nước sạch sẽ đi lên trên và tràn qua máng răng cửa ra ngoài, bùn hóa lý lắng xuống đáy sẽ được bơm đến bể chứa bùn để xử lý.

Nước thải sau khi qua bể lắng tùy thuộc vào chất lượng nước mà đưa vào một trong hai bể khác nhau: bể trung gian ET-101, bể điều hòa EQ-101.

- Line 2: Nước thải chứa kim loại nặng Ni²⁺,...

Đầu tiên nước thải chứa nhiều kim loại nặng và hóa chất khi vào hệ thống sẽ được dẫn vào bể điều hòa EQ-201. Trong bể EQ-201 nước thải được cung cấp khí bằng đĩa phân phối khí thô, để đảo trộn nước thải liên tục giúp nước thải được hòa trộn đều và tránh gây mùi.

Nước thải sau khi qua bể chứa sẽ được bơm lên cụm xử lý hóa lý. Tại đây nước thải sẽ được đi qua lần lượt các bể và tại mỗi bể sẽ được châm vào một lượng hóa chất nhất định (hóa chất sử dụng cho cụm xử lý hóa lý để cân bằng pH và tạo bông kết tủa: Alkali, PAC,

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở:
“Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác”**

Polyme, ...). Nước thải qua bể pha trộn hóa chất sẽ phản ứng với các hóa chất xảy ra quá trình kết tủa, keo tụ tạo bông, các chất rắn lơ lửng trong nước sẽ bị keo tụ lại và kết dính với polime tạo thành các bông bùn.

Sau khi kết tủa, tạo bông nước thải sẽ được đưa về tank lắng đứng, để tách bông cặn ra khỏi nước. Phần bông sẽ được đưa về bể chứa bùn. Còn phần nước trong thu được sẽ đưa về hệ xử lý chung.

- Line3: Nước thải chứa chứa Cu^{2+} , Zn^{2+} ,...

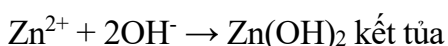
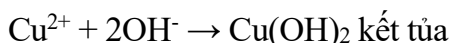
Các kim loại nặng trong nước thải được xử lý bằng phương pháp kết tủa hóa học (Fenton), phương pháp này dựa trên phản ứng hóa học giữa chất đưa vào nước thải với kim loại cần tách, ở độ pH từ (3-11) đối với từng loại hóa chất sẽ tạo thành hợp chất kết tủa và được tách ra bằng phương pháp lắng (phương pháp keo tụ tạo bông).

+ Quy trình công nghệ:

Đầu tiên nước thải chứa kim loại nặng và hóa chất khi vào hệ thống sẽ được dẫn vào vào bể điều hòa EQ-301. Trong bể EQ-301 nước thải được cung cấp khí bằng đĩa phân phối khí thô, để đảo trộn nước thải liên tục giúp nước thải được hòa trộn đều và tránh gây mùi.

Nước thải sau khi qua bể chứa sẽ được bơm lên cụm xử lý hóa lý. Tại đây nước thải sẽ được đi qua lần lượt các bể và tại mỗi bể sẽ được châm vào một lượng hóa chất nhất định (hóa chất sử dụng cho cụm xử lý hóa lý cân bằng pH và tạo bông kết tủa: H_2SO_4 , Alkali, FeSO_4 , PAC, Polyme, ...). Nước thải qua bể pha trộn hóa chất sẽ phản ứng với các hóa chất xảy ra quá trình kết tủa, keo tụ tạo bông, các chất rắn lơ lửng trong nước sẽ bị keo tụ lại và kết dính với polyme tạo thành các bông bùn.

Các hóa chất sử dụng trong quá trình phản ứng như sau:



Sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn dùng phương pháp keo tụ tạo bông để tách bùn cặn ra khỏi nước. Phần bông sẽ được đưa về bể chứa bùn. Còn phần nước trong thu được sẽ đưa về hệ xử lý chung.

- Line 4: nước thải của dây chuyền sơn phốt phát và máy rung

Nước thải từ dây chuyền sơn, có nồng độ màu và COD khá cao, để xử lý cần sử dụng phương pháp hóa lý (kết tủa- tạo bông) Tách màu ra khỏi nước.

Đầu tiên nước thải chứa kim loại nặng và hóa chất khi vào hệ thống sẽ được dẫn vào bể điều hòa EQ-401. Trong bể được bố trí hệ thống đĩa phân phối khí nhằm đảo trộn nước thải trong bể. Bể điều hòa có tác dụng ổn định điều hòa lưu lượng và nồng độ nước thải đảm bảo sự ổn định cho hệ thống xử lý phía sau.

Nước thải sau khi qua bể chứa sẽ được bơm lên cụm xử lý hóa lý. Tại đây nước thải sẽ được đi qua lần lượt các bể và tại mỗi bể sẽ được châm vào một lượng hóa chất nhất định (hóa chất sử dụng cho cụm xử lý hóa lý cân bằng pH và tạo bông kết tủa: NaOH , PAC, Polyme, ...). Nước thải qua bể pha trộn hóa chất sẽ phản ứng với các hóa chất xảy ra quá trình kết tủa, keo tụ tạo bông, các chất rắn lơ lửng trong nước sẽ bị keo tụ lại và kết dính với polime tạo thành các bông bùn.

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở:
“Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác”**

Sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn dùng phương pháp keo tụ tạo bông để tách bùn cặn ra khỏi nước. Phần bông sẽ được đưa về bể chứa bùn. Còn phần nước trong thu được sẽ đưa về hệ xử lý chung.

b.2. Phần xử lý chung:

Nước thải sau xử được xử lý tại 04 line trên sẽ được đưa về cụm bể xử lý chung như sau:

- Bể trung gian:

Nước thải từ 4 tank lắng đứng và nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại 3 ngăn được đưa về bể trung gian, để tập trung và điều hòa lưu lượng và nồng độ nước thải

- Thiết bị phản ứng Ozone:

Nước thải từ bể trung gian được đưa lên thiết bị phản ứng Ozone, ở đây nhờ khả năng oxy hóa mạnh của ozone để loại bỏ vi khuẩn, vi rút, độ đục trong nước thải. Sau đó đưa vào thiết bị lọc để loại bỏ các chất rắn lơ lửng ra khỏi nước.

- Thiết bị lọc hấp phụ:

Thiết bị lọc hấp phụ có chức năng khử bớt màu mùi và giữ lại những chất rắn nhỏ, hấp phụ các chất độc hại còn lại trong nước còn sót lại sau quá trình lắng. Nước sau qua thiết bị lọc hấp phụ đạt tiêu chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (theo yêu cầu để được tiếp nhận và đầu nối của KCN Quang Minh) và được xả ra hệ thống thoát nước chung của Khu công nghiệp Quang Minh để thu gom về trạm XLNT của KCN Quang Minh xử lý đảm bảo đạt QCTĐHN 02:2014/BTNMT, Cột A trước khi xả thải vào môi trường.

- Xử lý bùn:

Bùn thu được từ hệ thống được tập trung về bể chứa bùn, bơm lên thiết bị nén bùn và được đưa về máy ép bùn. Bùn sau ép được tập kết để đưa đi xử lý, phần nước trong thu được trong quá trình ép sẽ được đưa về bể trung gian.

Bảng 2.2. Kích thước các bể của trạm XLNT

TT	Hạng mục	Ký hiệu	Kích thước	Thể tích (m ³)	Vật liệu
1	Bể chứa nước thải		B × L × H (m)		
-	Nước thải Cr ⁶⁺	EQ-101	1,2 x 5,07 x 2,5	15,21	BTCT
-	Nước thải Ni ²⁺ ...	EQ-201	1,2 x 5,07 x 2,5	15,21	
-	Nước thải Cu ²⁺ , Zn ²⁺ ...	EQ-301	1,2 x 5,07 x 2,5	15,21	
-	Nước dây chuyền sơn, phốt phát bề mặt và máy rung	EQ-401	1,2 x 5,07 x 2,5	15,21	
5	Bể chứa nước trung gian	ET-101	1,15 x 5,18 x 2,5	14,89	
7	Bể chứa bùn	SLU-101	1,18 x 5,18 x 2,5	15,28	BTCT
7	Bể phản ứng		B × L × H (m)		

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở:
“Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác”**

TT	Hạng mục	Ký hiệu	Kích thước	Thể tích (m ³)	Vật liệu
-	Bể phản ứng 1	MX-101	0,78 x 3,22 x 1,02	2,56	Nhựa PP dày 10mm, gia cường thép hộp mạ kẽm bên trong chịu lực
-	Bể phản ứng 2	MX-201	0,78 x 2,61 x 1,02	2,08	
-	Bể phản ứng 3	MX-301	0,78 x 3,22 x 1,02	2,56	
-	Bể phản ứng 4-1	MX-401	0,78 x 2,61 x 1,02	2,08	
-	Bể phản ứng 4-2		1,16 x 3,22 x 1,02	2,91	
8	Bể lắng		D × H (m)		
-	Bể lắng 1	ST-101	1 x 2,8	1,65	Thép CT3 (bọc composited coated)
-	Bể lắng 2	ST-201	1 x 2,8	1,65	
-	Bể lắng 3	ST-301	1 x 2,8	1,65	
-	Bể lắng 4	ST-401A	1 x 2,8	1,65	
-	Bể lắng 5	ST-401B	1 x 2,8	1,65	
9	Bể phản ứng Ozone	30	1,2 x 3,2	1,78	Thép CT3 (bọc composited coated)
10	Bể lọc hấp phụ	FT-101	1,2 x 2,8	-	

(Nguồn: Bản vẽ hoàn công - Công ty TNHH Khóa Huy Hoàng)

- Một số hình ảnh về trạm xử lý nước thải tập trung của cơ sở:



Hệ thống bể phản ứng

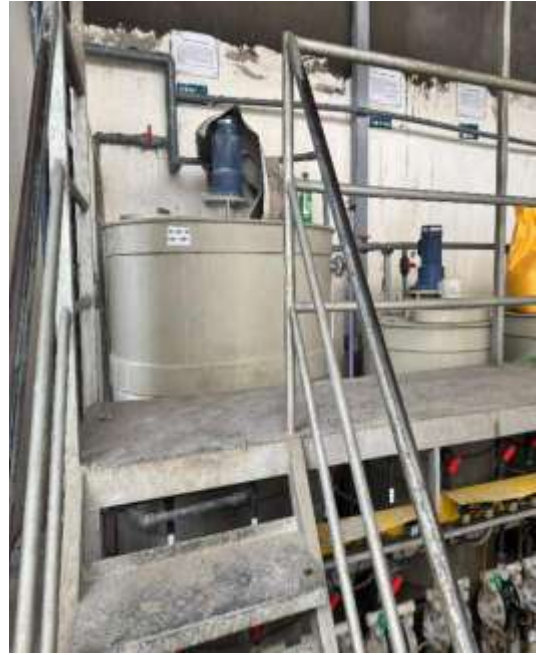


Hệ thống bể phản ứng, bể lọc

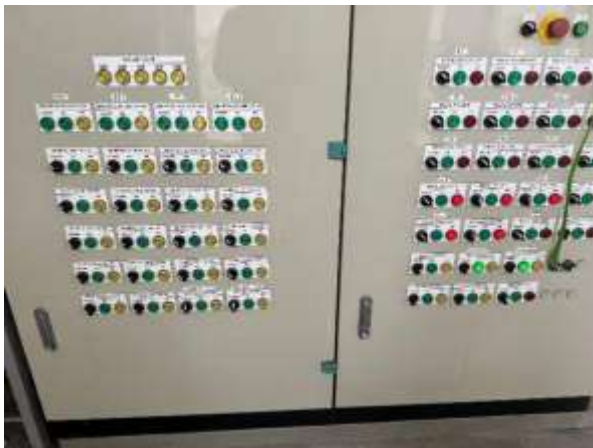
**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở:
“Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác”**



Máy ép bùn



Sàn thao tác kiểm tra



Hệ thống tủ điều khiển



Đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu ra



Máy ép bùn

Hình 2.8. Một số hình ảnh hiện trạng hệ thống XLNT tại cơ sở

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở:
“Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác”**

❖ **Máy móc, thiết bị bố trí tại hệ thống XLNT**

Bảng 2.3. Bảng tổng hợp máy móc, thiết bị bố trí tại hệ thống XLNT

STT	Tên hạng mục	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng
I	LINE 1: NƯỚC THẢI CHỨA CR⁶⁺			
1	Bộ chắn rác bể gom đầu vào: EQ-101 - Kích thước 500x500 mm - Kích thước lỗ: Ø 8 - Vật liệu: Composite - Đồng bộ cùng giá đỡ lắp đặt	HD TEISCO CHẾ TẠO	Set	1
2	Cụm bơm cấp bể điều hòa: P101 - Chung loại: Bơm ly tâm - Model: MP-120R-280 - Lưu lượng: Qmax = 220 lít/phút - Cột áp Max: 10.5m - Chiều sâu hút: 4m - Độ ồn: <75dB	China	Thiết bị	1
3	Thiết bị phản ứng: MX-101 - Kích thước: DxRxC = 3220x780x1020mm - Vật liệu: Nhựa PP dây 10mm, Gia cường thép hộp mạ kẽm bên trong chịu lực - Chân: Thép mạ kẽm gia công tại chỗ cao 2000. - Đồng bộ cùng giá đỡ máy khuấy, đầu phân phối, đường ống vào ra các tank trong thiết bị phản ứng	HD TEISCO CHẾ TẠO	Thiết bị	1
4	Động cơ khuấy bể phản ứng: AG-101, AG-102, AG-103, AG-104, AG-105 - Model: PF22-0200-25S3. - Tốc độ: 50-60 vòng / phút - Nguồn điện: 0,2kw, 380v, 50Hz - Đồng bộ cùng trục cánh khuấy phủ composit.	Tungli Taiwan	Set	5
5	Thiết bị điều chỉnh và hiển thị pH tự động: - Model: Mestar+ -PB0-6 - Đầu đo: pH sensor - Dải đo: 0-14 pH - Nguồn điện: 1pha 230V, 50Hz - Cấp bảo vệ: IP 65 - Tín hiệu đầu ra: 4-20mA - Áp lực: 6bar	Cheonsei Korea	Set	2

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở:
“Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác”**

STT	Tên hạng mục	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng
	- Bộ hiện thị pH controler và điều khiển bơm - Cấp tín hiệu: 4-5m			
6	Tank lắng: ST-101 - Kích thước: DxH=1000x2800mm - Vật liệu: Composite sơn Epoxy màu ghi xám. Đồng bộ cùng ống trung tâm, giá đỡ ống và đường nước vào ra	HD TEISCOCHẾ TẠO	Thiết bị	1
II	LINE 2 NƯỚC THẢI CHỨA NI²⁺			
1	Bộ chắn rác bể gom đầu vào: EQ-201 - Kích thước 500x500 mm - Kích thước lỗ: Ø 8 - Vật liệu: Composite Đồng bộ cùng giá đỡ lắp đặt	HD TEISCOCHẾ TẠO	Set	1
2	Cụm bơm cấp bể điều hòa: P201 - Chung loại: Bơm ly tâm - Model: MP-120R-280 - Lưu lượng: Qmax = 220 lít/phút - Cột áp Max: 10.5m - Chiều sâu hút: 4m Độ ồn: <75dB	China	Thiết bị	1
3	Thiết bị phản ứng: MX-201 - Kích thước: DxRxC = 2610x780x1020mm - Vật liệu: Nhựa PP dày 10mm, Gia cường thép hộp mạ kẽm bên trong chịu lực - Chân: Thép mạ kẽm gia công tại chỗ cao 2000 Đồng bộ cùng giá đỡ máy khuấy, đầu phân phối, đường ống vào ra các tank trong thiết bị phản ứng	HD TEISCOCHẾ TẠO	Thiết bị	1
4	Động cơ khuấy bể phản ứng: AG-201, AG-202, AG-203, AG-204. - Model: PF22-0200-25S3. - Tốc độ: 50-60 vòng / phút - Nguồn điện: 0,2kw, 380v, 50Hz Đồng bộ cùng trục cánh khuấy phủ composit	Tungli Taiwan	Set	4

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở:
“Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác”**

STT	Tên hạng mục	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng
5	Thiết bị điều chỉnh và hiển thị pH tự động: - Model: Mestar+ -PB0-6 - Đầu đo: pH sensor - Dải đo: 0-14 pH - Nguồn điện: 1pha 230V, 50Hz - Cấp bảo vệ: IP 65 - Tín hiệu đầu ra: 4-20mA - Áp lực: 6bar - Bộ hiển thị pH controler và điều khiển bơm Cấp tín hiệu: 4-5m	Cheonsei - Hàn Quốc	set	1
6	Tank lắng: ST-101 - Kích thước: DxH=1000x2800mm - Vật liệu: Composite sơn Epoxy màu ghi xám. Đồng bộ cùng ống trung tâm, giá đỡ ống và đường nước vào ra	HD TEISCOCHẾ TẠO	Thiết bị	1
III	LINE 3 NƯỚC THẢI CHỨA CU²⁺, ZN²⁺			
1	Bộ chắn rác bể gom đầu vào: EQ-301 - Kích thước 500x500 mm - Kích thước lỗ: Ø 8 - Vật liệu: Composite Đồng bộ cùng giá đỡ lắp đặt	HD TEISCOCHẾ TẠO	Set	1
2	Cụm bơm cấp bể điều hòa: P301 - Chung loại: Bơm ly tâm - Model: MP-120R-280 - Lưu lượng: Qmax = 220 lít/phút - Cột áp Max: 10.5m - Chiều sâu hút: 4m Độ ồn: <75dB	China	Thiết bị	1
3	Thiết bị phản ứng: MX-301 - Kích thước: DxRxC = 3220x780x1020mm - Vật liệu: Nhựa PP dây 10mm, Gia cường thép hộp mạ kẽm bên trong chịu lực - Chân: Thép mạ kẽm gia công tại chỗ cao 2000 Đồng bộ cùng giá đỡ máy khuấy, đầu phân phối, đường ống vào ra các tank trong thiết bị phản ứng	HD TEISCOCHẾ TẠO	Thiết bị	5

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở:
“Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác”**

STT	Tên hạng mục	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng
4	Động cơ khuấy bể phản ứng: AG-301, AG-302, AG-B303, AG-304, AG-305 - Model: PF22-0200-25S3. - Tốc độ: 50-60 vòng / phút - Nguồn điện: 0,2kw, 380v, 50Hz Đồng bộ cùng trục cánh khuấy phủ composit	Tungli Taiwan	Set	5
5	Thiết bị điều chỉnh và hiển thị pH tự động: - Model: Mestar+ -PB0-6 - Đầu đo: pH sensor - Dải đo: 0-14 pH - Nguồn điện: 1pha 230V, 50Hz - Cấp bảo vệ: IP 65 - Tín hiệu đầu ra: 4-20mA - Áp lực: 6bar - Bộ hiện thị pH controler và điều khiển bơm Cáp tín hiệu: 4-5m	Cheonsei - Hàn Quốc	Set	2
6	Tank lắng: ST-301 - Kích thước: DxH=1000x2800mm Vật liệu: Composite sơn Epoxy màu ghi xám. - Đồng bộ cùng ống trung tâm, giá đỡ ống và đường nước vào ra	HD TEISCOCHẾ TẠO	Thiết bị	1
IV	LINE 4 NƯỚC THẢI DÂY CHUYỀN SƠN PHỐT PHÁT VÀ MÁY RUNG			
1	Bộ chắn rác bể gom đầu vào: EQ-401 - Kích thước 500x500 mm - Kích thước lỗ: Ø 8 - Vật liệu: Composite Đồng bộ cùng giá đỡ lắp đặt	HD TEISCOCHẾ TẠO	Set	2
2	Cụm bơm cấp bể điều hòa: P401A, 401B - Chung loại: Bơm ly tâm - Model: MP-120R-280 - Lưu lượng: Qmax = 220 lít/phút - Cột áp Max: 10.5m - Chiều sâu hút: 4m Độ ồn: <75dB	China	Thiết bị	2
3	Thiết bị phản ứng: MX-401 - Kích thước: DxRxC = 2590x760x1000mm	HD TEISCOCHẾ	Thiết bị	1

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở:
“Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác”**

STT	Tên hạng mục	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng
	- Vật liệu: Nhựa PP dày 10mm, Gia cường thép hộp mạ kẽm bên trong chịu lực - Chân: Thép mạ kẽm gia công tại chỗ cao 2000 Đồng bộ cùng giá đỡ máy khuấy, đầu phân phối, đường ống vào ra các tank trong thiết bị phản ứng	TẠO		
4	Động cơ khuấy bể phản ứng: AG-401, AG-402, AG-403, AG-404. - Model: PF22-0200-25S3. - Tốc độ: 50-60 vòng / phút - Nguồn điện: 0,2kw, 380v, 50Hz Đồng bộ cùng trục cánh khuấy phủ composit	Tungli Taiwan	Thiết bị	4
5	Thiết bị điều chỉnh và hiển thị pH tự động: - Model: Mestar+ -PB0-6 - Đầu đo: pH sensor - Dải đo: 0-14 pH - Nguồn điện: 1pha 230V, 50Hz - Cấp bảo vệ: IP 65 - Tín hiệu đầu ra: 4-20mA - Áp lực: 6bar - Bộ hiển thị pH controler và điều khiển bơm Cấp tín hiệu: 4-5m	Cheonsei - Hàn Quốc	Set	1
6	Tank lắng: ST-401 - Kích thước: DxH=1000x2800mm - Vật liệu: Composite sơn Epoxy màu ghi xám. Đồng bộ cùng ống trung tâm, giá đỡ ống và đường nước vào ra	HD TEISCOCHẾ TẠO	Thiết bị	1
V	HỆ THỐNG KẾT NỐI CHUNG – HỆ THỐNG PHỤ TRỢ			
1	Cụm bơm lọc: P-501 - Chung loại: Bơm thải thả chìm - Model: BAV-250A - Lưu lượng: Qmax = 12m3/h - Cột áp: Hmax = 8m H2O Nguồn điện: 3 phase 380v, 0,25kw, 50Hz	APP/Taiwan	Set	1
2	Tank phản ứng: OZONE - Kích thước: DxH=1200x3200mm - Vật liệu: Composite sơn Epoxy màu	HD TEISCOCHẾ	Thiết bị	1

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở:
“Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác”**

STT	Tên hạng mục	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng
	ghi xám. - Đồng bộ cùng máy Ozone 2g/h Đồng bộ cùng đường nước vào ra	TẠO		
3	Tank hấp phụ và lọc cát: FT-101 - Kích thước: DxH=1200x2800mm - Vật liệu: Composite sơn Epoxy màu ghi xám. - Đồng bộ cùng vật liệu lọc Đồng bộ cùng đường nước vào ra	HD TEISCOCHẾ TẠO	Thiết bị	1
4	Tank nén bùn: SLU-201 - Kích thước: DxH=1000x2800mm - Vật liệu: Composite sơn Epoxy màu ghi xám. - Đồng bộ cùng vật liệu lọc Đồng bộ cùng đường nước vào ra	HD TEISCOCHẾ TẠO	Thiết bị	1
5	Cụm bơm rửa lọc: P-601 A/B - Chung loại: Bơm thải thả chìm - Model: BAV-400A - Lưu lượng: Qmax = 18m ³ /h - Cột áp: Hmax = 8m H ₂ O Nguồn điện: 3 phase 380v, 0,25kw, 50Hz	APP/Taiwan	Set	1
6	Bơm bùn nước thải: P-701 - Chung loại: Bơm thải thả chìm - Model: BAV-250A - Lưu lượng: Qmax = 12m ³ /h - Cột áp: Hmax = 8m H ₂ O Nguồn điện: 3 phase 380v, 0,25kw, 50Hz	APP/Taiwan	Set	1
7	Máy thổi khí: EB-101 A/B - Model: LT50 - Lưu lượng: Q= 2 m ³ /phút. - Cột áp: H = 2 m. - Nguồn điện: 3x380V/ 2,2 KW/ 50 Hz - Tốc độ động cơ: ~1600 vòng/phút Các phụ kiện đi kèm: Van xả áp, van 1 chiều, khớp nối mềm, khớp nối chữ: T"	LongtechTaiwan	Set	2
8	Đĩa phân phối khí: CBD105 - Đường kính: 105 mm - Lưu lượng: 2-25m ³ /h - Vật liệu: EDPM	Janger-Đức	Set	30

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở:
“Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác”**

STT	Tên hạng mục	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng
	Đường kính kết nối: 3/4"			
9	Thiết bị hòa trộn tĩnh: - Kích thước: DxL=200x1500mm - Vật liệu: SUS 304 Chế tạo theo bản vẽ	HD TEISCOCHẾ TẠO	Set	1
VI	HỆ HÓA CHẤT			
1	Tank chứa hóa chất: C1-S, C2-S, C4-S, C5-S - Kích thước: DxH=800x1200mm - Vật liệu: PP Đồng bộ cùng đường nước vào ra và giá đỡ máy khuấy	HD TEISCOCHẾ TẠO	Thiết bị	4
2	Tank chứa hóa chất: C3-S - Kích thước: DxH=1200x1600mm - Vật liệu: PP Đồng bộ cùng đường nước vào ra và giá đỡ máy khuấy	HD TEISCOCHẾ TẠO	Thiết bị	1
3	Bơm định lượng hóa chất cho C3-S - Chung loại: Bơm màng khí nén - Model: BP15PP-P991-B - Lưu lượng: Qmax = 43,5 lít/phút - Cột áp Max: 70m (07bar) - Thân bơm: Nhựa Poly - Màng bơm: Santo - Bi: Nhựa Poly - Chiều sâu hút: 4,1m Độ ồn: <75dB	BSK-USA C/O: China C/Q, Test: USA	Set	4
4	Bơm định lượng hóa chất cho C1-S, C2-S, C4-S, C5-S - Model: AX1-13-PTC-HWS-K - Chung loại bơm màng - Lưu lượng: 50 lít/h - Áp suất: 3 bar Nguồn điện: 0,2Kw, 230v, 50Hz	Cheonsei Korea	Set	14
5	Động cơ khuấy hóa chất: BỂ C3-S - Tốc độ: 60-90 v/ phút - Nguồn điện: 0,75kw, 380V, 50Hz Đồng bộ cùng trục cánh khuấy SUS 304 phủ composit	Tungli Taiwan	Set	1
6	Động cơ khuấy hóa chất: BỂ C1-S, C2-S, C4-S, C5-S - Tốc độ: 60-90 v/ phút - Nguồn điện: 0,4kw, 380V, 50Hz Đồng bộ cùng trục cánh khuấy SUS	Tungli Taiwan	Set	4

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở:
“Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác”**

STT	Tên hạng mục	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng
	304 phủ composit			
7	Giá đỡ bơm định lượng và sàn thao tác đổ hóa chất: - Vật liệu: CT3, sơn phủ Epoxy màu ghi xám Chế tạo theo thực tế tại công trường	HD TEISCO	Set	1
VII	HỆ THỐNG ĐIỆN ĐỘNG LỰC VÀ ĐIỀU KHIỂN HỆ THỐNG ĐƯỜNG ống VÀ VAN LIÊN KẾT			
1	<p>Hệ thống điện động lực và điều khiển</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vỏ tủ: BxLxH=500x1800x1900mm : Việt Nam - Bộ thanh BUSBAR 3PHA 100A: 01 bộ - Phần lập trình PLC tự động: - Bộ PLC : FX3U128MR - Misubitsi - Màn hình HMI: GS2110 - Misubitsi - Modul mở rộng: 02 cái Misubitsi - Phần thiết bị đóng cắt và bảo vệ: - Attomat MCCB 75A Icu 25Ka: 01cái - Attomat MCB 25A: 2cái- Misubitsi - Attomat MCB 10A: 28cái- Misubitsi - Attomat MCB 10A: 18cái- Misubitsi - Contactor ST10: 28 cái- Misubitsi Rơ le nhiệt : 28 cái - Misubitsi 	Việt Nam, Nhật Bản, Hàn Quốc, ASIA	Hệ	1
	<ul style="list-style-type: none"> - Phần đèn báo, rơ le trung gian, chuyển mạch - Đèn báo đỏ, vàng, xanh 70 bộ - Idec - Chuyển mạch: 40 cái - Idec - Rơ le trung gian: 33 cái – Reyal - Phần đo lường và bảo vệ - Đồng hồ đa năng 01 bộ - Slec - Biền dòng: 75/5 01 bộ - Korean - Thiết bị bảo vệ pha VPR900 – Slec - Cầu chì: Omela 04 bộ - Còi báo, nút reset, cảm biến nhiệt 01 bộ - Quạt làm mát tủ điện 01 bộ - đồng bộ cùng máng, dây nối, phụ kiện đấu nối và vật tư kết nối nội bộ 			

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở:
“Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác”**

STT	Tên hạng mục	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng
	tủ điện Đồng bộ cùng phao báo cạn ở trên các bể công nghệ			
2	Cáp điện và thang máng cáp -Cáp điện động lực và tín hiệu: Cadisum - Máng cáp thép mạ kẽm nhúng nóng - Ống mềm PVC Việt Nam Đồng bộ cùng giá đỡ và lắp đặt máng cáp trọn bộ	Việt Nam	Hệ	1

(Nguồn: Công ty TNHH Khóa Huy Hoàng)

❖ **Quy trình vận hành hệ thống XLNT tại cơ sở**

a. Chuẩn bị

- Nhân lực: Yêu cầu khi vận hành hệ thống phải có ít nhất 02 người để thao tác và kiểm tra các hạng mục về điện và nước thải, lưu lượng nước thải đầu vào, chất lượng nước thải đầu ra, hàm lượng bùn lắng tại bể lắng, lượng bùn ép sau xử lý,...

- Bảo hộ lao động: Găng tay, quần áo bảo hộ, giày bảo hộ, khẩu trang và kính bảo hộ.

- Dụng cụ thí nghiệm cầm tay trọn bộ.

- Dụng cụ cầm tay về điện và cơ khí: Kim, tovit, ampe kim, bộ cle, khoan,...

- Chuẩn bị hóa chất:

+ *Cách pha H₂SO₄*

Cho nước vào khoảng 2/3 bồn hóa chất H₂SO₄.

Lấy 1,5 lít H₂SO₄ (98%) đổ từ từ vào thùng (Chú ý không đổ ngược H₂SO₄ trước sau đó đổ nước để tránh gây bắn và nguy hiểm).

Bật máy khuấy C1-S ở chế độ MAN nếu chưa chạy hệ thống xử lý hoặc để chế độ AUTO khi bổ sung hóa chất lúc các LINE nước đang chạy để hóa chất được khuấy đều. Sau đó cho thêm nước đến cách mặt bồn hóa chất khoảng 20 cm.

+ *Cách pha FeSO₄*

Cho nước vào khoảng 2/3 bồn chứa hóa chất đựng FeSO₄.

Tiếp theo, cho 200ml H₂SO₄ 98% vào, cân khoảng 28kg FeSO₄ cho vào bồn hóa chất. Nếu pha bổ sung (nước cạn đến cánh khuấy), lượng FeSO₄ thêm vào khoảng 25kg.

Bật máy khuấy C2-S ở chế độ MAN nếu chưa chạy hệ thống xử lý hoặc để chế độ AUTO khi bổ sung hóa chất lúc các LINE nước đang chạy để hóa chất được khuấy đều. Sau đó cho thêm nước đến cách mặt bồn hóa chất khoảng 20cm.

+ *Cách pha Ca(OH)₂*

Vận nước vào bồn hóa chất Ca(OH)₂, sau đó đổ ít nhất 25kg (1bao) Ca(OH)₂ vào bồn. Có thể cho vào lượng Ca(OH)₂ nhiều hơn tùy thuộc vào pH đầu vào của nước. Nước pH càng thấp cần pha Ca(OH)₂ nồng độ càng cao đủ để nâng pH của nước thải kết tủa xử lý các kim loại.

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở:
“Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác”**

Bật máy khuấy C3-S ở chế độ MAN nếu chưa chạy hệ thống xử lý hoặc để chế độ AUTO khi bổ sung hóa chất lúc các LINE nước đang chạy để hóa chất được khuấy đều. Sau đó cho thêm nước đến cách mặt bồn hóa chất khoảng 20 cm.

+ Cách pha PAC

Cho nước khoảng 2/3 bồn chứa PAC, cân khoảng 5kg PAC. Nếu pha bổ sung (lượng nước cạn đến cánh khuấy) cân khoảng 4kg.

Bật máy khuấy ở chế độ MAN nếu chưa chạy hệ thống xử lý hoặc để chế độ AUTO khi bổ sung hóa chất lúc các LINE nước đang chạy để hóa chất được khuấy đều. Sau đó cho thêm nước đến cách mặt bồn hóa chất khoảng 20 cm.

+ Cách pha Polymer

Cho nước khoảng 2/3 bồn chứa Polymer, cân khoảng 300g Polymer, cho rất từ từ polymer vào bồn để polymer dễ hòa tan. (Tránh cho cả cục polymer vì polymer lâu tan, có tính nhớt dễ gây bít tắt đường ống). Nếu pha bổ sung (lượng nước cạn đến cánh khuấy) cân khoảng 150 gam.

Bật máy khuấy ở chế độ MAN nếu chưa chạy hệ thống xử lý hoặc để chế độ AUTO khi bổ sung hóa chất lúc các LINE nước đang chạy để hóa chất được khuấy đều. Sau đó cho thêm nước đến cách mặt bồn hóa chất khoảng 20 cm.

b. Kiểm tra

- Kiểm tra hệ thống điện: Nguồn điện, điều kiện an toàn của tủ điện và các vị trí nút bấm.

- Kiểm tra các van có đang sẵn sàng cho thiết bị hoạt động không và tình trạng thiết bị. (Van có đóng mở bình thường không, thiết bị có hiện tượng bất thường hay không).

- Kiểm tra lượng hoá chất: Hóa chất sử dụng cho trạm xử lý có nhiều loại hóa chất chuyên dụng. Bởi vậy việc vận hành và kiểm tra hóa chất đòi hỏi người vận hành phải có kiến thức cơ bản và được đào tạo vận hành của đơn vị thi công và chuyển giao mới được vận hành. Kiểm tra Y lọc và vệ sinh Y lọc thường xuyên tránh gây tắc và không bơm được hóa chất lên.

- Lưu ý: Với hóa chất cần phải có đầy đủ bảo hộ, dụng cụ lấy hóa chất, đóng hóa chất và phải tuân thủ nghiêm ngặt theo chỉ dẫn vận hành cũng như chỉ dẫn trên bao bì.

❖ Quy trình vận hành

a. Vận hành các thiết bị trong phạm vi điều khiển của tủ trung tâm

Hệ thống xử lý nước thải có 2 chế độ hoạt động (AUTO/MAN)

AUTO: Hệ thống đã được cài đặt, lập trình sẵn, muốn bơm nào hoạt động theo chế độ AUTO, ta chỉ cần chuyển chế độ sang AUTO nhờ công tắc chuyển mạch 3 vị trí trên cánh tủ.



Ở chế độ AUTO:

- Các LINE được hoạt động theo mức các bể thông qua Phao báo mức nước, máy khuấy bể phản ứng hoạt động và các bơm hóa chất hoạt động theo. Các bể có gắn bộ đo pH

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở:
“Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác”**

thì sẽ điều khiển bơm định lượng bơm vào bể đó cho đến khi đạt mức pH cần, lúc này bơm Định lượng đó sẽ dừng.

Bảng 2.4. Thông kê các thiết bị trong hệ thống xử lý nước thải sản xuất của cơ sở

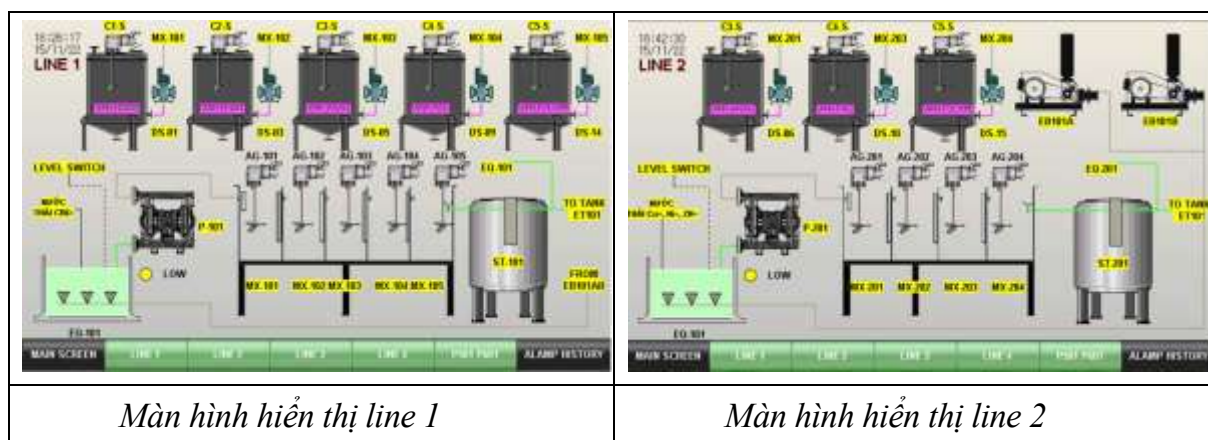
STT	Bơm đầu vào	Cụm thiết bị bể phản ứng	Cụm thiết bị hóa chất	Thiết bị pH
LINE1	Bơm P-101A	AG-101, AG-102, AG-103, AG-104, AG-105	DS-01- C2S, DS3-C2S, DS5-C3S, DS9-C4S, DS14-C5S	PH01-DS01 PH02-DS05
LINE 2	Bơm P-201	AG-201, AG-202, AG-203, AG-204	DS6- C3S, DS10-C4S, DS15-C5S,	PH3-DS6
LINE 3	Bơm P-301	AG-301, AG-302, AG-303, AG-304, AG-305	DS2-C1S, DS4-C2S, DS7-C3S, DS11-C4S, DS16-C5S	PH4-DS2, PH5-DS7
LINE 4	Bơm P-401, P401B	AG-401, AG-402, AG-403, AG-404	DS8-C3S, DS12-C4S, DS17-C5S	PH6-DS8

(Nguồn: Tài liệu hướng dẫn vận hành – Công ty TNHH Khóa Huy Hoàng)

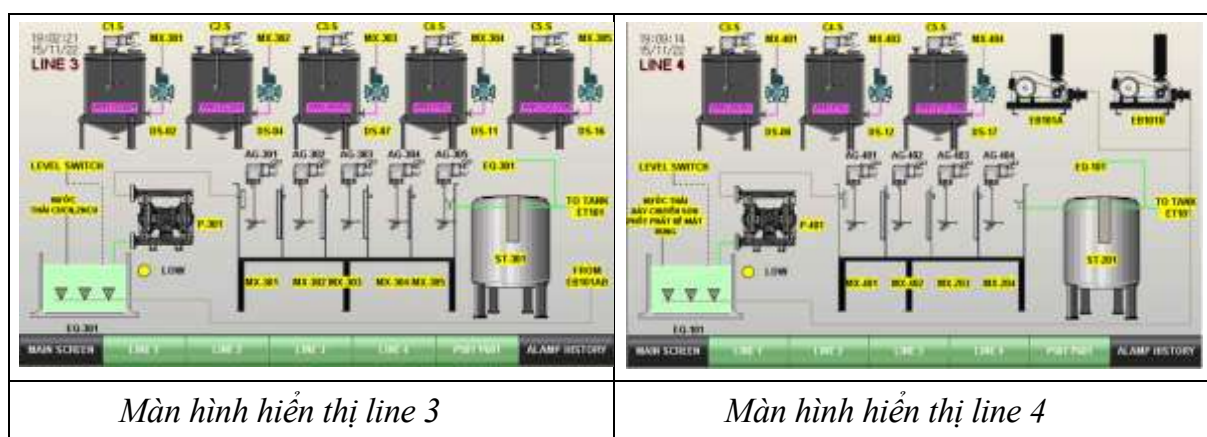
MANal: Chuyển công tắc 3 vị trí về MAN (Manual) điều khiển ở chế độ này các thiết bị chạy độc lập với nhau, bật tắt nhờ công tắc 3 vị trí.

Chế độ bảo vệ : Tủ điều khiển được bảo vệ đảo pha, lệch pha, mất pha, điện áp thấp, cao áp các lộ thiết bị được bảo vệ quá tải, ngắn mạch. Khi xảy ra hiện tượng quá tải Relay nhiệt tác động ngắt mạch, các động cơ thiết bị dừng để bảo vệ. Lúc này đèn báo Vàng sáng cảnh báo thiết bị đang quá tải đồng thời đèn còi xoay màu đỏ, sáng và quay Muốn Reset còi đèn xoay, nhấn nút “ Reset” trên cánh tủ điện, lúc này còi đèn xoay sẽ dừng lại Reset lỗi quá tải “ TRIP” nhấn nút reset trên Relay nhiệt trong tủ , lúc này đèn báo vàng sẽ tắt , và có thể khởi động lại thiết bị.

b. Hướng dẫn cài đặt, điều khiển trên màn hình HMI



**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở:
“Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác”**



Hình 2.9. Chế độ hiển thị trên màn hình HMI

c. Một số lưu ý khi vận hành

Lượng hóa chất pha như trên hướng dẫn áp dụng cho hệ thống chạy đều theo công suất thiết kế. Nếu tăng công suất của hệ, cần điều chỉnh bơm hóa chất hoặc điều chỉnh lượng hóa chất pha thêm vào trong bồn hóa chất.

Việc điều chỉnh van của các bơm định lượng hóa chất sẽ phụ thuộc vào lưu lượng nước thải đầu vào và nồng độ các thành phần trong nước thải đầu ra.

Do nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải đầu vào của bể gom là khác nhau. Vì vậy, cần lưu nước trong bể đủ lâu (khoảng 8h). Nếu không lưu được đủ lâu, thì khi bơm nước thải lên các thiết bị phản ứng cần điều chỉnh bơm định lượng để xử lý được hoàn toàn các chất ô nhiễm trước khi thải ra môi trường.

Điều chỉnh bơm màng khí nén định lượng PAC và Polymer: Điều chỉnh van đầu hút, van đầu đẩy, và van khí nén cấp vào.

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Để hạn chế tác động của bụi, khí thải, nhiệt và mùi đến môi trường, Chủ dự án sẽ áp dụng các biện pháp sau:

2.1. Từ hoạt động giao thông ra/vào Dự án

Cơ sở đã và đang thực hiện các biện pháp nhằm giảm thiểu khói và bụi phát sinh từ các hoạt động giao thông nội bộ đường giao thông như sau:

- + Bê tông hóa toàn bộ đường giao thông nội bộ trong khu vực cơ sở. Lối xe ra vào được phân luồng quy định nhằm tránh tình trạng ùn tắc xe.
- + Vệ sinh, thu dọn đất cát, đá trong khuôn viên
- + Phun nước sân bãi giảm bụi và hơi nóng do khả năng hấp thụ nhiệt của bê tông gây ra, nhất là vào mùa nắng.
- + Quy định và hướng dẫn các loại phương tiện giao thông khi ra vào Cơ sở không rò ga, tắt máy ngay sau khi dừng đậu, bốc dỡ hàng hóa.
- + Trồng cây xanh để tránh bụi phát tán nhiều vào không khí.
- + Sử dụng nhiên liệu là dầu DO với hàm lượng S=0,05% (trừ các phương tiện sử dụng xăng).

2.2. Từ hoạt động của các máy móc sản xuất

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở:
“Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác”**

a, Nguồn phát sinh khí thải tại nhà máy

❖ **Nguồn phát sinh khí thải tại phân xưởng mạ**

- Nguồn số 01: Bụi tại dây chuyền phốt 01. Thành phần gồm Bụi,...
- Nguồn số 02: Bụi tại dây chuyền phốt 02. Thành phần gồm Bụi,...
- Nguồn số 03: Bụi, khí thải tại buồng sơn Zi 05. Thành phần: Bụi, Cacbon monoxit, Toluen ($C_6H_5CH_3$), Benzen (C_6H_6), Xylen ($C_6H_4(CH_3)_2$),...
- Nguồn số 04: Bụi, khí thải tại buồng sơn Zi 06. Thành phần: Bụi, Cacbon monoxit, Toluen ($C_6H_5CH_3$), Benzen (C_6H_6), Xylen ($C_6H_4(CH_3)_2$),...
- Nguồn số 05: Khí thải tại tủ sấy. Thành phần: hơi nóng, bụi,...
- Nguồn số 06: Khí thải tại dây chuyền mạ elip. Thành phần: Hơi axit, hơi kim loại Cu^{2+} , Ni^{2+} .
- Nguồn số 07: Khí thải (Crom) tại dây chuyền mạ thủ công + mạ elip. Thành phần: Hơi H_2SO_4 , Axit clohydric (HCl), Sương mù Axit Cromic CrO_3 .
- Nguồn số 08: Khí thải (Cu, Ni) tại dây chuyền mạ thủ công. Thành phần: Hơi H_2SO_4 , Axit clohydric (HCl), hơi kim loại Cu^{2+} , Ni^{2+} .

❖ **Nguồn phát sinh khí thải tại phân xưởng Sơn điện Zi**

- Nguồn số 9: Khí thải tại buồng sơn Zi 01. Thành phần: Bụi, Cacbon monoxit, Toluen ($C_6H_5CH_3$), Benzen (C_6H_6), Xylen ($C_6H_4(CH_3)_2$),...
- Nguồn số 10: Khí thải tại buồng sơn Zi 02. Thành phần: Bụi, Cacbon monoxit, Toluen ($C_6H_5CH_3$), Benzen (C_6H_6), Xylen ($C_6H_4(CH_3)_2$),...
- Nguồn số 11: Khí thải tại buồng sơn Zi 03. Thành phần: Bụi, Cacbon monoxit, Toluen ($C_6H_5CH_3$), Benzen (C_6H_6), Xylen ($C_6H_4(CH_3)_2$),...
- Nguồn số 12: Khí thải tại buồng sơn Zi 04. Thành phần: Bụi, Cacbon monoxit, Toluen ($C_6H_5CH_3$), Benzen (C_6H_6), Xylen ($C_6H_4(CH_3)_2$),...
- Nguồn số 13: Bụi, khí thải tại buồng vệ sinh hàng. Thành phần: Bụi.
- Nguồn 14: Khí thải tại tủ sấy 01. Thành phần: Bụi, Toluen ($C_6H_5CH_3$), Benzen (C_6H_6), Xylen ($C_6H_4(CH_3)_2$),...
- Nguồn 15: Khí thải tại tủ sấy 02. Thành phần: Bụi, Toluen ($C_6H_5CH_3$), Benzen (C_6H_6), Xylen ($C_6H_4(CH_3)_2$),...

❖ **Nguồn phát sinh khí thải tại phân xưởng Sơn tĩnh điện**

- Nguồn số 16: Bụi, khí thải tại buồng sơn tĩnh điện thủ công 01. Thành phần: Bụi,...
- Nguồn số 17: Bụi, khí thải tại buồng sơn tĩnh điện thủ công 02. Thành phần: Bụi,...
- Nguồn số 18: Bụi, khí thải tại buồng sơn tĩnh điện bán tự động 03. Thành phần: Bụi,...
- Nguồn số 19: Bụi, khí thải tại buồng sơn tĩnh điện bán tự động 04. Thành phần: Bụi,...
- Nguồn số 20: Bụi, khí thải tại buồng sơn tự động. Thành phần: Bụi,...
- Nguồn số 21: Khí thải từ khu vực tủ sấy. Thành phần: Bụi, Cacbon monoxit, Nitơ oxit,...

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở:
"Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác"**

- Nguồn số 22: Khí thải từ tủ sấy dây chuyền sơn tự động. Thành phần: Bụi, Cacbon monoxit, Nitơ oxit,...

b, Dòng khí thải

- Dòng thải số 1: Khí thải sau ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 01, lưu lượng 11.000m³/h (xử lý khí thải từ nguồn số 01).

- Dòng thải số 2: Khí thải sau ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 02, lưu lượng 11.000m³/h (xử lý khí thải từ nguồn số 02).

- Dòng thải số 3: Khí thải sau ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 03, lưu lượng 6.000m³/h (xử lý khí thải từ nguồn số 03).

- Dòng thải số 4: Khí thải sau ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 04, lưu lượng 8.000m³/h (xử lý khí thải từ nguồn số 04).

- Dòng thải số 5: Khí thải sau ống thoát khí của tủ sấy, lưu lượng 2.400m³/h (xử lý khí thải từ nguồn số 05).

- Dòng thải số 6: Khí thải sau ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 05, lưu lượng 18.000m³/h (xử lý khí thải từ nguồn số 06).

- Dòng thải số 7: Khí thải sau ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 06, lưu lượng 14.000m³/h (xử lý khí thải từ nguồn số 07).

- Dòng thải số 8: Khí thải sau ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 07, lưu lượng 11.000m³/h (xử lý khí thải từ nguồn số 08).

- Dòng thải số 9: Khí thải sau ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 08 và hệ thống xử lý khí thải số 9, lưu lượng 20.000m³/h (xử lý khí thải từ nguồn số 9 và nguồn số 10).

- Dòng thải số 10: Khí thải sau ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 10 và hệ thống xử lý khí thải số 11, lưu lượng 22.534m³/h (xử lý khí thải từ nguồn số 11 và nguồn số 12).

- Dòng thải số 11: Khí thải sau ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 12, lưu lượng 2.400m³/h (xử lý khí thải từ nguồn số 13).

- Dòng thải số 12: Khí thải sau ống thoát khí của tủ sấy 01 và tủ sấy 02, lưu lượng 4.800m³/h (xử lý khí thải từ nguồn số 14 và nguồn số 15).

- Dòng thải số 13: Khí thải sau ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 13, lưu lượng 11.267m³/h (xử lý khí thải từ nguồn số 16).

- Dòng thải số 14: Khí thải sau ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 14, lưu lượng 11.267m³/h (xử lý khí thải từ nguồn số 17).

- Dòng thải số 15: Khí thải sau ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 15, lưu lượng 10.000m³/h (xử lý khí thải từ nguồn số 18).

- Dòng thải số 16: Khí thải sau ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 16, lưu lượng 10.000m³/h (xử lý khí thải từ nguồn số 19).

- Dòng thải số 17: Khí thải sau ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 17, lưu lượng 50.000m³/h (xử lý khí thải từ nguồn số 20).

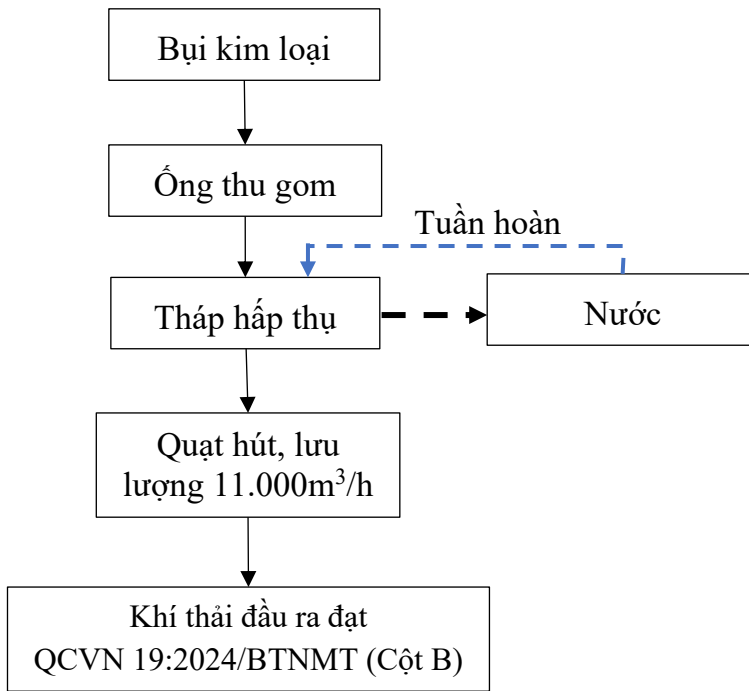
**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở:
“Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác”**

- Dòng thải số 18: Khí thải sau ống thoát khí của tủ sấy 20, lưu lượng 2.400m³/h (xử lý khí thải từ nguồn số 21).
- Dòng thải số 19: Khí thải sau ống thoát khí của tủ sấy dây truyền sơn tự động, lưu lượng 2.400m³/h (xử lý khí thải từ nguồn số 22).

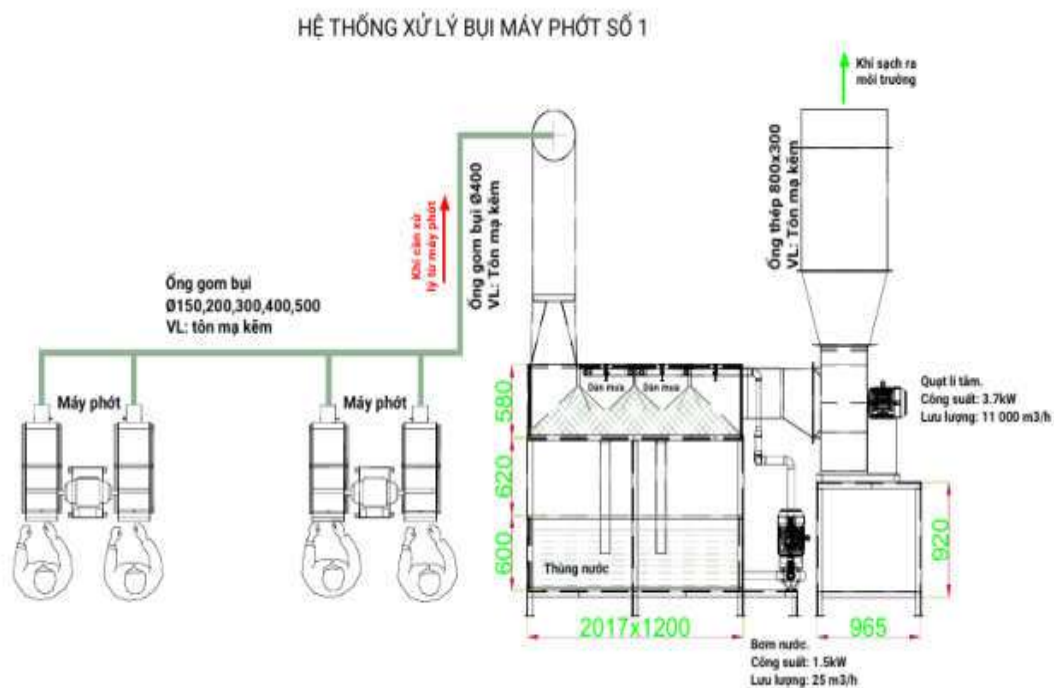
2.1. Hệ thống thu gom và xử lý thải

❖ Tại phân xưởng mạ

1, Hệ thống thu gom và xử lý bụi dây chuyền phốt 01 (HTXLKT01)



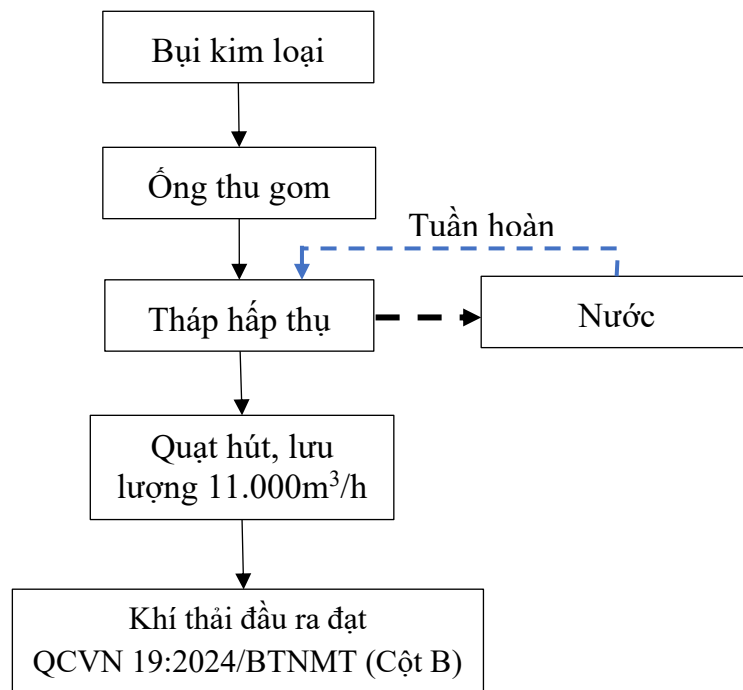
Hình 2.10. Sơ đồ hệ thống xử lý bụi dây chuyền phốt 01



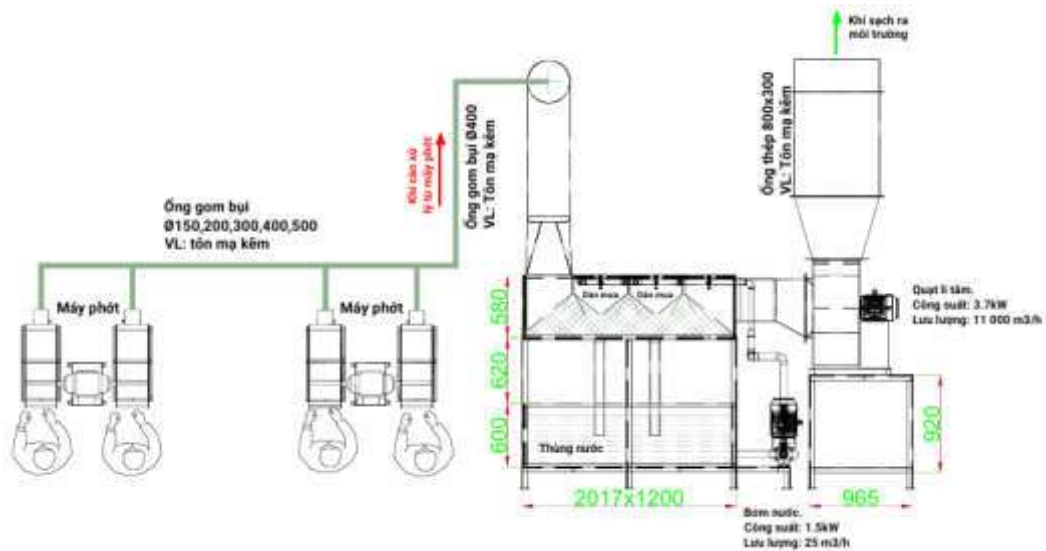
Hình 2.11. Công nghệ xử lý bụi dây chuyền phốt 01



Hình 2.12. ảnh hiện trạng hệ thống thu gom, XLKT tại dây chuyền phốt 1 2, Hệ thống thu gom và xử lý bụi dây chuyền phốt 02 (HTXLKT02)



Hình 2.13. Sơ đồ hệ thống xử lý bụi dây chuyền phốt 02

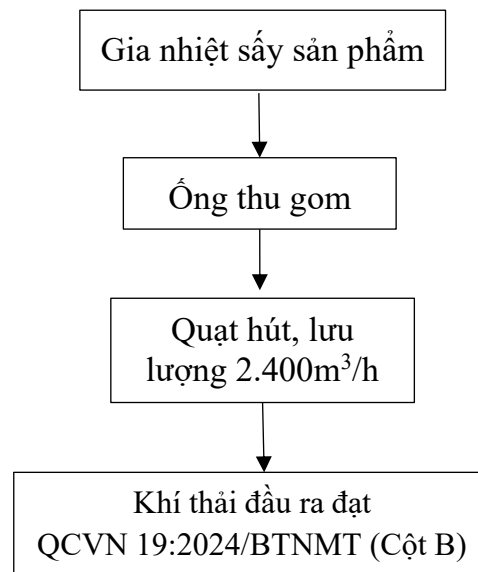


Hình 2.14. Công nghệ xử lý bụi dây chuyền phốt 02



Hình 2.15. Ảnh hiện trạng hệ thống thu gom, XLKT tại dây chuyền phốt 2

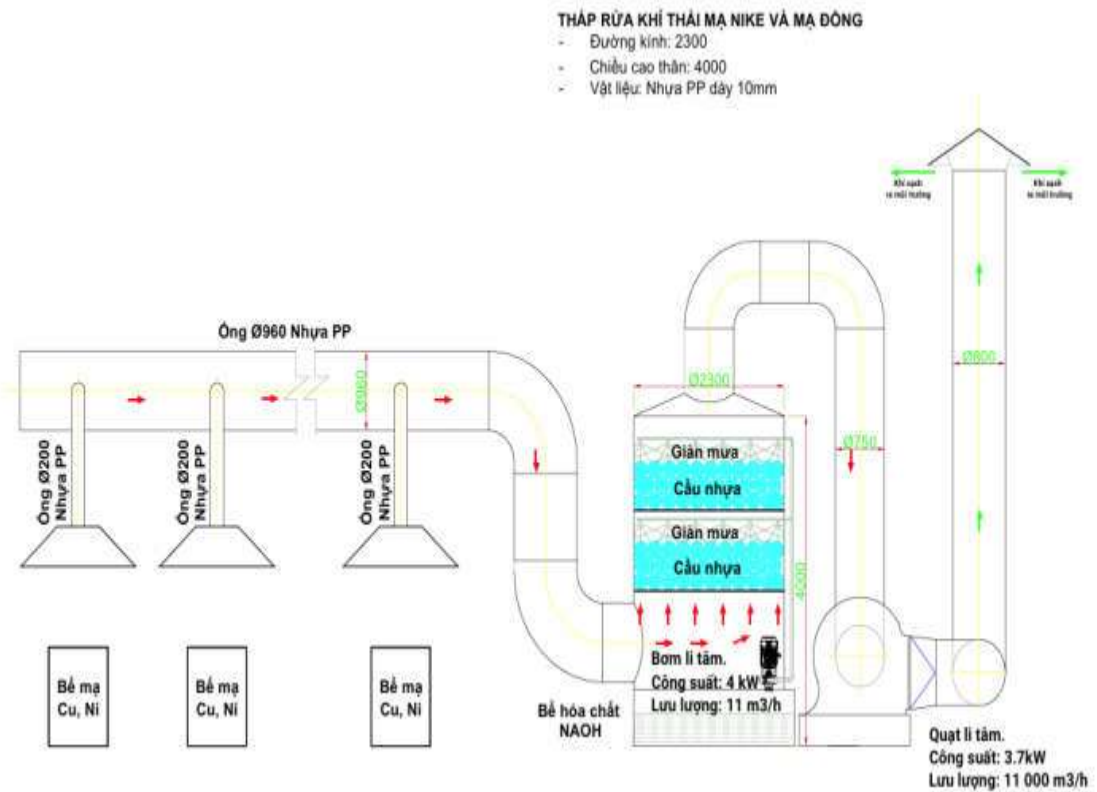
3. Hệ thống thoát khí thải từ sấy 01, 02, 20, từ sấy dây chuyền sơn tự động



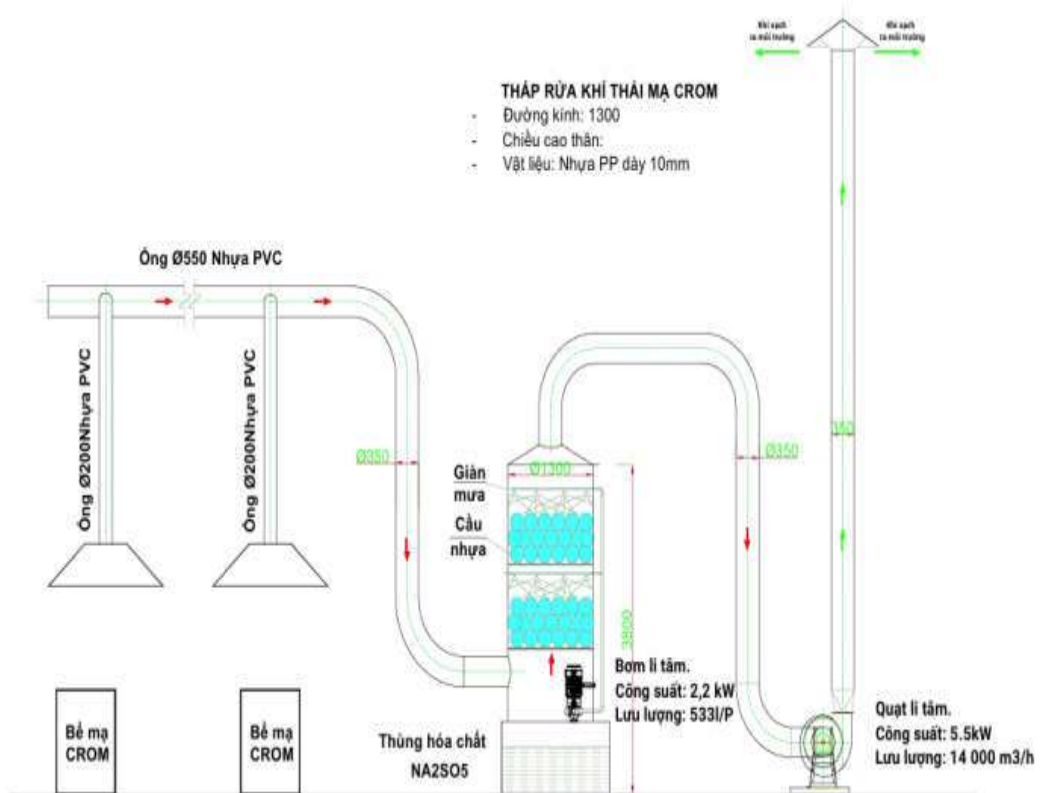
Hình 2.16. Sơ đồ hệ thống xử lý khí từ sấy

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở:
“Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác”**

4, Hệ thống XLKT (Cu, Ni) tại dây truyền mạ elip



Hình 2.17. Công nghệ xử lý khí thải (Cu, Ni) tại dây truyền mạ elip
5, Hệ thống XLKT tại dây chuyền mạ Crom

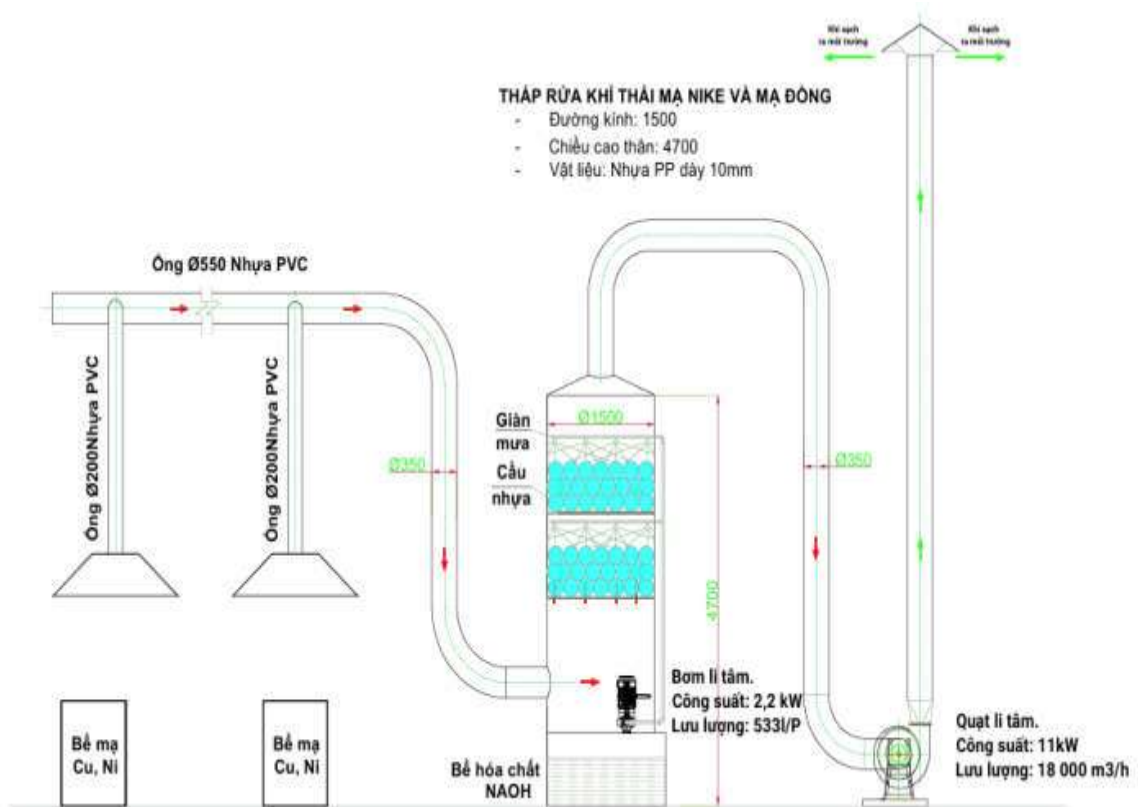


Hình 2.18. Công nghệ xử lý bụi dây chuyền mạ Crom



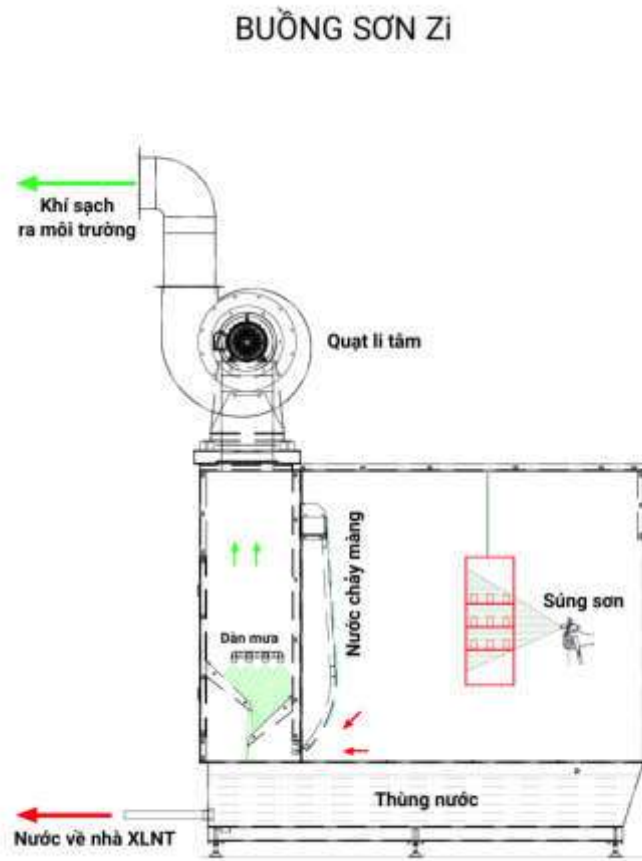
Hình 2.19. Ảnh hiện trạng hệ thống thu gom, XLKT tại dây chuyền mạ Crom

6, Hệ thống XLKT khí thải (Cu, Ni) tại dây chuyền mạ thủ công



Hình 2.20. Công nghệ xử lý khí thải (Cu, Ni) tại dây chuyền mạ thủ công

7, Hệ thống XLKT tại buồng sơn Zi 01, Zi 02, Zi 03, Zi 04, Zi 05, Zi 06



Hình 2.21. Công nghệ xử lý khí thải tại buồng sơn Zi 01, Zi 02, Zi 03, Zi 04, Zi 05, Zi 06

8, Hệ thống XLKT tại buồng vệ sinh hàng

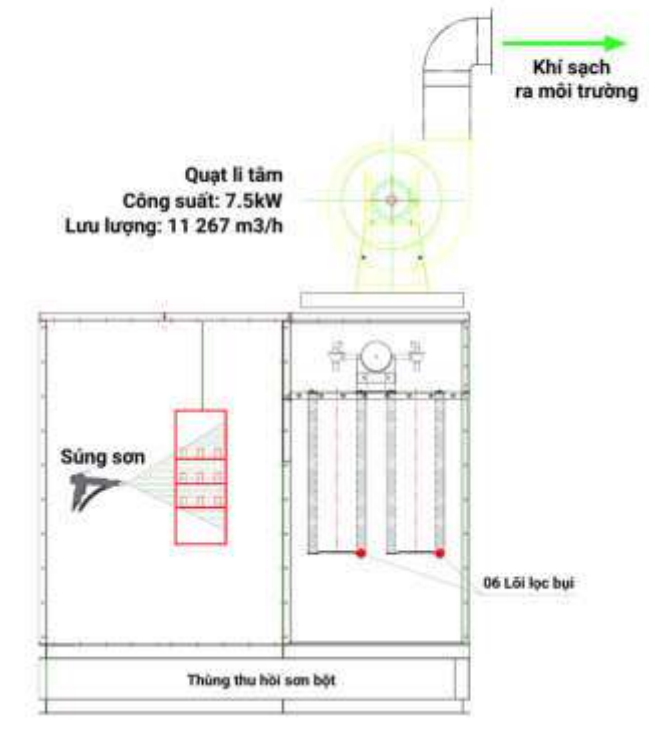
BUỒNG VỆ SINH SẢN PHẨM TRƯỚC SƠN



Hình 2.22. Công nghệ xử lý khí thải tại buồng vệ sinh hàng

9, Hệ thống xử lý Bụi, khí thải tại buồng sơn tĩnh điện thủ công 01, 02

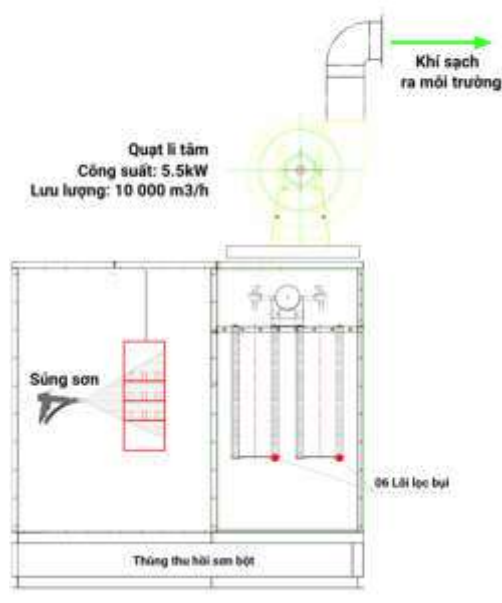
BUỒNG SƠN TĨNH ĐIỆN THỦ CÔNG



Hình 2.23. Công nghệ xử lý Bụi, khí thải tại buồng sơn tĩnh điện thủ công 01, 02

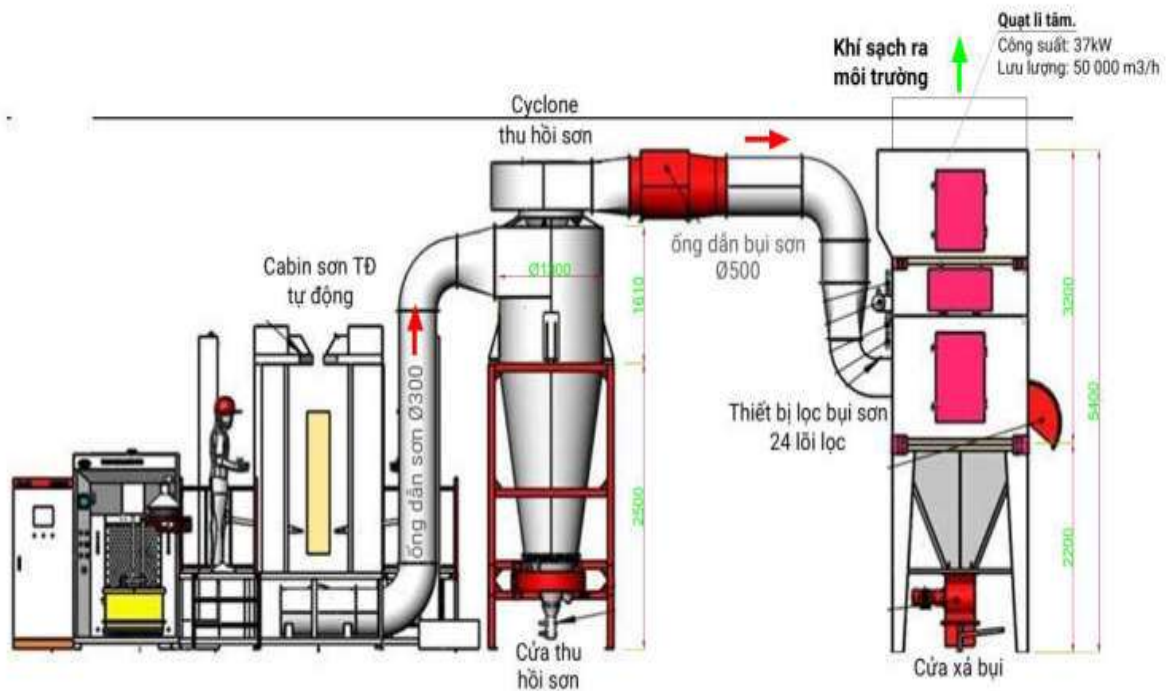
10, Hệ thống xử lý Bụi, khí thải tại buồng sơn tĩnh điện bán tự động 03, 04

BUỒNG SƠN TĨNH ĐIỆN BTĐ



Hình 2.24. Công nghệ xử lý khí thải tại buồng sơn tĩnh điện bán tự động 03, 04

11, Hệ thống xử lý Bụi, khí thải tại buồng sơn tự động



Hình 2.25. Công nghệ xử lý khí thải tại buồng sơn tự động



Hình 2.26. Ảnh hiện trạng hệ thống thu gom, XLKT tại buồng sơn tự động

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở:
“Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác”**

❖ Tổng hợp hệ thống máy móc, thiết bị các hệ thống xử lý khí thải

Bảng 2.5. Bảng tổng hợp hệ thống máy móc, thiết bị các hệ thống xử lý khí thải

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật, quy cách	Xuất xứ
Phân xưởng mạ			
I	HTXLKT01 Hệ thống xử lý bụi dây chuyền phốt 01		
1	Đường ống thu gom	- Kích thước đường ống chính: D200x2.5m + D300x3.7m + D400x3.7m + D500x4m - Vật liệu: Tôn mạ kẽm - Kích thước đường ống phụ: D200x1.5m x 8 ống	
2	Quạt ly tâm	- Động cơ: 4kW/ 3P/ 18.8A/ 380V/ cosφ 0.82/ 1440 vòng/phút/ H84.5% - Lưu lượng: 9000-11000m ³ /h - Áp suất: 650Pa	Mã: TP-112M-4 Việt Nam
3	Hộp hấp thụ	- Kích thước: DxRxH=2x1.1x1.9 - Công suất: 11.2 m ³ /h - Vật liệu: Thép sơn tĩnh điện	
4	Ống thoát khí	- Kích thước: 800x300 - Chiều dài: 3m - Vật liệu: Tôn mạ kẽm	
II	HTXLKT02 Hệ thống xử lý bụi dây chuyền phốt 02		
1	Đường ống thu gom	- Kích thước đường ống chính: D200x2.5m + D300x3.7m + D400x3.7m + D500x4m - Vật liệu: Tôn mạ kẽm - Kích thước đường ống phụ: D200x1.5m x 8 ống	
2	Quạt ly tâm	- Động cơ: 4kW/ 9.36A/ cosφ 0.82/ 1410 vòng/phút - Lưu lượng: 9000-11000m ³ /h - Áp suất: 650-460Pa	Mã: EN-112M-4 Singapore
3	Hộp hấp thụ	- Kích thước: DxRxH=2x1.1x1.9 - Công suất: 11.2 m ³ /h - Vật liệu: Thép sơn tĩnh điện	
4	Ống thoát khí	- Kích thước: 800x300 - Chiều dài: 3m - Vật liệu: Tôn mạ kẽm	
III	HTXLKT03 Hệ thống dập bụi sơn Bùn sơn Zi 05		
1	Đường ống thu gom	- Kích thước đường ống chính: D300 - Kích thước đường ống chính: D200	
2	Quạt ly tâm	- Động cơ: 3kW/ 380V/ cosφ 0.82/ 1420 vòng/phút - Lưu lượng: 6000 m ³ /h - Áp suất: 1000Pa	Mã: CT-100L24 Việt Nam
3	Ống thoát khí	- Đường kính: D300 - Chiều dài: 2.8m - Vật liệu: Tôn mạ kẽm	

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở:
“Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác”**

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật, quy cách	Xuất xứ
IV	HTXLKT04 Hệ thống đập bụi sơn Buồng sơn Zi 06		
1	Đường ống thu gom	- Kích thước đường ống chính: D300 - Vật liệu: Tôn mạ kẽm	
2	Quạt ly tâm	- Động cơ: 4kW/ 380V/ cosφ 0.82/ 1440 vòng/phút - Lưu lượng: 8000 m ³ /h - Áp suất: 1200Pa	Mã: CT-040004FMB3 Singapore
3	Ống thoát khí	- Đường kính: D300 - Chiều dài: 2m - Vật liệu: Tôn mạ kẽm	
V	Ống thoát khí Tủ sấy		
1	Quạt ly tâm	- Động cơ: 1.1kW/ 3P/ 2.8A/ 380V/ cosφ 0.81/ 1440 vòng/phút - Lưu lượng: 2400 m ³ /h - Áp suất: 900Pa	
2	Ống thoát khí	- Đường kính: D300 - Chiều dài: 12m - Vật liệu: Tôn mạ kẽm	
VI	HTXLKT05 Tháp xử lý khí thải (Cu, Ni) Dây chuyền mạ elip		
1	Đường ống thu gom	- Kích thước đường ống chính: D550 - Vật liệu: Nhựa PVC	
2	Quạt hút	- Động cơ: 11kW - Lưu lượng: 9000-18000m ³ /h - Áp suất: 2100-1300Pa	
3	Hộp hấp thụ	- Kích thước: φ x H = 1.3m x 3.8m - Vật liệu: Nhựa PP dày 10mm	
4	Ống thoát khí	- Đường kính: D350 - Chiều dài: 7m - Vật liệu: Nhựa	
VII	HTXLKT06 Tháp xử lý khí thải (Crom) Dây chuyền mạ thủ công + mạ elip		
1	Đường ống thu gom	- Kích thước đường ống chính: D300 - Vật liệu: Nhựa PVC	
2	Quạt hút	- Động cơ: 5.5kW - Lưu lượng: 7000-14000m ³ /h - Áp suất: 1200-800 Pa	
3	Hộp hấp thụ	- Kích thước: φ x H = 1.5m x 4.7m - Vật liệu: Nhựa PP dày 10mm	
4	Ống thoát khí	- Đường kính: D350 - Chiều dài: 7m - Vật liệu: Nhựa PP	
VIII	HTXLKT07 Tháp xử lý khí thải (Cu, Ni) Dây chuyền mạ thủ công		
1	Đường ống thu gom	- Kích thước đường ống chính: D960 - Vật liệu: Nhựa PP	
2	Quạt hút	- Công suất: 3,7kW - Lưu lượng: 11000m ³ /h	

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở:
“Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác”**

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật, quy cách	Xuất xứ
3	Hộp hấp thụ	- Kích thước: $\phi \times H = 2.3m \times 4m$ - Vật liệu: Nhựa PP	
4	Ống thoát khí	- Đường kính: D800 - Chiều dài: 7m - Vật liệu: Nhựa PP	
Phân xưởng Sơn điện Zi			
IX	HTXLKT08 Hệ thống dập bụi sơn Buồng sơn Zi 01		
1	Đường ống thu gom	- Kích thước đường ống chính: D600x3m - Kích thước đường ống phụ: D400x3.5m	
2	Buồng hấp thụ bụi sơn	- Kích thước: DxRxH=2.8m x 2.6mx2.3m	
3	Quạt ly tâm	- Động cơ: 5.5kW/ 11.7A/ $\cos\phi$ 0.83/ 1440 vòng/phút/ 85.7% - Lưu lượng: 10000 m ³ /h - Áp suất: 1200Pa - Vật liệu: gang/đồng	Mã: CT-045F-50FMB3 Singapore
4	Ống thoát khí	- Đường kính: D600 - Chiều dài: 2.5m - Vật liệu: Tôn mạ kẽm	
X	HTXLKT09 Hệ thống dập bụi sơn Buồng sơn Zi 02		
1	Đường ống thu gom	- Kích thước đường ống chính: D600x3m - Kích thước đường ống phụ: D400x3.5m	
2	Buồng hấp thụ bụi sơn	- Kích thước: DxRxH=2.8m x 2.6mx2.3m	
3	Quạt ly tâm	- Động cơ: 5.5kW/ 11.7A/ $\cos\phi$ 0.83/ 1440 vòng/phút/ 85.7% - Lưu lượng: 10000 m ³ /h - Áp suất: 1200Pa - Vật liệu: gang/đồng	Mã: CT-045F-50FMB3 Singapore
4	Ống thoát khí	- Đường kính: D600 - Chiều dài: 2.5m - Vật liệu: Tôn mạ kẽm	
XI	HTXLKT10 Hệ thống dập bụi sơn Buồng sơn Zi 03		
1	Đường ống thu gom	- Kích thước đường ống chính: D600x8m - Kích thước đường ống phụ: D400x3m - Vật liệu: Tôn mạ kẽm	
2	Buồng hấp thụ bụi sơn	- Kích thước: DxRxH=2.8m x 2.6mx2.3m	
3	Quạt ly tâm	- Động cơ: 7.5kW/ 3P/ 380V/ $\cos\phi$ 0.88/ 2910 vòng/phút - Lưu lượng: 5634 - 11267 m ³ /h - Áp suất: 2581 - 1635Pa	Mã: J8-132S2-2 Trung Quốc
4	Ống thoát khí	- Đường kính: D600 - Chiều dài: 3m - Vật liệu: Tôn mạ kẽm	

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở:
“Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác”**

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật, quy cách	Xuất xứ
XII	HTXLKT11 Hệ thống dập bụi sơn Buồng sơn Zi 04		
1	Đường ống thu gom	- Kích thước đường ống chính: D600x8m - Kích thước đường ống phụ: D400x2m - Vật liệu: Tôn mạ kẽm	
2	Buồng hấp thụ bụi sơn	- Kích thước: DxRxH=2.8m x 2.6mx2.3m	
3	Quạt ly tâm	- Động cơ: 7.5kW/ 3P/ 380V/ cosφ 0.88/ 2910 vòng/phút - Lưu lượng: 5634 - 11267 m3/h - Áp suất: 2581 - 1635Pa	Mã: J8-132S2-2 Trung Quốc
4	Ống thoát khí	- Đường kính: D600 - Chiều dài: 3m - Vật liệu: Tôn mạ kẽm	
XIII	HTXLKT12 Hệ thống lọc bụi sơn Buồng vệ sinh hàng		
1	Đường ống thu gom	- Kích thước đường ống chính: D600x1m - Kích thước đường ống phụ: D250x2m+D350x1.5m - Vật liệu: Tôn mạ kẽm	
2	Buồng hấp thụ bụi sơn	- Kích thước: DxRxH=3m x 0.6mx2.3m - Vật liệu: 5 lõi lọc bụi sơn PE	
3	Quạt ly tâm (2 cái)	- Động cơ: 1.1kW/ 3P/ 2.8A/ 380V/ cosφ 0.81/ 1440 vòng/phút - Lưu lượng: 2400 m3/h - Áp suất: 900 Pa	Mã: 3K9OS-B4 Việt Nam
4	Ống thoát khí	- Đường kính: D600 - Chiều dài: 2m - Vật liệu: Tôn mạ kẽm	
XIV	Ống thoát khí - Tủ sấy 01		
1	Đường ống thu gom	- Kích thước đường ống phụ: D250x1.5m - Kích thước đường ống chính: D250x10.5m +D350x12m - Vật liệu: Tôn mạ kẽm	
2	Quạt ly tâm (2 cái)	- Động cơ: 1.1kW/ 3P/ 2.8A/ 380V/ cosφ 0.81/ 1440 vòng/phút - Lưu lượng: 2400 m3/h - Áp suất: 900 Pa	Mã: 3K9OS-B4 Việt Nam
3	Ống thoát khí	- Đường kính: D350 - Chiều dài: 2m - Vật liệu: Tôn mạ kẽm	
XV	Ống thoát khí - Tủ sấy 02		
1	Đường ống thu gom	- Kích thước đường ống phụ: D250x1.5m - Kích thước đường ống chính: D350x12m - Vật liệu: Tôn mạ kẽm	
2	Quạt ly tâm (2 cái)	- Động cơ: 1.1kW/ 3P/ 2.8A/ 380V/ cosφ 0.81/ 3P/ 1440 vòng/phút	Mã: 3K9OS-B4 Việt Nam

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở:
“Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác”**

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật, quy cách	Xuất xứ
		- Lưu lượng: 2400 m ³ /h - Áp suất: 900 Pa	
3	Ống thoát khí	- Đường kính: D350 - Chiều dài: 2m - Vật liệu: Tôn mạ kẽm	
Phân xưởng Sơn tĩnh điện			
XVI	HTXLKT13 Hệ thống đập bụi sơn Buồng sơn tĩnh điện thủ công 01		
1	Quạt ly tâm	- Động cơ: 7.5kW/ 3P/ 380V/ cosφ 0.88/ 2910 vòng/phút - Lưu lượng: 5600 - 11267 m ³ /h - Áp suất: 2581 - 1635Pa	Mã: JS-13ZS2-2 Trung Quốc
2	Buồng hấp thụ bụi sơn	- Kích thước: DxRxH=2.8m x 2.4mx2m - Vật liệu: 6 lõi lọc bụi sơn PE	
3	Ống thoát khí	- Đường kính: D350x6m - Vật liệu: Tôn mạ kẽm	
XVII	HTXLKT14 Hệ thống đập bụi sơn Buồng sơn tĩnh điện thủ công 02		
1	Quạt ly tâm	- Động cơ: 7.5kW/ 3P/ 380V/ cosφ 0.88/ 2900 vòng/phút - Lưu lượng: 5600 - 11267 m ³ /h - Áp suất: 2581 - 1635Pa	Mã: JS-13ZS2-2 Trung Quốc
2	Buồng hấp thụ bụi sơn	- Kích thước: DxRxH=2.8m x 2.4mx2m - Vật liệu: 6 lõi lọc bụi sơn PE	
3	Ống thoát khí	- Đường kính: D350x6m - Vật liệu: Tôn mạ kẽm	
XVIII	HTXLKT15 Hệ thống đập bụi sơn Buồng sơn tĩnh điện bán tự động 03		
1	Đường ống thoát hơi	- Kích thước đường ống chính: D300x19m - Vật liệu: Tôn mạ kẽm	
2	Buồng hấp thụ bụi sơn	- Kích thước: DxRxH=2.4m x 2.3mx2.3m - Vật liệu: 6 lõi lọc bụi sơn PE	
3	Quạt ly tâm	- Động cơ: 5.5kW/ 3P/ 11.1A/ 380V/ cosφ 0.88/ 2900 vòng/phút - Lưu lượng: 8000-10000 m ³ /h - Áp suất: 2000Pa	Mã: CP-025F- 50FMB3 Singapore
4	Ống thoát khí	- Đường kính: D300x0.8m - Vật liệu: Tôn mạ kẽm	
XIX	HTXLKT16 Hệ thống đập bụi sơn Buồng sơn tĩnh điện bán tự động 04		
1	Buồng hấp thụ bụi sơn	- Kích thước: DxRxH=2.4m x 2.3mx2.3m - Vật liệu: 6 lõi lọc bụi sơn PE	
2	Quạt ly tâm	- Động cơ: 5.5kW/ 3P/ 11.1A/ 380kV/ cosφ 0.88/ 2900 vòng/phút - Lưu lượng: 8000-10000 m ³ /h - Áp suất: 2000Pa	Mã: CP-025F- 50FMB3 Singapore
3	Ống thoát khí	- Đường kính: D300x6m - Vật liệu: Tôn mạ kẽm	
XX	HTXLKT17 Hệ thống đập bụi sơn - Buồng sơn tự động		

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở:
“Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác”**

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật, quy cách	Xuất xứ
1	Đường ống thu gom	- Kích thước đường ống chính: D300x7m - Vật liệu: Thép sơn tĩnh điện - Kích thước đường ống phụ: D500x3.8m	
2	Cyclone	Kích thước: $\varphi \times H = 1\text{m} \times 4.98\text{m}$	
3	Buồng lọc sơn	- Kích thước: H = 5.92m - Số lượng: 24 lõi lọc PE	
4	Quạt ly tâm	- Xy lô to: 22kW/3P - Xy lô nhỏ: 3,7kW/3P	
5	Ống thoát khí	- Kích thước: 1.2x0.4m - Chiều dài: 1m - Vật liệu: Thép sơn tĩnh điện	
XXI	Ống thoát khí tủ sấy 20 (bằng gas)		
1	Ống thoát khí	- Đường kính: D350 - Chiều dài: 6m - Vật liệu: Tôn mạ kẽm	
XXII	Ống thoát khí tủ sấy dây chuyền sơn tự động		
1	Ống thoát khí	- Đường kính: D350 - Chiều dài: 4m - Vật liệu: Tôn mạ kẽm	

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

3.1. Chất thải rắn sinh hoạt

a, Nguồn phát sinh

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh chủ yếu từ hoạt động sinh hoạt của CBCNV làm việc tại các phân xưởng và khu vực văn phòng của nhà máy. Hiện tại số lượng cán bộ công nhân viên làm việc tại cơ sở khoảng 170 cán bộ công nhân. Ước tính trung bình 1 ngày phát sinh khoảng 0,5kg/người, thành phần bao gồm: vỏ hộp thức ăn, hộp sữa, bao bì ni lông,... Từ đó dự kiến 1 ngày phát sinh khoảng 85kg/ngày.

b, Biện pháp thu gom, xử lý

Chủ cơ sở có những biện pháp để quản lý cụ thể như sau:

Tại khu vực nhà văn phòng, khu văn phòng của phân xưởng, khuôn viên hành lang các phân xưởng bố trí các thùng chứa dung tích 60 lít để thực hiện công tác thu gom chất thải rắn sinh hoạt phát sinh hàng ngày của cán bộ công nhân. Thùng rác sử dụng là thùng nhựa, có nắp đậy.

- Chất thải rắn sinh hoạt được phân loại để có biện pháp quản lý cụ thể như sau:

+ Đối với chất thải rắn có khả năng tái sử dụng: như giấy văn phòng, vỏ hộp, giấy, chai nhựa... sẽ được phân loại riêng. Cán bộ nhân viên thu gom và bán cho đơn vị thu mua phế liệu tại khu vực.

+ Đối với chất thải rắn sinh hoạt không còn khả năng tái sử dụng: được tập trung trong các thùng rác có nắp đậy để tránh sự phân hủy gây ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe công nhân.

- Cuối mỗi ca làm việc, Chất thải rắn sinh hoạt sẽ được công nhân vệ sinh của cơ sở thu gom từ các thùng rác nhỏ tại các vị trí sau đó được nhân viên vệ sinh thu gom chuyển

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở:
“Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác”**

về kho chất thải thông thường 15m².

+ Công ty TNHH Khóa Huy Hoàng ký hợp đồng với Công ty cổ phần Công trình đô thị Long Biên về việc Thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt tại hợp đồng số 058/2026/HĐVSM/QM (đính kèm tại phụ lục báo cáo).

+ Tần suất thu gom, vận chuyển: 2 lần/tuần.



Hình 2.27. Kho chất thải rắn thông thường

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

a, Công trình lưu giữ CTNH

Chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở được tập kết tại kho chứa CTNH rộng khoảng 15m², 01 tầng, kết cấu thép, bên ngoài kho chứa có biển CTNH.



Hình 2.28. Hiện trạng kho CTNH tại cơ sở

b, Báo cáo về chủng loại, tổng khối lượng CTNH phát sinh tại cơ sở

Chất thải nguy hại của nhà máy bao gồm các CTNH phát sinh từ các xưởng sản xuất và hoạt động văn phòng.

Danh mục các loại chất thải và khối lượng phát sinh năm 2024, 2025 của cơ sở được thể hiện trong bảng sau:

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở:
“Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác”**

Bảng 2.6. Danh mục CTNH của cơ sở

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng (kg/năm)	
				Năm 2024	Năm 2025
1.	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	5	0
2.	Bùn thải đã tách nước từ hệ thống xử lý nước thải	12 06 05	Bùn	213.961	145.035
3.	Axit thải	02 01 01	Lỏng	32.630	24.326
4.	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, găng tay dính dầu	18 02 01	Rắn	4.360	3.290
5.	Bã sơn thải	08 01 01	Rắn	3.440	8.700
6.	Các vật liệu mài mòn chứa TPNH	07 03 08	Rắn	9.980	7.656
7.	Nước làm mát lẫn dầu	07 03 04	Lỏng	0	800
8.	Nước thải có TPNH	07 03 04	Lỏng	0	1.410
Tổng				264.376	191.126

c, Biện pháp thu gom CTNH

CTNH phát sinh tại các khu vực trong cơ sở được thu gom vào các thùng riêng biệt dung tích 60 lít, thùng có nắp đậy kín, dán nhãn cảnh báo chất thải nguy hại; bùn thải sau khi tách nước được chuyển vào các bao tải chuyên dụng. Cuối ca làm việc, công nhân vệ sinh có trách nhiệm thu gom CTNH từ các vị trí phát sinh về kho tập kết CTNH.

Chất thải nguy hại được tập kết tại kho chứa CTNH rộng khoảng 15m², bên trong kho chứa bố trí các thùng chứa CTNH chuyên dụng, có các bản ghi mã, dấu hiệu cảnh báo CTNH tại mỗi khu vực. Chủ cơ sở hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường Thuận Thành đơn vị có đầy đủ chức năng thu gom vận chuyển và xử lý CTNH (*Hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải số 20250417 ngày 03/11/2025 đính kèm tại phụ lục của báo cáo*).

5.1. Các công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung của cơ sở

a, Nguồn phát sinh tiếng ồn

- Nguồn số 01: Khu vực phân xưởng
- Nguồn số 02: Khu vực đặt máy thổi khí, máy bơm và các thiết bị được lắp đặt tại hệ thống xử lý nước thải.

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở:
“Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác”**

b, Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung cơ sở đã áp dụng

❖ Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Lắp đặt máy móc, thiết bị đúng yêu cầu kỹ thuật nhằm làm giảm chấn động khi hoạt động như: Các chân đế được gia công bằng bê tông, lắp đặt các đệm chống ồn, đệm gioăng cao su kê đệm cho các loại máy móc, thiết bị phát sinh tiếng ồn lớn.

- Bố trí các máy móc hợp lý nhằm tránh tập trung các máy móc thiết bị có khả năng gây ồn trong khu vực Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, bảo đảm động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn.

- Hoạt động đúng công suất thiết kế.

- Thường xuyên kiểm tra tình trạng máy móc sau mỗi ca làm việc nhằm khắc phục ngay các lỗi về cơ khí đảm bảo vận hành trơn tru.

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, tra dầu mỡ để đảm bảo máy móc hoạt động trơn tru, tăng tuổi thọ, độ bền cho máy móc.

- Thường xuyên bảo dưỡng các xe vận chuyển, xe nâng để các phương tiện hoạt động trong tình trạng tốt nhất.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân viên làm việc tại các xưởng làm việc có độ ồn, độ rung cao như nút bịt tai, mũ, quần áo BHLĐ để đảm bảo sức khỏe, thính lực cho người lao động.

❖ Công trình, biện pháp giảm độ rung:

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.

- Thường xuyên kiểm tra máy móc, độ mòn các chi tiết máy, luôn tra dầu mỡ, bôi trơn các máy, bảo dưỡng các thiết bị và thay thế các chi tiết bào mòn

5.2. Quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng đối với tiếng ồn, độ rung của cơ sở

Giá trị giới hạn của tiếng ồn, độ rung tại cơ sở đảm bảo tuân thủ đúng theo QCVN 26:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; áp dụng đối với khu vực E, cụ thể như sau:

+ Tiếng ồn:

Bảng 2.7. Giá trị giới hạn cấp phép của tiếng ồn

TT	Từ 06h00 đến trước 18h00 (dBA)	Từ 18h00 đến trước 22h00 (dBA)	Từ 22h00 đến trước 06h00 (dBA)	Ghi chú
1	70	65	60	Khu vực E

+ Độ rung:

Bảng 2.8. Giá trị giới hạn cấp phép của độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Ghi chú
	Từ 6 giờ đến trước 22giờ	Từ 22 giờ đến trước 6 giờ	
1	75	70	Khu vực D

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó với sự cố môi trường

6.1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải

a) Sự cố rò rỉ nước thải tại các ống và bể xử lý

Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống ống dẫn, đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn nhất.

Sử dụng các nguyên vật liệu có độ bền cao và chống ăn mòn. Đảm bảo không có bất kỳ các công trình xây dựng trên đường thoát nước

b) Sự cố tràn bể thu hồi khi xảy ra mưa lớn

Khả năng xảy ra sự cố này là không cao do lượng nước đưa về hệ thống xử lý đã được tính toán và không chế bởi hệ thống bơm rửa lọc. Ngoài ra, để giảm thiểu thấp nhất sự cố này, cơ sở đã có những biện pháp như sau:

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống bơm rửa lọc.
- Bùn thải định kỳ được bơm hút lên và vận chuyển đi xử lý.

c) Sự cố hệ thống XLNT phải ngưng hoạt động trong thời gian dài

Do trạm xử lý luôn luôn được bảo dưỡng sửa chữa định kỳ nên khả năng xảy ra sự cố, đặc biệt sự cố dẫn đến ngừng hoạt động là khó xảy ra.

Cơ sở đã vận hành hệ thống xử lý nước thải thời gian dài bên cạnh đó cơ sở có đủ nhân lực, vật lực để tìm hiểu nguyên nhân, biện pháp khắc phục nhanh nhất để đưa hệ thống xử lý hoạt động trở lại. Cơ sở cam kết trạm xử lý chỉ được đi vào vận hành trở lại khi đảm bảo đầy đủ tất cả các yêu cầu về mặt kỹ thuật.

d) Các biện pháp khác

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, tránh các sự cố có thể xảy ra như:

+ Tắc nghẽn bồn cầu hoặc tắc đường ống dẫn đến phân, nước tiểu không tiêu thoát được. Do đó, phải thông bồn cầu và đường ống dẫn để tiêu thoát phân và nước tiểu.

+ Tắc đường ống thoát khí bể tự hoại gây mùi hôi thối trong nhà vệ sinh hoặc có thể gây nổ hầm cầu. Trường hợp này phải tiến hành thông ống dẫn khí nhằm hạn chế mùi hôi cũng như đảm bảo an toàn cho nhà vệ sinh.

+ Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng hút chất thải tại bể tự hoại.

- Đối với hệ thống xử lý nước thải: hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố: tắc nghẽn cống thoát nước, xác định sai tính chất nước thải,... Tất cả các nguyên nhân này đều dẫn đến việc xử lý nước thải không đạt yêu cầu, ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nước mặt, nơi tiếp nhận nước thải của nhà xưởng, chủ cơ sở sẽ có chế độ kiểm tra định kỳ máy móc thiết bị để đảm bảo máy móc vận hành ổn định. Ngoài ra:

+ Tại các miệng cống thoát nước mưa có song chắn chất thải rắn, tránh tình trạng chất thải rắn làm bít miệng cống và làm tắc đường ống.

+ Bùn tích tụ trong các mương thoát nước mưa, thu gom nước thải sẽ được nạo vét định kỳ, tránh để phát sinh các chất gây ô nhiễm.

+ Có kế hoạch thường xuyên nạo vét các hố ga tránh lâu ngày đóng cặn tắc nghẽn.

+ Khi có sự cố xảy ra, nếu không khắc phục được cần báo cho đơn vị có chuyên ngành để đến xử lý hoặc các cơ sở, ban ngành có liên quan.

6.2. Phương án phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường với bụi, khí thải

a. Quạt hút không hoạt động

- Nguyên nhân:
 - + Nguồn điện kết nối không đảm bảo
 - + Bộ truyền động chưa hoạt động
 - + Van điều khiển của quạt hút công nghiệp bị hỏng
 - + Thun của Puli và guồng cánh bị hỏng có thể bị gãy, vỡ hoặc chưa lắp các chi tiết trung gian của nối trục.
- Cách khắc phục:
 - + Kiểm tra nguồn điện xem điện áp cung cấp chính đã phù hợp với thông số của quạt chưa.
 - + Kiểm tra các thiết bị tắt chuyển mạch hoặc ngắt kết nối cũng nhưng cầu chì.
 - + Kiểm tra dây đai đảm bảo không quá longrm, tránh tình trạng trượt đai hoàn toàn.
 - + Van cần đảm bảo đóng mở bình thường.

6.3. Phòng ngừa, ứng phó sự cố tràn hóa chất

- * Biện pháp phòng ngừa
 - Bố trí khu vực lưu giữ hóa chất cách ly với các nguyên liệu khác.
 - Trong nhà kho chứa hóa chất có gờ chống tràn để phòng ngừa sự cố tràn đổ hóa chất dạng lỏng.
 - Khu vực lưu trữ dầu được bố trí riêng biệt, đảm bảo khoảng cách an toàn với các khu vực khác.
 - Tuân thủ các quy định về quản lý hóa chất.
 - Kho chứa được thiết kế khô ráo, có biện pháp phòng chống cháy nổ.
 - Kho chứa có đầy đủ biển cảnh báo hóa chất nguy hiểm, biển báo cấm lửa theo quy định.
 - Có nhân viên chuyên môn có kiến thức, kỹ năng về phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất.
 - Người lao động làm việc với hóa chất được tham gia các khóa huấn luyện về an toàn vệ sinh lao động và huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất 01 lần/năm.

❖ Kế hoạch ứng phó khi xảy ra sự cố đối với hóa chất

** Sự cố hóa chất thường gặp nhất đối với hoạt động sản xuất của cơ sở là sự cố rò rỉ, tràn đổ hóa chất. Đối với sự cố này, CBCNV của nhà máy sẽ thực hiện theo phương pháp ứng phó đã đề xuất trong hồ sơ biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của cơ sở cụ thể như sau:*

- Biện pháp xử lý (khi sự cố xảy ra)
 - Ưu tiên hàng đầu: Sơ tán người không liên quan khỏi vùng nguy hiểm ngay lập tức.
- Sơ cứu tại chỗ:

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở:
“Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác”**

Đối với da/mắt bị dính: Rửa sạch bằng nước và xà phòng nhiều lần, làm thoáng vùng da.
Đưa nạn nhân đến cơ sở y tế gần nhất.

- Ngăn chặn & Kiểm soát:

Xác định tính chất hóa chất bị tràn đổ để có biện pháp xử lý phù hợp (cát, chất hấp thụ...).

Sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân (PPE) phù hợp.

- Báo động & Thông báo:

Kích hoạt hệ thống báo động, thông báo cho người có trách nhiệm và lực lượng chức năng.

- Phối hợp hành động:

Thực hiện theo kế hoạch đã lập, phối hợp với các lực lượng bên ngoài (cảnh sát PCCC, y tế...).

- Khắc phục hậu quả:

Lập phương án xử lý, làm sạch môi trường, khắc phục hậu quả sau sự cố.

** Đối với sự cố nguy hiểm vượt ngoài tầm kiểm soát của cơ sở như tràn đổ hóa chất ở mức độ lớn, gây cháy nổ thì cơ sở phải ngay lập tức liên hệ với chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng có liên quan để xin hỗ trợ và ứng cứu.*

** Kế hoạch phòng ngừa sự cố khi vận chuyển hóa chất từ khu vực nghiên sang khu vực tẩy hóa chất*

Khi vận chuyển hóa chất từ nhà kho pha hóa chất sang xưởng xe kéo (xe đẩy tay, xe pallet, xe kéo cơ giới), cần thực hiện đầy đủ các biện pháp an toàn sau:

- Chuẩn bị trước khi vận chuyển

+ Kiểm tra hóa chất: thùng chứa nguyên vẹn, không rò rỉ, không phồng, Có nhãn mác đầy đủ.

+ Kiểm tra phương tiện kéo: Xe kéo/xe đẩy chịu tải phù hợp, bánh xe tốt, phanh hoạt động, bề mặt nơi xếp thùng hóa chất phẳng, có thành chắn hoặc dây đai cố định.

- Biện pháp an toàn trong quá trình kéo xe

+ Cố định hàng hóa: Thùng/phuy/can hóa chất phải được xếp chắc chắn, buộc dây đai, chống xô lệch.

+ Không xếp quá cao, quá tải trọng cho phép của xe.

+ Kiểm soát tuyến đường vận chuyển: Bằng phẳng, không trơn trượt.

+ Có biển cảnh báo “Đang vận chuyển hóa chất” khi vận chuyển.

+ Tốc độ và thao tác: Kéo xe tốc độ chậm, đều, không giật, không chạy.

- Trang bị bảo hộ lao động (BHLĐ): Găng tay chống hóa chất, Giày bảo hộ chống trượt, chống hóa chất, Quần áo bảo hộ dài tay, Kính bảo hộ (đối với dung môi, axit), Khẩu trang/mặt nạ lọc hơi (nếu có dung môi dễ bay hơi).

- Phòng ngừa sự cố tràn đổ:

+ Chuẩn bị sẵn: Vật liệu thấm hút (cát khô, giẻ, than hoạt tính), Bộ kit ứng phó sự cố hóa chất

+ Nếu xảy ra rò rỉ: Dừng ngay vận chuyển, Cô lập khu vực, Thu gom, xử lý theo

quy trình sự cố

- Yêu cầu về tổ chức và quản lý: Người vận chuyển phải được huấn luyện an toàn hóa chất, nắm phiếu an toàn hóa chất (MSDS/SDS), Có quy trình vận chuyển nội bộ bằng văn bản. Ghi sổ theo dõi xuất – nhập – vận chuyển hóa chất.

6.4. Phòng chống cháy nổ

Hầu hết các công trình trong Trạm XLNT, kho hóa chất phục vụ trạm XLNT, kho hóa chất, kho hàng được xây dựng chủ yếu bằng các vật liệu khó bắt cháy, vì vậy, trong điều kiện sản xuất bình thường, nguyên nhân phát sinh hỏa hoạn thường là do chập điện hoặc do dầu mỡ động cơ bắt lửa. Để ngăn ngừa hoặc giảm bớt những thiệt hại do hỏa hoạn gây ra, áp dụng các biện pháp sau:

- Công nhân trực tiếp làm việc trong Nhà máy sẽ được tập huấn, hướng dẫn.
- Các phương pháp phòng chống cháy nổ.
- Các máy móc, thiết bị làm việc ở nhiệt độ, áp suất cao sẽ có hồ sơ lý lịch được kiểm tra, đăng kiểm định kỳ tại các cơ quan chức năng nhà nước. Các thiết bị này sẽ được lắp đặt đồng hồ đo nhiệt độ, áp suất, mức dung dịch trong thiết bị... nhằm giám sát các thông số kỹ thuật.

- Các phương tiện phòng cháy chữa cháy sẽ được kiểm tra thường xuyên và ở trong tình trạng sẵn sàng.

- Trong khu vực có thể gây cháy, công nhân không được hút thuốc, không mang bật lửa, diêm quẹt, các dụng cụ phát ra lửa do ma sát, tia lửa điện....

- Trang bị đầy đủ hệ thống cứu hỏa bao gồm:
 - + Bình cứu hỏa 4kg, chống cháy cá nhân được bố trí ở các khu vực văn phòng và khu vực sản xuất.
 - + Hộp, dụng cụ cứu hỏa cho tất cả các kho chứa nguyên vật liệu.
 - + Nguồn nước chống cháy bao gồm đài nước và hồ nước cùng máy bơm cứu hỏa.
- Hệ thống điện được thiết kế, lắp đặt các thiết bị bảo vệ an toàn, thường xuyên kiểm tra, chống trường hợp đoản mạch và chập mạch.

- Quy trình phòng chống và ứng phó sự cố cháy nổ:

- Tại các nơi dễ cháy nổ, lắp đặt hệ thống báo cháy, hệ thống thông tin, báo động.
Các phương tiện PCCC được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ và luôn ở trong tình trạng sẵn sàng hoạt động.

- Thành lập đội PCCC.
- Đường xe PCCC bao quanh nhà xưởng.
- Các máy móc thiết bị làm việc ở nhiệt độ và áp suất cao đều có hồ sơ lý.
- Lịch được kiểm tra, đăng kiểm định kỳ.
- Các loại nhiên liệu được lưu giữ trong kho được cách ly, tránh xa nguồn có khả năng phát lửa và tia lửa điện. Khoảng cách an toàn giữa các công trình là 12 – 20 m để ô tô cứu hỏa có thể tiếp cận dễ dàng.

- Cấm công nhân hút thuốc, mang bật lửa và các dụng cụ phát ra lửa trong khu vực Nhà máy.

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở:
“Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác”**

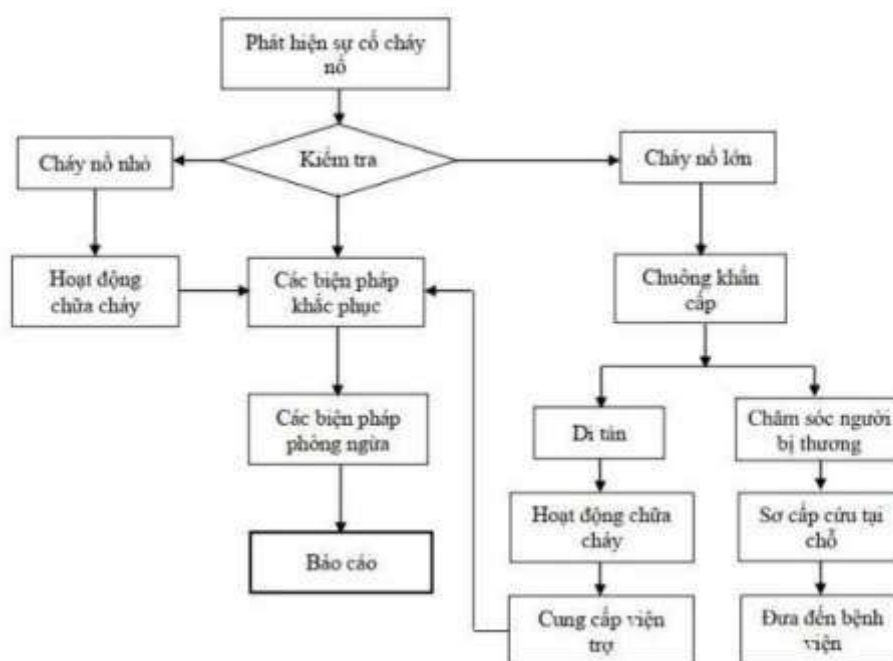
- Cơ sở đã phối hợp với Công an phòng cháy chữa cháy để xây dựng phương án phòng cháy chữa cháy cho toàn Nhà máy, bố trí cho đội xung kích cùng công nhân tập luyện theo các phương án đã lập.

• Quy trình chữa cháy:

- Dập lửa: Ngay từ khi phát hiện có cháy, lực lượng chữa cháy và các lực lượng khác cần tiến hành ngay các công tác dập lửa. Sử dụng các dụng cụ như: bình chữa cháy, nước để dập lửa.

- Dọn dẹp: Sau khi ngọn lửa được dập tắt, điều động nhân công dọn dẹp sạch sẽ khu vực bị cháy, các chi tiết, thiết bị, máy móc bị hỏng cũng được tháo dỡ và vận chuyển ra khỏi khu vực.

- Báo cáo điều tra nguyên nhân và rút kinh nghiệm: Ngay sau khi phát hiện cháy, cần báo cáo ngay với cơ quan hữu quan để phối hợp trong công tác chữa cháy. Sau đó Chủ cơ sở sẽ cùng với cơ quan chức năng tiến hành công tác điều tra xác định nguyên nhân và lập thành báo cáo gửi các bên có liên quan. Ngoài ra Chủ cơ sở sẽ tiến hành công tác đánh giá thiệt hại, xác định những hư hại và phân cần sửa chữa để có kế hoạch cụ thể khắc phục.



Quy trình ứng cứu kịp thời khi có sự cố cháy nổ xảy ra:

- Bước 1: Báo động cho toàn bộ nhà máy, đồng thời thành viên trong đội PCCC hướng dẫn sơ tán công nhân viên tại nhà máy theo hướng thoát hiểm.

- Bước 2: Đối với đám cháy nhỏ, tập hợp đội PCCC nội bộ của Dự án và sử dụng những phương tiện PCCC tại chỗ của nhà máy để khống chế đám cháy, tránh tình trạng cháy lan sang khu vực khác.

- Bước 3: Gọi điện thoại đến các cơ quan chức năng khi xảy ra đám cháy, tùy theo quy mô của đám cháy mà ưu tiên như sau:

+ Gọi điện thoại báo cho Lãnh đạo quản lý của cơ sở;

+ Gọi điện thoại đến cơ quan PCCC theo số điện thoại 114;

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở:
“Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác”**

- + Gọi cấp cứu 115 nếu có tai nạn xảy ra.
- + Gọi đến cơ quan công an 113 để được sự hỗ trợ điều tiết giao thông, tránh tình trạng gây ùn tắc giao thông.
- Bước 4: Di tản những tài sản có giá trị mà có thể vận chuyển ra khỏi khu vực cơ sở.

6.5. Sự cố về an toàn lao động

- Các tai nạn lao động của cơ sở có thể xảy ra do sự bất cẩn về điện, vận hành máy móc và rơi hàng hóa khi bốc dỡ. Xác suất xảy ra các sự cố này tùy thuộc vào việc chấp hành các nội quy và quy tắc an toàn trong lao động. Để đảm bảo an toàn lao động cho công nhân tham gia sản xuất, Chủ cơ sở đang thực hiện các biện pháp sau:

- Xây dựng chi tiết các bảng nội quy về an toàn lao động cho từng khâu và từng công đoạn sản xuất, biển báo nhắc nhở nơi sản xuất nguy hiểm.

- Trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân như: Nón bảo hộ, quần áo bảo hộ, giày, khẩu trang, bao tay, kính chuyên dụng.

- Bố trí phòng y tế và trang bị các dụng cụ y tế, thuốc cần thiết để kịp thời ứng cứu sơ bộ trước khi chuyển nạn nhân đến bệnh viện.

- Lên kế hoạch ứng cứu sự cố trong đó xác định những vị trí có khả năng xảy ra sự cố, bố trí nhân sự và trang thiết bị thông tin để đảm bảo thông tin khi có xảy ra sự cố.

- Phối hợp với các cơ quan chuyên môn tổ chức các buổi huấn luyện về thao tác ứng cứu khẩn cấp, thực hành cấp cứu y tế, sử dụng thành thạo các phương tiện thông tin, địa chỉ liên lạc khi có sự cố.

- Huấn luyện cho công nhân về vệ sinh an toàn lao động và hướng dẫn bảo hộ lao động trước khi nhận công tác.

- Người lao động (kể cả học nghề) trước khi vào làm việc phải được khám sức khỏe, chủ cơ sở phải căn cứ vào sức khỏe của người lao động để bố trí việc làm và nghề nghiệp phù hợp với sức khỏe của người lao động.

- Hệ thống dây điện, các chỗ tiếp xúc, cầu dao điện có thể gây tia lửa phải được bố trí thật an toàn.

- Sắp xếp bố trí các máy móc thiết bị đảm bảo trật tự, gọn và khoảng cách an toàn cho công nhân làm việc.

7. Công trình, các biện pháp bảo vệ môi trường khác

Cơ sở không có biện pháp khác

8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ khu vực nhà vệ sinh các phân xưởng.
- Nguồn số 02: Nước thải sản xuất từ dây chuyền mạ Crom (Line 1).
- Nguồn số 03: Nước thải sản xuất từ dây chuyền mạ (Line 2 : mạ niken).
- Nguồn số 04: Nước thải sản xuất từ dây chuyền mạ (Line 3: mạ đồng, kẽm,...).
- Nguồn số 05: Nước thải sản xuất từ dây chuyền sơn phốt phát bề mặt và máy rung (Line 4).

Căn cứ theo Khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 “Dự án đầu tư nhóm I, nhóm II và nhóm III có phát sinh nước thải, bụi, khí thải xả ra môi trường phải được xử lý hoặc phát sinh chất thải nguy hại phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải khi đi vào vận hành”.

Tuy nhiên, hoạt động sản xuất của Cơ sở có phát sinh nước thải sản xuất và nước thải sinh hoạt. Công ty đã ký Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải với Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển tầng Nam Đức (là đơn vị quản lý hạ tầng KCN) số 167/2018/HĐ-XLNT ngày 15/12/2018. Do đó, Công ty không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường 2020 (do nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Quang Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường 2020, không xả trực tiếp ra môi trường) (*Bản sao Hợp đồng được đính kèm tại Phụ lục báo cáo*).

4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

a, Nguồn phát sinh

❖ Nguồn phát sinh khí thải tại phân xưởng mạ

- Nguồn số 01: Bụi tại dây truyền phốt 01. Thành phần gồm Bụi,...
- Nguồn số 02: Bụi tại dây truyền phốt 02. Thành phần gồm Bụi,...
- Nguồn số 03: Bụi, khí thải tại buồng sơn Zi 05. Thành phần: Bụi, Cacbon monoxit, Toluen ($C_6H_5CH_3$), Benzen (C_6H_6), Xylen ($C_6H_4(CH_3)_2$),...
- Nguồn số 04: Bụi, khí thải tại buồng sơn Zi 06. Thành phần: Bụi, Cacbon monoxit, Toluen ($C_6H_5CH_3$), Benzen (C_6H_6), Xylen ($C_6H_4(CH_3)_2$),...
- Nguồn số 05: Khí thải tại tủ sấy. Thành phần: hơi nóng, bụi,...
- Nguồn số 06: Khí thải tại dây truyền mạ elip. Thành phần: Hơi axit, hơi kim loại Cu^{2+} , Ni^{2+} .
- Nguồn số 07: Khí thải (Crom) tại dây chuyền mạ thủ công + mạ elip. Thành phần: Hơi H_2SO_4 , Axit clohydric (HCl), Sương mù Axit Cromic CrO_3 .
- Nguồn số 08: Khí thải (Cu, Ni) tại dây chuyền mạ thủ công. Thành phần: Hơi H_2SO_4 , Axit clohydric (HCl), hơi kim loại Cu^{2+} , Ni^{2+} .

❖ Nguồn phát sinh khí thải tại phân xưởng Sơn điện Zi

- Nguồn số 9: Khí thải tại buồng sơn Zi 01. Thành phần: Bụi, Cacbon monoxit,

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở:
“Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác”**

Toluen ($C_6H_5CH_3$), Benzen (C_6H_6), Xylen ($C_6H_4(CH_3)_2$),...

- Nguồn số 10: Khí thải tại buồng sơn Zi 02. Thành phần: Bụi, Cacbon monoxit, Toluen ($C_6H_5CH_3$), Benzen (C_6H_6), Xylen ($C_6H_4(CH_3)_2$),...

- Nguồn số 11: Khí thải tại buồng sơn Zi 03. Thành phần: Bụi, Cacbon monoxit, Toluen ($C_6H_5CH_3$), Benzen (C_6H_6), Xylen ($C_6H_4(CH_3)_2$),...

- Nguồn số 12: Khí thải tại buồng sơn Zi 04. Thành phần: Bụi, Cacbon monoxit, Toluen ($C_6H_5CH_3$), Benzen (C_6H_6), Xylen ($C_6H_4(CH_3)_2$),...

- Nguồn số 13: Bụi, khí thải tại buồng vệ sinh hàng. Thành phần: Bụi,...

- Nguồn số 14: Khí thải tại tủ sấy 01. Thành phần: Bụi, Toluen ($C_6H_5CH_3$), Benzen (C_6H_6), Xylen ($C_6H_4(CH_3)_2$),...

- Nguồn số 15: Khí thải tại tủ sấy 02. Thành phần: Bụi, Toluen ($C_6H_5CH_3$), Benzen (C_6H_6), Xylen ($C_6H_4(CH_3)_2$),...

❖ **Nguồn phát sinh khí thải tại phân xưởng Sơn tĩnh điện**

- Nguồn số 16: Bụi, khí thải tại buồng sơn tĩnh điện thủ công 01. Thành phần: Bụi,...

- Nguồn số 17: Bụi, khí thải tại buồng sơn tĩnh điện thủ công 02. Thành phần: Bụi,...

- Nguồn số 18: Bụi, khí thải tại buồng sơn tĩnh điện bán tự động 03. Thành phần: Bụi,...

- Nguồn số 19: Bụi, khí thải tại buồng sơn tĩnh điện bán tự động 04. Thành phần: Bụi,...

- Nguồn số 20: Bụi, khí thải tại buồng sơn tự động. Thành phần: Bụi,...

- Nguồn số 21: Khí thải từ khu vực tủ sấy. Thành phần: Bụi, Cacbon monoxit, Nitơ oxit,...

- Nguồn số 22: Khí thải từ tủ sấy dây chuyền sơn tự động. Thành phần: Bụi, Cacbon monoxit, Nitơ oxit,...

b, Dòng khí thải

- Dòng thải số 1: Khí thải sau ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 01, lưu lượng $11.000m^3/h$ (xử lý khí thải từ nguồn số 01).

- Dòng thải số 2: Khí thải sau ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 02, lưu lượng $11.000m^3/h$ (xử lý khí thải từ nguồn số 02).

- Dòng thải số 3: Khí thải sau ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 03, lưu lượng $6.000m^3/h$ (xử lý khí thải từ nguồn số 03).

- Dòng thải số 4: Khí thải sau ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 04, lưu lượng $8.000m^3/h$ (xử lý khí thải từ nguồn số 04).

- Dòng thải số 5: Khí thải sau ống thoát khí của tủ sấy, lưu lượng $2.400m^3/h$ (xử lý khí thải từ nguồn số 05).

- Dòng thải số 6: Khí thải sau ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 05, lưu lượng $18.000m^3/h$ (xử lý khí thải từ nguồn số 06).

- Dòng thải số 7: Khí thải sau ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 06, lưu lượng $14.000m^3/h$ (xử lý khí thải từ nguồn số 07).

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở:
"Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác"**

- Dòng thải số 8: Khí thải sau ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 07, lưu lượng 11.000m³/h (xử lý khí thải từ nguồn số 08).
- Dòng thải số 9: Khí thải sau ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 08 và hệ thống xử lý khí thải số 9, lưu lượng 20.000m³/h (xử lý khí thải từ nguồn số 9 và nguồn số 10).
- Dòng thải số 10: Khí thải sau ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 10 và hệ thống xử lý khí thải số 11, lưu lượng 22.534m³/h (xử lý khí thải từ nguồn số 11 và nguồn số 12).
- Dòng thải số 11: Khí thải sau ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 12, lưu lượng 2.400m³/h (xử lý khí thải từ nguồn số 13).
- Dòng thải số 12: Khí thải sau ống thoát khí của tủ sấy 01 và tủ sấy 02, lưu lượng 4.800m³/h (xử lý khí thải từ nguồn số 14 và nguồn số 15).
- Dòng thải số 13: Khí thải sau ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 13, lưu lượng 11.267m³/h (xử lý khí thải từ nguồn số 16).
- Dòng thải số 14: Khí thải sau ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 14, lưu lượng 11.267m³/h (xử lý khí thải từ nguồn số 17).
- Dòng thải số 15: Khí thải sau ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 15, lưu lượng 10.000m³/h (xử lý khí thải từ nguồn số 18).
- Dòng thải số 16: Khí thải sau ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 16, lưu lượng 10.000m³/h (xử lý khí thải từ nguồn số 19).
- Dòng thải số 17: Khí thải sau ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 17, lưu lượng 50.000m³/h (xử lý khí thải từ nguồn số 20).
- Dòng thải số 18: Khí thải sau ống thoát khí của tủ sấy 20, lưu lượng 2.400m³/h (xử lý khí thải từ nguồn số 21).
- Dòng thải số 19: Khí thải sau ống thoát khí của tủ sấy dây truyền sơn tự động, lưu lượng 2.400m³/h (xử lý khí thải từ nguồn số 22).

c, Lưu lượng xả thải tối đa

- Dòng thải số 1: lưu lượng xả khí thải lớn nhất 11.000m³/h.
- Dòng thải số 2: lưu lượng xả khí thải lớn nhất 11.000m³/h.
- Dòng thải số 3: lưu lượng xả khí thải lớn nhất 6.000m³/h.
- Dòng thải số 4: lưu lượng xả khí thải lớn nhất 8.000m³/h.
- Dòng thải số 5: lưu lượng xả khí thải lớn nhất 2.400m³/h.
- Dòng thải số 6: lưu lượng xả khí thải lớn nhất 18.000m³/h.
- Dòng thải số 7: lưu lượng xả khí thải lớn nhất 14.000m³/h.
- Dòng thải số 8: lưu lượng xả khí thải lớn nhất 11.000m³/h.
- Dòng thải số 9: lưu lượng xả khí thải lớn nhất 20.000m³/h.
- Dòng thải số 10: lưu lượng xả khí thải lớn nhất 22.534m³/h.
- Dòng thải số 11: lưu lượng xả khí thải lớn nhất 2.400m³/h.
- Dòng thải số 12: lưu lượng xả khí thải lớn nhất 4.800m³/h.

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở:
“Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác”**

- Dòng thải số 13: lưu lượng xả khí thải lớn nhất 11.267m³/h.
- Dòng thải số 14: lưu lượng xả khí thải lớn nhất 11.267m³/h.
- Dòng thải số 15: lưu lượng xả khí thải lớn nhất 10.000m³/h.
- Dòng thải số 16: lưu lượng xả khí thải lớn nhất 10.000m³/h.
- Dòng thải số 17: lưu lượng xả khí thải lớn nhất 50.000m³/h.
- Dòng thải số 18: lưu lượng xả khí thải lớn nhất 2.400m³/h.
- Dòng thải số 19: lưu lượng xả khí thải lớn nhất 2.400m³/h.

d. Vị trí và phương thức xả khí thải

Tọa độ vị trí ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải trước khi thải ra ngoài môi trường (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục 107⁰, múi chiều 3⁰).

Bảng 3.1. Tọa độ vị trí các điểm xả khí thải

STT	Dòng thải	Tọa độ (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105 ⁰ , múi chiều 3 ⁰)	
		X	Y
1	Dòng thải số 1	2 345 082	578 667
2	Dòng thải số 2	2 345 073	578 658
3	Dòng thải số 3	2 345 072	578 657
4	Dòng thải số 4	2 345 072	578 656
5	Dòng thải số 5	2 345 070	578 656
6	Dòng thải số 6	2 345 109	578 696
7	Dòng thải số 7	2 345 106	578 700
8	Dòng thải số 8	2 345 104	578 702
9	Dòng thải số 9	2 345 107	578 737
10	Dòng thải số 10	2 345 134	578 712
11	Dòng thải số 11	2 345 130	578 709
12	Dòng thải số 12	2 345 110	578 740
13	Dòng thải số 13	2 345 148	578 727
14	Dòng thải số 14	2 345 150	578 725
15	Dòng thải số 15	2 345 144	578 723
16	Dòng thải số 16	2 345 134	578 735
17	Dòng thải số 17	2 345 159	578 737
18	Dòng thải số 18	2 345 142	578 731
19	Dòng thải số 19	2 345 151	578 746

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở:
“Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác”**

- Phương thức xả khí thải: Xả liên tục 24/24 giờ hoặc gián đoạn theo chế độ làm việc của cơ sở.

- Vị trí xả thải: Trong khuôn viên Lô 38D, Khu Công nghiệp Quang Minh, xã Quang Minh, thành phố Hà Nội.

- Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Cột B, QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, cụ thể như sau:

Bảng 3.2. Bảng giá trị giới hạn các điểm phát sinh khí thải khi thải vào môi trường

STT	Thông số	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động
I	Dòng thải số 1				
1	Lưu lượng	m ³ /h	11.000	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	Bụi (PM)	mg/Nm ³	≤ 80		
II	Dòng thải số 2				
1	Lưu lượng	m ³ /h	11.000	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	Bụi (PM)	mg/Nm ³	≤ 80		
III	Dòng thải số 3				
1	Lưu lượng	m ³ /h	6.000	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	Bụi (PM)	mg/Nm ³	≤ 80		
3	Cacbon monoxit	mg/Nm ³	≤ 400		
4	Toluen (C ₆ H ₅ CH ₃)	mg/Nm ³	≤ 40	1 năm/lần	
5	Benzen (C ₆ H ₆)	mg/Nm ³	≤ 5		
6	Xylen (C ₆ H ₄ (CH ₃) ₂)	mg/Nm ³	≤ 100		
IV	Dòng thải số 4				
1	Lưu lượng	m ³ /h	8.000	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	Bụi (PM)	mg/Nm ³	≤ 80		
3	Cacbon monoxit	mg/Nm ³	≤ 400		
4	Toluen (C ₆ H ₅ CH ₃)	mg/Nm ³	≤ 40	1 năm/lần	
5	Benzen (C ₆ H ₆)	mg/Nm ³	≤ 5		

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở:
“Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác”**

STT	Thông số	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động
6	Xylen (C6H4(CH3)2)	mg/Nm ³	≤ 100		
V	Dòng thải số 5				
1	Lưu lượng	m ³ /h	2.400	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	Bụi (PM)	mg/Nm ³	≤ 80		
VI	Dòng thải số 6				
1	Lưu lượng	m ³ /h	18.000	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	Hơi H ₂ SO ₄	mg/Nm ³	≤ 20		
3	Axit clohydric (HCl)	mg/Nm ³	≤ 15		
VII	Dòng thải số 7				
1	Lưu lượng	m ³ /h	14.000	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	Hơi H ₂ SO ₄	mg/Nm ³	≤ 20		
3	Axit clohydric (HCl)	mg/Nm ³	≤ 15		
4	Sương mù Axit Cromic CrO ₃	mg/Nm ³	≤ 1		
VIII	Dòng thải số 8				
1	Lưu lượng	m ³ /h	11.000	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	Hơi H ₂ SO ₄	mg/Nm ³	≤ 20		
3	Axit clohydric (HCl)	mg/Nm ³	≤ 15		
IX	Dòng thải số 9				
1	Lưu lượng	m ³ /h	20.000	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	Bụi (PM)	mg/Nm ³	≤ 80		
3	Cacbon monoxit	mg/Nm ³	≤ 400		

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở:
“Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác”**

STT	Thông số	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động
4	Toluen (C ₆ H ₅ CH ₃)	mg/Nm ³	≤ 40	01 năm/lần	
5	Benzen (C ₆ H ₆)	mg/Nm ³	≤ 5		
6	Xylen (C ₆ H ₄ (CH ₃) ₂)	mg/Nm ³	≤ 100		
X	Dòng thải số 10				
1	Lưu lượng	m ³ /h	20.000	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	Bụi (PM)	mg/Nm ³	≤ 80		
3	Cacbon monoxit	mg/Nm ³	≤ 400		
4	Toluen (C ₆ H ₅ CH ₃)	mg/Nm ³	≤ 40	01 năm/lần	
5	Benzen (C ₆ H ₆)	mg/Nm ³	≤ 5		
6	Xylen (C ₆ H ₄ (CH ₃) ₂)	mg/Nm ³	≤ 100		
XI	Dòng thải số 11				
1	Lưu lượng	m ³ /h	2.400	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	Bụi (PM)	mg/Nm ³	≤ 80		
XII	Dòng thải số 12				
1	Lưu lượng	m ³ /h	4.800	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	Bụi (PM)	mg/Nm ³	≤ 80		
3	Cacbon monoxit	mg/Nm ³	≤ 400		
4	Toluen (C ₆ H ₅ CH ₃)	mg/Nm ³	≤ 40	01 năm/lần	
5	Benzen (C ₆ H ₆)	mg/Nm ³	≤ 5		
6	Xylen (C ₆ H ₄ (CH ₃) ₂)	mg/Nm ³	≤ 100		
XIII	Dòng thải số 13				
1	Lưu lượng	m ³ /h	11.267	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	Bụi (PM)	mg/Nm ³	≤ 80		
XIV	Dòng thải số 14				

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở:
“Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác”**

STT	Thông số	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động
1	Lưu lượng	m ³ /h	11.267	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	Bụi (PM)	mg/Nm ³	≤ 80		
XV	Dòng thải số 15				
1	Lưu lượng	m ³ /h	10.000	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	Bụi (PM)	mg/Nm ³	≤ 80		
XVI	Dòng thải số 16				
1	Lưu lượng	m ³ /h	10.000	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	Bụi (PM)	mg/Nm ³	≤ 80		
XVII	Dòng thải số 17				
1	Lưu lượng	m ³ /h	50.000	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	Bụi (PM)	mg/Nm ³	≤ 80		
XVIII	Dòng thải số 18				
1	Lưu lượng	m ³ /h	10.000	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	Bụi (PM)	mg/Nm ³	≤ 80		
3	Cacbon monoxit	mg/Nm ³	≤ 400		
4	Nitơ oxit	mg/Nm ³	≤ 400		
XIX	Dòng thải số 19				
1	Lưu lượng	m ³ /h	10.000	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	Bụi (PM)	mg/Nm ³	≤ 80		
3	Cacbon monoxit	mg/Nm ³	≤ 400		
4	Nitơ oxit	mg/Nm ³	≤ 400		

e. Thời gian cấp giấy phép

Căn cứ theo quy định tại Điểm c, Khoản 4, Điều 40 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 thời gian đề nghị cấp phép: 10 năm.

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở:
“Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác”**

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

a, Nguồn phát sinh

- Nguồn số 01: Từ máy móc, thiết bị trong quá trình sản xuất tại phân xưởng.
- Nguồn số 02: Khu vực đặt máy thổi khí, máy bơm và các thiết bị được lắp đặt tại hệ thống xử lý nước thải.

b, Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung

Giá trị giới hạn của tiếng ồn, độ rung tại cơ sở đảm bảo tuân thủ đúng theo QCVN 26:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; áp dụng đối với khu vực E, cụ thể như sau:

+ Tiếng ồn:

Bảng 3.3. Giá trị giới hạn cấp phép của tiếng ồn

TT	Từ 06h00 đến trước 18h00 (dBA)	Từ 18h00 đến trước 22h00 (dBA)	Từ 22h00 đến trước 06h00 (dBA)	Ghi chú
1	70	65	60	Khu vực E

+ Độ rung:

Bảng 3.4. Giá trị giới hạn cấp phép của độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Ghi chú
	Từ 6 giờ đến trước 22 giờ	Từ 22 giờ đến trước 6 giờ	
1	75	70	Khu vực D

CHƯƠNG V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường

1.1. Tình hình tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường

Trong suốt quá trình hoạt động cơ sở luôn tuân thủ các quy định về Bảo vệ môi trường theo Luật Bảo vệ môi trường và các yêu cầu của cơ quan quản lý trong lĩnh vực Bảo vệ môi trường cụ thể như sau:

- Duy trì vận hành công trình xử lý nước thải, thực hiện thu gom, phân loại và chuyên giao chất thải rắn, CTNH cho các đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

- Định kỳ Cơ sở tiến hành duy tu bảo trì, bảo dưỡng các công trình xử lý nước thải, đảm bảo nước thải sau hệ thống xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả ra ngoài môi trường.

- Thực hiện quan trắc lưu lượng và chất lượng nước thải theo vị trí, thông số, tần suất quy định.

2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải

a. Tổng hợp thông tin về tổng lưu lượng nước thải phát sinh

Bảng 4.1. Tổng hợp lưu lượng nước thải phát sinh tại cơ sở

STT	Ngày	Lưu lượng nước thải xử lý tại cơ sở (m ³ /ngày đêm)			
		Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4
1.	1.	-	113	89	109
2.	2.	108	102	93	103
3.	3.	106	109	91	101
4.	4.	104	112	89	109
5.	5.	112	108	97	97
6.	6.	118	109	92	102
7.	7.	115	108	90	100
8.	8.	98	109	88	108
9.	9.	91	116	98	116
10.	10.	105	106	92	102
11.	11.	97	118	91	101
12.	12.	98	115	93	103
13.	13.	98	111	90	100
14.	14.	90	Nghỉ tết nguyên đán	92	102
15.	15.	97		89	111
16.	16.	99		96	96
17.	17.	105		89	109
18.	18.	93		89	109
19.	19.	96		90	100
20.	20.	109		96	106
21.	21.	97		92	102
22.	22.	93		95	105

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở:
“Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác”**

STT	Ngày	Lưu lượng nước thải xử lý tại cơ sở (m ³ /ngày đêm)			
		Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4
23.	23.	92		95	105
24.	24.	98	116	92	102
25.	25.	101	113	91	101
26.	26.	104	112	90	100
27.	27.	112	115	89	109
28.	28.	89	108	89	109
29.	29.	97	-	92	111
30.	30.	110	-	91	109
31.	31.	109	-	92	-
Tổng cộng		3.041	2.000	2.842	3.137

b. Tổng hợp các kết quả quan trắc nước thải định kỳ

- Đơn vị lấy mẫu và phân tích mẫu năm 2024 và Đợt 1 năm 2025:

Công ty Cổ phần xây dựng và kỹ thuật môi trường Hà Nội

Địa chỉ: C21-20 khu C, KĐT Geleximco, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội.

Vimcerts 253 – Vlat-1.0267

- Đơn vị lấy mẫu và phân tích mẫu Đợt 2 năm 2025:

Công ty Cổ phần kỹ thuật điện và môi trường Asia Green

Địa chỉ: số nhà 10, Liên kê 29, KĐT M Vân Canh, xã Sơn Đông, thành phố Hà Nội.

Vimcerts 174 – Vilas 1504

- Tổng hợp kết quả quan trắc nước thải định kỳ năm 2024 và năm 2025 như sau:

Bảng 4.2. Tổng hợp kết quả quan trắc định kỳ nước thải tại Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác năm 2024

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả quan trắc năm 2024		QCTĐHN 02:2014/ BTNMT (Cột B)	QCVN 40:2011/ BTNMT (Cột B)
			Đợt 1 (12/4/2024)	Đợt 2 (13/9/2024)		
1	Nhiệt độ	°C	27,7	29,7	40	40
2	pH	-	10,4	8,38	5,5÷9	5,5÷9
3	BOD ₅ (20°C)	mg/L	17,8	32,7	50	50
4	COD		38	71	150	150
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	45	57	100	100
6	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	2,36	0,94	10	10
7	Phosphat (PO ₄ ³⁻ tính theo P)	mg/L	0,14	<0,06	-	-
8	Sắt (Fe)	mg/L	0,066	<0,06	5	5

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở:
“Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác”**

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả quan trắc năm 2024		QCTĐHN 02:2014/ BTNMT (Cột B)	QCVN 40:2011/ BTNMT (Cột B)
			Đợt 1 (12/4/2024)	Đợt 2 (13/9/2024)		
9	Cadimi (Cd)		<0,0009	<0,0009	0,1	0,1
10	Kẽm (Zn)	mg/L	<0,03	0,048	3	3
11	Asen (As)	mg/L	<0,003	<0,003	0,1	0,1
12	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	KPH (MDL=1,4)	KPH (MDL=1,4)	-	-
13	Coliform	MPN/ 100ml	2.300	2.400	5.000	5.000

Bảng 4.3. Tổng hợp kết quả quan trắc định kỳ nước thải tại Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác năm 2025

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả quan trắc năm 2025		QCTĐHN 02:2014/ BTNMT (Cột B)	QCVN 40:2011/ BTNMT (Cột B)
			Đợt 1 (04/4/2025)	Đợt 2 (14/10/2025)		
1	Nhiệt độ	°C	24,7	26,1	40	40
2	pH	-	7,3	7,21	5,5÷9	5,5÷9
3	TDS	mg/L	285	277	-	50
4	BOD ₅ (20°C)	mg/L	46,2	4,6	50	150
5	COD	mg/L	102	16,8	150	100
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	71	20,9	100	10
7	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	5,8	2,08	10	-
8	Phosphat (PO ₄ ³⁻ tính theo P)	mg/L	<0,06	0,016	-	5
9	Nitrat (NO ₃ ⁻)	mg/L	3,73	9,84	-	0,1
10	Độ cứng	mg/L	1.190	183	-	3
11	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	<4,1	0,74	-	0,1
12	Sắt (Fe)	mg/L	0,294	0,297	5	-
13	Cadimi (Cd)	mg/L	<0,0009	0,002	0,1	5.000
14	Kẽm (Zn)	mg/L	<0,03	0,715	3	40
15	Đồng (Cu)	mg/L	1,755	1,29	2	5,5÷9
16	Asen (As)	mg/L	<0,003	0,0304	0,1	50
17	Mangan (Mn)	mg/L	<0,06	0,038	1	150
18	Chì (Pb)	mg/L	<0,006	0,018	0,5	100
19	Thủy ngân (Hg)	mg/L	0,0009	KPH (MDL=0,000 15)	0,01	10
20	Crom (Cr)	mg/L	0,007	0,583	-	-
21	Niken (Ni)	mg/L	0,095	0,34	0,5	5
22	Coliform	MPN/ 100ml	2.500	2.400	5.000	0,1

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở:
“Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác”**

- Nhận xét:

Qua bảng tổng hợp chất lượng nước thải đầu ra cho thấy: Chất lượng nước thải đầu ra của hệ thống XLNT tại Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác năm 2024, năm 2025 luôn đảm bảo đạt quy chuẩn cho phép theo QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp và QCTĐHN 02:2014/BTNMT (Cột B) – Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn thủ đô Hà Nội. Như vậy, biện pháp xử lý nước thải tại Cơ sở luôn đạt hiệu quả để xử lý nước thải phát sinh.

c, Tình trạng và kết quả hoạt động của hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục

Cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục.

d, Các sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải

Không có.

e, Các thời điểm đã thực hiện duy tu, bảo dưỡng, thay thế thiết bị của công trình xử lý nước thải

Định kỳ 12 tháng/lần công ty thực hiện bảo dưỡng các thiết bị máy móc của hệ thống xử lý nước thải.

f, Đánh giá tổng hợp về hiệu quả, mức độ phù hợp, khả năng đáp ứng của công trình xử lý nước thải

Công trình xử lý nước thải của cơ sở được xây dựng tại vị trí phù hợp, đáp ứng nhu cầu thu gom và xử lý nước thải trước khi xả ra nguồn tiếp nhận

3. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải

Tổng hợp, thống kê khối lượng từng loại chất thải phát sinh, tự xử lý, chuyển giao của từng năm.

- Chất thải nguy hại:

Bảng 4.4. Tổng hợp khối lượng phát sinh chất thải nguy hại tại cơ sở

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng (kg/năm)	
				Năm 2024	Năm 2025
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	5	0
2	Bùn thải đã tách nước từ hệ thống xử lý nước thải	12 06 05	Bùn	213.961	145.035
3	Axit thải	02 01 01	Lỏng	32.630	24.326
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, găng tay dính dầu	18 02 01	Rắn	4.360	3.290
5	Bã sơn thải	08 01 01	Rắn	3.440	8.700
6	Các vật liệu mài mòn chứa TPNH	07 03 08	Rắn	9.980	7.656

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở:
“Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác”**

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng (kg/năm)	
				Năm 2024	Năm 2025
7	Nước làm mát lẫn dầu	07 03 04	Lỏng	0	800
8	Nước thải có TPNH	07 03 04	Lỏng	0	1.410
Tổng				264.376	191.126

Phương án xử lý: Chủ cơ sở hợp đồng với Công ty TNHH Môi trường công nghiệp xanh thu gom vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp nguy hại theo quy định (hợp đồng số 28.02.2024/HĐXLCT/MTX-KHH ngày 28/02/2024 và các chứng từ thu gom CTNH được đính kèm tại phụ lục của báo cáo).

5. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở

Trong 02 năm gần nhất, cơ sở không tiếp đoàn thanh, kiểm tra về bảo vệ môi trường của cơ quan có thẩm quyền

**CHƯƠNG VI. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ
CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ**

6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở

a, Thời gian vận hành thử nghiệm:

Trong thời gian không quá 06 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

b, Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

Căn cứ theo Khoản 1, Điều 8, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, kế hoạch quan trắc chất thải của công trình vận hành thử nghiệm được trình bày trong bảng dưới đây.

Bảng 5.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý chất thải

STT	Vị trí lấy mẫu	Thông số	Thời gian lấy mẫu	Quy chuẩn so sánh
1	Khí thải sau ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 01	Lưu lượng, Bụi (PM)	03 mẫu đơn trong 3 ngày liên tiếp	QCVN 19:2024/BTNMT
2	Khí thải sau ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 02	Lưu lượng, Bụi (PM)	03 mẫu đơn trong 3 ngày liên tiếp	QCVN 19:2024/BTNMT
3	Khí thải sau ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 03	Lưu lượng, Bụi (PM), Cacbon monoxit (CO), Toluene (C ₆ H ₅ CH ₃), Benzen (C ₆ H ₆), Xylen (C ₆ H ₄ (CH ₃) ₂)	03 mẫu đơn trong 3 ngày liên tiếp	QCVN 19:2024/BTNMT
4	Khí thải sau ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 04	Lưu lượng, Bụi (PM), Cacbon monoxit (CO), Toluene (C ₆ H ₅ CH ₃), Benzen (C ₆ H ₆), Xylen (C ₆ H ₄ (CH ₃) ₂)	03 mẫu đơn trong 3 ngày liên tiếp	QCVN 19:2024/BTNMT

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở:
“Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác”**

STT	Vị trí lấy mẫu	Thông số	Thời gian lấy mẫu	Quy chuẩn so sánh
5	Khí thải sau ống thoát khí của tủ sấy	Lưu lượng, Mùi, Bụi (PM)	03 mẫu đơn trong 3 ngày liên tiếp	QCVN 19:2024/BTNMT
6	Khí thải sau ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 05	Lưu lượng, Bụi (PM), Hơi H ₂ SO ₄ , Axit clohydric (HCl)	03 mẫu đơn trong 3 ngày liên tiếp	QCVN 19:2024/BTNMT
7	Khí thải sau ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 06	Lưu lượng, Bụi (PM), Hơi H ₂ SO ₄ , Axit clohydric (HCl), Sương mù Axit Cromic CrO ₃	03 mẫu đơn trong 3 ngày liên tiếp	QCVN 19:2024/BTNMT
8	Khí thải sau ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 07	Lưu lượng, Bụi (PM), Hơi H ₂ SO ₄ , Axit clohydric (HCl)	03 mẫu đơn trong 3 ngày liên tiếp	QCVN 19:2024/BTNMT
9	Khí thải sau ống thoát thải chung của hệ thống xử lý khí thải số 08 và hệ thống xử lý khí thải số 9	Lưu lượng, Bụi (PM), Toluene (C ₆ H ₅ CH ₃), Benzen (C ₆ H ₆), Xylen (C ₆ H ₄ (CH ₃) ₂)	03 mẫu đơn trong 3 ngày liên tiếp	QCVN 19:2024/BTNMT
10	Khí thải sau ống thoát thải chung của hệ thống xử lý khí thải số 10 và hệ thống xử lý khí thải số 11	Lưu lượng, Bụi (PM), Toluene (C ₆ H ₅ CH ₃), Benzen (C ₆ H ₆), Xylen (C ₆ H ₄ (CH ₃) ₂)	03 mẫu đơn trong 3 ngày liên tiếp	QCVN 19:2024/BTNMT

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở:
“Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác”**

STT	Vị trí lấy mẫu	Thông số	Thời gian lấy mẫu	Quy chuẩn so sánh
11	Khí thải sau ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 12	Lưu lượng, Bụi (PM)	03 mẫu đơn trong 3 ngày liên tiếp	QCVN 19:2024/BTNMT
12	Khí thải sau ống thoát khí của tủ sấy 01 và tủ sấy 02	Lưu lượng, Bụi (PM), Toluene (C ₆ H ₅ CH ₃), Benzen (C ₆ H ₆), Xylen (C ₆ H ₄ (CH ₃) ₂)	03 mẫu đơn trong 3 ngày liên tiếp	QCVN 19:2024/BTNMT
13	Khí thải sau ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 13	Lưu lượng, Bụi (PM)	03 mẫu đơn trong 3 ngày liên tiếp	QCVN 19:2024/BTNMT
14	Khí thải sau ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 14	Lưu lượng, Bụi (PM)	03 mẫu đơn trong 3 ngày liên tiếp	QCVN 19:2024/BTNMT
15	Khí thải sau ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 15	Lưu lượng, Bụi (PM)	03 mẫu đơn trong 3 ngày liên tiếp	QCVN 19:2024/BTNMT
16	Khí thải sau ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 16	Lưu lượng, Bụi (PM)	03 mẫu đơn trong 3 ngày liên tiếp	QCVN 19:2024/BTNMT
17	Khí thải sau ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 17	Lưu lượng, Bụi (PM)	03 mẫu đơn trong 3 ngày liên tiếp	QCVN 19:2024/BTNMT

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở:
“Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác”**

STT	Vị trí lấy mẫu	Thông số	Thời gian lấy mẫu	Quy chuẩn so sánh
18	Khí thải sau ống thoát khí của tủ sấy 20	Lưu lượng, Bụi (PM), Cacbon monoxit (CO), Nito oxit (NO),	03 mẫu đơn trong 3 ngày liên tiếp	QCVN 19:2024/BTNMT
19	Khí thải sau ống thoát khí của tủ sấy dây truyền sơn tự động	Lưu lượng, Bụi (PM), Cacbon monoxit (CO), Nito oxit (NO)	03 mẫu đơn trong 3 ngày liên tiếp	QCVN 19:2024/BTNMT

- Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch:

+ Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Nextech Ecolife

+ Địa chỉ: Liên kè 17-16, KĐT mới Văn Khê, phường Hà Đông, TP. Hà Nội

+ Chứng chỉ năng lực hoạt động:

+ Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường do Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp với số hiệu VIMCERTS 301 tại Giấy chứng nhận số 21/GCN-BNNMT ngày 23/5/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

+ Quyết định công nhận năng lực phòng thí nghiệm VLAT-1.1492 số 51/QĐ-AOSC ngày 12/02/2025 của Văn phòng công nhận năng lực đánh giá sự phù hợp về tiêu chuẩn chất lượng - Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam.

6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.

6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

- Quan trắc nước thải: Căn cứ theo khoản 2, điều 97, nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ (Được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ CP ngày 06 tháng 01 năm 2025); dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải.

- Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp: Căn cứ theo khoản 2, điều 98, nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ (Được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025); dự án thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc môi trường định kỳ đối với khí thải. Tần suất 6 tháng/lần 2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

- Quan trắc nước thải: Căn cứ theo khoản 2, điều 97, nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ (Được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ CP ngày 06 tháng 01 năm 2025); dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải.

- Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp: Căn cứ theo khoản 2, điều 98, nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ (Được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025); dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục đối với bụi, khí thải công nghiệp.

6.2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ dự án

Không

CHƯƠNG VII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

1. Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp phép môi trường

Chúng tôi cam kết về độ trung thực, đầy đủ, chính xác, toàn vẹn của các số liệu thông tin trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường. Nếu có gì sai trái chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.

2. Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan

Cam kết đảm bảo việc xử lý chất thải của Cơ sở đáp ứng các tiêu chuẩn và quy chuẩn môi trường Việt Nam trong quá trình hoạt động của Cơ sở, bao gồm:

- Chủ cơ sở cam kết tuân thủ đúng các Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của Nhà nước Việt Nam liên quan đến vấn đề an toàn vệ sinh môi trường.

- Chủ cơ sở sẽ phối hợp với các cơ quan chức năng trong quá trình kiểm soát mức độ ô nhiễm nhằm đạt Quy chuẩn môi trường theo quy định và phòng chống sự cố môi trường.

- Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh của cơ sở đạt QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Quang Minh.

- Cam kết các hệ thống xử lý khí thải luôn xử lý đạt QCVN 19:2024/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp trước khi xả thải ra môi trường.

- Giảm thiểu và quản lý tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của Cơ sở trong suốt giai đoạn vận hành đảm bảo đạt các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường theo QCVN 26:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

- Thực hiện thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022; Nghị định 05/2025/ NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường; Thông tư 07/2025/TTBTNTM sửa đổi Thông tư 02/2022/TT-BTNMT quy định chi tiết Luật bảo vệ môi trường.

- Cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm đền bù, khắc phục thiệt hại do sự cố gây ra.

- Cam kết thường xuyên giám sát, kiểm tra thiết bị, quy trình vận hành để bảo dưỡng, sửa chữa kịp thời không để ảnh hưởng đến hiệu quả xử lý chất thải trong quá trình hoạt động.

- Cam kết thực hiện đầy đủ, nghiêm túc và triệt để các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã đề xuất trong báo cáo.

- Tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về quy hoạch, lao động, phòng cháy chữa cháy và các quy định pháp luật có liên quan.

***Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở:
“Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác”***

- Hợp tác và cung cấp mọi thông tin có liên quan cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường để kiểm tra và giải quyết các vấn đề phát sinh (nếu có).

- Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung được cấp giấy phép; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu trữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra. Lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm gửi cơ quan chức năng theo quy định.

PHỤ LỤC 1
CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ LIÊN QUAN

1. Phiếu xác nhận bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường số 439/TNMT-MT ngày 25/5/2005 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc.
2. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên số 2500242018 đăng ký lần đầu ngày 08/9/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 03/01/2025 của Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.
3. Giấy chứng nhận đầu tư số 01221000411 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp và Chế xuất Hà Nội cấp, chứng nhận lần đầu ngày 04/11/2011.
4. Hợp đồng thuê đất số 991/HĐ-TĐ ký ngày 17/8/2007 giữa Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc với Công ty TNHH Sản xuất thương mại và Dịch vụ Huy Hoàng; Phụ lục Hợp đồng thuê đất số 72/PLHĐTĐ ký ngày 27/02/2013 giữa UBND thành phố Hà Nội và Công ty TNHH Khóa Huy Hoàng; Phụ lục Hợp đồng thuê đất số 313/PLHĐTĐ-STNMT-KTĐ ký ngày 23/8/2023 giữa UBND thành phố Hà Nội (Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội là đơn vị được ủy quyền) và Công ty TNHH Khóa Huy Hoàng.
5. Văn bản số 6207/STNMT-CCMT ngày 01/10/2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội về việc hoàn thành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo Phiếu xác nhận bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường.
6. Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại mã số QLCTNH: 01.000371.T (cấp lần 2) ngày 28/9/2015 do Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội cấp.
7. Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 1265/TD-PCCC-CTPC ngày 14/12/2020 của Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ - Công an thành phố Hà Nội chứng nhận.

UBND TỈNH VINH PHÚC
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



Số: H29/TNMT - MT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vinh phúc, ngày 25 tháng 5 năm 2005

PHIẾU XÁC NHẬN

BẢN ĐĂNG KÝ ĐẠT TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG

Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất khoá và các sản phẩm kim khí khác
của Công ty TNHH Sản xuất thương mại và dịch vụ Huy Hoàng
tại Khu công nghiệp Quang Minh - huyện Mê Linh

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VINH PHÚC XÁC NHẬN

Điều 1. Công ty TNHH Sản xuất thương mại và dịch vụ Huy Hoàng đã trình nội dung Bản Đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường của Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy Sản xuất khoá và các sản phẩm kim khí khác tại Khu công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh, tỉnh Vinh Phúc, ngày 17 tháng 5 năm 2005.

Điều 2. Công ty TNHH Sản xuất thương mại và dịch vụ Huy Hoàng có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung đã được nêu trong Bản Đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường.

Điều 3. Nội dung Bản Đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường của Dự án là cơ sở để các cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra việc thực hiện bảo vệ môi trường của đơn vị.

Điều 4. Sau khi hoàn thành các hạng mục công trình về môi trường, Công ty TNHH Sản xuất thương mại và dịch vụ Huy Hoàng phải có báo cáo bằng văn bản gửi Sở Tài nguyên và Môi trường Vinh Phúc để kiểm tra.

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư.
- Lưu VP, MT. *ℓ*

KT. GIÁM ĐỐC
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VINH PHÚC



P. GIÁM ĐỐC
Phu Quốc Hoàn

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HUY HOÀNG

NỘI DUNG
BẢN ĐĂNG KÝ ĐẠT TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG
DỰ ÁN NHÀ MÁY SẢN XUẤT KHOÁ VÀ CÁC SẢN PHẨM
KIM KHÍ KHÁC

KHU CÔNG NGHIỆP QUANG MINH - MÊ LINH - VĨNH PHÚC

THÁNG 5 NĂM 2005

**BẢN ĐĂNG KÝ ĐẠT TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG
NHÀ MÁY SẢN XUẤT KHOÁ VÀ CÁC SẢN PHẨM KIM KHÍ KHÁC**

**Tên dự án : DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT KHOÁ
VÀ CÁC SẢN PHẨM KIM KHÍ KHÁC**

**Tên cơ quan chủ quản : CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ
DỊCH VỤ HUY HOÀNG**

Tên giao dịch tiếng Anh : HUY HOANG COMPANY LTD

Giám đốc : Bà Nguyễn Thị Thúy Nhàn

Điện thoại : 04- 7165400 Fax : 04- 8238344

Trụ sở công ty chính : 17 An Dương, phường Yên Phụ, Tây Hồ ,Hà Nội .

Địa điểm dự án : Cụm công nghiệp Quang Minh, Vĩnh Phúc

MÔ TẢ CHUNG VỀ DỰ ÁN

I.1. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ:

Nhà máy sản xuất Khoá và các sản phẩm Kim khí khác của công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Huy Hoàng nằm trong khu công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc.

Các mặt thuận lợi :

- **Về giao thông:** Vị trí dự án cách đường cao tốc Thăng Long- Nội Bài 3 km, cách ga đường sắt Hà Nội 20 km, cách ga đường sắt Phúc Yên 10 km, cách sân bay Nội Bài 5 km nên rất thuận tiện về việc mua bán, vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm đi tiêu thụ .

- **Về tiêu thụ:** Công ty dự kiến sản phẩm sẽ được tiêu thụ trong nội địa.

- *Về môi trường:* Dự án nằm trong khu công nghiệp, công nghệ sản xuất tiên tiến nên ít ảnh hưởng tới môi trường xung quanh.

- *Cấp thoát nước :* Trong khu công nghiệp có hệ thống cấp nước riêng. Hệ thống thoát nước dọc theo các tuyến đường chính và phụ, từ đây nước thải được đổ chung vào hệ thống thoát nước của thành phố hoặc ra sông.

Tỉnh Vĩnh Phúc ở $21^{\circ}06'$ - $21^{\circ}35'$ vĩ độ Bắc và $106^{\circ}19'$ - $106^{\circ}48'$ kinh độ Đông.

Có địa giới hành chính như sau:

+ Phía Tây - Bắc giáp tỉnh Tuyên Quang,

+ Phía Đông- Bắc giáp tỉnh Thái Nguyên.

+ Phía Đông - Nam giáp Thủ đô Hà Nội.

+ Phía Tây- Nam giáp tỉnh Phú Thọ và tỉnh Hà Tây

Diện tích: 1.371,40 km² là một tỉnh nhỏ, xếp thứ 56/61 tỉnh của cả nước.

2. Địa hình - địa mạo:

Phía Bắc là dãy núi Tam Đảo, phía Tây và Nam giới hạn bởi Sông Lô và Sông Hồng, Vĩnh Phúc có địa hình đa dạng, thấp dần từ Đông Bắc xuống Tây Nam, có 3 vùng sinh thái đặc trưng rõ rệt: Đồng bằng, trung du, miền núi. Điểm cao nhất là núi Tam Đảo, với độ cao 1529m, vùng gò đồi cao trung bình 15-20m, vùng đất canh tác nông nghiệp và vùng đất thấp nhất từ 8-12m. Vùng đồng bằng gồm có 76 xã, phường và thị trấn thuộc lãnh thổ các huyện Vĩnh Tường, Yên Lạc, phần lớn huyện Mê Linh và Thị xã Vĩnh Yên, có diện tích 46,8 nghìn ha, trong đó đất nông nghiệp chiếm 32,9 nghìn ha, Vùng trung du chiếm phần lớn diện tích của huyện Tam Dương, Bình Xuyên 16 xã, Lập Thạch 10 xã, thị xã Vĩnh Yên 6 phường và huyện Mê Linh 2 xã, với diện tích 24,9 nghìn ha, trong đó đất nông nghiệp chiếm 14 nghìn ha. Vùng núi chiếm phần lớn diện tích của huyện Lập Thạch 28 xã và một phần thuộc huyện Tam Dương, Bình Xuyên 9 xã, 1 xã của huyện Mê Linh. Diện tích vùng núi là 65,3 nghìn ha. Trong đó đất nông nghiệp 17,4 nghìn ha, đất lâm nghiệp 26,3 nghìn ha. Tỉnh có nhiều hồ nước, tạo điều kiện phát triển thủy lợi, nuôi cá và các khu du lịch thể thao.

3. Khí hậu - Thời tiết.

Cũng như các tỉnh khác thuộc Bắc bộ, Vĩnh Phúc nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa nóng ẩm, khí hậu trong năm được chia thành 4 mùa trong đó có 2 mùa rõ rệt là mùa mưa (Tháng 4-11), mùa khô (tháng 12 - tháng 3 năm sau).

Lượng mưa ở Vĩnh Phúc vào loại trung bình 1.500 mm, tập trung vào các tháng từ tháng 6 đến tháng 8. Nhiệt độ trung bình hàng năm là 23,2°C, riêng vùng núi cao Tam Đảo nhiệt độ thấp hơn, vào khoảng 18,2 °C. Độ ẩm trung bình 84%. Số giờ nắng từ 1.300-1.800 giờ/năm, riêng vùng Tam Đảo số giờ nắng thấp hơn: Từ 1000-1400 giờ/năm..

Chế độ gió mùa thay đổi khí hậu tạo điều kiện cho việc thâm canh gieo cấy nhiều vụ trong năm, đa dạng hoá sản xuất nông nghiệp, bên cạnh đó cũng gây không ít khó khăn do úng lụt, khô hạn, sương muối, lốc xoáy, mưa đá, ảnh hưởng không tốt đến sản xuất và đời sống.

4. Địa chất - Thổ nhưỡng:

Toàn tỉnh có hai vùng với cấu tạo địa chất khác nhau, vùng núi phía Bắc tỉnh (Lập Thạch, Tam Dương). Đây là vùng đồi núi cao có nền tạo địa chất là các nham thạch, ít thấm nước, rắn chắc có tính ổn định cao (như đá Mácma, Granít, Sa diệp thạch l), vùng đồng bằng ở phía Nam chủ yếu là phù sa cổ và đất trầm tích có nguồn gốc bồi tích, tàn tích. Về đất đai thổ nhưỡng có 3 loại chủ yếu: Đất phù sa Sông Hồng, sông Lô, sông Phó Đáy chủ yếu tập trung ở phía Nam tỉnh. Loại đất bạc màu thường thấy ở các vùng đồi, gò (Cao độ 15- 20m) ven chân núi Tam Đảo, vùng đồi huyện Lập Thạch |Đất đỏ vàng nhạt chủ yếu ở phía Bắc tỉnh ven chân vùng đồi Tam Đảo. Đất đồng bằng phù sa chiếm khoảng 62,2% đất vùng đồi, đất đỏ vàng, trên đá biến chất chiếm 24,2% và đất vùng núi chiếm 15,1%. Với đặc điểm hoá tính thì 57,5% đất bị chua, 25% đất nghèo mùn.

Vĩnh Phúc rất nghèo khoáng sản, có khả năng khai thác là các mỏ cao lanh giàu nhôm, cát, sỏi than bùn và đất sét có trữ lượng lớn.

1.2 NỘI DUNG CỦA DỰ ÁN .

1/ Tổng vốn đầu tư : 30.000.000.000 đồng

Trong đó : Vốn cố định 24.628.000.000 đồng

Vốn lưu động : 5.372.000.000 đồng

Nguồn vốn :

- Vốn vay ngân hàng (Lãi suất dự tính 9%/năm) : 18.000.000.000 đồng

- Vốn tự có : 12.000.000.000 đồng.

2/ Vấn đề nhân lực : Tổng cộng có 212 người

3/ Các hạng mục đầu tư xây dựng.

TT	Hạng mục công trình	Diện tích (m ²)
1	Xưởng đúc áp lực	1500
2	Xưởng sản xuất khoá	2000
3	Xưởng sản xuất hàng kim khí	2000
4	Kho chứa nguyên liệu	1500
5	Kho chứa thành phẩm	1500
6	Nhà văn phòng	600
7	Nhà để xe	500
8	Nhà bảo vệ	50
9	Trạm biến áp	50
10	Đường nội bộ, cây xanh, hàng rào..	10300

4/ Tình hình nguyên nhiên liệu, năng lượng và nước .

Nguyên liệu :

Nguyên vật liệu chính dùng để sản xuất các sản phẩm của dự án là gang, thép, đồng, hợp kim nhôm kẽm. Các loại nguyên vật liệu chính phục vụ cho sản xuất sẽ được mua ở thị trường trong nước.

Nhiên liệu :

Điện, dầu, than và các hóa chất khác

Nước :

Công ty mua nước của huyện Mê Linh để phục vụ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh.

5/ Tiến độ :

Tiến độ thực hiện dự án ngay sau khi nhận được tất cả những phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền liên quan được dự kiến như sau :

+ Từ tháng thứ 1 đến tháng thứ 2 : Làm thủ tục thuê đất, đền bù giải phóng mặt bằng và nhận bàn giao đất tại thực địa.

+ Từ tháng thứ 2 đến tháng thứ 9 : Khởi công xây dựng văn phòng và nhà xưởng cho Dự án.

+ Từ tháng thứ 5 đến tháng thứ 10 : Làm thủ tục nhập khẩu và mua máy móc thiết bị

+ Từ tháng thứ 10 đến tháng thứ 11 : Hoàn thành việc lắp đặt máy móc thiết bị

+ Từ tháng thứ 7 đến tháng thứ 11 : Tuyển dụng và đào tạo nhân viên

+ Tháng thứ 12 : Sản xuất thử

+ Tháng thứ 13 : Đưa dự án vào hoạt động chính thức.

1-2-2. Công nghệ sản xuất :

Đây chuyển công nghệ sản xuất các sản phẩm mà dự án dự kiến áp dụng là dây chuyền công nghệ tiên tiến, chuyên dùng và đồng bộ. Dây chuyền công nghệ này có những đặc tính nổi bật như sau :

- Phù hợp với quy mô dự án
- Sử dụng hợp lý, tiết kiệm nguyên vật liệu, năng lượng và nhân công

*Nội dung bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường :
Nhà máy sản xuất Khoá và các sản phẩm kim khí khác*

- Chất lượng của sản phẩm có thể được khẳng định trong suốt quá trình sản xuất
- Có thể thay đổi số lượng và chủng loại sản phẩm sản xuất
- Đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường xung quanh

Tại nhà máy có hai công nghệ sản xuất đó là quy trình sản xuất khoá và quy trình sản xuất các sản phẩm kim khí khác.

Quy trình sản xuất khoá xem sơ đồ công nghệ

Bước 1 :

Nguyên vật liệu được mua về và được gia công chi tiết . Các đơn nguyên được gia công chi tiết đó là : gia công chi tiết bi, gia công chi tiết lõi, gia công chi tiết chìa, gia công chi tiết lò xo, gia công thân và gia công các chi tiết khác. Qua quá trình gia công, các sản phẩm được kiểm tra chất lượng các sản phẩm đảm bảo chất lượng theo yêu cầu công nghệ được lưu vào kho chờ lắp ráp.

Bước 2 :

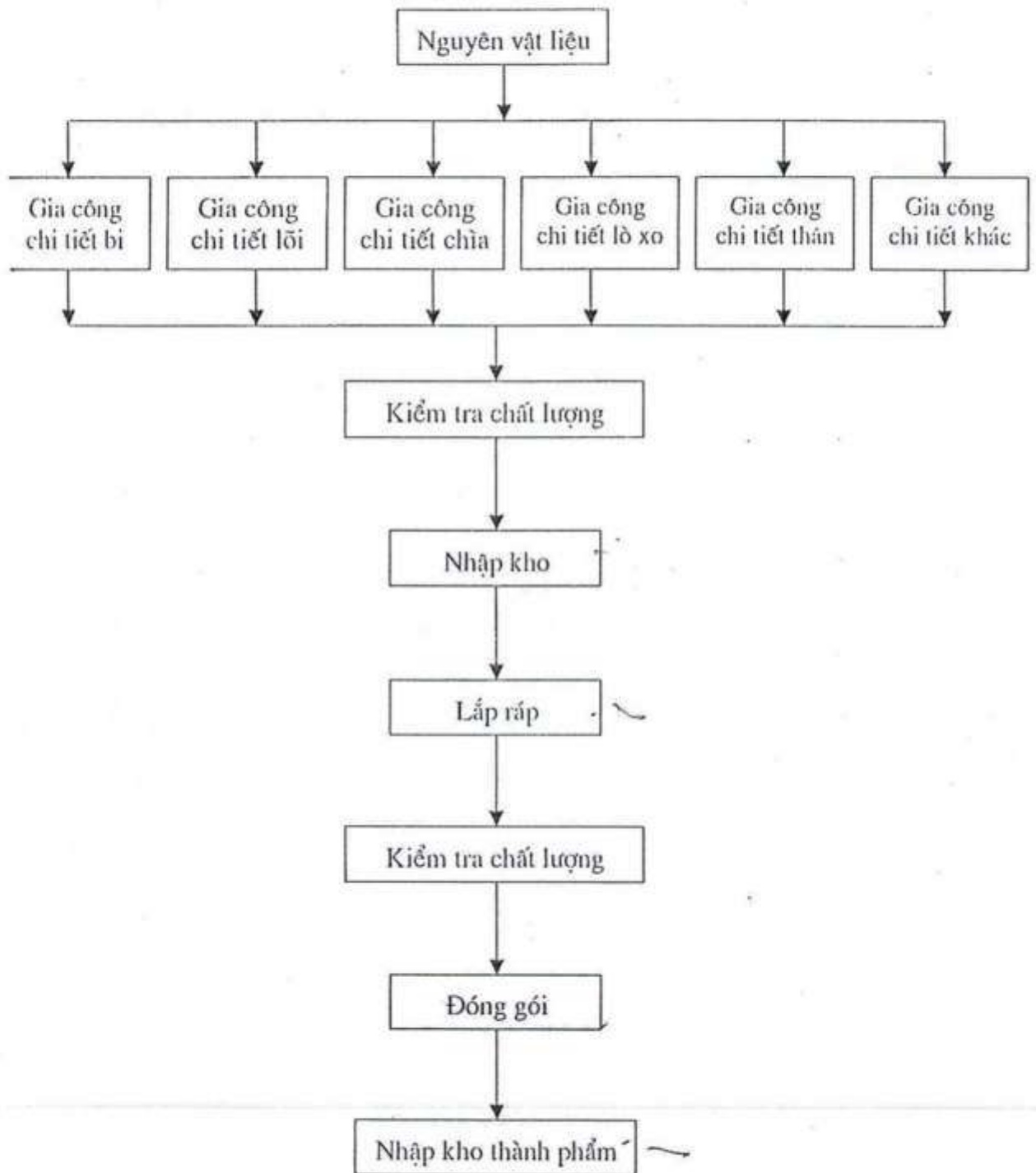
Các đơn nguyên sau khi đảm bảo chất lượng được mang đi lắp ráp. Sau khi lắp ráp tạo thành sản phẩm các sản phẩm này được mang đi kiểm tra và các sản phẩm đạt tiêu chuẩn được đóng gói và xuất xưởng.

Quy trình sản xuất các sản phẩm kim khí xem sơ đồ công nghệ

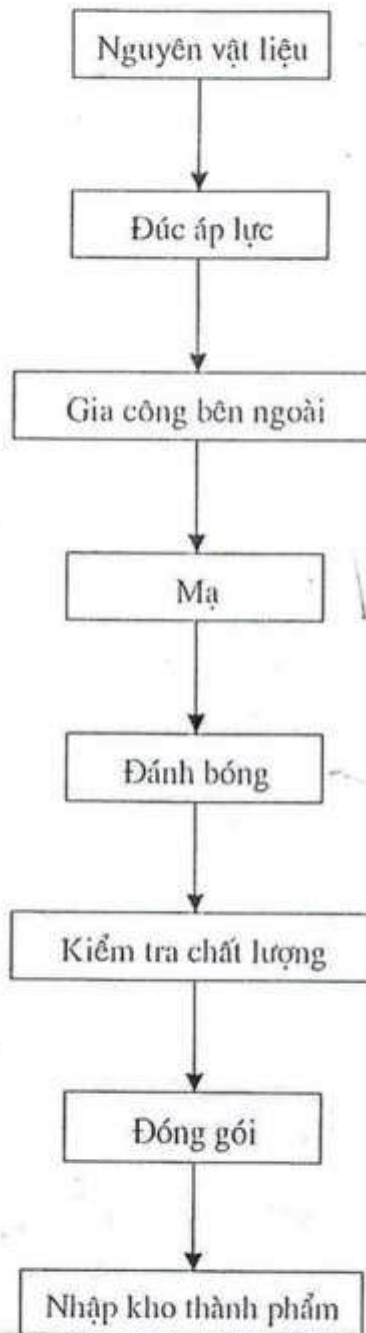
Nguyên vật liệu được mua về và được đưa đi đúc áp lực tạo ra các sản phẩm theo yêu cầu. Sau đó các sản phẩm thô này được gia công bên ngoài tạo ra các sản phẩm không có các bavias. sau đó sản phẩm được đưa sang công đoạn mạ tạo cho độ bền theo thời gian của sản phẩm. Qua công đoạn mạ sản phẩm được đưa sang công đoạn đánh bóng tạo độ nhẵn, bóng cho sản phẩm và sau đó sản phẩm được kiểm tra, các sản phẩm có chất lượng theo yêu cầu được đóng gói và xuất xưởng, các sản phẩm không đạt theo yêu cầu được thu gom và xử lý lại.

*Nội dung bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường :
Nhà máy sản xuất Khoá và các sản phẩm kim khí khác*

Quy trình sản xuất khoá xem sơ đồ công nghệ



Quy trình sản xuất các sản phẩm kim khí xem sơ đồ công nghệ



I-2-4. Sản phẩm và chất lượng sản phẩm

Sản phẩm của dự án bao gồm các loại sau :

a/ Các sản phẩm khoá : khoá cửa tay nắm, chốt cửa Cremone, khoá treo, khoá tủ..

Sản lượng các sản phẩm khoá của Dự án trong năm hoạt động ổn định :

- Khoá cửa nắm tay : 300.000 bộ / năm
- Chốt cửa Cremone : 400.000 bộ / năm
- Khoá treo : 150.000 sản phẩm / năm
- Khoá tủ : 100.000 sản phẩm / năm

b/ Các sản phẩm kim khí khác : Quà lưu niệm, kỷ niệm chương..

Sản lượng các sản phẩm khác của Dự án trong năm hoạt động ổn định :

- Quà lưu niệm : 220.000 sản phẩm / năm
- Kỷ niệm chương : 200.000 sản phẩm / năm
- Các SP kim khí khác : 100.000 sản phẩm / năm

Đây là dự án sản xuất và kinh doanh về khoá và các sản phẩm kim khí, do đó muốn cho việc kinh doanh được thuận lợi thu hút được nhiều khách hàng đến mua hàng và ký hợp đồng tạo được ấn tượng và sức hấp dẫn về chất lượng và mẫu mã của sản phẩm thì vấn đề đặt ra cho chủ đầu tư là phải xây dựng và mua sắm trang thiết bị hiện đại và chuyên dùng của các nước có nền công nghiệp tiên tiến.

Mục tiêu của Công ty là “Phục vụ khách hàng chu đáo nhất với chất lượng sản phẩm tốt nhất, kiểu dáng sản phẩm đẹp nhất và giá cả hợp lý nhất”

- Chuẩn về kích thước, thích ứng với nhiều loại công trình khác nhau
- Sử dụng thuận tiện
- Có tuổi thọ cao và chịu được sự thay đổi về thời tiết
- Mẫu mã đẹp, đa dạng và hợp thị hiếu khách hàng
- Giá cả hợp lý, đáp ứng được yêu cầu của khách hàng

I-2-5. Danh mục máy móc thiết bị :

Dự án sẽ đầu tư những trang thiết bị hiện đại và tiên tiến có xuất xứ từ các nước :
Mỹ, Nhật Bản, Italia, Đài Loan..

TT	Danh mục thiết bị	Số lượng
I	Máy móc thiết bị chính	
1	Máy khoan các loại	100
2	Máy tiện	4
3	Máy phay	15
4	Máy mài	4
5	Máy đột dập	20
6	Máy cắt dây EDM	1
7	Máy bắn tia lửa điện	2
8	Máy bắn tia lửa điện	1
9	Máy đúc áp lực	10
10	Máy gia công CNC	5
11	Dây chuyền mạ	1
12	Dây chuyền sản xuất khoá	1
II	Thiết bị phụ trợ	
1	Máy biến áp	1
2	Máy phát điện	1
III	Phương tiện vận tải	
1	Xe tải	6
2	Xe đưa đón công nhân	2
3	Xe con	1
IV	Máy móc, thiết bị vận phòng	
1	Thiết bị thông tin	
2	Trang bị cho PCCC	
3	Thiết bị điện, nước, chống sét	

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

II-1. NGUỒN GÂY TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

II-1-1. Nguồn gây tác động liên quan đến chất thải :

+ *Chất thải rắn* : Nguồn chất thải rắn có thể chia làm 2 loại : Chất thải rắn sản xuất và chất thải rắn sinh hoạt

Chất thải rắn sản xuất : phôi sắt, phôi gang trong quá trình gia công cơ khí.

Bao bì đóng gói nguyên liệu và bao bì đóng gói sản phẩm không đủ phẩm chất

Dầu mỡ, dè lau

Bùn thải từ khu xử lý môi trường

Chất thải rắn sinh hoạt : Phát sinh do quá trình ăn uống và sinh hoạt của cán bộ công nhân viên .

+ *Khí*: Nguồn chủ yếu ở khu vực đúc áp lực và hơi hoá chất bể mạ..

+ *Nước* :

- Nước thải sản xuất : Phát sinh chủ yếu từ dây chuyền mạ và nước làm mát thiết bị..

- Nước mưa chảy tràn .

- Nước thải sinh hoạt của cán bộ công nhân viên làm việc tại nhà máy .

+ *Bụi, tiếng ồn* :

Bụi phát thải chủ yếu từ lò đúc, gia công chi tiết, đánh bóng., mài

Tiếng ồn phát sinh chủ yếu từ các máy khoan, cắt, phay, mài, đột dập...

II-1-2- Tính toán tải lượng và nguồn phát thải

1/ Tính toán lượng khí thải :

Tính toán khí thải lò đúc

Đặc trưng kỹ thuật của dầu DO sử dụng tại Việt Nam theo TCVN 5689- 1997 cho ở bảng dưới đây.

TT	Thông số	Đơn vị tính	TCVN 5689- 1997	
			Cột A	Cột B
1	Độ nhớt ở 40 °C	cSt	1,8- 5	1,8- 5
2	Cặn Cacbon với 10% cặn chung cất	% TL	<0,3	<0,3
3	Nhiệt độ chớp cháy cốc kín	°C	>60	>50
4	Điểm đông đặc	°C	9	9
5	Hàm lượng lưu huỳnh	% KL	<0,5	< 1
6	Nước và tạp chất cơ học	% TT	< 0,05	< 0,05
7	Chỉ số cetan	-	> 50	> 45
8	Tro	% TL	< 0,01	< 0,01

Theo cơ quan quản lý môi trường của Mỹ (EPA) thì khi đốt dầu DO có hàm lượng lưu huỳnh là 1% sẽ có hệ số ô nhiễm như sau :

Chất ô nhiễm	Hệ số ô nhiễm (g/ kg)
Bụi	2,29
CO	0,543
SO ₂	7,2
NO _x	10,434

Vậy tải lượng ô nhiễm của lò đúc với mức tiêu thụ dầu 2.400 lít / năm (tương ứng 0,015 kg/ h) được tính ở bảng sau :

Chất ô nhiễm	Tải lượng ô nhiễm (mg/ h)
Bụi	34,344
CO	8,136
SO ₂	108
NO _x	156,528

Tính lưu lượng khí thải lý thuyết

Lượng khí thải được tính dựa trên lượng không khí lý thuyết để đốt cháy hoàn toàn 1 kg dầu là 13,8 kg không khí hay 10,7 m³ không khí ở ĐKTC. Do vậy lượng khí thải tính theo lý thuyết là 13,8 kg/kg dầu hay là 12,3 Nm³/kg dầu.

Để đảm bảo chế độ tốt, nồi đúc sẽ được đốt với lượng không khí cao hơn 30% so với lý thuyết, vì vậy lượng khí thải thực tế là 15,99 m³/kg dầu khí thải có nhiệt độ 200°C nên lưu lượng khí thải thực tế khi đốt cháy 1 kg dầu là :

$$15,99 \text{ m}^3/\text{kg} \times (473/273) = 27,7 \text{ m}^3/\text{kg}$$

Như vậy lượng không khí cần thiết cho sự cháy là :

$$V_{\text{khí thải}} = 0,015 \text{ kg dầu/h} \times 27,7 \text{ m}^3/\text{kg} = 0,4155 \text{ m}^3/\text{h}$$

Trên thực tế không khí cấp vào trong lò gấp khoảng 5 lần tính toán lý thuyết vì quá trình cháy trong nồi hơi là quá trình oxy hoá dư không khí, $V_{\text{khí thải}} = 2,0775 \text{ m}^3/\text{kg}$.

Tính toán nồng độ các chất ô nhiễm trong khí thải

Từ tải lượng ô nhiễm và lưu lượng khí thải đã tính toán ở trên tính được nồng độ các chất ô nhiễm trong khí thải theo công thức sau :

Tính nồng độ chất ô nhiễm = Tải lượng ô nhiễm/ lưu lượng khí thải

Nồng độ các chất ô nhiễm trong khí thải được cho ở bảng dưới đây và được so sánh với TCVN 6992-2001 Chất lượng không khí- Khí thải công nghiệp- Tiêu chuẩn thải theo tải lượng các chất vô cơ trong vùng đô thị với $K_{CN} = 0,6$ và Q_1 , và TCVN 5939- 1995, cột B.

Chất ô nhiễm	Nồng độ ô nhiễm (mg/m^3)	TCVN 6992-2001 cấp B, Q3 mg/m^3	TCVN 5939-1995 cột B mg/m^3
Bụi	16,53	-	-
CO	3,92	240	-
SO ₂	51,985	240	-
NO _x	75,332	480	400

Các chất khí ô nhiễm phát tán từ lò hơi được đưa qua hệ thống xử lý và ra ngoài theo ống khói cao 15 m để đảm bảo khí thải ra môi trường không gây ảnh hưởng đến khu vực xung quanh.

Tác hại của một số chất gây ô nhiễm không khí :

• **Oxit cacbon (CO):**

Là chất khí không màu, không mùi có ái lực mạnh với hemoglobin và chiếm chỗ oxy trong máu gây thiếu oxy cho cơ thể, vì thế CO gây chóng mặt, đau đầu, buồn nôn, ngất và rối loạn nhịp tim. Với nồng độ 250 ppm, CO có thể gây tử vong. Người lao động làm việc liên tục ở khu vực có nồng độ CO cao bị ngộ độc mạn tính, thường bị xanh xao, gầy yếu. Giới hạn nồng độ CO cho phép trong khu vực sản xuất là $30 mg/m^3$.

• **Các oxit lưu huỳnh (SO_x):**

Là các chất khí gây kích thích mạnh, gây co giật cơ trơn, tăng tiết dịch, viêm và các chứng bệnh khác của đường hô hấp. Ngoài ra, SO_x còn có thể gây ra sự rối loạn chuyển

hoá protein và đường, gây thiếu vitamin B và C, ức chế enzym oxydaza. Tiếp xúc lâu dài với khí SO_2 ở nồng độ cao có thể bị bệnh ở hệ tạo huyết vì khi đó methemoglobin tạo ra sẽ tăng cường quá trình oxy hoá Fe^{II} thành Fe^{III} . Giới hạn nồng độ SO_2 cho phép trong khu vực sản xuất là 20 mg/m^3 , còn ở vùng xung quanh và khu dân cư là $0,5 \text{ mg/m}^3$.

• **Nitơ oxit (NO_x) :**

Có tất cả 6 loại nitơ oxit : N_2O , NO , NO_2 , N_2O_3 , N_2O_4 , N_2O_5 . Trong đó NO_2 là chất đáng quan tâm hơn cả. NO_2 được xem là hợp chất chủ yếu trong chuỗi phản ứng cực tím với hydrocacbon trong khí thải của máy móc tiêu thụ nhiên liệu, dẫn đến hình thành muối khói có tính gây oxyhoá mạnh. NO_2 được biết đến như một chất gây kích thích viêm tấy và có tác động đến hệ thống hô hấp (gây bệnh mãn tính cho hệ thống hô hấp). Hiện nay khí NO_2 ở nồng độ thường gặp trong thực tế có thể được xem như là chất độc hại tiềm tàng có tác hại gây bệnh viêm xơ phổi mãn tính, tuy nhiên chưa có số liệu định lượng về vấn đề này. Giới hạn nồng độ NO_2 cho phép trong khu vực sản xuất là 5 mg/m^3 , còn ở vùng xung quanh và khu dân cư là $0,4 \text{ mg/m}^3$.

• **Hidro sulfua (H_2S) :**

Là chất khí không màu, có mùi thối đặc trưng, H_2S là chất khí độc, gây ngạt thở và ức chế thần kinh trung ương. H_2S là một trong các yếu tố trong không khí gây hư hại và xuống cấp cho các công trình kiến trúc. Giới hạn nồng độ H_2S cho phép trong khu vực sản xuất là 10 mg/m^3 còn ở vùng xung quanh là $0,008 \text{ mg/m}^3$.

• **Hydrocacbon :**

Là các hợp chất giữa cacbon và hydro, gồm có 3 loại : no, không no và thơm. Tùy thuộc vào khối lượng phân tử mà các hợp chất này có thể tồn tại dưới dạng khí, lỏng, rắn ở nhiệt độ thường. Khi ở trạng thái khí, các hợp chất hydrocacbon là các khí không màu, có mùi đặc trưng. Hỗn hợp của hơi hydrocacbon với không khí hoặc oxy ở một tỷ lệ nhất định có thể gây nổ. Nói chung các hợp chất hydrocacbon đều độc với cơ thể người đặc biệt là các hợp chất hydrocacbon thơm (gây suy hô hấp,

gây dị ứng da và gây ung thư) . Theo quy định của bộ y tế TC -3733 - 2002 - BYT/QĐ , giới hạn nồng độ cho phép của các hợp chất hydrocacbon trong khu vực sản xuất là : benzen (50 mg/m³) , dầu hoả (300 mg/m³) , toluen (100 mg/m³) , xylen (100 mg/m³) , xăng dung môi (300 mg/m³) , xăng nhiên liệu (100 mg/m³) . Theo quy định TCVN-5938-1995 thì giới hạn nồng độ cho phép trong không khí xung quanh của các hợp chất hydrocacbon như sau : benzen (1,5 mg/m³) , toluen (0,6 mg/m³) và xăng (5 mg/m³) .

4/ Nước thải

+ Nước thải sản xuất :

Trong quá trình sản xuất nước thải chủ yếu phát sinh từ khu vực mạ , nước làm mát thiết bị. Nước thải sản xuất ở đây có hàm lượng chất rắn lơ lửng, độ pH thấp, các kim loại nặng như Crôm, niken, Cu, Fe, Zn Công ty sẽ có kế hoạch xử lý nước thải sản xuất bằng phương pháp hoá học. Công ty sẽ đưa ra công nghệ xử lý nước thải sản xuất (sẽ được trình bày trong bản báo cáo này) để nước thải luôn luôn đạt tiêu chuẩn quy định.

+ Nước mưa chảy tràn

Về mùa mưa, nước mưa chảy tràn qua khu vực Công ty cuốn trôi đất, cát bụi và các hóa chất vô cơ, hữu cơ trên mái nhà, sân bãi, đường đi. Tuy nhiên nước mưa chảy tràn chưa bị ô nhiễm, do đó nước mưa chảy tràn sẽ được tách dòng đưa thẳng vào dòng tiếp nhận nước mưa chảy tràn của khu vực. Với lượng nước mưa bình quân 1500 mm thì tổng lượng mưa trung bình trên diện tích của công ty là :

$$V_{nm} = 20000 \text{ m}^2 \times 1500 = 30.000 \text{ m}^3/\text{năm}.$$

+ Nước thải sinh hoạt :

Gồm nước thải từ nhà bếp, nhà ăn ca và các công trình vệ sinh. Lượng nước thải có thể tính như sau :

$$45\text{lít/người/ca lao động} \times 212 \text{ người} \times 2 \text{ ca} = 19 \text{ m}^3/\text{ngày}$$

Theo TCVN 4474-1987, lượng nước sử dụng cho nhà ăn tập thể là 25lít/người/bữa do vậy nước thải từ nhà ăn công ty là :

$$25 \text{ lít/ người/ bữa} \times 212 \times 2 \text{ bữa} = 10,5 \text{ m}^3/\text{ngày}$$

Tổng lượng nước thải sinh hoạt : $19 \text{ m}^3 + 10,5 \text{ m}^3 = 29,5 \text{ m}^3/\text{ngày}$

5/ Tiếng ồn và độ rung :

Các công đoạn sản xuất của công ty đều phát sinh tiếng ồn, đặc biệt là công đoạn gia công các chi tiết khoá.

Độ rung do các máy có công suất lớn gây ra như máy đập, máy tiện .., ngoài ra các công đoạn khác cũng gây ra rung.

6/ Chất thải rắn :

- Chất thải rắn sản xuất : Khoảng 0,2 m³ ngày đêm gồm các phôi sắt, gang trong quá trình gia công cơ khí
- Bùn thải thu được từ công đoạn xử lý nước thải sản xuất , chất thải rắn sinh hoạt của cán bộ công nhân viên chức (106 kg/ ngày)
- Dầu thải .
- Bao bì đựng nguyên liệu và hóa chất

II-1-2. Các nguồn gây tác động khác : Không

II-2. LOẠI HÌNH TÁC ĐỘNG

II-2-1. Tác động đến hệ sinh thái động, thực vật :

Sự hoạt động của Công ty đi vào hoạt động cũng có ảnh hưởng tới hệ môi trường sinh thái nêu trên nhưng mức độ không lớn do vấn đề ô nhiễm khí độc, bụi không đáng kể. Khả năng ô nhiễm nước rất hạn chế do lượng nước thải rất ít..

II-2-2. Tác động đến cảnh quan khu vực :

Công ty sẽ thường xuyên chấp hành các quy định về môi trường và cam kết trong quá trình sản xuất không để xảy ra ô nhiễm hoặc sự cố môi trường, tích cực tham

gia các hoạt động bảo vệ môi trường do địa phương phát động để không làm ảnh hưởng đến cảnh quan môi trường khu vực nói chung .

II-2-3. Tác động đến môi trường kinh tế-xã hội :

- Sự hoạt động của Công ty tuy có một số khó khăn cho giao thông, do xe cộ ra vào chuyên chở nguyên vật liệu và sản phẩm, nhưng không đáng kể .
- Sự hoạt động của Công ty trên địa bàn tạo được công ăn việc làm cho người lao động , góp phần cải thiện điều kiện sống của nhân dân địa phương.
- Sự hoạt động của Công ty tăng nguồn thu ngân sách cho địa phương và nhà nước thông qua các khoản thuế .

II-3. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Đánh giá cụ thể với từng loại hình tác động cho từng đối tượng bị tác động

II-3-1. Tác động tới môi trường không khí :

- + Ở bộ phận lò đúc là nguồn phát thải điểm sẽ phát sinh ra các khí thải mang theo các chất ô nhiễm như bụi, SO₂, CO, NO_x.
- + Các bộ phận gia công các chi tiết khoá, lắp ráp, đánh bóng sẽ phát sinh bụi, chủ yếu là bụi kim loại..

II-3-2. Tác động của nước thải sản xuất :

Nước thải sản xuất ở đây có hàm lượng chất rắn lơ lửng, độ pH thấp, các kim loại nặng như Crom, niken, Cu, Fe, Zn ..., nếu không xử lý tốt sẽ ảnh hưởng tới chất lượng nước mặt và lâu dài có thể tác động xấu đến chất lượng nước ngầm khu vực.

II-3-3. Tác động của tiếng ồn và độ rung:

Không ảnh hưởng tới khu vực dân cư xung quanh.

BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC

III-1. CÁC BIỆN PHÁP VỀ CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT

III-1-1. Khống chế ồn và rung :

Khi lắp đặt các thiết bị mới trên đế móng bê tông cốt thép đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật. Nhà xưởng được che chắn xung quanh và lắp đặt các cửa kính tránh phát tán tiếng ồn ra khu vực xung quanh.

Lắp đặt các trang thiết bị chống ồn, kiểm tra định kỳ các thiết bị, hệ thống bảo dưỡng, bôi trơn

Hệ thống cây xanh được tăng cường đảm bảo 25% diện tích công ty. Thực hiện chế độ làm việc hợp lý.

III-1-2. Khống chế ô nhiễm không khí, bụi :

1/ Giảm thiểu bụi và hơi khí từ các bộ phận sản xuất riêng lẻ :

- Nhà xưởng sản xuất đều cao hơn 10 m để thông thoáng khu vực làm việc.
- Có hệ thống quạt hút và buồng lắng thu bụi tại các vị trí gia công, mài, đánh bóng
- Có chụp thu và hút khí từ khu vực bề mặt thải ra ống khói

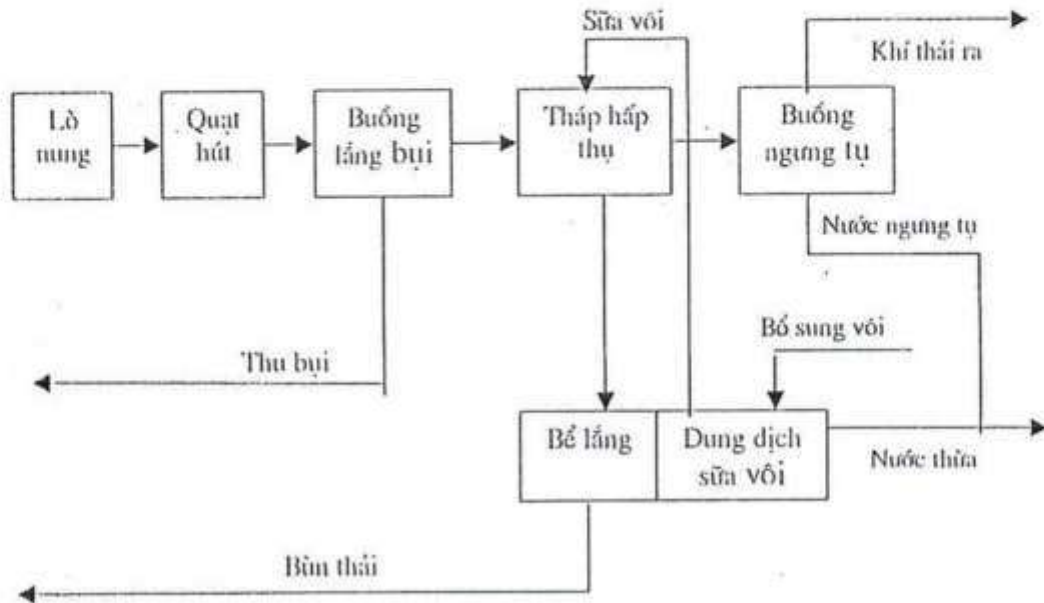
2/ Xử lý khí độc và bụi do lò đúc bằng biện pháp quản lý :

- Vận hành lò đúng quy trình , tỷ lệ của khí và than phải đảm bảo , thông gió tốt cho lò hơi để đảm bảo hiệu suất đốt cháy .
- Sử dụng than có hàm lượng lưu huỳnh thấp .

2/ Xử lý khí độc và bụi do lò đúc bằng phương pháp hấp thụ :

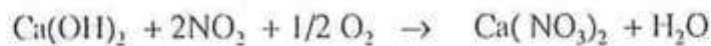
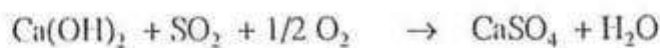
- Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý khí thải lò hơi : Xem hình vẽ

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ XỬ LÝ KHÍ Lò Đúc



Thuyết minh công nghệ xử lý :

Khí thải trước khi thải vào môi trường được đi qua buồng lắng để tách bụi rồi qua tháp hấp thụ bằng dung dịch kiềm (Sử dụng $\text{Ca}(\text{OH})_2$). Trong tháp hấp thụ sẽ xảy ra phản ứng hóa học sau :



Toàn bộ khí độc và một ít bụi còn sót lại được hấp thụ vào dung dịch kiềm, Dung dịch này được thoát ra ở đáy tháp hấp thụ và chứa vào bể lắng. Các chất rắn được tách ra tại bể lắng, nước trong được bơm tuần hoàn vào tháp hấp thụ sau khi đã qua bể bổ sung vôi. Toàn bộ phần khí sau khi qua tháp hấp thụ được dẫn qua bể ngưng tụ để tách hơi nước, đồng thời triệt tiêu triệt để phần khí độc dư thừa. Khí sau khi qua bể ngưng tụ hoàn toàn đạt tiêu chuẩn cho phép được thải vào môi trường qua ống khói của nhà máy.

Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ Huy Hoàng xin cam kết rằng nồng độ các khí độc và bụi từ lò sẽ đạt tiêu chuẩn cho phép của Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường. Đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường cho khu vực, cụ thể như sau :

- Đối với không khí xung quanh : Đạt TCVN-5937-1995.
- Đối với khí thải : Đạt TCVN-6991-2001, áp dụng đối với công nghệ cấp A (hệ số $K_{cn} = 0,6$) cột Q_1 .

III-1-3. Giảm thiểu ô nhiễm môi trường nước

1/ Xử lý nước cấp:

Công ty dùng nước trong khu công nghiệp

2/ Biện pháp khống chế nước mưa chảy tràn:

Nước chảy tràn được tách các chất bẩn có kích thước lớn qua hệ thống hố ga trước khi thải vào hệ thống thoát nước chung. Hệ thống nước mưa chảy tràn được xây dựng phân luồng khỏi nước thải sản xuất và đảm bảo yêu cầu thoát nước nhanh khi có cơn mưa lớn trên diện rộng, không gây úng ngập khu vực công ty.

3/ Xử lý nước thải sinh hoạt:

Nguồn nước thải này bao gồm nước dùng cho vệ sinh, sinh hoạt của cán bộ công nhân viên làm việc tại công ty. Tổng lượng nước thải sinh hoạt là : 29,5 m³/ ngày
Nguồn nước thải sinh hoạt phải được xử lý bằng phương pháp yếm khí trong các bể tự hoại đạt chất lượng mức II của TCVN 6772-2000 trước khi thải ra ngoài hệ thống khu vực thoát nước. Dưới đây là sơ đồ nguyên lý bể phốt được xây dựng

4/ Xử lý nước thải sản xuất :

Nhà máy có thể nhập hệ thống xử lý nước thải theo dây chuyền hoặc có thể xử lý như sau :

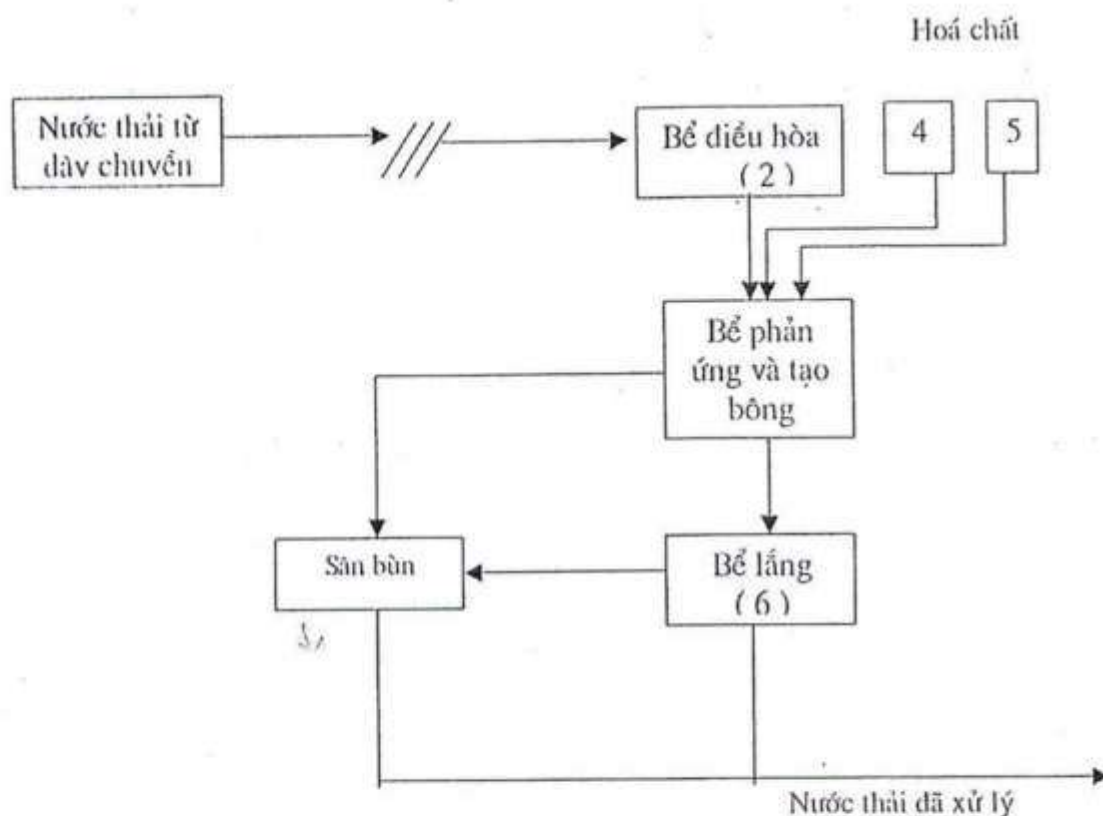
Xử lý nước thải dây chuyền mạ :

Nước thải dây chuyền mạ có độ pH thấp, Các kim loại nặng như Fe, Cr, Ni, Cu, Zn và Cianua luôn luôn cao hơn tiêu chuẩn cho phép . Nếu có dây chuyền mạ thì hệ thống xử lý nước thải này không thể không xây dựng. Công nghệ xử lý nước thải này như sau :

Toàn bộ nước thải dây chuyền mạ được thu gom vào bể chứa tập trung (gọi là bể điều hòa). Từ bể điều hòa nước thải được bơm chuyển dụng bơm vào bể phản ứng. Tại bể phản ứng nước thải được trung hòa về độ pH đạt tiêu chuẩn cho phép, đồng thời trong quá trình điều chỉnh pH sẽ tính toán giữ cố định ở môi trường pH có khả năng tạo kết tủa các Hydroxyt kim loại có hiệu suất cao nhất . Khi các Hydroxyt kim loại đã tạo thành, nước thải trở nên đục do các chất rắn lơ lửng (mà chủ yếu là các Hydroxyt kim loại) thì cấp chất keo tụ để tạo bông và làm kết kết tủa các chất rắn lơ lửng . Toàn bộ nước thải và các cặn bông được chuyển sang bể lắng. Nước ra khỏi bể lắng sẽ trong và có các chỉ tiêu đạt tiêu chuẩn cho phép , theo cống thải để thải ra môi trường. Cặn bông lắng lại trong bể lắng được thu gom, làm khô rồi đem chôn lấp hoặc đổ vào nơi quy định của thành phố.

Hệ thống xử lý nước thải sản xuất của nhà máy đạt chất lượng B của TCVN 5945-1995 và TCVN 6984-2001 (Tiêu chuẩn nước thải công nghiệp thải vào vực nước sông dùng cho mục đích bảo vệ thủy sinh).

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ XỬ LÝ NƯỚC THẢI MẠ



III-1-4. Giảm thiểu ô nhiễm chất thải rắn :

Phân loại các chất thải rắn ngay tại nguồn phát sinh, để có biện pháp xử lý thích hợp.

- Các loại phôi sắt, gang được thu gom và bán lại cho những đối tượng thu mua hoặc tái sử dụng.

- Các loại bao bì đóng gói nguyên liệu và đóng gói sản phẩm không đủ phẩm chất được thu gom và bán lại cho những đối tượng thu mua tái sử dụng.

- Các loại dẻ lau, vải dính dầu mỡ, bùn thu từ các bể lắng xử lý nước thải sản xuất được thu gom lại ký hợp đồng với lò đốt chất thải công nghiệp để thiêu đốt.
- Thường xuyên nạo vét cống rãnh, vệ sinh hệ thống xử lý nước cấp và nước thải.
- Giáo dục ý thức vệ sinh và bảo vệ môi trường chung cho công nhân.
- Chất thải rắn sinh hoạt khoảng 106 kg / ngày được ký hợp đồng với công ty vệ sinh môi trường thu gom vận chuyển đến nơi chôn lấp hàng ngày.

III-2. ÁP DỤNG BIỆN PHÁP SẢN XUẤT SẠCH HƠN :

Nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, sử dụng hợp lý lao động, nguyên, nhiên liệu, nâng cao sản phẩm, hạ giá thành chi phí sản xuất, giảm thiểu các tác động tiêu cực tới môi trường.

III-3. CÁC BIỆN PHÁP VỀ TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ

Có chính sách ưu tiên, hỗ trợ kinh phí cho các hoạt động cải thiện môi trường như áp dụng công nghệ tiên tiến, sử dụng nguyên liệu ít gây ô nhiễm, giảm thiểu ô nhiễm.

Ngoài các văn bản pháp lý công ty cần có các nội quy, quy tắc để ra chế độ thưởng phạt rõ ràng cho cán bộ công nhân viên.

Thành lập quỹ vệ sinh môi trường bằng tiền đóng góp của các phân xưởng nhằm trợ giúp cho các hoạt động giảm thiểu ô nhiễm.

+ *Giáo dục môi trường:*

Giáo dục cho cán bộ công nhân viên ý thức bảo vệ môi trường, có những hành vi thân thiện với môi trường, tạo thói quen bảo vệ môi trường và nhắc nhở những người khác cùng thực hiện. Việc giáo dục phải thường xuyên bằng các phương tiện thông tin đại chúng. Công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng về những hành vi vi phạm và các hành vi thân thiện với môi trường.

Cung cấp thông tin về các giải pháp công nghệ sản xuất sạch hơn, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm để nắm bắt kịp thời yêu cầu thị trường và định hướng công nghệ mới.

+ *Phương án trồng cây xanh* : Cây xanh phải đảm bảo đạt 25% diện tích

+ *An toàn vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ*

Công ty sẽ thực hiện các biện pháp cần thiết như trang bị bảo hộ cách điện tại trạm điều khiển điện và trạm biến thế, học tập nội quy quy định vận hành máy và nội quy an toàn lao động để tạo đảm bảo an toàn sản xuất, hạn chế tối đa các tai nạn lao động đáng tiếc xảy ra. Phòng chống các sự cố về điện như điện giật, điện rò ra thiết bị gây chết người.

Cấp phát đầy đủ quần áo bảo hộ lao động, các đồ dùng, dụng cụ lao động, găng tay, ủng, khẩu trang, kính bảo hộ...cho cán bộ công nhân viên làm việc trong nhà máy. Đặc biệt với công nhân vận hành tại các bộ phận phát nhiệt phải được trang bị bảo hộ cách nhiệt.

Công ty có nội quy phòng cháy chữa cháy, quy trình quy phạm về an toàn lao động, nhà xưởng của Công ty có hệ thống chống sét và các thiết bị phòng cháy chữa cháy hiện đại. Công ty thiết kế đường cấp nước riêng để phục vụ cứu hoả như bể chứa nước, máy bơm.... Tại các vị trí quan trọng đều có đặt các bình cứu hoả.

Bố trí các lối đi thông thoáng đảm bảo cho mọi người nhanh chóng thoát hiểm khi có hoả hoạn.

Công nhân làm việc trong xưởng được tổ chức học tập về nội quy phòng cháy chữa cháy, hàng năm sẽ tổ chức huấn luyện để nâng cao khả năng phòng cháy chữa cháy. Tổ chức lớp dạy nghề để trang bị kiến thức công nghệ cũng như tay nghề cho công nhân của công ty.

Thiết kế, xây dựng nhà xưởng, các hạng mục bậc chịu lửa, khoảng cách an toàn phòng cháy chữa cháy, lối thoát nạn, đường cho xe chữa cháy, lắp đặt hệ thống điện ... sẽ được thực hiện theo các tiêu chuẩn TCVN 2622 - 95 và tiêu chuẩn TC 11 TCN 18-14 do Chính Phủ Việt Nam quy định về công tác phòng cháy chữa cháy.

Xây dựng hệ thống cấp nước chữa cháy, hệ thống chống sét và các phương tiện phòng cháy chữa cháy tại chỗ như các bình cứu hoả, máy bơm nước cứu hoả, các họng chữa cháy... trong Công ty.

Thành lập một đội phòng cháy chữa cháy, là những công nhân vừa sản xuất vừa kiêm nhiệm công tác phòng cháy chữa cháy, được chia thành 3 tổ như sau: chữa cháy, cứu thương và vận chuyển để ứng phó khi có tình huống cháy nổ xảy ra. Đội phòng cháy chữa cháy này sẽ được thường xuyên huấn luyện theo phương án phòng cháy chữa cháy của Công ty.

Thường xuyên kiểm tra các biển báo, biển cấm lửa, nội quy phòng cháy chữa cháy, phương tiện phòng cháy chữa cháy.

Công ty xin cam đoan rằng sẽ tiến hành thủ tục PCCC, hàng năm tổ chức các lớp học PCCC và tiến hành kiểm tra khả năng hành động về PCCC và xin cam kết xây dựng đủ và hoạt động, có xác nhận của công an PCCC.

III-4. CÁC BIỆN PHÁP KHÁC

- Thường xuyên kiểm tra bảo dưỡng máy móc thiết bị, kết hợp với việc che chắn khu vực sản xuất, tích cực trồng cây trong khuôn viên và tường rào nhà máy để chống ồn và làm trong sạch môi trường.
- Đầu tư hệ thống thông thoáng cho các nhà xưởng, nhất là các vị trí sản xuất kín gió, phát sinh nhiệt.
- Thực hiện các biện pháp vệ sinh nhà xưởng, thường xuyên giáo dục nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho toàn thể cán bộ công nhân viên trong nhà máy.
- Cán bộ công nhân viên làm việc tại nhà máy sẽ được trang bị quần áo bảo hộ lao động và các biện pháp an toàn lao động, nội quy phòng cháy chữa cháy theo các quy định về an toàn lao động của nhà nước Việt Nam. Việc kiểm tra an toàn lao động sẽ được tiến hành theo định kỳ hàng năm.

- Có kế hoạch kiểm tra định kỳ sức khỏe cho cán bộ công nhân viên trong công ty mỗi năm một lần , thường xuyên chuẩn bị đầy đủ thuốc men cấp cứu để phòng khi tai nạn xảy ra .
- Giáo dục ý thức bảo vệ cây xanh và có kế hoạch trồng thêm cây xanh trong khuôn viên nhà máy (phần đất diện tích cây xanh đạt > 25 % tổng diện tích mặt bằng nhà máy) để góp phần tích cực trong việc bảo vệ môi trường chung .

GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG

IV-1 MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ : *Tần suất kiểm soát 6 tháng lần*

1- Các chỉ tiêu cần giám sát là :

CO, CO₂, NO₂, SO₂, Bụi, Vi khí hậu, Tiếng ồn.

2 Các vị trí cần đo kiểm là :

Kho nguyên liệu
Khu vực gia công
Khu vực lắp ráp
Khu vực lò đúc
Khu vực mạ
Khu vực đánh bóng
Cách công ty 100m
Cách công ty 300m
Cách công ty 500m

IV-2. MÔI TRƯỜNG NƯỚC : *Tần suất kiểm soát 6 tháng lần*

1/ Các chỉ tiêu cần phân tích :

Nhiệt độ, pH, TSS, TDS, COD, BOD₅, NO₂-N, NH₃-N, Fe, Mn, As, Pb, Hg, Cd, Crom, Ni, Zn, Cu, Độ cứng, dầu mỡ khoáng, ...

2/ Các điểm lấy mẫu :

Nước thải trước xử lý (2 mẫu), Nước thải sau xử lý (2 mẫu)

IV-3. Dự toán kinh phí giám sát môi trường hàng năm: 10.000.000 đồng.

*Nội dung bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường :
Nhà máy sản xuất Khoá và các sản phẩm kim khí khác*

KẾT LUẬN VÀ CAM KẾT

Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ Huy Hoàng xin cam kết thực hiện nghiêm chỉnh luật bảo vệ môi trường của Nhà nước. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường đã nêu trong bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường. Thường xuyên đảm bảo yêu cầu bảo vệ môi trường như sau :

- Chất lượng không khí đạt : TCVN-5937-1995, TCVN-5938-1995, TC-3733-2002/ BYT/QĐ và các TCVN 200-2001 hiện hành .

- Chất lượng nước đạt : TCVN 5942-1995, TCVN 5945-1995, TC-1329-2002/ BYT/QĐ và các TCVN 2000-2001 hiện hành .

Các TCVN đã được trích dẫn trong phần phụ lục

Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ Huy Hoàng xin cam kết chịu trách nhiệm trước các cơ quan có thẩm quyền và pháp luật Nhà nước. Thường xuyên kiểm tra , bảo dưỡng máy móc thiết bị, thực hiện các biện pháp vệ sinh nhà xưởng, giáo dục ý thức bảo vệ môi trường cho toàn thể cán bộ công nhân viên trong nhà máy. Có nội quy an toàn lao động và trang bị đầy đủ đồ dùng, thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân. Xử lý tiếng ồn, xử lý khí độc và bụi, có hệ thống phòng chống cháy nổ. Thường xuyên đảm bảo vệ sinh tốt môi trường khu vực .

Vinh Phúc ngày 17 tháng 05 năm 2005

Cơ quan chủ quản

**CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI
VÀ DỊCH VỤ HUY HOÀNG**



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Thuý Nhân

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo dự án đầu tư “Nhà máy sản xuất giấy Duplex công suất 10.000 tấn / năm”
2. Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường — Tiêu chuẩn Việt Nam (Phần môi trường), Hà Nội 1995 và 2000-2001.
3. Lê Thạc Cán và tập thể tác giả-Đánh giá môi trường : Phương pháp luận và kinh nghiệm thực tiễn-Nhà xuất bản khoa học kỹ thuật, Hà Nội ,1994
4. Thế Nghĩa- Kỹ thuật an toàn trong sản xuất và sử dụng hoá chất, Nhà xuất bản khoa học kỹ thuật, Hà Nội, 2000
5. GS-TS- Trần Ngọc Chấn. Ô nhiễm không khí và xử lý khí thải — Tập1. Nhà xuất bản khoa học kỹ thuật. Hà Nội .2000
6. GS-TS- Trần Ngọc Chấn. Ô nhiễm không khí và xử lý khí thải —Tập 2, 3. Nhà xuất bản khoa học kỹ thuật. Hà Nội .2001
7. Industrial Air Pollution Handbook. Mc Graw-Hill Book company Ltd., london, 1973
8. Nelson L. Nemerow (1978) . Industrial Water Pollution , Addition Wesley Publishing Company .
9. Marshall Sittig. Environmental Sources And Emissions Handbook- London England- 1975
10. James W. Patterson- WasteWater treatment Technology- USA-1975
11. Alexander P. Economoponlos- Assessment of sources of Air, Water, and land Pollution- Part.1: Rapid Inventory Techniques in Environmental Pollution, WHO, Geneva 1993
12. Dotreppe-Grisard N “ La pollution de l'air. Editions eyrolles, Paris,1973
13. W.J.Eilbeck and G.Mattock- Chemical Processes WasteWater Treatment- Ellis Horwood Limited- 1995

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Mã số doanh nghiệp: 2500242018

Đăng ký lần đầu: ngày 08 tháng 09 năm 2005

Đăng ký thay đổi lần thứ: 17, ngày 03 tháng 01 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG
Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HUY HOANG LOCKS COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Lô 33D, Khu Công nghiệp Quang Minh, Thị trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024 20214391

Fax:

Email: Info@huyhoanglock.com.vn

Website:

3. Vốn điều lệ : 300.800.000.000 đồng.

Bằng chữ: Ba trăm tỷ tám trăm triệu đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN ĐÌNH TUẤN	Việt Nam	Nhà 10 C5 Ciputra, Phường Phú Thượng, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	217.243.776.000	72,222	001053012163	
2	NGUYỄN QUANG HUY	Việt Nam	Nhà 10 C5 Ciputra, Phường Phú Thượng, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	49.490.624.000	16,453	001080000976	

3	NGUYỄN THỊ THÚY NHÂN	Việt Nam	Nhà 10 C5 Ciputra, Phường Phú Thượng, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	34.065.600.000	11,325	001159004 346	
---	----------------------	----------	---	----------------	--------	------------------	--

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGUYỄN QUANG HUY

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: *10/11/1980*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *001080000976*

Ngày cấp: *10/07/2021*

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *10C5 Khu đô thị Nam Thăng Long, Phường Phú Thượng, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *10C5 Khu đô thị Nam Thăng Long, Phường Phú Thượng, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

TRƯỜNG PHÒNG



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
Trần Anh Đức

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ

Số: 01221000411

Chứng nhận lần đầu: ngày 01 tháng 11 năm 2011

- Căn cứ Luật Đầu tư số 59/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005 và Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005 và Nghị định số 102/2010/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2010 hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp;

- Căn cứ Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế;

- Căn cứ Quyết định số 1463/2008/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số 63/2009/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2009 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội;

- Căn cứ Bản đăng ký cấp Giấy chứng nhận đầu tư và hồ sơ nộp kèm theo của Công ty TNHH Khóa Huy Hoàng nộp ngày 31 tháng 10 năm 2011,

TRƯỞNG BAN

Chứng nhận: Công ty TNHH Khóa Huy Hoàng (Tên cũ là: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Huy Hoàng).

- Địa chỉ Trụ sở chính: Khu công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

+ Điện thoại: 04.20214491

+ Fax: 043.5250145

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có mã số: 2500242018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 31 tháng 03 năm 2011.

- Người đại diện theo Pháp luật: Ông Nguyễn Quang Huy

+ Sinh ngày: 10/11/1980;

+ Dân tộc: Kinh;

+ Chức vụ: Giám đốc;

+ Quốc tịch: Việt Nam;

+ Chứng minh thư nhân dân số: 012181189 ngày cấp: 20/10/1998 Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

+ Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 5C, Ngõ 3, phố Đội Cán, phường Đội Cán, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

+ Chỗ ở hiện tại: Số 5C, Ngõ 3, phố Đội Cán, phường Đội Cán, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác

Điều 2. Mục tiêu và quy mô của dự án: Sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí.

Với quy mô dự kiến như sau:

- Các sản phẩm khóa: 950.000 bộ sản phẩm/năm;

- Các sản phẩm kim khí: 520.000 sản phẩm/năm.

Điều 3. Địa điểm thực hiện dự án: Lô 38D, khu công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội. Diện tích đất dự kiến sử dụng: 14.300 m²

Điều 4. Tổng vốn đầu tư: 30.000.000.000 đồng (Ba mươi tỉ đồng). Trong đó:

- Vốn góp để thực hiện dự án 11.000.000.000 đồng (Mười một tỉ đồng) được huy động từ các thành viên Công ty;

- Còn lại: 19.000.000.000 đồng (Mười chín tỉ đồng) do chủ đầu tư huy động từ các nguồn vốn hợp pháp khác.

Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về các nguồn vốn đầu tư thực hiện dự án.

Điều 5. Thời hạn thực hiện dự án: Đến năm 2053 (Căn cứ theo Hợp đồng thuê đất số 991/HĐ-TĐ ngày 17/8/2007 được ký giữa UBND tỉnh Vĩnh Phúc và Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Huy Hoàng).

Điều 6. Tiến độ thực hiện dự án: Dự án đã đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh từ năm 2005.

Điều 7. Các ưu đãi đầu tư đối với dự án: Theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

- Nộp tiền thuê đất và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về thuế với cơ quan Nhà nước theo quy định của pháp luật; Trả tiền thuê sử dụng hạ tầng khu công nghiệp và đóng phí xử lý nước thải cho Công ty đầu tư xây dựng hạ tầng khu công nghiệp Quang Minh;

- Trong quá trình thực hiện dự án phải chấp hành đầy đủ các quy định về an toàn phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường và thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người lao động theo quy định của pháp luật; Việc đầu tư xây dựng nhà máy phải tuân thủ theo đúng chứng chỉ quy hoạch và giấy phép xây dựng được cấp;

- Nhà đầu tư phải thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ quản lý khu công nghiệp Quang Minh theo quyết định số 1872/QĐ-UBND ngày 22/4/2010 của UBND thành phố Hà Nội;

- Hàng tháng và hàng quý doanh nghiệp phải có báo cáo về tình hình đầu tư thực hiện dự án, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường, chính sách đối với người lao động gửi về Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội và các cơ quan có liên quan để theo dõi và thực hiện chức năng quản lý Nhà nước đối với doanh nghiệp.

Điều 9. Giấy chứng nhận đầu tư được lập thành 02 bản (hai bản) gốc; Công ty TNHH Khóa Huy Hoàng được cấp 01 bản và 01 bản lưu tại Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội./.

TRƯỞNG BAN

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN GỐC

Ngày: 17-03-2020

Số CT..... 2462 Quyển số..... 07 SCT/20

Nguyễn Xuân Chính



PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Hùng

Số: 391 /HD-TĐ

Mẫu số 10a/ĐĐ
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----&-----
Vĩnh Phúc, ngày 17 tháng 8 năm 2007

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

- Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;
- Căn cứ Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2005 của Chính Phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;
- Căn cứ Thông tư số 120/2005/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định 142/2005/NĐ-CP;
- Căn cứ quyết định số 74/2006/QĐ-UBND ngày 06/10/2006 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc quy định đơn giá thuê đất, thuê mặt nước trên địa bàn tỉnh Vĩnh phúc;
- Căn cứ Quyết định số 04/QĐ-STC ngày 16 tháng 01 năm 2007 của Sở Tài chính tỉnh Vĩnh Phúc về việc Quy định giá thuê đất cho dự án trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc;
- Căn cứ Quyết định số 3744/QĐ-UB ngày 22 tháng 10 năm 2004 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc V/v thu hồi và giao đất cho Công ty TNHH Sản xuất thương mại và dịch vụ Huy Hoàng thuê đất xây dựng nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí tại xã Quang Minh, huyện Mê Linh,

Hôm nay, ngày 17 tháng 8 năm 2007 tại Sở Tài nguyên và Môi trường Vĩnh Phúc chúng tôi gồm:

I- Bên cho thuê đất là: UBND tỉnh Vĩnh Phúc

Do ông NGUYỄN VĂN LỘC - Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Vĩnh Phúc làm đại diện.

II- Bên thuê đất là: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Huy Hoàng

Trụ sở: Khu công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh.

Do bà NGUYỄN THỊ THUÝ NHẪN - Giám đốc Công ty làm đại diện.

III- Hai bên thỏa thuận ký Hợp đồng thuê đất với các điều, khoản sau đây:

Điều 1: Bên cho thuê đất cho Bên thuê đất thuê khu đất như sau:

1- Diện tích đất: 14.300,0 m² (Mười bốn nghìn ba trăm mét vuông).

Vị trí: Tại KCN Quang Minh giai đoạn 2, xã Quang Minh, huyện Mê Linh.

Để sử dụng vào mục đích: Xây dựng nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí

2- Vị trí khu đất được xác định theo Bản đồ địa chính hiện trạng xin giao đất tỷ lệ 1/500, được UBND tỉnh phê duyệt kèm theo Quyết định số 3744/QĐ-UB ngày 22 tháng 10 năm 2004.

3- Thời hạn thuê đất: 49 (Bốn mươi chín) năm, kể từ ngày 22 tháng 10 năm 2004 đến ngày 22 tháng 10 năm 2053.

4- Việc cho thuê đất không làm mất quyền sở hữu của nhà nước đối với khu đất và mọi tài nguyên nằm trong lòng đất.

Điều 2: Bên thuê đất có trách nhiệm trả tiền thuê đất theo quy định sau:

1- Giá tiền thuê đất là: 2.450,0 đ / m² / năm.

(Thời điểm áp dụng giá thuê đất trên theo quy định tại Nghị định 142/NĐ-CP ngày 14/11/2005 và được ổn định trong thời gian năm năm).

2- Tiền thuê đất tính từ ngày 22/10/2004 và nộp tại kho bạc Vĩnh Phúc.

3- Phương thức nộp tiền thuê đất: Nộp hàng năm

Điều 3: Việc xây dựng các công trình trên khu đất thuê phải phù hợp với mục đích đã ghi trong Điều 1 của Hợp đồng này.

Điều 4: Trách nhiệm của mỗi bên

1. Bên cho thuê đất bảo đảm việc sử dụng đất của Bên thuê đất trong thời gian thực hiện hợp đồng, không được chuyển giao quyền sử dụng khu đất trên cho Bên thứ ba (trừ trường hợp phải thu hồi đất theo quy định tại Điều 38 Luật Đất đai).

2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bên thuê đất không được chuyển quyền sử dụng đất thuê; trường hợp Bên thuê đất bị chia tách, sáp nhập, chuyển đổi doanh nghiệp mà hình thành pháp nhân mới hoặc bán tài sản gắn liền với đất thuê cho tổ chức, cá nhân khác thì pháp nhân mới hoặc tổ chức, cá nhân mua tài sản được tiếp tục thuê đất trong thời gian còn lại của Hợp đồng này.

3. Trong thời gian Hợp đồng còn hiệu lực thi hành, nếu Bên thuê đất trả lại toàn bộ hoặc một phần khu đất thuê trước thời hạn thì phải thông báo cho Bên cho thuê đất biết trước ít nhất là 6 tháng. Bên cho thuê đất trả lời cho Bên thuê đất trong thời gian 3 tháng, kể từ ngày nhận được đề nghị của Bên thuê đất. Thời điểm kết thúc Hợp đồng tính đến ngày bàn giao mặt bằng.

4. Hợp đồng thuê đất chấm dứt trong các trường hợp sau:

- Hết thời hạn thuê đất mà không được gia hạn thuê tiếp;
- Do đề nghị của một bên hoặc các bên và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho thuê đất đó chấp thuận;
- Bên thuê đất bị phá sản hoặc bị phát mại tài sản hoặc giải thể;
- Bên thuê đất bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định tại Điều 38 Luật Đất đai.

Điều 5: Việc giải quyết tài sản gắn liền với đất sau khi kết thúc Hợp đồng này được thực hiện theo quy định của Pháp luật.

Điều 6: Hai bên cam kết thực hiện đúng quy định của Hợp đồng này, nếu Bên nào không thực hiện thì bên đó phải bồi thường cho việc vi phạm Hợp đồng gây ra theo quy định của Pháp luật.

Điều 7: Hợp đồng này được lập thành 05 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ một bản và gửi đến Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất, Cục thuế tỉnh và Kho bạc Nhà nước nơi thu tiền thuê đất.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế hợp đồng số 685/HĐ-TĐ ngày 15/4/2005./.

BÊN THUÊ ĐẤT

(Ký tên, đóng dấu - nếu có)

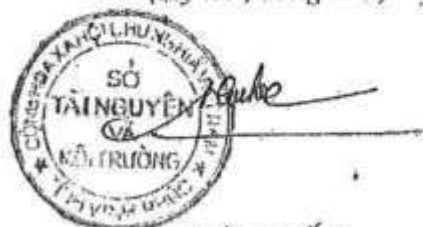


GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thuý Nhân

BÊN CHO THUÊ ĐẤT

(Ký tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Lộc

Số 72/PLHĐTĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/ NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về việc thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Công văn số 4614/STNMT-VPĐKĐĐ ngày 05/11/2012 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc Đăng ký biến động đổi tên chủ sử dụng đất và địa chỉ thửa đất tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mã số AB 933614.

Hôm nay ngày 27 tháng 2 năm 2013 tại Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, số 18 - Huỳnh Thúc Kháng - Đống Đa - Hà Nội, chúng tôi gồm:

BÊN CHO THUÊ ĐẤT: ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI.

- Do ông: Nguyễn Trọng Lễ

- Chức vụ: Phó giám đốc Sở tài nguyên và Môi trường (làm đại diện)

BÊN THUÊ ĐẤT: Công ty TNHH Khóa Huy Hoàng.

- Do ông: Nguyễn Quang Huy.

- Chức vụ: Giám đốc làm đại diện.

- Địa chỉ trụ sở chính: Khu Công nghiệp Quang Minh, Thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội.

- Mã số thuế: 2500242018

- Số tài khoản: 102 010 000 412 261 tại Ngân hàng Công thương Phúc Yên.

Hai bên thỏa thuận ký Phụ lục Hợp đồng điều chỉnh Hợp đồng thuê đất số 991/HĐ-TĐ ngày 17/8/2007 đã ký giữa Sở Tài nguyên và Môi trường Vĩnh Phúc với Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Huy Hoàng với các điều khoản sau đây:

Điều 1.

1.1 Điều chỉnh Bên cho thuê đất từ UBND tỉnh Vĩnh Phúc thành UBND Thành phố Hà Nội. Lý do: Do thay đổi địa giới hành chính theo Nghị quyết số 15/2008-



QH12 ngày 29/5/2008 của Quốc Hội về việc điều chỉnh địa giới hành chính Thành phố Hà Nội và một số tỉnh liên quan.

1.2 Điều chỉnh tên bên thuê đất từ Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Huy Hoàng thành Công ty TNHH Khóa Huy Hoàng.

Điều 2. Điều chỉnh Điều 2 Hợp đồng thuê đất số 991/HĐ-TĐ ngày 17/8/2007 đã ký giữa Sở Tài nguyên và Môi trường Vĩnh Phúc với Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Huy Hoàng như sau:

Đơn giá tiền thuê đất là 49.140 đồng/m²/năm; theo Quyết định số 586 /QĐ-STC ngày 05/02/2013 của Sở Tài chính về việc phê duyệt đơn giá thuê đất Công ty TNHH Khóa Huy Hoàng tại Thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh Hà Nội.

Đơn giá thuê đất nêu trên được áp dụng từ ngày 01/01/2012 và được ổn định 05 năm, kể từ ngày 27/11/2012. Hết thời hạn trên, giá tiền thuê đất được tính lại theo quy định của Nghị định 142/2005/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2005 và Nghị định 121/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 Về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước. Hết thời gian ổn định giá thuê đất, Bên thuê đất có trách nhiệm liên hệ với Sở Tài chính để xác định lại đơn giá thuê đất, liên hệ với Sở Tài nguyên và Môi trường để ký phụ lục Hợp đồng thuê đất theo quy định.

Công ty có trách nhiệm liên hệ với Cục thuế Hà Nội để nộp tiền thuê đất, truy thu tiền thuê đất còn thiếu từ 01/01/2011 đến 31/12/2011 theo Quyết định số 586 /QĐ-STC ngày 05/02/2013 của Sở Tài chính về việc phê duyệt đơn giá thuê đất Công ty TNHH Khóa Huy Hoàng tại Thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh Hà Nội.

Điều 3. Các điều khoản khác của Hợp đồng thuê đất số 991/HĐ-TĐ ngày 17/8/2007 đã ký giữa Sở Tài nguyên và Môi trường Vĩnh Phúc với Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Huy Hoàng vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý;

Phụ lục này là bộ phận không tách rời Hợp đồng thuê đất số 991/HĐ-TĐ ngày 17/8/2007 đã ký giữa Sở Tài nguyên và Môi trường Vĩnh Phúc với Công ty TNHH Sản xuất thương mại và Dịch vụ Huy Hoàng.

Điều 4. Phụ lục Hợp đồng này có giá trị kể từ ngày ký gồm 02 trang được đóng dấu giáp lai giữa các trang và được lập thành 05 bản có giá trị pháp lý như nhau mỗi bên giữ 01 bản, 01 bản lưu Văn thư, 01 bản gửi Cục Thuế Hà Nội và 01 bản gửi chi cục thuế huyện Mê Linh /.

BÊN THUÊ ĐẤT



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quang Huy 2

BÊN CHO THUÊ ĐẤT



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Trọng Lễ

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 46/2014/NĐ-CP 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ Quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Thực hiện Quyết định số 3744/QĐ-UB ngày 22/10/2004 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc (nay thuộc thẩm quyền của UBND thành phố Hà Nội) về việc thu hồi và giao đất cho Công ty TNHH Sản xuất thương mại và Dịch vụ Huy Hoàng thuê đất xây dựng nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí tại xã Quang Minh, huyện Mê Linh;

Căn cứ Hợp đồng thuê đất số 991/HĐ-TĐ ký ngày 17/8/2007 giữa Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc với cho Công ty TNHH Sản xuất thương mại và Dịch vụ Huy Hoàng; Phụ lục Hợp đồng thuê đất số 72/PLHĐTĐ ký ngày 27/02/2013 giữa UBND thành phố Hà Nội và Công ty TNHH Khóa Huy Hoàng;

Căn cứ Thông báo số 28316/TB-CTHN-QLĐ ngày 26/4/2023 của Cục Thuế thành phố Hà Nội về đơn giá thuê đất, thuê mặt nước.

Hôm nay, ngày 23 tháng 7 năm 2023 tại Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội (địa chỉ: số 18 phố Huỳnh Thúc Kháng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội), chúng tôi gồm:

I. BÊN CHO THUÊ ĐẤT: UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI (SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI LÀ ĐƠN VỊ ĐƯỢC ỦY QUYỀN)

- Người đại diện: Ông Nguyễn Minh Mười.
- Chức vụ: Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
- Địa chỉ trụ sở: Số 18, phố Huỳnh Thúc Kháng, quận Đống Đa, Hà Nội.

II. BÊN THUÊ ĐẤT: CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quang Huy.
- Chức vụ: Tổng Giám đốc.
- Địa chỉ trụ sở chính: Lô 38D, Khu công nghiệp Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.



- Mã số doanh nghiệp: 2500242018.
- Số tài khoản: 118000021472 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Phúc Yên.

III. Hai bên thống nhất ký Phụ lục Hợp đồng thuê đất điều chỉnh Phụ lục Hợp đồng thuê đất số 72/PLHĐTĐ ký ngày 27/02/2013 giữa UBND thành phố Hà Nội và Công ty TNHH Khóa Huy Hoàng với các Điều, Khoản sau đây:

Điều 1. Điều chỉnh đơn giá thuê đất ghi tại Điều 2 Phụ lục Hợp đồng thuê đất số 72/PLHĐTĐ ký ngày 27/02/2013 như sau:

- Đơn giá thuê đất ngoài chỉ giới để làm Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí là: 3.726 đồng/m²/năm (Ba nghìn, bảy trăm hai mươi sáu đồng trên một mét vuông một năm).

- Đơn giá tính tiền thuê đất nêu trên được áp dụng từ ngày 12/01/2023 đến hết ngày 11/01/2028 (theo Thông báo số 28316/TB-CTHN-QLĐ ngày 26/4/2023 của Cục Thuế thành phố Hà Nội). Hết thời hạn ổn định đơn giá thuê đất nêu trên, Bên thuê đất có trách nhiệm liên hệ với Cục Thuế thành phố Hà Nội để xác định đơn giá thuê đất cho kỳ ổn định kế tiếp; Liên hệ Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội để ký Phụ lục Hợp đồng thuê đất theo quy định.

Điều 2. Các Điều, khoản khác tại Hợp đồng thuê đất số 991/HĐ-TĐ ký ngày 17/8/2007 giữa Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc với cho Công ty TNHH Sản xuất thương mại và Dịch vụ Huy Hoàng, Phụ lục Hợp đồng thuê đất số 72/PLHĐTĐ ký ngày 27/02/2013 giữa UBND thành phố Hà Nội và Công ty TNHH Khóa Huy Hoàng giữ nguyên giá trị pháp lý.

Phụ lục Hợp đồng thuê đất này là bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng thuê đất số 991/HĐ-TĐ ký ngày 17/8/2007 và Phụ lục Hợp đồng thuê đất số 72/PLHĐTĐ ký ngày 27/02/2013 giữa UBND thành phố Hà Nội và Công ty TNHH Khóa Huy Hoàng.

Điều 3. Hai bên cam kết thực hiện đúng quy định tại Hợp đồng thuê đất số 991/HĐ-TĐ ký ngày 17/8/2007, Phụ lục Hợp đồng thuê đất số 72/PLHĐTĐ ký ngày 27/02/2013 và Phụ lục Hợp đồng thuê đất này, nếu bên nào vi phạm thì bên đó phải bồi thường thiệt hại cho việc vi phạm theo quy định.

Điều 4. Phụ lục Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành 05 (năm) bản có giá trị pháp lý như nhau mỗi bên giữ 01 bản, 01 bản lưu Văn thư, 01 bản gửi Cục Thuế Hà Nội, 01 bản gửi Chi cục thuế Khu vực Mê Linh - Sóc Sơn.

BÊN THUÊ ĐẤT

TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Quang Huy

BÊN CHO THUÊ ĐẤT

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Minh Mười



Số: 4207/STNMT-CCMT

Về việc hoàn thành các công trình, biện pháp
bảo vệ môi trường theo Phiếu xác nhận bản đăng
ký đạt tiêu chuẩn môi trường.

Hà Nội, ngày 01 tháng 10 năm 2015

Kính gửi: Công ty TNHH khóa Huy Hoàng.

Ngày 18 tháng 6 năm 2015, Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội nhận được công văn số 108/CV của Công ty TNHH khóa Huy Hoàng về việc đề nghị kiểm tra, xác nhận việc thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án “Nhà máy sản xuất khóa và các sản phẩm kim khí khác” kèm theo báo cáo hoàn thành toàn bộ các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo yêu cầu tại Phiếu xác nhận bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội có ý kiến như sau:

Công ty TNHH khóa Huy Hoàng tại địa điểm: Lô 38D-Khu công nghiệp Quang Minh - Thị trấn Quang Minh - huyện Mê Linh - TP Hà Nội đã được Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội cấp Phiếu xác nhận số 439/TNMT- MT ngày 25/5/2005. Đến nay Công ty TNHH khóa Huy Hoàng đã hoàn thành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường như sau:

1. Đối với nước mưa:

- Nước mưa trên mái và nước mưa chảy tràn bề mặt được thu gom vào các tuyến ống thu và đấu nối vào hệ thống thu gom nước mưa của Khu công nghiệp.

2. Đối với nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh được thu gom xử lý tại 3 bể tự hoại 3 ngăn có kích thước trung bình khoảng 30m³/bể sau đó được đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải của Khu công nghiệp Quang Minh.

- Nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình mạ và sơn tĩnh điện được thu gom và xử lý tại hệ thống xử lý nước thải của Công ty sau đó đấu nối vào hệ thống thoát nước thải chung của Khu công nghiệp để tiếp tục xử lý theo Hợp đồng số 128/2011/HĐ-XLNT ngày 01/8/2011 giữa Công ty TNHH khóa Huy Hoàng và Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển hạ tầng Nam Đức.

3. Đối với chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Công ty ký hợp đồng với Công ty Cp đầu tư phát triển rau sạch Sông Hồng theo hợp đồng ngày 28/12/2014 để vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Chất thải nguy hại: Công ty đã được Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại mã số QLCTNH: 01.000371.T ngày 28/1/2010 và ký hợp đồng với Công ty CP môi trường đô thị và công nghiệp 10 – Urenco 10 thu gom, xử lý.

4. Đối với khí thải:

Đối với khu vực nhà ăn công ty sử dụng quạt hút gió, khu vực nhà xưởng sử dụng hệ thống quạt treo tường và quạt thông gió nhằm tạo môi trường thoáng mát trong khi làm việc cho công nhân; khu vực đánh bóng, mài và mạ ngoài việc thiết kế nhà xưởng thông thoáng còn sử dụng hệ thống quạt hút, chụp hút bụi, thu khí.

5. Các biện pháp phòng chống sự cố và an toàn lao động:

- Tổ chức tập huấn về công tác phòng chống cháy nổ, trang bị các thiết bị phòng cháy chữa cháy.
- Đối với các loại hóa chất có kho lưu giữ riêng và lắp đặt hệ thống cảnh báo tự động; kho lưu chứa luôn được kiểm tra để phát hiện kịp thời các sự cố về rò rỉ hóa chất.

Trong quá trình hoạt động, Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội yêu cầu Công ty TNHH khóa Huy Hoàng có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu bắt buộc sau đây:

- Đảm bảo vận hành liên tục, đúng quy trình và hiệu quả các công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường, quan trắc định kỳ môi trường theo quy chuẩn kỹ thuật về chất thải và đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt trong quá trình hoạt động. Lập nhật ký theo dõi vận hành đối với các công trình xử lý chất thải, bao gồm các thông số: chi phí điện năng, hóa chất, vật tư và những biến động bất thường xảy ra, xuất trình cơ quan có thẩm quyền kiểm tra khi có yêu cầu. Lập hồ sơ quản lý chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Trong quá trình vận hành nếu có sự cố và các tình huống bất lợi xảy ra làm ô nhiễm môi trường, cơ sở phải chủ động xử lý, khắc phục ngay và có báo cáo cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường và các cơ quan nhà nước có liên quan khác để được hướng dẫn, hỗ trợ.

- Thực hiện chế độ báo cáo và chịu sự kiểm tra, thanh tra theo quy định của pháp luật hiện hành.

Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội thông báo để Công ty TNHH khóa Huy Hoàng biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD Sở (để b/cáo);
- UBND huyện Mê Linh;
- Lưu VT, CCMT. *h*



Phạm Văn Khánh

Hà Nội, ngày 28 tháng 9 năm 2015

**SỔ ĐĂNG KÝ
CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI**
Mã số QLCTNH: 01.000371.T
(Cấp lần: 2)

I. Thông tin chung về chủ nguồn thải:

Tên: Công ty TNHH Khóa Huy Hoàng

Địa chỉ văn phòng: Lô 38D Khu công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội

Điện thoại: 04.20214391 Fax: 04.35250145

Tài khoản số: 102010000992712 Tại: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Quang Minh

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2500242018 ngày cấp: 27/3/2015 (đăng ký thay đổi lần thứ 12)

Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội.

II. Nội dung đăng ký:

Chủ nguồn thải CTNH đã đăng ký cơ sở phát sinh CTNH kèm theo danh sách CTNH và danh sách chất thải thông thường theo phụ lục kèm theo.

III. Trách nhiệm của chủ nguồn thải:

1. Tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ Môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật về Bảo vệ môi trường có liên quan.
2. Thực hiện đúng trách nhiệm quy định tại Điều 7 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu.
3. Các trách nhiệm khác:
 - Đăng ký cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại khi có thay đổi theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu.

IV. Điều khoản thi hành:

Sổ đăng ký này có giá trị sử dụng cho đến khi cấp lại hoặc chấm dứt hoạt động và thay thế Sổ đăng ký có mã số QLCTNH: 01.000371.T cấp lần 1 ngày 28/01/2010./.

Nơi nhận:

- Như phần I;
- Lưu: CCMT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
SỞ
TÀI NGUYÊN
VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Phạm Văn Khánh

PHỤ LỤC

(Kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải mã số QLCTNH: 01.000371.T
do Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội cấp lần 2 ngày 28 tháng 9 năm 2015)

1. Cơ sở phát sinh CTNH

Tên: Công ty TNHH Khóa Huy Hoàng.

Địa chỉ cơ sở: Lô 38D Khu công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội

Điện thoại: 04.20214391

Fax: 04.35250145

2. Danh sách CTNH đã đăng ký phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (Rắn/lỏng/bùn)	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Bùn thải đã tách nước từ hệ thống xử lý nước thải mạ điện	Rắn	4.200	12 06 06
2	Dầu máy bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	600	17 02 03
3	Giẻ lau, găng tay dính dầu mỡ	Rắn	720	18 02 01
4	Bã sơn thu hồi thải	Rắn	480	08 01 01
5	Các vật liệu mài mòn thải có chứa các thành phần nguy hại	Rắn	480	07 03 08
6	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	48	16 01 06
7	Ắc quy, pin thải	Rắn	30	19 06 01
8	Thùng, bao bì đựng hóa chất thải chứa thành phần nguy hại	Rắn	840	18 01 03
	Tổng số		7.398	

3. Danh sách chất thải thông thường đã đăng ký phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (Rắn/lỏng/bùn)	Số lượng trung bình (kg/năm)
1	Phoi kẽm, nhôm	Rắn	6.000
2	Phoi đồng	Rắn	3.600
3	Đề xê sắt thép	Rắn	5.400
4	Rác, bao bì tái dứa, giấy carton không dính chất thải nguy hại	Rắn	2.160
	Tổng số		17.160

4. Danh sách CTNH đã đăng ký tự xử lý CTNH tại cơ sở: Không có**5. Bộ hồ sơ kèm theo Sổ đăng ký:**

Bộ hồ sơ đăng ký được Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội đóng dấu xác nhận trên trang bìa và dấu giáp lai là bộ phận không tách rời kèm theo Sổ đăng ký này.

CÔNG AN TP HÀ NỘI
PHÒNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY,
CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ
Số: 1265 /TD-PCCC-CTPC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số PC03
Ban hành kèm theo
Thông tư
số 66/2014/TT-BCA
ngày 16/12/2014

GIẤY CHỨNG NHẬN THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP, ngày 31/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và Chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và Chữa cháy; Điều 1 Thông tư số 36/2018/TT-BCA ngày 05/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014;

Xét hồ sơ, văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 3011/TDKS ngày 30/11/2020 của Công ty TNHH khóa Huy Hoàng.

Người đại diện (Ông/Bà): Nguyễn Quang Huy - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

PHÒNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ CHỨNG NHẬN

Công trình: Nhà máy sản xuất khóa Huy Hoàng Giai đoạn 1.

Địa điểm: Lô 38D, Khu công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

Chủ đầu tư: Công ty TNHH khóa Huy Hoàng.

Đơn vị tư vấn thiết kế: Công ty cổ phần tư vấn xây dựng và phát triển Phương Bắc, Công ty cổ phần quốc tế BAT Việt Nam.

Đã được thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

- Giao thông phục vụ chữa cháy, khoảng cách PCCC, bậc chịu lửa, bố trí mặt bằng, lối ra thoát nạn, ngăn cháy lan;
- Hệ thống báo cháy tự động, phương tiện chiếu sáng sự cố, chỉ dẫn thoát nạn;
- Hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà, trụ nước chữa cháy ngoài nhà, họng nhận nước từ xe chữa cháy, trang bị bình chữa cháy;
- Nguồn điện cấp cho máy bơm chữa cháy.

(theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2).

Chỉ được phép đưa công trình vào sử dụng sau khi được cấp văn bản nghiệm thu về PCCC theo quy định./.

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư (để thực hiện);
- C07 - Bộ Công an
- Đ/c Giám đốc CATP
- Đ/c Đại tá Trần Ngọc Dương - PGĐ CATP (để báo cáo);
- Công an huyện Mê Linh; (để theo dõi)
- Lưu: PC07, CTPC

Hà Nội, ngày 14 tháng 12 năm 2020

TRƯỞNG PHÒNG



Thượng tá Phạm Trung Hiếu

**DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ
ĐÃ ĐƯỢC THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

STT	TÊN TÀI LIỆU, BẢN VẼ	KÝ HIỆU	GHI CHÚ
1	Bản vẽ tổng mặt bằng, kiến trúc, kết cấu, điện, chống sét:	DV-01; DV-02; - Phân xưởng sản xuất chính: KT-01A; KT-01B; KT-02A; KT-02B; KT-03A; KT-03B; KT-04; KT-05A; KT-05B; KT-06A; KT-06B; KT-07 đến KT-11; KC-01A; KC-01B; KC-02 đến KC-12; SX-01; SX-02; Đ-01; CS-01. - Phân xưởng lắp ráp : KT-01A; KT-02 đến KT-13; KC-01 đến KC-14; SX-01; KT-02; CS-01. - Bể nước ngầm: KT-01; KC-01	Công ty cổ phần tư vấn xây dựng và phát triển Phương Bắc
2	Bản vẽ hệ thống PCCC, hệ thống hút khói:	BC-01 đến BC-05; CC-01 đến CC-06; EX-01 đến EX-04.	Công ty cổ phần quốc tế BAT Việt Nam
3	Thuyết minh PCCC	Quyển A4 (nếu có).	
<i>Thông tin tại Giấy chứng nhận này chỉ xác nhận bảo đảm các yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy, không có giá trị về quyền sử dụng đất và các chỉ tiêu về quy hoạch, xây dựng./.</i>			

PHỤ LỤC 2
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải số 167/2018/HĐ-XLNT ngày 15/12/2018 giữa Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Nam Đức và Công ty TNHH Khóa Huy Hoàng; Phụ lục hợp đồng số 02 ngày 15/12/2023 giữa Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Nam Đức và Công ty TNHH Khóa Huy Hoàng.
2. Hợp đồng kinh tế số 8-86/2022/HĐKT-CCNS ngày 16/3/2022 giữa Công ty TNHH MTV Phát triển đô thị và Khu công nghiệp IDICO và Công ty TNHH Khóa Huy Hoàng về việc cung cấp nước và sử dụng nước sạch của Nhà máy nước Quang Minh (*Kèm theo hóa đơn sử dụng nước sạch năm 2025*)
3. Hợp đồng mua bán điện số 23/000125 ngày 30/9/2023; số 26/000125 ngày 11/3/2026 giữa Công ty Cổ phần Điện lực Miền Bắc và Công ty TNHH Khóa Huy Hoàng (*Kèm theo hóa đơn sử dụng điện năm 2025*).
4. Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp, nguy hại số 28.02.2024/HĐXLCT/MTX-KHH ngày 28/02/2024 giữa Công ty TNHH Khóa Huy Hoàng và Công ty TNHH Môi trường công nghiệp Xanh (*kèm theo chứng từ xử lý chất thải nguy hại năm 2024 và 2025*).
5. Hợp đồng nguyên tắc số 20250417/HĐXL ngày 03/11/205 giữa Công ty TNHH Khóa Huy Hoàng và Công ty Cổ phần Môi trường Thuận Thành về việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải công nghiệp thông thường, sinh hoạt, nguy hại (*kèm theo chứng từ xử lý chất thải nguy hại năm 2025*)
6. Hợp đồng vệ sinh môi trường số 01/2024-HĐVSMT/SH-ML ngày 01/7/2024 giữa Công ty TNHH Khóa Huy Hoàng và Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Sông Hồng.
7. Hợp đồng thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt số 058/2026/HĐVSMT/QM ngày 03/01/2026 giữa Công ty TNHH Khóa Huy Hoàng và Công ty Cổ phần Công trình đô thị Long Biên.
8. Phiếu kết quả phân tích quan trắc môi trường định kỳ năm 2024-2025
9. Nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải.
10. Bảng quy đổi khối lượng sản phẩm của Cơ sở
11. Biên bản nghiệm thu hoàn thành lắp đặt và đưa vào sử dụng của hệ thống xử lý khí thải

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG
DỊCH VỤ XỬ LÝ NƯỚC THẢI
Số: 167/2018/HĐ-XLNT

Được ký giữa:

**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG
NAM ĐỨC KCN Quang Minh – Huyện Mê Linh, TP Hà
Nội (Bên cung cấp dịch vụ)**

Và:

**CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG
(Bên sử dụng dịch vụ)**

- Hà Nội, Tháng 12/2018 -



Vh

HỢP ĐỒNG
CUNG CẤP VÀ SỬ DỤNG DỊCH VỤ XỬ LÝ NƯỚC THẢI
tại KCN Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội
Số: 11/2018/HD-XLNT

*** Căn cứ vào:**

- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Bảo vệ Môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/06/2014;
- Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/06/2012 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải.
- Quyết định số 1872/QĐ-UBND ngày 22/4/2010 của UBND thành phố Hà Nội về việc Ban hành Điều lệ Khu công nghiệp Quang Minh;
- Căn cứ Quyết định số 3742/2004/QĐ-UB ngày 22 tháng 10 năm 2004 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc thành lập, phê duyệt dự án và giao Công ty TNHH Đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Đức làm chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc;
- Yêu cầu đầu nối, cung cấp dịch vụ XLNT của Bên sử dụng dịch vụ và khả năng của Bên cung cấp dịch vụ:

Hôm nay, ngày 15/12/2018, tại Văn phòng Công ty TNHH đầu tư và PTHT Nam Đức, KCN Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

I/. CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG NAM ĐỨC:

Địa chỉ: KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 024 35860478

Mã số thuế: 2500222438

Số tài khoản VNĐ: 031 0101 0834036

Tại: Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa.

Đại diện: Ông Nguyễn Khắc Sơn - Chức vụ: Giám đốc

(Sau đây được gọi tắt là Bên A)

II/. CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG

Địa chỉ: Lô 38D, Khu công nghiệp Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 024 2021 4491

Mã số thuế: 2500242018

Số tài khoản:

Tại Ngân hàng

Đại diện: Ông Nguyễn Quang Huy - Chức vụ: Tổng Giám đốc

(Sau đây được gọi tắt là Bên B)

thải, thay đổi công nghệ sản xuất, tăng công suất nhà máy,...

4.5. Cung cấp cho Bên A sơ đồ hệ thống thoát nước (gồm cả nước mưa và nước thải trong nội bộ nhà máy của Bên B để Bên A kiểm tra giám sát; xây dựng tách biệt giữa hệ thống thoát nước mưa với nước thải và không được để Bên thứ 3 đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa, nước thải của Bên B.

4.6. Chấp hành và thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật, của KCN Quang Minh về công tác bảo vệ môi trường, việc đầu nối vào hệ thống thu gom thoát nước thải chung, sử dụng hạ tầng KCN và các quy định khác có liên quan đến việc cung cấp và sử dụng dịch vụ XLNT.

ĐIỀU 5. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A:

5.1 Kinh doanh dịch vụ thu gom và XLNT theo quy định của pháp luật.

5.2 Bảo đảm khả năng đáp ứng nhu cầu XLNT của Bên B, tạo điều kiện thuận lợi cho việc sử dụng dịch vụ XLNT cho Bên B;

5.3 Đảm bảo chất lượng dịch vụ XLNT theo các quy định hiện hành của Nhà nước và quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án KCN Quang Minh I

5.4 Chấp hành và thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật, của KCN về công tác Bảo vệ môi trường, về việc quản lý, vận hành, khai thác hệ thống thu gom nước thải.

5.5 Yêu cầu Bên B thanh toán Phí xử lý nước thải và chấp hành đúng các quy định của pháp luật về xử lý nước thải tại KCN Quang Minh I.

5.6 Khi nghi ngờ Bên B xả nước thải vượt quá quy chuẩn cho phép, Bên A có quyền lấy mẫu nước thải của Bên B tại bất kỳ thời điểm nào để xác định tính chính xác chất lượng nước thải của Bên B. Việc lấy mẫu nước thải được lập thành biên bản và kết quả được lấy làm cơ sở tính phí XLNT trong kỳ theo nội dung quy định trong Hợp đồng này.

5.7 Bên A có quyền kiểm tra giám sát hoạt động xả nước thải của Bên B vào hệ thống thu gom của KCN và yêu cầu Bên B xả nước thải đảm bảo chất lượng theo Hợp đồng XLNT đã ký.

ĐIỀU 6. PHÍ DỊCH VỤ, PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN.

6.1 Phí dịch vụ:

- Khối lượng nước thải để tính phí xác định theo khoản 3.1 Điều 3 của Hợp đồng này.

- Trường hợp Bên B không sử dụng nước sạch do Nhà máy nước sạch Quang Minh cung cấp thì Bên B phải lắp đặt đồng hồ đo nước thải của Bên B. Khối lượng nước thải thu phí tính theo đồng hồ đo nước thải.

- Bên B sẽ thanh toán cho Bên A phí dịch vụ hàng tháng được tính như sau:

Phí dịch vụ = Đơn giá x Khối lượng nước thải do Bên A xử lý hàng tháng.

* Đơn giá dịch vụ XLNT: **10.500VNĐ/m³**. Bắt đầu từ kỳ tháng 07 năm 2019 (từ 15/06/2019), đơn giá được áp dụng 12.000VNĐ/m³.

+ Giá trên áp dụng đối với nước thải có giá trị thông số và nồng độ các chất ô nhiễm nhỏ hơn hoặc bằng giá trị quy định tại Cột B QCVN 40: 2011/BTNMT.

+ Giá trên chưa bao gồm thuế Giá trị gia tăng (thuế VAT).

- Đơn giá XLNT có thể được điều chỉnh căn cứ sự biến động giá cả thị trường (điện nước, hoá chất, tiền lương, chính sách tiền tệ của Nhà nước...) với mỗi lần điều

chỉnh không quá 15% theo giá kỳ trước liền kề. Khi điều chỉnh đơn giá bên A sẽ thông báo trước cho bên B trong thời hạn 15 ngày. Thời gian điều chỉnh đơn giá tối thiểu là 1 năm và tối đa 2 năm.

- Cơ sở để xác định chất lượng nước thải áp dụng cho việc tính giá là Phiếu kết quả phân tích nước thải mới nhất của Bên B, bao gồm đủ các chỉ tiêu theo Phụ lục I của Hợp đồng (*Bản sao Phiếu kết quả phân tích nước thải là Phụ lục II đính kèm hợp đồng này*).

6.2 Phương thức thanh toán

(i) Bên B có trách nhiệm thanh toán phí dịch vụ cho Bên A trong vòng năm (05) ngày kể từ ngày nhận được hoá đơn hàng tháng của Bên A (hoá đơn này được coi là thông báo thanh toán lần thứ nhất) vào tài khoản được chỉ định bởi Bên A hoặc tiền mặt tại Văn phòng của Bên A.

Nếu quá thời hạn năm (05) ngày nêu trên mà Bên B vẫn chưa thanh toán phí dịch vụ cho Bên A, Bên B có trách nhiệm thanh toán trong vòng 03 ngày kể từ ngày nhận được thông báo lần 2 của Bên A;

(ii) Quá thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được giấy thông báo lần 2 của Bên A mà Bên B vẫn chưa thanh toán thì Bên A sẽ tạm ngừng cung cấp dịch vụ XLNT và có quyền yêu cầu đơn vị cấp nước tạm ngừng cung cấp nước sạch cho đến khi Bên B thanh toán đầy đủ phí sử dụng dịch vụ XLNT theo giấy báo;

(iii) Kể từ ngày Bên B thanh toán đầy đủ phí dịch vụ cho Bên A, Bên A sẽ mở van xả thải cho Bên B để Bên B được xả nước thải vào hệ thống XLNT của Bên A. Khi đó, Bên B sẽ chịu trách nhiệm thanh toán cho Bên A toàn bộ chi phí phát sinh từ về việc đóng/mở van cấp nước/Thoát nước và các vật tư phát sinh sử dụng trong quá trình trên (nếu có) theo bảng chiết tính của Bên A cũng như tiền lãi tính trên số phí dịch vụ mà Bên B thanh toán chậm kể từ ngày quá thời hạn 03 ngày nêu tại mục (ii) ở trên với mức lãi suất quá hạn bằng 20%/năm cho toàn bộ thời gian chậm thanh toán.

ĐIỀU 7. CÁC TRƯỜNG HỢP NGỪNG CUNG CẤP DỊCH VỤ THU GOM, XLNT:

7.1 Khi Bên B vi phạm các quy định về xả nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của KCN nhưng chưa gây ảnh hưởng xấu đến môi trường và hệ thống thu gom xử lý nước thải của KCN, Bên A sẽ có văn bản thông báo về việc vi phạm và yêu cầu Bên B khắc phục. Sau 05 ngày kể từ ngày phát hành thông báo lần thứ nhất mà Bên B không chấp hành thì Bên A sẽ ra thông báo nhắc nhở lần hai. Hết thời hạn 05 ngày của thông báo lần 2 mà Bên B vẫn không chấp hành thì Bên A được quyền tạm ngừng cung cấp dịch vụ XLNT theo thoả thuận đã được quy định trong Hợp đồng này.

7.2 Trường hợp nước thải của Bên B xả vào hệ thống thu gom của KCN vượt mức nước Cột B theo QCVN 40:2011/BTNMT, Bên A sẽ lập biên bản yêu cầu Bên B khắc phục để đảm bảo nước thải đạt mức nước Cột B và Bên B phải thanh toán chi phí phân tích mẫu nước thải và phí XLNT theo đơn giá 24.000đ/m³ đối với khối lượng nước thải xả vào hệ thống thu gom của KCN từ thời điểm chốt số kỳ trước đến thời điểm nước thải của Bên B đạt mức nước Cột B theo QCVN 40:2011/BTNMT nhưng tối đa không quá 30 ngày kể từ ngày Bên A lập biên bản đối với hành vi vi phạm; đồng thời Bên B phải chịu phạt với mức phạt bằng 50% tổng số tiền Bên B thanh toán phí XLNT trong kỳ. Quá thời hạn trên, Bên A sẽ yêu cầu đơn vị cung cấp nước sạch ngừng cung cấp nước sạch và tạm ngừng cung cấp dịch vụ XLNT. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bên A có quyền kiểm tra, giám sát chất lượng nước thải của Bên B và Bên B có trách nhiệm cung cấp kết quả phân tích mẫu nước thải định kỳ theo kết quả quan trắc môi trường, bản cam kết bảo vệ môi trường (hoặc tương đương) của Bên B với cơ quan

078
G T
EM H
JY H
1 - T
13-01
T Y
1 V A
NA 1
DUC
TP

Vh

chức năng cho Bên A.

7.3 Khi Bên B vi phạm các quy định về xả nước thải có gây ảnh hưởng xấu đến môi trường và hệ thống thu gom và xử lý nước thải chung, Bên A tiến hành lập biên bản và yêu cầu Bên B phải khắc phục ngay các sai phạm. Trường hợp Bên B không chấp hành yêu cầu của Bên A, Bên A sẽ ngừng ngay việc cung cấp dịch vụ XLNT và đề nghị đơn vị cung cấp nước sạch ngừng cung cấp nước sạch.

7.4 Trường hợp Bên B vi phạm các quy định về xả thải gây hậu quả nghiêm trọng thì tùy theo mức độ có thể bị truy cứu trách nhiệm theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

7.5 Dịch vụ XLNT sẽ được khôi phục sau khi Bên B đã khắc phục hoàn toàn hậu quả do các hành vi phạm gây ra, và hoàn thành các nghĩa vụ khác theo Hợp đồng này và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

7.6 Khi tiến hành xúc tiến các công tác sửa chữa, cải tạo, nâng cấp hệ thống thu gom và Nhà máy XLNT, Bên A sẽ có văn bản thông báo cho Bên B biết lý do, thời gian tiến hành các công tác trên; đồng thời Bên A sẽ có biện pháp thích hợp tạm thời nhằm hạn chế các tác động gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của Bên B và ô nhiễm môi trường.

ĐIỀU 8. THỜI HẠN CỦA HỢP ĐỒNG:

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày 15/12/2018 đến ngày 15/12/2022 và có thể được gia hạn theo thỏa thuận của các Bên.

ĐIỀU 9. SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG:

9.1 Hợp đồng này có thể được các Bên sửa đổi/bổ sung bằng văn bản. Việc sửa đổi/bổ sung sẽ được tiến hành theo hình thức Hợp đồng sửa đổi/bổ sung hoặc phụ lục của Hợp đồng và là một phần không tách rời của Hợp đồng này;

9.2 Hợp đồng này sẽ hết hiệu lực trong những trường hợp sau:

- (i) Hết thời hạn của Hợp đồng mà không được gia hạn; hoặc
- (ii) Các Bên đồng ý bằng văn bản về việc chấm dứt hợp đồng này.

ĐIỀU 10. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP:

Mọi tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng này sẽ được giải quyết bằng thương lượng trên tinh thần hợp tác giữa các Bên. Trong trường hợp các Bên không thể giải quyết thông qua hoà giải, một trong hai Bên có thể đưa tranh chấp ra Toà án có thẩm quyền của Việt Nam để giải quyết tranh chấp. Quyết định của Toà án có hiệu lực thi hành đối với cả hai bên và án phí do bên thua kiện chịu.

ĐIỀU 11. CHỐNG GIAN LẬN VÀ HỐI LỘ:

11.1. Bên B cam kết và đảm bảo rằng bất kỳ người nào trực tiếp hoặc gián tiếp đại diện, thay mặt cho Bên B hoặc được Bên B chỉ định (gọi chung là "Người Của Bên B") liên lạc, giao dịch, làm việc với Bên A sẽ không (i) hối lộ và/hoặc hứa hẹn đưa các khoản hối lộ, giảm giá, trích thưởng, khoản tiền gây ảnh hưởng hoặc khoản báo đáp bất hợp pháp hoặc bất kỳ các tài sản bằng tiền hoặc hiện vật hoặc lợi ích nào (gọi chung là "Hối Lộ"), cho bất kỳ đại diện nào của Bên A (gọi chung là "Người Của Bên A") hoặc thông qua bất kỳ Bên Thứ Ba nào để Hối Lộ Người Của Bên A nhằm đạt được lợi ích riêng như được ưu tiên ký Hợp Đồng với Bên A một cách không minh bạch, được miễn trừ

(các) nghĩa vụ quy định tại Hợp Đồng, và /hoặc các lợi ích không minh bạch, không công bằng khác.

11.2. Bên A cam kết và đảm bảo rằng Người Của Bên A sẽ không đòi hỏi Hối Lộ hoặc có những hành vi chủ quan (cá nhân, cảm tính, vô trách nhiệm, ...) nhằm cản trở, gây khó khăn cho Người Của Bên B trong việc thực hiện Hợp Đồng (gọi chung là "Gian Lận").

11.3. Các hành vi Hối Lộ và Gian Lận theo quy định tại Điều này sẽ bao gồm cả các hành vi thực hiện trước, trong khi và sau khi thực hiện Hợp Đồng này. Trường hợp bất kỳ Người Của Bên B nào nhận thấy bất cứ Người Của Bên A nào có biểu hiện, hành vi đòi Hối Lộ và/hoặc Gian Lận thì Bên B có trách nhiệm thông báo ngay lập tức cho Bên A theo địa chỉ email: thanhtira@tng-holdings.vn.

11.4. Bên B sẽ miễn trừ cho Bên A mọi trách nhiệm liên quan nếu hành vi Hối Lộ của Bên B vi phạm pháp luật Việt Nam và phải bồi thường cho Bên A các thiệt hại phát sinh, bao gồm cả các thiệt hại do phát sinh chi phí hành chính, chi phí luật sư và các chi phí khác để xử lý các vấn đề liên đới đến hành vi Hối Lộ của Bên B.

ĐIỀU 12. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH:

12.1. Các Bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều quy định trong Hợp đồng này. Bên nào vi phạm sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật;

12.2. Hợp đồng gồm sáu (06) trang, mười hai (12) điều, được lập thành ba (03) bản gốc bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 01 bản làm cơ sở thực hiện.

12.3. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày các bên ký, đóng dấu xác lập.

ĐẠI DIỆN BÊN A

Nguyễn Khắc Sơn
Nguyễn Khắc Sơn

ĐẠI DIỆN BÊN B

TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Quang Huy

Y
30K
I
A
P
V
NG
14

✓

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ
PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG NAM ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 12 năm 2018

PHỤ LỤC 01

**GIÁ TRỊ GIỚI HẠN CÁC THÔNG SỐ VÀ NỒNG ĐỘ CÁC CHẤT Ô NHIỄM
TRONG NƯỚC THẢI CÔNG NGHIỆP THEO GIÁ TRỊ C CỘT B QCVN 40: 2011/BTNMT)
"Kèm theo Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ XLNT Số 167 /2018/HĐ-XLNT"**

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị C	
			Cột A	Cột B
1	Nhiệt độ	oC	40	40
2	Màu	PCo	50	150
3	pH	-	6 đến 9	5,5 đến 9
4	BOD5 (20oC)	mg/l	30	50
5	COD	mg/l	75	150
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	50	100
7	Asen	mg/l	0,05	0,1
8	Thủy ngân	mg/l	0,005	0,01
9	Chì	mg/l	0,1	0,5
10	Cadimi	mg/l	0,05	0,1
11	Crom (VI)	mg/l	0,05	0,1
12	Crom (III)	mg/l	0,2	1
13	Đồng	mg/l	2	2
14	Kẽm	mg/l	3	3
15	Niken	mg/l	0,2	0,5
16	Mangan	mg/l	0,5	1
17	Sắt	mg/l	1	5
18	Tổng xianua	mg/l	0,07	0,1
19	Tổng phenol	mg/l	0,1	0,5
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	5	10
21	Sunfua	mg/l	0,2	0,5
22	Florua	mg/l	5	10
23	Amoni (tính theo N)	mg/l	5	10
24	Tổng nitơ	mg/l	20	40
25	Tổng phot pho (tính theo P)	mg/l	4	6

26	Clorua (không áp dụng khi xả vào nguồn nước mặn, nước lợ)	mg/l	500	1000
27	Clo dư	mg/l	1	2
28	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,05	0,1
29	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ	mg/l	0,3	1
30	Tổng PCB	mg/l	0,003	0,01
31	Coliform	vi khuẩn/100ml	3000	5000
32	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1	0,1
33	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0	1,0



✓

**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ
PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG NAM ĐỨC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 01/2021/PLHD-ND

Ty: *Giã hạn HD và điều chỉnh đơn giá*
DTGXNT

PHỤ LỤC SỐ 01

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ XỬ LÝ NƯỚC THẢI (Số 167/2018/HD-XLNT ngày 15/12/2018)

Các Bên gồm:

BÊN A: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG NAM ĐỨC

Địa chỉ: KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 04: 32484282/35860478 - Fax: 04: 38134514

Mã số thuế: 2500222438

Số tài khoản VND: 031 0101 0834036

Tại: Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Chi nhánh Đống Đa.

Đại diện PL: Ông Nguyễn Khắc Sơn - Chức vụ: Giám đốc

Và

BÊN B: CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG

Địa chỉ: Lô 38D, Khu công nghiệp Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 0913239695

Mã số thuế: 2500242018

Đại diện: Ông Nguyễn Quang Huy - Chức vụ: Tổng Giám đốc

Các Bên trên đây cùng đồng ý ký kết Phụ lục này vào ngày 15 tháng 12 năm 2021 với nội dung điều chỉnh, bổ sung cụ thể sau đây:

1. Hai bên đồng ý gia hạn Hợp đồng Dịch vụ Xử lý nước thải số 167/2018/HD-XLNT ngày 15/12/2018 (Hợp đồng số 167) kể từ ngày 16/12/2022 đến ngày 15/12/2025 (Ngày hết hạn).

2. Kể từ kỳ nước tháng 1/2022 (từ ngày 15/12/2021) hai bên đồng ý điều chỉnh đơn giá trên Hợp đồng Dịch vụ Xử lý nước thải số 167 lên 13.000 đồng/m³ (Giá trên chưa bao gồm thuế VAT).

3. Điều chỉnh nội dung tại mục 7.2 Điều 7 Hợp đồng số 167 như sau: Trường hợp nước thải của Bên B xả vào hệ thống thu gom của KCN vượt mức nước Cột B theo QCVN 40:2011/BTNMT, Bên A sẽ lập biên bản yêu cầu Bên B khắc phục để đảm bảo nước thải đạt mức nước Cột B và Bên B phải thanh toán chi phí phân tích mẫu nước thải và phí XLNT theo đơn giá 26.000đ/m³ đối với khối lượng nước thải xả vào hệ thống thu gom của KCN từ thời điểm chốt số kỳ trước đến thời điểm nước thải của Bên B đạt mức nước Cột B theo QCVN 40:2011/BTNMT nhưng tối đa không quá 30 ngày kể từ ngày Bên A lập biên bản đối với hành vi vi phạm; đồng thời Bên B phải chịu phạt với mức phạt bằng 50% tổng số tiền Bên B thanh toán phí XLNT trong kỳ. Quá thời hạn trên, Bên A sẽ yêu cầu đơn vị cung cấp nước sạch ngừng cung cấp nước sạch và

tạm ngừng cung cấp dịch vụ XLNT. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bên A có quyền kiểm tra, giám sát chất lượng nước thải của Bên B và Bên B có trách nhiệm cung cấp kết quả phân tích mẫu nước thải định kỳ theo kết quả quan trắc môi trường, bản cam kết bảo vệ môi trường (hoặc tương đương) của Bên B với cơ quan chức năng cho Bên A.

4. Ngoài nội dung tại mục 1, mục 2, mục 3 các điều khoản/thỏa thuận quy định trong Hợp đồng số 167 vẫn giữ nguyên hiệu lực.

Phụ lục này có hiệu lực vào ngày tháng như đề tại phần đầu của Phụ lục và được lập thành 02 bản có giá trị như nhau, mỗi Bên giữ 02 bản để biết và thực hiện.



Đại diện bên A

Nguyễn Khắc Sơn



Đại diện bên B

TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Quang Hữu

PHỤ LỤC SỐ 02

**của Hợp đồng Thuê cơ sở hạ tầng số 94/HĐ-ND ngày 14/7/2011
Về việc điều chỉnh Phí Quản lý Khu công nghiệp**

- Căn cứ Hợp đồng Thuê cơ sở hạ tầng số 94/HĐ-ND ngày 14/7/2011 ký giữa Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển hạ tầng Nam Đức và Công ty TNHH Sợi Vinh Phát (Sau đây gọi tắt là "Hợp đồng số 19/HĐ-ND");
- Căn cứ Phụ lục số 1 ký ngày 31/12/2014 về việc điều chỉnh Phí quản lý Khu công nghiệp.

Hôm nay, ngày 25 tháng 12 năm 2021, tại Văn phòng Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển hạ tầng Nam Đức, chúng tôi gồm các Bên dưới đây:

I. BÊN CHO THUÊ hoặc BÊN A:

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG NAM ĐỨC

Địa chỉ: Khu công nghiệp Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, TP Hà Nội
Đại diện: Ông Nguyễn Khắc Sơn Chức vụ: Giám đốc

Điện thoại: 024 35860478

II. BÊN THUÊ hoặc BÊN B:

CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG

Địa chỉ: Lô 38D, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Đại diện: Ông Nguyễn Quang Huy

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Điện thoại: 0913239695

Hai Bên theo đây đồng ý ký Phụ lục số 02 của Hợp đồng Thuê cơ sở hạ tầng số 94/HĐ-ND (Sau đây gọi tắt là "Phụ lục") để bổ sung, sửa đổi một số nội dung cụ thể dưới đây:

I. NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG:

Khoản 4.2 Điều 4 của Hợp đồng số 94/HĐ-ND được sửa đổi như sau:

"4.2. Phí Quản Lý Khu công nghiệp: Kể từ ngày 01/01/2022, Bên B thanh toán cho Bên A Phí Quản Lý Khu công nghiệp với đơn giá là VND 3.700/m²/năm (Khoản phí này chưa bao gồm thuế VAT). Bên B sẽ thanh toán khoản phí này cho Bên A vào mười (10) ngày đầu tiên của Tháng Một hàng năm; Phí Quản lý Khu công nghiệp có thể được điều chỉnh theo chu kỳ hai (02) năm một lần, với mỗi lần điều chỉnh không quá 15% giá kỳ trước liền

kể. Bên A sẽ thông báo cho Bên B bằng văn bản về Phí Quản Lý KCN khi được điều chỉnh tăng.”

II. ĐIỀU KHOẢN THỰC HIỆN:

Phụ lục này là một phần không thể tách rời của Hợp đồng số 94/HĐ-ND ký ngày 14/7/2011 giữa hai bên và thay thế cho Phụ lục số 01 ngày 31/12/2014 về việc điều chỉnh Phí quản lý KCN. Các điều khoản khác của Hợp đồng số 94/HĐ-ND vẫn được giữ nguyên và có hiệu lực bình thường.

Bản Phụ lục này được lập thành bốn (04) bản bằng Tiếng Việt có giá trị pháp lý ngang nhau, mỗi Bên giữ hai (02) bản làm cơ sở thực hiện.

Bản Phụ lục hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký, đóng dấu.


ĐẠI DIỆN BÊN A
Giám đốc

Nguyễn Khắc Sơn


ĐẠI DIỆN BÊN B

TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Quang Khuê

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC SỐ 02

Đính kèm Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải số 167/2018/HĐ-XLNT ngày 15/12/2018
V/v gia hạn thời hạn và điều chỉnh đơn giá dịch vụ của Hợp đồng

- Căn cứ Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải Số 167/2018/HĐ-XLNT ngày 15/12/2018 giữa Công ty TNHH đầu tư và phát triển Hạ tầng Nam Đức và Công ty TNHH Khóa Huy Hoàng (sau đây gọi tắt là “Hợp đồng”);
- Căn cứ Phụ lục số 01 ngày 15/12/2021 đính kèm Hợp đồng (sau đây gọi tắt là “Phụ lục 01”);
- Căn cứ vào tình hình thực tế và yêu cầu của các Bên.

Hôm nay, ngày 15/12/2023, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG NAM ĐỨC

Địa chỉ: KCN Quang Minh, Thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 04: 32484282/35860478

- Fax: 04: 38134514

Mã số thuế: 2500222438

Số tài khoản: 031 0101 0834036

Tại: Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Chi nhánh Đống Đa.

Đại diện: Ông Nguyễn Khắc Sơn

- Chức vụ: Giám đốc

Và

BÊN B: CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG

Địa chỉ: Lô 38D, Khu công nghiệp Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 0913239695

Mã số thuế: 2500242018

Số tài khoản: 118000021472

Tại Ngân hàng: Vietinbank- CN Phúc Yên

Đại diện: Ông Nguyễn Quang Huy

- Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bên A và Bên B sau đây gọi chung là “Hai Bên” gọi riêng là “Bên” tùy theo ngữ cảnh.

Các Bên trên đây cùng thỏa thuận ký kết Phụ lục 02 của Hợp đồng (“Phụ lục 02”) gia hạn thời hạn và điều chỉnh đơn giá dịch vụ của Hợp đồng, Phụ lục 01 với nội dung điều chỉnh, bổ sung cụ thể sau đây:

Điều 1. Nội dung Phụ lục.

1. Hai bên đồng ý gia hạn thời hạn tại Điều 8 của Hợp đồng và mục 1, Phụ lục 01: Gia hạn thời hạn của Hợp đồng kể từ ngày 15/12/2025 đến ngày 15/12/2027 (Ngày hết hạn).

Đu

11/0.

2. Điều chỉnh đơn giá dịch vụ Xử lý nước thải tại Điều 6.1 của Hợp đồng và mục 2, Phụ lục 01:

Kể từ kỳ nước tháng 1/2024 Hai Bên đồng ý điều chỉnh đơn giá dịch vụ XLNT thành 14.300 đồng/m³ (Giá trên chưa bao gồm thuế VAT).

Kể từ kỳ nước tháng 1/2026 Hai Bên đồng ý điều chỉnh đơn giá dịch vụ XLNT thành 15.500 đồng/m³ (Giá trên chưa bao gồm thuế VAT).

3. Điều chỉnh nội dung tại mục 7.2 Điều 7 của Hợp đồng và mục 3, Phụ lục 01: Trường hợp nước thải của Bên B xả vào hệ thống thu gom của KCN vượt mức nước Cột B theo QCVN 40:2011/BTNMT, Bên A sẽ lập biên bản yêu cầu Bên B khắc phục để đảm bảo nước thải đạt mức nước Cột B và Bên B phải thanh toán chi phí phân tích mẫu nước thải và phí XLNT theo đơn giá 31.000đ/m³ đối với khối lượng nước thải xả vào hệ thống thu gom của KCN từ thời điểm chốt số kỳ trước đến thời điểm nước thải của Bên B đạt mức nước Cột B theo QCVN 40:2011/BTNMT nhưng tối đa không quá 30 ngày kể từ ngày Bên A lập biên bản đối với hành vi vi phạm; đồng thời Bên B phải thanh toán thêm cho Bên A một khoản bằng 50% tổng số tiền Bên B thanh toán phí XLNT trong kỳ. Quá thời hạn trên, Bên A sẽ yêu cầu đơn vị cung cấp nước sạch ngừng cung cấp nước sạch và tạm ngừng cung cấp dịch vụ XLNT. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bên A có quyền kiểm tra, giám sát chất lượng nước thải của Bên B và Bên B có trách nhiệm cung cấp kết quả phân tích mẫu nước thải định kỳ theo kết quả quan trắc môi trường, bản cam kết bảo vệ môi trường (hoặc tương đương) của Bên B với cơ quan chức năng cho Bên A.

Điều 2. Điều khoản chung

1. Phụ lục 02 này có hiệu lực kể từ ngày ký và là một phần không tách rời của Hợp đồng.

2. Ngoài nội dung được sửa đổi, bổ sung tại Phụ Lục 02, các nội dung khác của Hợp Đồng và các phụ lục (nếu có) vẫn giữ nguyên hiệu lực áp dụng. Trường hợp có mâu thuẫn về nội dung giữa Phụ Lục 02 với Hợp Đồng và các phụ lục (nếu có), thì nội dung của Phụ Lục 02 được ưu tiên áp dụng.

3. Phụ lục này được lập thành 04 bản gốc có giá trị như nhau, mỗi Bên giữ 02 bản để biết và thực hiện.

Đại diện Bên A



Nguyễn Khắc Sơn

Đại diện Bên B



Nguyễn Quang Huy

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số : P- 86/2022/HDKT-CCNS

Về việc cung cấp và sử dụng nước sạch của Nhà máy nước Quang Minh

- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Căn cứ Luật dân sự số 91/2015/QH13 của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Căn cứ Quyết định số 39/2013/UBND ngày 19/9/2013 của UBND thành phố Hà nội.

- Căn cứ khả năng và nhu cầu của hai bên.

Hôm nay, ngày 16/3/2022 tại Văn phòng Công ty TNHH MTV Phát triển đô thị và khu công nghiệp IDICO, chúng tôi gồm:

I. BÊN BÁN (Bên A): CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP IDICO.

- Địa chỉ : Đường Tôn Đức Thắng, KCN Nhơn Trạch I, Xã Phước Thiển, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai.

- Tài khoản : 6711.000.00.90747 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Đồng Đăng Nai

- Mã số thuế : 3600257771

- Điện thoại : 02513 560.475 Fax: 02513 560477

- Đại diện : Ông Phan Công Nhân Chức vụ: Phó Giám đốc

(Theo Giấy Ủy quyền số 03/UQ-CT ngày 01/3/2018 của Giám đốc Công ty)

II. BÊN MUA (Bên B): CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG

- Địa chỉ : Lô 38D Khu công nghiệp Quang Minh, Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội.

- Tài khoản : 112000057166 tại Ngân hàng Công thương-CN Quang Minh

- Mã số thuế : 2500242018

- Điện thoại : (024) 20214391 Fax: (024) 35250145

- Đại diện : Ông Nguyễn Quang Huy Chức vụ: Tổng Giám đốc

Cùng nhau thoả thuận ký kết hợp đồng dịch vụ cấp nước với các nội dung sau:

ĐIỀU 1. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Bên A đồng ý cung cấp, Bên B đồng ý mua nước sạch của Nhà máy nước Quang Minh cho mục đích sử dụng sinh hoạt, sản xuất và dịch vụ.

ĐIỀU 2: XÁC ĐỊNH LƯỢNG NƯỚC TIÊU THỤ

- Toàn bộ lượng nước tiêu thụ hàng tháng của bên B được xác định theo chỉ số tại các đồng hồ đo lưu lượng nước của bên A được gắn tại điểm đầu nối nguồn cung cấp nước đã được 02 bên thống nhất.

- Vào ngày 15 hàng tháng, 02 bên cử đại diện cùng tham gia chốt chỉ số tại các đồng hồ tổng, xác lập biên bản làm căn cứ cho việc thanh toán.

ĐIỀU 3: ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

3.1. Đơn giá: Bao gồm đơn giá mua bán nước sạch và đơn giá thuê bao đồng hồ đo lưu lượng nước, trong đó:

- Đơn giá mua bán nước sạch: Được áp dụng khung giá của "Đơn vị sản xuất vật chất" theo Quyết định số 39/2013/UBND ngày 19/9/2013 của UBND thành phố Hà Nội, cụ thể đơn giá áp dụng từ 01/10/2015 là: **11.615 đ/m³**.

(Đơn giá trên chưa bao gồm thuế GTGT và phí bảo vệ môi trường).

- Đơn giá thuê bao đồng hồ đo lưu lượng nước:

+ Đối với đồng hồ đo lưu lượng nước $\leq D50$ là: 100.000đ/tháng.

+ Đối với đồng hồ đo lưu lượng nước $> D50$ là: 200.000đ/tháng.

(Đơn giá trên đã bao gồm thuế GTGT theo quy định hiện hành).

3.2. Điều chỉnh đơn giá:

- Đơn giá mua bán nước sạch trong Hợp đồng sẽ được điều chỉnh trong các trường hợp sau:

+ Theo đúng lộ trình thời gian được quy định tại Mục 3.1

+ Giá bán nước sạch trên địa bàn có sự thay đổi theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Trừ trường hợp điều chỉnh đơn giá theo lộ trình thời gian được quy định tại Mục 3.1, mọi trường hợp điều chỉnh đơn giá khác sẽ được bên A thông báo cho bên B bằng văn bản.

3.3. Giá trị thanh toán:

3.3.1. Tiền nước:

Công thức xác định giá trị thanh toán hàng tháng: $T_n = Q_n \times Đ_n$

Trong đó:

- T_n : Số tiền nước bên B phải thanh toán hàng tháng cho bên A.

- Q_n : Tổng khối lượng nước tiêu thụ hàng tháng qua các đồng hồ đo lưu lượng được 02 bên xác nhận.

- $Đ_n$: Đơn giá 01m³ nước sạch.

3.3.2. Tiền thuê bao đồng hồ

Công thức xác định giá trị thanh toán hàng tháng: $T_{tb} = Q_{tb} \times Đ_{tb}$

Trong đó:

- **T_{tb}**: Tiền thuê bao đồng hồ bên B phải thanh toán hàng tháng cho bên A.
- **Q_{tb}**: Số lượng đồng hồ đo lưu lượng nước cấp cho bên B.
- **Đ_{tb}**: Đơn giá thuê bao đồng hồ.

3.3.3. Tổng giá trị thanh toán hàng tháng: $T = T_n + T_{tb}$

3.4. Phương thức thanh toán:

- Bên B thanh toán toàn bộ số tiền phát sinh hàng tháng cho Bên A bằng hình thức chuyển khoản hoặc tiền mặt. Trường hợp thanh toán bằng tiền mặt, bên B thực hiện thanh toán tại: Nhà máy nước Quang Minh - Lô 8A khu công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

- Thời gian thanh toán: Mỗi tháng một lần, chậm nhất sau 15 ngày kể từ khi bên B nhận được thông báo thanh toán tiền nước của bên A phát hành nhưng không quá ngày thứ 5 của tháng kế tiếp.

ĐIỀU 4: LƯU LƯỢNG, THỜI GIAN, ÁP LỰC VÀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

4.1. Lưu lượng cấp nước:

- Lưu lượng nước cung cấp: Theo đăng ký bằng văn bản của bên B và được sự chấp thuận của bên A.

- Trường hợp có sự thay đổi về nhu cầu sử dụng so với lưu lượng nước đã đăng ký, bên B phải có trách nhiệm đăng ký lại với bên A để bên A kịp thời có kế hoạch điều phối việc sản xuất, đảm bảo việc cấp nước được phù hợp.

4.2. Thời gian cấp nước: Cấp nước liên tục 24/24 giờ hàng ngày (kể cả ngày lễ và chủ nhật).

4.3. Áp lực cấp: Áp lực tại điểm tiếp nhận cấp nước (sau đồng hồ đo lưu lượng), theo áp lực tuyến ống cấp nước của Nhà máy nước Quang Minh.

4.4. Chất lượng nước:

- Chất lượng nước cấp đến vị trí đồng hồ đo lưu lượng mà bên A lắp đặt cho bên B được thực hiện theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước ăn uống.

- Chất lượng nước từ phía sau đồng hồ đo lưu lượng hoàn toàn do bên B chịu trách nhiệm.

ĐIỀU 5: ĐO LƯỜNG NƯỚC

- Đồng hồ sử dụng cho việc đo lường nước phải có chứng nhận xuất xứ của nhà sản xuất.

- Đồng hồ được kẹp chỉ niêm phong, là tài sản của bên A và do bên A quản lý.



- Trong trường hợp Bên B nghi ngờ độ chính xác của đồng hồ (tại một thời điểm nào đó), Bên B có quyền yêu cầu kiểm tra độ chính xác của đồng hồ theo quy định hiện hành và được giải quyết theo nguyên tắc sau:

+ Nếu đồng hồ vẫn đảm bảo độ chính xác: Kinh phí kiểm định do bên B chịu.

+ Nếu đồng hồ không đảm bảo chính xác: Kinh phí kiểm định do bên A chịu.

- Trường hợp đồng hồ được xác định là không đảm bảo độ chính xác, bị sự cố hư hỏng hoặc không hoạt động, việc đo lường và xử lý khắc phục được thực hiện như sau:

+ Lượng nước tiêu thụ từ ngày chốt số gần nhất đến thời điểm phát sinh sự cố được xác định trên cơ sở lượng nước tiêu thụ bình quân/ngày của tháng liền kề trước đó, cụ thể: Lượng nước tiêu thụ = Lượng nước tiêu thụ bình quân/ngày của tháng trước x số ngày sử dụng.

+ Nếu tại thời điểm chốt số mà phát hiện đồng hồ có sự cố, lượng nước sử dụng trong tháng sẽ được xác định bằng lượng nước sử dụng của tháng liền kề trước đó.

+ Thời gian cho việc khắc phục sự cố của đồng hồ không quá 03 ngày, việc sửa chữa khắc phục sự cố do bên A thực hiện và có sự phối hợp chứng kiến của bên B. Trong thời gian khắc phục sự cố, tùy trường hợp cụ thể, bên A có thể sẽ tiếp tục cấp nước cho bên B, lượng nước tiêu thụ trong thời gian này cũng được xác định như với lượng nước tiêu thụ từ ngày chốt số gần nhất đến thời điểm phát sinh sự cố.

ĐIỀU 6: KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH

- Hàng tháng, Bên A có trách nhiệm phối hợp với đơn vị có chức năng tiến hành thực hiện việc xét nghiệm kiểm định chất lượng nước sạch theo quy định hiện hành, việc lấy mẫu nước được thực hiện bởi đơn vị kiểm định.

- Hàng quý, kết quả xét nghiệm được phê duyệt bởi cơ quan có thẩm quyền của Thành phố Hà Nội.

- Trường hợp bên B có nhu cầu, bên A sẽ gửi cho bên B bản sao kết quả kiểm định chất lượng nước.

- Trường hợp bên B nghi ngờ chất lượng nước, hai bên tiến hành lấy mẫu và thí nghiệm tại một đơn vị đo lường chất lượng có chức năng theo quy định. Bên nào sai phải thanh toán toàn bộ chi phí thí nghiệm và các chi phí liên quan khác.

ĐIỀU 7: ĐIỀU KIỆN TẠM NGỪNG CUNG CẤP NƯỚC SẠCH

- Xảy ra các sự cố bất khả kháng như thiên tai, dịch họa, mất điện lưới, hư hỏng thiết bị đột xuất, bục vỡ đường ống do các nguyên nhân khách quan, ... mà bên A buộc phải ngừng hoạt động cung cấp nước để sửa chữa khắc phục, bên A

sẽ thông báo cho bên B thời gian ngừng cung cấp và thời gian cấp nước trở lại (bằng các hình thức liên lạc khác nhau để có được sự kịp thời và chủ động của hai bên: điện thoại, fax, thư tín...).

- Không đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng nước theo quy định và các biện pháp khắc phục cần thiết đã được thực hiện nhưng vẫn không đảm bảo được chất lượng nước.

- Bên A thực hiện duy tu, bảo dưỡng hệ thống thiết bị, đường ống theo định kỳ, việc tạm ngừng cung cấp nước sẽ được bên A sẽ thông báo cho bên B trước 05 ngày làm việc để bên B có kế hoạch dự trữ nước phục vụ sản xuất liên tục.

ĐIỀU 8: TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA CÁC BÊN

8.1. Trách nhiệm, quyền hạn của Bên A:

- Quản lý, sửa chữa, bảo dưỡng và duy trì trạng thái hoạt động tốt nhất của hệ thống cấp nước cũng như chất lượng nước.

- Phát hành hoá đơn tài chính (hóa đơn điện tử) hàng tháng cho bên B.

- Trường hợp có sự cố về thiết bị bơm và đường ống do khách quan mà bên A phải tạm ngưng cung cấp nước thì bên A sẽ thông báo cho bên B thời gian ngừng cung cấp nước để xử lý khắc phục sự cố và thời gian cung cấp nước trở lại.

- Tạm ngưng cung cấp nước trong trường hợp bên B chậm thanh toán cho đến khi bên B thực hiện dứt điểm các nghĩa vụ tài chính cho bên A.

8.2. Trách nhiệm, quyền hạn của Bên B:

- Sử dụng nước tiết kiệm và đúng mục đích như nêu tại Điều 1.

- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ liên quan đến Phí bảo vệ môi trường theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

- Sử dụng đúng mục đích và đúng mức nước đã đăng ký. Nếu mức nước sử dụng sai khác quá $\pm 10\%$ của mức nước đã đăng ký làm phải thay đường ống và phụ kiện đo đếm thì bên B phải thanh toán cho bên A toàn bộ chi phí để thay thế. Trường hợp cung cấp nước cho mục đích khác phải có sự đồng ý của bên A bằng văn bản.

- Nghiêm cấm bên B đặt máy bơm hút nước trực tiếp từ đường ống của bên A. Nếu bên A phát hiện bên B dùng máy bơm hút nước trực tiếp bên B phải bồi thường cho bên A toàn bộ chi phí lắp đặt đồng hồ và phụ kiện hồ ga đồng hồ.

- Không được tự ý di dời, dịch chuyển vị trí đồng hồ nước mà bên A đã lắp đặt cho bên B.

- Bên B phải có bể nước dự phòng để đảm bảo cung cấp nước trong trường hợp có sự cố của của hệ thống cấp nước hoặc trong thời gian duy tu, sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị, đường ống của bên A.

TƯ
HỮU
HÀNG
HOÀNG
TP. HỒ

TƯ
HỮU
HÀNG
HOÀNG
TP. HỒ

- Không được sử dụng bất kỳ nguồn nước nào khác ngoài nguồn nước do Nhà máy nước Quang Minh cung cấp.

- Trường hợp bên B tự ý khoan và khai thác nước ngầm để phục vụ sinh hoạt, sản xuất hoặc bất cứ nhu cầu nào khác đều phải được sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành và phải thông báo cho bên A bằng văn bản trong vòng 03 ngày kể từ khi được chấp thuận.

- Trường hợp bên B tự ý khoan và khai thác nước ngầm để phục vụ cho sinh hoạt, sản xuất hoặc bất cứ nhu cầu nào khác mà chưa được sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, bên B có trách nhiệm trám lấp ngay các giếng khoan trái phép của mình với sự chứng kiến của các bên liên quan, trong đó phải có sự chứng kiến của Ban quản lý khu công nghiệp Quang Minh và Nhà máy nước Quang Minh.

- Thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền nước hàng tháng theo Điều 3. Trường hợp chậm thanh toán cho bên A, số tiền chậm thanh toán phải chịu lãi suất nợ quá hạn, thời gian tối đa cho việc chậm thanh toán không quá 15 ngày, quá thời hạn này được coi là bên B đã vi phạm nghiêm trọng điều khoản của Hợp đồng. Thời gian tính lãi bắt đầu từ ngày kết thúc hạn thanh toán theo Điều 3 cho đến khi bên B thanh toán hết nợ cho bên A. Lãi suất nợ quá hạn được áp dụng là lãi suất nợ quá hạn do ngân hàng mà Bên A mở tài khoản giao dịch quy định tại thời điểm bắt đầu tính lãi.

- Phối hợp với bên A quản lý, bảo vệ và phát hiện kịp thời mọi vi phạm, sự cố liên quan đến đồng hồ đo lưu lượng nước.

ĐIỀU 9: CÁC TRƯỜNG HỢP CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

- Trường hợp chấm dứt hợp đồng khi còn hiệu lực, 02 bên phải có sự thống nhất bằng văn bản theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

- Một trong hai bên vi phạm nghiêm trọng các điều khoản được quy định trong hợp đồng.

- Quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấm dứt hiệu lực hợp đồng.

- Trường hợp bất khả kháng phải được 02 bên cùng chấp thuận chấm dứt hợp đồng.

ĐIỀU 10: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hiệu lực của Hợp đồng: kể từ ngày 16/3/2022.

- Khi phát sinh tranh chấp các bên sẽ tự thương lượng giải quyết trên tinh thần hợp tác cùng có lợi nhưng không trái với quy định của pháp luật, nếu không tự giải quyết được sẽ được thông qua tòa án. Phán quyết của tòa án là quyết định cuối cùng và bắt buộc thực hiện đối với cả hai bên.

- Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu có bất kỳ vấn đề nào phát sinh ngoài các nội dung đã được quy định trong Hợp đồng, các bên sẽ thỏa thuận và thống nhất thành Phụ lục và là bộ phận không tách rời của Hợp đồng, có giá trị pháp lý như Hợp đồng.

- Các cam kết tại Hợp đồng chỉ liên quan ràng buộc và chi phối bởi mục đích của Hợp đồng, không ràng buộc và chi phối các Hợp đồng khác trong sản xuất kinh doanh riêng khác của mỗi bên.

- Sự thay đổi mô hình doanh nghiệp, sở hữu doanh nghiệp của cả hai bên đều không ảnh hưởng đến việc thực hiện Hợp đồng. Đơn vị mới có trách nhiệm thừa kế toàn bộ quyền và nghĩa vụ của bên ký hợp đồng trước đó đã bị thay đổi mô hình hoặc sở hữu doanh nghiệp.

Hợp đồng được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau mỗi bên giữ 02 bản để thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A



CÔNG TY TNHH
MỘT THÀNH VIÊN
PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ
VÀ KINH DOANH
IDICO
H. SƠN TRẠCH - T. BÌNH DƯƠNG

KT. GIÁM ĐỐC CÔNG TY
PHÓ GIÁM ĐỐC
Phan Công Nhứt

ĐẠI DIỆN BÊN B



CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
KHÓA HUỖNG
H. MÊ LÌNH - TP. BIÊN HÒA

TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Quang Khuê



CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ
VÀ KHU CÔNG NGHIỆP IDICO
CN CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN ĐÔ
THỊ VÀ KCN IDICO TẠI HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số 52/TLHDKT-NMNQM

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2022

BIÊN BẢN THANH LÝ HỢP ĐỒNG

- Căn cứ Hợp đồng kinh tế: Số 62/2013/HĐMB ngày 24 tháng 10 năm 2013 giữa Chi nhánh Cty TNHH MTV Phát triển đô thị và khu công nghiệp IDICO tại Hà Nội và Công ty TNHH Khóa Huy Hoàng về việc mua bán nước sạch.

Hôm nay, ngày 15 tháng 03 năm 2022 tại Văn phòng Chi nhánh Công ty TNHH MTV phát triển đô thị và khu công nghiệp IDICO tại Hà Nội, chúng tôi gồm:

BÊN BÁN (Bên A): CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP IDICO TẠI HÀ NỘI

Đại diện : Ông **ĐỖ AN HUY** Chức vụ: Q. Giám đốc.

Địa chỉ : Lô 8A, Khu Công Nghiệp Quang Minh, Thị Trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại : 024.38134876

Fax: 024.38134876

Mã số thuế : 3600257771 - 008

BÊN MUA (Bên B): CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG

Đại diện : Ông **Nguyễn Quang Huy** Chức vụ: Tổng Giám đốc

Địa chỉ : Lô 38D Khu công nghiệp Quang Minh, Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội.

Điện thoại : (024) 20214391

Fax: (024) 35250145

Tài khoản :

Mã số thuế : 2500242018

Hai bên cùng nhau thống nhất thanh lý hợp đồng với các nội dung sau:

1. Hai bên cùng nhau thỏa thuận thống nhất thanh lý Hợp đồng kinh tế cung cấp nước sạch số 62/2013/HĐMB ngày 24 tháng 10 năm 2013 giữa Chi nhánh Cty TNHH MTV Phát triển đô thị và khu công nghiệp IDICO tại Hà Nội và Công ty TNHH Khóa Huy Hoàng.

2. Biên bản thanh lý có hiệu lực từ ngày ký (Biên bản được lập thành 02 bản mỗi bên giữ 01 bản có giá trị như nhau).



Q. GIÁM ĐỐC
Đỗ An Huy



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Quang Huy

CÔNG TY IDICO-URBIZ
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN
ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP IDICO TẠI HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 62./CV- CNHN

V/v: Thanh lý và ký mới Hợp đồng mua bán
nước sạch của NMN Quang Minh

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2022

Kính gửi: Công ty TNHH Khóa Huy Hoàng

Trước tiên Chi nhánh Công ty TNHH MTV Phát triển đô thị và Khu công nghiệp IDICO tại Hà Nội (Chi nhánh IDICO-URBIZ tại Hà Nội) xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của Quý Công ty trong thời gian qua.

Chi nhánh IDICO-URBIZ tại Hà Nội là đơn vị trực thuộc Công ty TNHH MTV Phát triển đô thị và Khu công nghiệp IDICO (IDICO-URBIZ), được IDICO-URBIZ giao nhiệm vụ quản lý, vận hành Nhà máy nước sạch Quang Minh, hiện đang thực hiện cung cấp nước sạch cho Quý Công ty theo Hợp đồng kinh tế số 62/2013/HĐMB ngày 24 tháng 10 năm 2013 giữa Chi nhánh Cty TNHH MTV Phát triển đô thị và khu công nghiệp IDICO tại Hà Nội và Công ty TNHH Khóa Huy Hoàng về việc cung cấp và sử dụng nước sạch của Nhà máy nước Quang Minh.

Thực hiện Quyết định số: 106/QĐ-CT ngày 15/3/2022 của Giám đốc Công ty IDICO-URBIZ về việc Chuyển lĩnh vực sản xuất, kinh doanh: "*Khai thác kinh doanh nước sạch*" của Chi nhánh IDICO-URBIZ tại Hà Nội về Công ty IDICO-URBIZ trực tiếp quản lý.

Để đảm bảo duy trì ổn định việc cung cấp nước sạch cho Quý Công ty.

Chi nhánh IDICO-URBIZ tại Hà Nội xin thông báo và kính đề nghị Quý Công ty phối hợp thực hiện một số nội dung như sau:

- Thanh lý Hợp đồng kinh tế số 62/2013/HĐMB ngày 24 tháng 10 năm 2013 giữa Chi nhánh Cty TNHH MTV Phát triển đô thị và khu công nghiệp IDICO tại Hà Nội và Công ty TNHH Khóa Huy Hoàng về việc cung cấp và sử dụng nước sạch của Nhà máy nước Quang Minh.

- Lập Biên bản bù trừ công nợ 03 bên gồm có: Chi nhánh IDICO-URBIZ tại Hà Nội, Công ty TNHH Khóa Huy Hoàng và IDICO-URBIZ về việc đối chiếu, bù trừ toàn bộ các khoản công nợ (nếu có) tại ngày 15/3/2022.

- Ký mới Hợp đồng kinh tế về việc về việc cung cấp và sử dụng nước sạch của Nhà máy nước Quang Minh giữa Công ty TNHH Khóa Huy Hoàng và Công ty TNHH MTV Phát triển đô thị và Khu công nghiệp IDICO, có hiệu lực thực hiện từ ngày 16/3/2022.



Trụ sở: Đường Tôn Đức Thắng KCN Nhon Trạch I, Xã Phước Thiện, Huyện Nhon Trạch, Tỉnh Đồng Nai
Tel: 0613. 560475 ; Fax: 0613. 560477
Email: urbizco@hcm.vnn.vn ; Website: idico-urbiz.vn


Chỉ số đồng hồ đo lưu lượng nước sử dụng của Quý Công ty tại ngày 15/3/2022 được coi là Chỉ số đầu kỳ của Kỳ sử dụng nước tiếp theo bắt đầu từ ngày 16/3/2022, áp dụng cho Hợp đồng kinh tế ký mới giữa Quý Công ty và IDICO-URBIZ.

* Gửi kèm văn bản này là các tài liệu liên quan: Thanh lý Hợp đồng kinh tế số 52/TLHĐKT-NMNQM ngày 15/03/2022, Biên bản đối chiếu bù trừ công nợ 03 bên (nếu có), Hợp đồng kinh tế (kỳ mới).

Rất mong nhận được sự hợp tác của Quý Công ty.

Trân trọng

Nơi nhận:

- Như trên;
- Công ty IDICO-URBIZ (b/cáo)
- Phòng TCKT, KTKH Cty (b/cáo)
- Ptr K.toán CNHN (thiện) 
- Lưu CNHN.



Q. GIÁM ĐỐC
Đỗ An Huy



Trụ sở: Đường Tôn Đức Thắng KCN Nhơn Trạch I, Xã Phước Thiển, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai
Tel: 0613. 560475 ; Fax: 0613. 560477
Email: urbizco@hcm.vnn.vn ; Website: idico-urbiz.vn

CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN
ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP IDICO
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN
ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP IDICO TẠI HÀ NỘI

Số: 10/TB-CNHN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2022

THÔNG BÁO
Về việc giới thiệu chức danh và chữ ký cán bộ

Kính gửi: - Quý Cơ quan, đơn vị;
- Quý khách hàng, đối tác.

Căn cứ Quyết định số 11/QĐ-CT ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Giám đốc Công ty TNHH MTV Phát triển đô thị và khu công nghiệp IDICO (IDICO-URBIZ) về việc giao Ông Đỗ An Huy – Cử nhân kinh tế - Phó Giám đốc Chi nhánh Công ty TNHH MTV Phát triển đô thị và khu công nghiệp IDICO tại Hà Nội nhiệm vụ *Quyền Giám đốc Chi nhánh Công ty TNHH MTV Phát triển đô thị và khu công nghiệp IDICO tại Hà Nội (Chi nhánh Hà Nội)* kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2022.

Chi nhánh Công ty TNHH MTV phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO tại Hà Nội xin trân trọng thông báo chức danh và giới thiệu chữ ký của Ông Đỗ An Huy – *Quyền Giám đốc Chi nhánh Hà Nội* đến quý Cơ quan, khách hàng, đối tác biết để thuận tiện liên hệ và giao dịch công tác.

Chữ ký của Ông Đỗ An Huy – Quyền Giám đốc Chi nhánh Hà Nội

Rất mong nhận được sự hỗ trợ, hợp tác của Quý Cơ quan, khách hàng, đối tác,...

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- Công ty IDICO-URBIZ (b/c);
- Ban GĐCN;
- Phụ trách kế toán, NMN Quang Minh;
- Lưu CNHN.



Q. GIÁM ĐỐC

Đỗ An Huy



Trụ sở: Đường Tôn Đức Thắng, KCN Nhơn Trạch 1, X.Phước Thiện, H.Nhơn Trạch, T. Đồng Nai
Tel: 02513.560475; Fax: 02513.560477
Email: urbizeo@hcm.vnn.vn; Website: idico-urbiz.vn

IDICO-URBIZ

ĐẦU TƯ ĐỂ PHÁT TRIỂN

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP IDICO
IDICO URBAN AND INDUSTRIAL ZONE DEVELOPMENT COMPANY LIMITED

Mã số thuế (Tax code): 3 6 0 0 2 5 7 7 1

Địa chỉ: Đường Tôn Đức Thắng, Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1, Xã Phước Thiện, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai
Address: Ton Duc Thang St., Nhon Trach 1 Industrial Zone, Phuoc Thien Ward, Nhon Trach Dist, Dong Nai Province

Tel: (0251) 3560 475 Fax: (0251) 3560 477 Email: Website:

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)Ký hiệu (Serial): IC25TID
Số (No.): 1711

Ngày (Date) 17 tháng (month) 01 năm (year) 2025

Họ tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company): Công ty TNHH Khóa Huy Hoàng

Mã số thuế (Tax code): 2500242018

Địa chỉ (Address): Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội

Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản Số tài khoản (Account No.):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description of goods, services)	DVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền chưa VAT (Amount not included VAT)	Thuế suất GTGT (VAT Rate)	Tiền thuế GTGT (VAT Amount)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8 = 6 x 7)	(9 = 6 + 8)
1	Nước sử dụng kỳ tháng 01/2025	M3	2.742	16.000	43.872.000	5%	2.193.600	46.065.600
2	Thuê bao đồng hồ đo lưu lượng nước kỳ tháng 01/2025	CÁI	2	90.909	181.818	8%	14.545	196.363
Tổng cộng (Total):					44.053.818		2.208.145	46.261.963

TỔNG HỢP

(Summary)

Hàng hóa chịu thuế suất	Thuế suất (VAT Rate)	Tổng chưa thuế GTGT (Sub total)	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	Giá trị thanh toán (Total)
Hàng hóa chịu thuế suất	5%	43.872.000	2.193.600	46.065.600
Hàng hóa chịu thuế suất	8%	181.818	14.545	196.363
Tổng cộng tiền thanh toán		44.053.818	2.208.145	46.261.963

Số tiền viết bằng chữ: Bốn mươi sáu triệu hai trăm sáu mươi một nghìn chín trăm sáu mươi ba đồng

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Buyer, sign and full name)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Seller, sign and full name)

Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH
VIÊN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG
NGHIỆP IDICO
Ký ngày 17 tháng 01 năm 2025

Trang (page) 1 / 1

(Cần kiểm tra dấu chieu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Mã của cơ quan thuế: 000E00E4106D604688A315624C844027A2

(Hóa đơn Điện tử được tra cứu trực tuyến tại <http://tracuu.evnt.vn>, mã tra cứu: IGLANIWUOI, mã công ty: 3600257771)(Cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Công Ty TNHH Win Tech Solution - MST: 0312303803 - www.win-tech.vn)

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)Ký hiệu (Serial): 1C25TID
Số (No.): 4706

Ngày (Date) 18 tháng (month) 02 năm (year) 2025

Họ tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company): Công ty TNHH Khóa Huy Hoàng

Mã số thuế (Tax code): 2500242018

Địa chỉ (Address): Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội

Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản Số tài khoản (Account No.):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description of goods, services)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền chưa VAT (Amount not included VAT)	Thuế suất GTGT (VAT Rate)	Tiền thuế GTGT (VAT Amount)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8 = 6 x 7)	(9 = 6 + 8)
1	Thuế bao đồng hồ đo lưu lượng nước ký tháng 02/2025	CÁI	2	90.909	181.818	8%	14.545	196.363
2	Nước sử dụng ký tháng 02/2025	M3	2.000	16.000	32.000.000	5%	1.600.000	33.600.000
Tổng cộng (Total):					32.181.818		1.614.545	33.796.363

TỔNG HỢP (Summary)	Thuế suất (VAT Rate)	Tổng chưa thuế GTGT (Sub total)	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	Giá trị thanh toán (Total)
Hàng hóa chịu thuế suất	5%	32.000.000	1.600.000	33.600.000
Hàng hóa chịu thuế suất	8%	181.818	14.545	196.363
Tổng cộng tiền thanh toán		32.181.818	1.614.545	33.796.363

Số tiền viết bằng chữ: Ba mươi ba triệu bảy trăm chín mươi sáu nghìn ba trăm sáu mươi ba đồng

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Buyer, sign and full name)Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Seller, sign and full name)Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH
VIÊN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG
NGHIỆP IDICO
Ký ngày 18 tháng 02 năm 2025

Trang (page) 1 / 1

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Mã của cơ quan thuế: 00BE7E13BC20BB4DB2B36AD51CBB195E0F

(Hóa đơn Điện tử được tra cứu trực tuyến tại <http://truacu.vvat.vn>, mã tra cứu: CSMJTJTUQ6, mã công ty: 3600257771)(Cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Công Ty TNHH Win Tech Solution - MST: 0312303803 - www.win-tech.vn)

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)Ký hiệu (Serial): 1C25TID
Số (No.): 7491

Ngày (Date) 18 tháng (month) 03 năm (year) 2025

Họ tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company): Công ty TNHH Khóa Huy Hoàng

Mã số thuế (Tax code): 2500242018

Địa chỉ (Address): Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội

Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản Số tài khoản (Account No.):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description of goods, services)	DVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền chưa VAT (Amount not included VAT)	Thuế suất GTGT (VAT Rate)	Tiền thuế GTGT (VAT Amount)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8 = 6 x 7)	(9 = 6 + 8)
1	Nước sử dụng kỳ tháng 03/2025	M3	2.843	16.000	45.488.000	5%	2.274.400	47.762.400
2	Thuế bao đóng hồ đo lưu lượng nước kỳ tháng 03/2025	CÁI	2	90.909	181.818	8%	14.545	196.363
Tổng cộng (Total):					45.669.818		2.288.945	47.958.763

TỔNG HỢP (Summary)	Thuế suất (VAT Rate)	Tổng chưa thuế GTGT (Sub total)	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	Giá trị thanh toán (Total)
Hàng hóa chịu thuế suất	5%	45.488.000	2.274.400	47.762.400
Hàng hóa chịu thuế suất	8%	181.818	14.545	196.363
Tổng cộng tiền thanh toán		45.669.818	2.288.945	47.958.763

Số tiền viết bằng chữ: Bốn mươi bảy triệu chín trăm năm mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi ba đồng

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Buyer, sign and full name)Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Seller, sign and full name)Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH
VIÊN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG
NGHIỆP IDICO
Ký ngày 18 tháng 03 năm 2025

Trang (page) 1 / 1

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Mã của cơ quan thuế: 0026EA1CC6E8644E6994A2AE682C632B86

(Hóa đơn Điện tử được tra cứu trực tuyến tại <http://tracu.evat.vn>, mã tra cứu: DUVGKG3Q9G, mã công ty: 3600257771)(Cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Công Ty TNHH Win Tech Solution - MST: 0312303803 - www.win-tech.vn)

IDICO-URBIZ

ĐẦU TƯ ĐỂ PHÁT TRIỂN

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP IDICO
IDICO URBAN AND INDUSTRIAL ZONE DEVELOPMENT COMPANY LIMITED

Mã số thuế (Tax code): 3600257771

Địa chỉ: Đường Tôn Đức Thắng, Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1, Xã Phước Thiện, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai
Address: Ton Duc Thang St., Nhon Trach 1 Industrial Zone, Phuoc Thien Ward, Nhon Trach Dist, Dong Nai Province

Tel: (0251) 3560 475 Fax: (0251) 3560 477 Email: Website:

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)Ký hiệu (Serial): IC25TID
Số (No.): 10750

Ngày (Date) 17 tháng (month) 04 năm (year) 2025

Họ tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company): Công ty TNHH Khóa Huy Hoàng

Mã số thuế (Tax code): 2500242018

Địa chỉ (Address): Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội

Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản Số tài khoản (Account No.):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description of goods, services)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền chưa VAT (Amount not included VAT)	Thuế suất GTGT (VAT Rate)	Tiền thuế GTGT (VAT Amount)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8 = 6 x 7)	(9 = 6 + 8)
1	Thuế bảo đồng hồ đo lưu lượng nước ký tháng 04/2025	CÁI	2	90.909	181.818	8%	14.545	196.363
2	Nước sử dụng ký tháng 04/2025	M3	2.881	16.000	46.096.000	5%	2.304.800	48.400.800
Tổng cộng (Total):					46.277.818		2.319.345	48.597.163

TỔNG HỢP (Summary)	Thuế suất (VAT Rate)	Tổng chưa thuế GTGT (Sub total)	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	Giá trị thanh toán (Total)
Hàng hóa chịu thuế suất	5%	46.096.000	2.304.800	48.400.800
Hàng hóa chịu thuế suất	8%	181.818	14.545	196.363
Tổng cộng tiền thanh toán		46.277.818	2.319.345	48.597.163

Số tiền viết bằng chữ: Bốn mươi tám triệu năm trăm chín mươi bảy nghìn một trăm sáu mươi ba đồng

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Buyer, sign and full name)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Seller, sign and full name)

Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH
VIÊN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG
NGHIỆP IDICO
Ký ngày 17 tháng 04 năm 2025.

Trang (page) 1 / 1

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Mã cơ quan thuế: 001D60AE26E8234881BDC321D5D2A6DDBB

(Hóa đơn Điện tử được tra cứu trực tuyến tại http://tracu.evnt.vn, mã tra cứu: LUWSUKCIDV, mã công ty: 3600257771)

(Cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Công Ty TNHH Win Tech Solution - MST: 0312303803 - www.win-tech.vn)

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)Ký hiệu (Serial): 1C25TID
Số (No.): 13781

Ngày (Date) 19 tháng (month) 05 năm (year) 2025

Họ tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company): Công ty TNHH Khóa Huy Hoàng

Mã số thuế (Tax code): 2500242018

Địa chỉ (Address): Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội

Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản Số tài khoản (Account No.):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description of goods, services)	DVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền chưa VAT (Amount not included VAT)	Thuế suất GTGT (VAT Rate)	Tiền thuế GTGT (VAT Amount)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8 = 6 x 7)	(9 = 6 + 8)
1	Nước sử dụng kỳ tháng 05/2025	M3	2.907	16.000	46.512.000	5%	2.325.600	48.837.600
2	Thuế bao đồng hồ đo lưu lượng nước kỳ tháng 05/2025	CÁI	2	90.909	181.818	8%	14.545	196.363
Tổng cộng (Total):					46.693.818		2.340.145	49.033.963

TỔNG HỢP
(Summary)Thuế suất
(VAT Rate)Tổng chưa thuế GTGT
(Sub total)Tiền thuế GTGT
(VAT amount)Giá trị thanh toán
(Total)

Hàng hóa chịu thuế suất	5%	46.512.000	2.325.600	48.837.600
Hàng hóa chịu thuế suất	8%	181.818	14.545	196.363
Tổng cộng tiền thanh toán		46.693.818	2.340.145	49.033.963

Số tiền viết bằng chữ: Bốn mươi chín triệu không trăm ba mươi ba nghìn chín trăm sáu mươi ba đồng

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Buyer, sign and full name)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Seller, sign and full name)

Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH
VIÊN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG
NGHIỆP IDICO
Ký ngày 19 tháng 05 năm 2025

Trang (page) 1 / 1

(Cần kiểm tra dấu chẵn khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Mã của cơ quan thuế: 009D946C646DAB4D9D9B440A2A990C57

(Hóa đơn Điện tử được tra cứu trực tuyến tại http://tracu.vvat.vn, mã tra cứu: CYDN4ABFRR, mã công ty: 3600257771)

(Cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Công Ty TNHH Win Tech Solution - MST: 0312303803 - www.win-tech.vn)



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP IDICO

Mã số thuế (Tax code): 3600257771

Địa chỉ (Address): Đường Tôn Đức Thắng, Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 1, Xã Phước Thiện, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 02513560475

Fax: 02513560477

Email: ketoan@idico.vn

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C25TUB

Số (No.): 00000231

Ngày (Date) 18 tháng (month) 06 năm (year) 2025

Mã QCT (Code): 00829B4710D01C4833ACFF05A1D55207CC

Họ tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company's name): Công ty TNHH Khóa Huy Hoàng

Mã số thuế (Tax code): 2500242018

MSĐVCQHVS (Budgetary unit code):

Địa chỉ (Address): Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội

Căn cước công dân (Citizen identification):

Số hộ chiếu (Passport number):

Phương thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản

Số tài khoản (Bank account):

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods and services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)	Thuế suất GTGT (VAT rate)	Tiền thuế GTGT (VAT Amount)
1	Nước sử dụng kỳ tháng 06/2025	m3	3.073,00	16.000,00	49.168.000	5%	2.458.400
2	Thuê bao đồng hồ đo lưu lượng nước kỳ tháng 06/2025	Cái	2,00	90.909,09	181.818	8%	14.545
Tổng hợp (In summary)					Thành tiền trước thuế GTGT (Total before VAT)	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	Cộng tiền thanh toán (Total amount)
Không chịu thuế GTGT (VAT exemption):							
Thuế suất 0% (VAT rate 0%):							
Thuế suất 5% (VAT rate 5%):					49.168.000	2.458.400	51.626.400
Thuế suất 8% (VAT rate 8%):					181.818	14.545	196.363
Thuế suất 10% (VAT rate 10%):							
Tổng cộng (Total):					49.349.818	2.472.945	51.822.763
Số tiền viết bằng chữ (Total amount in words): Năm mươi một triệu tám trăm hai mươi hai nghìn bảy trăm sáu mươi ba đồng.							

Người mua hàng (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(Digital signature (if any))

Người bán hàng (Seller)

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

(E-signature, Digital signature)

Signature Valid

Ký bởi (Signed By): CÔNG TY TNHH

MỘT THÀNH VIÊN

PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ

VÀ KHU CÔNG

NGHIỆP IDICO

Ký ngày (Signing Date): 18/06/2025

Tra cứu tại Website (Search in website): <https://www.meinvoice.vn/tra-cuu> - Mã tra cứu (Invoice code): 4RHWSNJKAKBG

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) (You need to check invoice when issuing, delivering and receiving)

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C25TUB

Số (No.): 00004578

Ngày (Date) 17 tháng (month) 07 năm (year) 2025

Mã QGT (Code): 00C43D5329A45E42F3A290831CC15EDEAC

Họ tên người mua hàng (Buyer):

Mã số thuế (Tax code): 2500242018

MSDVCQHVN (Budgetary unit code):

Tên đơn vị (Company's name): Công ty TNHH Khóa Huy Hoàng

Địa chỉ (Address): Lô 38D, Khu Công nghiệp Quang Minh, Xã Quang Minh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Căn cước công dân (Citizen identification):

Số hộ chiếu (Passport number):

Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản

Số tài khoản (Bank account):

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods and services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)	Thuế suất GTGT (VAT rate)	Tiền thuế GTGT (VAT Amount)
1	Nước sử dụng kỳ tháng 07/2025	m3	2.322,00	16.000,00	37.152.000	5%	1.857.600
2	Thuê bao đồng hồ đo lưu lượng nước kỳ tháng 07/2025	Tháng	2,00	90.909,00	181.818	8%	14.545
Tổng hợp (In summary)					Thành tiền trước thuế GTGT (Total before VAT)	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	Cộng tiền thanh toán (Total amount)
Không chịu thuế GTGT (VAT exemption):							
Thuế suất 0% (VAT rate 0%):							
Thuế suất 5% (VAT rate 5%):					37.152.000	1.857.600	39.009.600
Thuế suất 8% (VAT rate 8%):					181.818	14.545	196.363
Thuế suất 10% (VAT rate 10%):							
Tổng cộng (Total):					37.333.818	1.872.145	39.205.963

Số tiền viết bằng chữ (Total amount in words): Ba mươi chín triệu hai trăm linh năm nghìn chín trăm sáu mươi ba đồng.

Người mua hàng (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(Digital signature (if any))

Người bán hàng (Seller)

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

(E-signature, Digital signature)

Signature Valid

Ký bởi (Signed By): CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ
VÀ KHU CÔNG NGHIỆP IDICO

Ký ngày (Signing Date): 17/07/2025

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): IC25TUB

Số (No.): 00007342

Ngày (Date) 18 tháng (month) 08 năm (year) 2025

Mã QGT (Code): 00CF616A83F7C449169DBFE3C2A7298939

Họ tên người mua hàng (Buyer):

Mã số thuế (Tax code): 2500242018

MSDVCQHVNS (Budgetary unit code):

Tên đơn vị (Company's name): Công ty TNHH Khóa Huy Hoàng

Địa chỉ (Address): Lô 38D, Khu Công nghiệp Quang Minh, Xã Quang Minh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Căn cước công dân (Citizen identification):

Số hộ chiếu (Passport number):

Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản

Số tài khoản (Bank account):

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods and services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)	Thuế suất GTGT (VAT rate)	Tiền thuế GTGT (VAT Amount)
1	Nước sử dụng kỳ tháng 08/2025	m3	3.332,00	16.000,00	53.312.000	5%	2.665.600
2	Thuê bao đồng hồ đo lưu lượng nước kỳ tháng 08/2025	Cái/tháng	2,00	90.909,00	181.818	8%	14.545
Tổng hợp (In summary)			Thành tiền trước thuế GTGT (Total before VAT)		Tiền thuế GTGT (VAT amount)	Cộng tiền thanh toán (Total amount)	
Không chịu thuế GTGT (VAT exemption):							
Thuế suất 0% (VAT rate 0%):							
Thuế suất 5% (VAT rate 5%):					53.312.000	2.665.600	55.977.600
Thuế suất 8% (VAT rate 8%):					181.818	14.545	196.363
Thuế suất 10% (VAT rate 10%):							
Tổng cộng (Total):					53.493.818	2.680.145	56.173.963

Số tiền viết bằng chữ (Total amount in words): Năm mươi sáu triệu một trăm bảy mươi ba nghìn chín trăm sáu mươi ba đồng.

Người mua hàng (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(Digital signature (if any))

Người bán hàng (Seller)

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

(E-signature, Digital signature)

Signature Valid

Ký bởi (Signed By): CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ
VÀ KHU CÔNG NGHIỆP IDICO

Ký ngày (Signing Date): 18/08/2025

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C25TUB

Số (No.): 00009989

Ngày (Date) 17 tháng (month) 09 năm (year) 2025

Mã CQT (Code): 00A633633092154A2FB5E0D720F510FFB3

Họ tên người mua hàng (Buyer):

Mã số thuế (Tax code): 2500242018

MSĐVCQHVNS (Budgetary unit code):

Tên đơn vị (Company's name): Công ty TNHH Khóa Huy Hoàng

Địa chỉ (Address): Lô 38D, Khu Công nghiệp Quang Minh, Xã Quang Minh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Căn cước công dân (Citizen identification):

Số hộ chiếu (Passport number):

Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản

Số tài khoản (Bank account):

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods and services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)	Thuế suất GTGT (VAT rate)	Tiền thuế GTGT (VAT Amount)
	Nước sử dụng kỳ tháng 09/2025	m ³	2.711,00	16.000,00	43.376.000	5%	2.168.800
2	Thuế bao đồng hồ đo lưu lượng nước kỳ tháng 09/2025	Cái	2,00	90.909,00	181.818	8%	14.545
Tổng hợp (In summary)			Thành tiền trước thuế GTGT (Total before VAT)		Tiền thuế GTGT (VAT amount)	Cộng tiền thanh toán (Total amount)	
Không chịu thuế GTGT (VAT exemption):							
Thuế suất 0% (VAT rate 0%):							
Thuế suất 5% (VAT rate 5%):					43.376.000	2.168.800	45.544.800
Thuế suất 8% (VAT rate 8%):					181.818	14.545	196.363
Thuế suất 10% (VAT rate 10%):							
Tổng cộng (Total):					43.557.818	2.183.345	45.741.163

Số tiền viết bằng chữ (Total amount in words): Bốn mươi lăm triệu bảy trăm bốn mươi một nghìn một trăm sáu mươi ba đồng.

Người mua hàng (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(Digital signature (if any))

Người bán hàng (Seller)

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

(E-signature, Digital signature)

Signature Valid

Ký bởi (Signed By): CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ
VÀ KHU CÔNG NGHIỆP IDICO

Ký ngày (Signing Date): 17/09/2025

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C25TUB

Số (No.): 00012224

Ngày (Date) 17 tháng (month) 10 năm (year) 2025

Mã QGT (Code): 00492892AB066C4E1E9A7782073A82DF6C

Họ tên người mua hàng (Buyer):

Mã số thuế (Tax code): 2500242018

MSĐVCQHVN (Budgetary unit code):

Tên đơn vị (Company's name): Công ty TNHH Khóa Huy Hoàng

Địa chỉ (Address): Lô 38D, Khu Công nghiệp Quang Minh, Xã Quang Minh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Căn cước công dân (Citizen identification):

Số hộ chiếu (Passport number):

Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản

Số tài khoản (Bank account):

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods and services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)	Thuế suất GTGT (VAT rate)	Tiền thuế GTGT (VAT Amount)
1	Nước sử dụng kỳ tháng 10/2025	m3	2.532,00	16.000,00	40.512.000	5%	2.025.600
2	Thuê bao đồng hồ đo lưu lượng nước kỳ tháng 10/2025	Cái	2,00	90.909,00	181.818	8%	14.545
Tổng hợp (In summary)			Thành tiền trước thuế GTGT (Total before VAT)		Tiền thuế GTGT (VAT amount)	Cộng tiền thanh toán (Total amount)	
Không chịu thuế GTGT (VAT exemption):							
Thuế suất 0% (VAT rate 0%):							
Thuế suất 5% (VAT rate 5%):					40.512.000	2.025.600	42.537.600
Thuế suất 8% (VAT rate 8%):					181.818	14.545	196.363
Thuế suất 10% (VAT rate 10%):							
Tổng cộng (Total):					40.693.818	2.040.145	42.733.963

Số tiền viết bằng chữ (Total amount in words): Bốn mươi hai triệu bảy trăm ba mươi ba nghìn chín trăm sáu mươi ba đồng.

Người mua hàng (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(Digital signature (if any))

Người bán hàng (Seller)

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

(E-signature, Digital signature)

Signature Valid

Ký bởi (Signed By): CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ
VÀ KHU CÔNG NGHIỆP IDICO

Ký ngày (Signing Date): 17/10/2025

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C25TUB

Số (No.): 00015824

Ngày (Date) 17 tháng (month) 11 năm (year) 2025

Mã QGT (Code): 000A43F5660FAB4F748B3B1DF6D4364459

Họ tên người mua hàng (Buyer):

Mã số thuế (Tax code): 2500242018

MSDVCQHVNS (Budgetary unit code):

Tên đơn vị (Company's name): Công ty TNHH Khóa Huy Hoàng

Địa chỉ (Address): Lô 38D, Khu Công nghiệp Quang Minh, Xã Quang Minh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Căn cước công dân (Citizen identification):

Số hộ chiếu (Passport number):

Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản

Số tài khoản (Bank account):

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods and services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)	Thuế suất GTGT (VAT rate)	Tiền thuế GTGT (VAT Amount)
1	Nước sử dụng kỳ tháng 11/2025	m ³	2.817,00	16.000,00	45.072.000	5%	2.253.600
2	Thuế bao đồng hồ đo lưu lượng nước kỳ tháng 11/2025	Cái	2,00	90.909,00	181.818	8%	14.545
Tổng hợp (In summary)			Thành tiền trước thuế GTGT (Total before VAT)		Tiền thuế GTGT (VAT amount)	Cộng tiền thanh toán (Total amount)	
Không chịu thuế GTGT (VAT exemption):							
Thuế suất 0% (VAT rate 0%):							
Thuế suất 5% (VAT rate 5%):					45.072.000	2.253.600	47.325.600
Thuế suất 8% (VAT rate 8%):					181.818	14.545	196.363
Thuế suất 10% (VAT rate 10%):							
Tổng cộng (Total):			45.253.818		2.268.145	47.521.963	

Số tiền viết bằng chữ (Total amount in words): Bốn mươi bảy triệu năm trăm hai mươi một nghìn chín trăm sáu mươi ba đồng.

Người mua hàng (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(Digital signature (if any))

Người bán hàng (Seller)

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

(E-signature, Digital signature)

Signature Valid

Ký bởi (Signed By): CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ
VÀ KHU CÔNG NGHIỆP IDICO

Ký ngày (Signing Date): 17/11/2025

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C25TUB

Số (No.): 00018131

Ngày (Date) 17 tháng (month) 12 năm (year) 2025

Mã CQT (Code): 002B79C668D0EA467B9082F60E92C2D948

Họ tên người mua hàng (Buyer):

Mã số thuế (Tax code): 2500242018

MSDVCQHVNS (Budgetary unit code):

Tên đơn vị (Company's name): Công ty TNHH Khóa Huy Hoàng

Địa chỉ (Address): Lô 38D, Khu Công nghiệp Quang Minh, Xã Quang Minh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Căn cước công dân (Citizen identification):

Số hộ chiếu (Passport number):

Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản

Số tài khoản (Bank account):

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods and services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)	Thuế suất GTGT (VAT rate)	Tiền thuế GTGT (VAT Amount)
1	Nước sử dụng kỳ tháng 12/2025	m3	3.271,00	16.000,00	52.336.000	5%	2.616.800
2	Thuê bao đồng hồ đo lưu lượng nước kỳ tháng 12/2025	Cái	2,00	90.909,00	181.818	8%	14.545
Tổng hợp (In summary)			Thành tiền trước thuế GTGT (Total before VAT)		Tiền thuế GTGT (VAT amount)	Cộng tiền thanh toán (Total amount)	
Không chịu thuế GTGT (VAT exemption):							
Thuế suất 0% (VAT rate 0%):							
Thuế suất 5% (VAT rate 5%):					52.336.000	2.616.800	54.952.800
Thuế suất 8% (VAT rate 8%):					181.818	14.545	196.363
Thuế suất 10% (VAT rate 10%):							
Tổng cộng (Total):					52.517.818	2.631.345	55.149.163

Số tiền viết bằng chữ (Total amount in words): Năm mươi lăm triệu một trăm bốn mươi chín nghìn một trăm sáu mươi ba đồng.

Người mua hàng (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(Digital signature (if any))

Người bán hàng (Seller)

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

(E-signature, Digital signature)

Signature Valid

Ký bởi (Signed By): CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ
VÀ KHU CÔNG NGHIỆP IDICO

Ký ngày (Signing Date): 17/12/2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----o0o-----

HỢP ĐỒNG MUA BÁN ĐIỆN

Giữa

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC
(Bên bán điện)

và

CÔNG TY TNHH KHOÁ HUY HOÀNG
(Bên mua điện)

Số hợp đồng: 23 / 000125



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA BÁN ĐIỆN

Mục đích sử dụng điện: Sản xuất khóa cửa

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực;

Căn cứ các Thông tư, Quy định, Quy trình, Quy phạm quản lý và sử dụng điện hiện hành;

Căn cứ hồ sơ đề nghị ký hợp đồng mua bán điện ngày 28/9/2023 của Công ty TNHH Khoá Huy Hoàng và khả năng cung cấp điện của Công ty Cổ phần Điện lực Miền Bắc.

Hôm nay, ngày 30/09/2023, tại Công ty Cổ phần Điện lực Miền Bắc, Chúng tôi gồm:

I. BÊN BÁN ĐIỆN: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

- Đại diện là Ông: **Phạm Đức Thắng** Chức vụ: **Phó Giám đốc**

(Theo giấy uỷ quyền số: 68 ngày 20 tháng 6 năm 2008 của Giám đốc Công ty Cổ phần Điện lực Miền Bắc)

- Địa chỉ: **Số 10S1 - KĐT Hà Tiên - P. Liên Bảo - TP. Vĩnh Yên - T. Vĩnh Phúc**

- Điện thoại: **0211 2211 888** Fax: **0211 3710 509**

- Tài khoản: **112000034683** tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Minh - Mê Linh - Hà Nội hoặc tài khoản số: **42710000037716** tại Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam - Chi nhánh Quang Minh - Mê Linh - Hà Nội

- Mã số thuế: **2500292749**

II. BÊN MUA ĐIỆN: CÔNG TY TNHH KHOÁ HUY HOÀNG

- Đại diện là Ông: **Nguyễn Quang Huy** Chức vụ: **Tổng Giám đốc**

- Địa chỉ: **Lô 38D, KCN Quang Minh, Thị trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**

- Điện thoại: **0242 021 4391** Fax: **0243 525 0145**

- Tài khoản số: **118000021472** tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên

- Mã số thuế: **2500242018**

Bên bán điện đồng ý bán điện và Bên mua điện đồng ý mua điện. Hai bên thoả thuận thống nhất ký kết hợp đồng mua bán điện với những điều khoản như sau:

Điều 1. Nội dung cụ thể

1. Hai bên thống nhất ký kết Hợp đồng này và áp dụng CÁC ĐIỀU KHOẢN CỤ THỂ, CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG kèm theo Hợp đồng này. Các Phụ lục kèm theo là bộ phận không tách rời và có hiệu lực theo hiệu lực của Hợp đồng này.

2. Mua bán điện năng:

Địa điểm sử dụng điện, mục đích sử dụng điện, điểm đấu nối cấp điện, điểm đo đếm điện, ngày ghi chỉ số công tơ, giá điện, chế độ sử dụng điện và các nội dung khác được ghi chi tiết tại phần CÁC ĐIỀU KHOẢN CỤ THỂ của Hợp đồng này.

3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng:

a) Không bảo đảm thực hiện hợp đồng

b) Có bảo đảm thực hiện hợp đồng Số tiền đồng.

4. Hình thức và thời hạn thanh toán tiền điện, tiền mua công suất phản kháng, tiền bồi thường, tiền phạt vi phạm hợp đồng:

a) Hình thức thanh toán:

Chuyển khoản Tiền mặt Hình thức khác:

- Thông tin chuyển khoản:

+ Tài khoản: **112000034683** tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Minh - Mê Linh - Hà Nội hoặc tài khoản số: **42710000037716** tại Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam - Chi nhánh Quang Minh - Mê Linh- Hà Nội.

+ Đơn vị thụ hưởng: Công ty Cổ phần Điện lực miền Bắc.

- Địa chỉ nộp tiền mặt: P303 tòa nhà Licogi 18, km9 đường Bắc Thăng Long-Nội Bài, TT Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội.

b) Thời hạn thanh toán: Không quá 03 ngày kể từ ngày Bên bán điện thông báo thanh toán lần đầu.

5. Hình thức thông báo, nhận hóa đơn điện tử.

a) Thanh toán tiền điện, tiền bồi thường, tiền phạt vi phạm hợp đồng bằng một trong các hình thức: Văn bản, điện thoại, tin nhắn, email hoặc các phương tiện thông tin đại chúng.

b) Tạm ngừng, giảm cung cấp điện: Bằng một trong các hình thức: Văn bản, điện thoại, tin nhắn, email hoặc các phương tiện thông tin đại chúng.

c) Thông báo, trao đổi thông tin trong quá trình thực hiện Hợp đồng:

Số ĐT nhận tin nhắn : Email :

Hình thức khác: Điện thoại, Văn bản, tin nhắn, email

d) Tra cứu, tải về thông báo thanh toán tiền điện, bảng kê chi tiết và hóa đơn điện tử:

Bên mua điện có thể tra cứu, tải về thông báo thanh toán tiền điện lần 1 và bảng kê chi tiết được Bên Bán điện đăng tải trên Website: <http://tracuuhd.dienlucmienbac.vn> vào các ngày chốt chỉ số điện năng.

Sau khi thanh toán tiền điện phát sinh của kỳ ghi chỉ số, Bên mua điện có thể tra cứu và tải về hóa đơn điện tử tại Website: <http://tracnuhd.dienlucmienbac.vn>

Tài khoản đăng nhập như sau:

- Tên đăng nhập: <Mã KH> (Mã KH đang được thể hiện trên bảng kê chi tiết hóa đơn tiền điện)

- Mật khẩu: <Mã KH>

(Lưu ý: Viết đúng chữ in hoa, in thường, dấu gạch ngang)

Điều 2. Những thỏa thuận khác

2.1. Bên mua điện cần trang bị nguồn điện dự phòng để tự cấp điện trong trường hợp lưới điện bị sự cố gây mất điện đột xuất hoặc dao động điện áp lớn.

2.2. Trường hợp xác định lượng điện năng còn thiếu do sự cố hệ thống đo đếm hoặc các nguyên nhân khác mà không phải do lỗi của bên nào thì căn cứ vào tình hình thực tế, hai bên cùng nhau xem xét tính toán lượng điện năng còn thiếu và Bên mua điện có trách nhiệm thanh toán cho Bên bán điện số tiền điện còn thiếu đó.

+ Trường hợp hệ đếm điện bị mất hoặc hư hỏng do lỗi của Bên mua điện thì Bên mua điện phải:

- Bồi thường phần tiền điện sử dụng trong thời gian hệ thống đếm điện bị mất hoặc hư hỏng.

- Bồi thường phần giá trị (kể cả tiền công) để Bên bán điện khôi phục lại hệ thống đếm điện.

- Và thực hiện các bồi thường khác theo quy định của pháp luật.

2.3. Khi bên mua điện làm việc hoặc thao tác đóng cắt điện mang điện áp 22kV là tài sản của bên mua điện thì phải đăng ký với Bên bán điện theo quy định của ngành điện về quy trình kỹ thuật an toàn điện. Trong trường hợp bên mua điện tự ý làm mà không đăng ký với Bên bán điện thì được coi là vi phạm hợp đồng mua bán điện. Nếu để xảy ra mất an toàn thì bên mua điện phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và các đơn vị liên quan.

2.4. Nếu bên mua điện sử dụng công suất trung bình nhỏ hơn 60% công suất định mức của máy biến áp thì trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày Bên bán điện gửi thông báo, bên mua điện phải có trách nhiệm thay máy biến áp có công suất nhỏ hơn công suất máy biến áp hiện có đảm bảo phù hợp công suất sử dụng thực tế để tránh tình trạng máy biến áp làm việc trong tình trạng non tải gây tổn thất điện năng và ảnh hưởng đến chất lượng hệ thống điện.

Trong thời gian Bên mua điện chưa có điều kiện để thay máy biến áp, Bên bán điện sẽ tính toán chi phí tổn hao non tải máy biến áp, Bên mua điện chịu chi phí đó. Chi phí cụ thể hai bên thực hiện ở hợp đồng kinh tế khác.

2.5. Do kết cấu nguồn và lưới điện nên điện áp thực tế trong điều kiện bình thường sẽ dao động từ (+5; -10%)Udm. Trong điều kiện sự cố hệ thống điện, điện áp dao động ngoài giới hạn trên, Bên mua điện cần báo cho Bên bán điện biết để hai bên tìm giải pháp khắc phục trong thời gian sớm nhất để đảm bảo chất lượng điện cung cấp như đã thỏa thuận ở hợp đồng này.

2.6. Các nội dung khác có liên quan đến hoạt động mua bán điện giữa hai bên không nêu trong hợp đồng này sẽ được thực hiện theo quy định của Pháp luật.

2.7. Không tự ý thay đổi phương thức cấp điện giữa các điểm đo đếm điện. Không tự ý cấp điện cho tổ chức, cá nhân sử dụng điện khác qua công trình điện của mình mà không được sự thoả thuận đồng ý bằng văn bản của bên bán điện; Không đóng, cắt, sửa chữa, di chuyển các thiết bị và công trình lưới điện của bên bán điện;

2.8. Không được tự ý tháo gỡ, di chuyển hệ thống đo đếm điện. Khi có nhu cầu di chuyển hệ thống đo đếm điện phải được sự đồng ý của Bên bán điện và phải chịu toàn bộ chi phí cho việc di chuyển. Nếu hệ thống đo đếm điện bị hư hỏng do lỗi chủ quan của Bên mua điện thì Bên mua điện phải chịu trách nhiệm.

2.9. Bên mua điện có trách nhiệm bảo vệ sự nguyên vẹn của hệ thống đo đếm điện. Trường hợp công tơ điện bị mất phải bồi thường.

2.10. Bên mua điện có trách nhiệm đăng ký biểu đồ công suất sử dụng điện thực tế cho Bên bán điện theo từng giai đoạn phát triển phụ tải.

2.11. Khi có yêu cầu về tiết giảm công suất thì Bên mua điện sẽ thực hiện việc tiết giảm theo các mức tiết giảm công suất theo yêu cầu của bên bán điện.

2.12. Trường hợp phát sinh tranh chấp các bên sẽ thương lượng tự giải quyết trên tinh thần hợp tác nhưng không trái qui định của pháp luật. Trường hợp không tự thương lượng được, trong thời gian chờ bên thứ ba giải quyết, bên cung cấp điện tạm ngừng quyền nghĩa vụ và mọi hoạt động của mình có liên quan với bên kia và không bị coi là vi phạm Hợp đồng mua bán điện.

Điều 3. Thời hạn và hiệu lực của Hợp đồng:

3.1. Trừ khi được gia hạn hoặc chấm dứt trước thời hạn Hợp đồng theo các điều khoản của Hợp đồng, thời hạn của Hợp đồng: Từ ngày 30/09/2023 đến ngày 11/03/2026.

3.2. Việc sửa đổi, bổ sung Hợp đồng được thực hiện bằng cách ký kết Phụ lục sửa đổi, bổ sung. Phụ lục sửa đổi, bổ sung của Hợp đồng là một bộ phận không tách rời với Hợp đồng này. Nếu Phụ lục sửa đổi, bổ sung Hợp đồng có những điều khoản trái với điều khoản trong Hợp đồng này thì điều khoản đó trong Hợp đồng này đã được sửa đổi.

3.3. Hợp đồng này được lập thành 02 bản có giá trị như nhau, Bên bán điện giữ 01 bản, Bên mua điện giữ 01 bản./.



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Quang Huy



TRƯỞNG GIÁM ĐỐC
Phạm Đức Cường

CÁC ĐIỀU KHOẢN THỎA THUẬN CỤ THỂ

Kèm theo hợp đồng mua bán điện

Số:

2	3
---	---

 /

0	0	0	1	2	5
---	---	---	---	---	---

1. Địa điểm dùng điện: Công ty TNHH Khoá Huy Hoàng - KCN Quang Minh - Mê Linh - Hà Nội.

2. Sử dụng điện vào mục đích: Sản xuất khóa cửa

3. Điểm đấu dây cấp điện: Cột số 71 lộ 477E1.36 KCN Quang Minh

4. Điện áp: Bên bán điện cung cấp cho Bên mua điện theo chất lượng điện của hệ thống lưới điện Quốc gia tại địa điểm sử dụng điện của Bên mua. Trong điều kiện bình thường: ($U_{đm} \pm 5\%$) kV tại vị trí đặt hệ thống đo đếm điện năng khi bên mua đạt hệ số công suất $\cos\phi \geq 0,9$ và thực hiện đúng biểu đồ phụ tải đã thoả thuận trong hợp đồng này.

- Trường hợp lưới điện chưa ổn định sau sự cố: Điện áp cao nhất ($U_{đm} + 5\%$)kV; điện áp thấp nhất ($U_{đm} - 10\%$)kV.

- Trường hợp điện áp có dao động ngoài giới hạn trên Bên mua điện cần báo cho Bên bán điện biết, hai bên trao đổi để tìm phương án khắc phục tạm thời, Bên mua điện tự điều chỉnh lưới điện hạ áp của mình cho phù hợp với thiết bị bằng cách đổi nấc phân áp tại máy biến áp phân phối.

- Bên mua điện lắp đặt thiết bị bảo vệ mất pha để bảo vệ phụ tải của Bên mua điện khi có sự cố mất pha xảy ra.

5. Tần số: Trong điều kiện bình thường, độ lệch tần số hệ thống điện cho phép trong phạm vi $\pm 0,2\text{Hz}$ so với tần số danh định 50Hz. Trường hợp sự cố, độ lệch tần số cho phép là $\pm 0,5\text{ Hz}$.

6. Sóng hài: Độ biến dạng điện áp cho phép do sóng hài đối với cấp điện áp trung áp là 6,5%.

7. Bên mua điện đăng ký sử dụng điện (Trong điều kiện sản xuất bình thường) theo biểu đồ phụ tải với các thông số cơ bản sau:

- Công suất sử dụng trung bình ngày P_{tb} đạt 400kW;
- Công suất sử dụng lớn nhất trong ngày P_{max} đạt 450kW;
- Công suất sử dụng nhỏ nhất trong ngày P_{min} đạt 50kW;
- Công suất sử dụng lớn nhất trong giờ cao điểm ngày từ 9h30 đến 11h30: P_{cd} đạt 450kW;
- Công suất sử dụng lớn nhất trong giờ cao điểm tối từ 17h00 đến 20h00: P_{cd} đạt 50kW;
- Điện năng sử dụng trung bình một tháng: A_{tb} đạt 109.320kWh/tháng;

Các phương án giảm mức sử dụng điện là chế độ sử dụng điện khi hệ thống điện Quốc gia bị thiếu nguồn. Tùy theo mức độ thiếu công suất của hệ thống, Bên bán điện sẽ thông báo mức giảm cụ thể để Bên mua điện thực hiện.

Biểu đồ phụ tải điển hình, hoặc các biên bản thỏa thuận công suất sử dụng trong giờ cao điểm, giờ bình thường, giờ thấp điểm; các phương án giảm mức sử dụng điện;

Trường hợp đặc biệt khi thiếu nguồn: Biểu đồ phụ tải khi thiếu nguồn Bên mua điện giảm công suất 30%, 50%, 70% so với biểu đồ phụ tải đã đăng ký khi Bên bán điện có yêu cầu.

8. Điểm đo đếm điện năng thực hiện mua bán điện

- Mã điểm đo: NPC01_11201

- Điểm đặt đo đếm: Đặt tại đầu cực 0,4kV máy biến áp 630kVA-22/0,4kV thuộc khu vực Bên mua điện quản lý.

- Công tơ điện tử nhiều biểu giá, Cấp chính xác 0,5. Trên màn hình công tơ có hiện thị U và I

- Máy biến dòng điện (TI): Cấp chính xác 0,5. Tỷ số (Sơ cấp/Thứ cấp): 600/5A.

- Hệ số nhân của hệ thống đo đếm: **120lần (Một trăm hai mươi lần).**

Trách nhiệm bảo vệ niêm phong, tài sản của hệ thống đo đếm điện năng thuộc về Bên mua điện. Mọi sự thay đổi liên quan đến hệ thống niêm phong phải được sự đồng ý và chứng kiến đại diện của hai bên mua bán điện.

Trách nhiệm quản lý kỹ thuật hệ thống đo đếm điện năng thuộc về Bên bán điện.

Các Bên có trách nhiệm bảo vệ, quản lý hệ thống đo đếm điện năng khi bị mất hoặc bị hỏng thì phải thông báo kịp thời cho Bên kia biết để cùng giải quyết.

9. Trường hợp công tơ điện, hệ thống đo đếm điện bị mất hoặc hư hỏng gây mất điện thì phải lập biên bản để xác định nguyên nhân và trách nhiệm của các bên có liên quan để cấp điện trở lại.

10. Ghi chỉ số điện năng:

10.1. Kỳ ghi chỉ số điện năng: Căn cứ các quy định hiện hành và sản lượng điện tiêu thụ thực tế của Bên mua điện. Bên bán điện sẽ thực hiện ghi chỉ số điện năng 01 kỳ vào ngày 12 hàng tháng hoặc 03 kỳ vào các ngày 02, 12, 22 hàng tháng, có thể ghi trước hoặc sau 01 đến 02 ngày nếu trùng với ngày nghỉ lễ hoặc có kế hoạch đột xuất.

10.2. Phương thức ghi chỉ số điện năng:

- Ghi trực tiếp hoặc ghi từ xa qua “Hệ thống quản lý đo đếm điện từ xa AMI.ONE”. Dữ liệu công tơ được thu thập và tải lên Website: <http://mbpc.amione.vn>.

- Bên mua điện có thể đăng nhập vào Website trên với tài khoản (*Lưu ý: Viết đúng chữ in hoa, in thường, dấu gạch ngang như ở dưới đây*)

+ Tên tài khoản: NPC01_112

+ Mật khẩu: 123456@A

- Vào các ngày ghi chỉ số điện năng hàng kỳ theo lịch trên, Bên bán điện thực hiện chốt chỉ số điện năng tại các điểm đo đếm điện năng đang thực hiện mua bán điện qua “Hệ thống quản lý đo đếm điện từ xa AMI.ONE” vào thời điểm lúc 08h30’. Chỉ số chốt này sẽ được lưu lại trên hệ thống. Bên mua điện thực hiện truy cập vào Website với tài khoản đăng nhập như ở trên để kiểm tra, giám sát chỉ số, thông số của công tơ điện.

- Trường hợp, lỗi hệ thống hoặc lỗi đường truyền dẫn tới việc không chốt chỉ số được vào lúc 08h30’ thì Bên mua điện sẽ chốt chỉ số vào thời điểm khác gần thời điểm chốt lúc 8h30’ nhất có thể, ưu tiên lấy sau thời điểm chốt.

11. Giá bán điện do Chính phủ quy định, áp dụng từ ngày 04/5/2023 theo biểu sau:

Mục đích sử dụng điện	Cấp điện áp đo đếm điện năng	Tỷ lệ % hoặc kWh	Giá bán điện chưa có thuế VAT (đ/kWh)		
			Giờ bình thường	Giờ cao điểm	Giờ thấp điểm
1- Sản xuất	0,4kV (Dưới 6kV)	100%	1.738	3.171	1.133

Từ thứ 2 đến thứ 7: Giờ bình thường: (4h÷9h30'; 11h30÷17h; 20h÷22h), Giờ cao điểm: (9h30'÷11h30'; 17h÷20h) Giờ thấp điểm: (22h ÷ 4h ngày hôm sau)

Ngày chủ nhật không có giờ cao điểm; Giờ bình thường: (4h÷22h); Giờ thấp điểm: (22h-04h sáng hôm sau).

- Các biên bản xác định tỷ lệ % điện năng hoặc lượng điện năng theo đối tượng áp dụng giá bán điện được lưu kèm theo hợp đồng này.

12. Mua bán công suất phản kháng: Thực hiện theo các quy định của Nhà nước. Việc mua bán công suất phản kháng của Bên mua điện được áp dụng theo Nghị định số 137/2013/NĐ - CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực và Thông tư hướng dẫn mua, bán công suất phản kháng số 15/2014/TT-BCT của Bộ Công thương ngày 28/5/2014.

Phương pháp xác định giá trị mua bán điện năng phản kháng được ghi tại Phụ lục I của hợp đồng này.

Phương thức thanh toán tiền mua công suất phản kháng như phương thức thanh toán tiền điện quy định tại điều 1 của hợp đồng này.

13. Ranh giới quản lý công trình cấp điện: Tài sản thuộc sở hữu của bên nào thì bên đó có trách nhiệm quản lý, sửa chữa, bảo dưỡng đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật và quy định của Pháp luật.

14. Ranh giới quản lý niêm phong hệ thống đo đếm điện năng (bao gồm: chì và dây sâu chì niêm phong, tem niêm phong, ống bảo vệ dây mạch nhị thứ, hòm công tơ, hòm TI, khoá hòm công tơ, khoá tay thao tác cầu dao và các thiết bị khác bảo vệ thiết bị đo đếm điện): Hai bên thực hiện quản lý.

Khi xử lý sự cố hoặc kiểm tra, thay định kỳ hệ thống đo đếm, bắt buộc phải phá niêm phong, khi đó mọi sự thay đổi hệ thống niêm phong phải được sự thống nhất và chứng kiến đại diện của hai bên mua bán điện.

15. Do hệ thống điện lưới Quốc gia cấp cho phụ tải của Bên mua điện chỉ được cấp từ một nguồn duy nhất nên các sự cố do nguyên nhân khách quan gây mất điện có thể xảy ra, Bên bán điện sẽ cố gắng nỗ lực mọi cách tốt nhất để cung cấp điện trở lại cho Bên mua điện. Tuy nhiên Bên mua điện chủ động trang bị nguồn phát điện dự phòng để tự cấp điện cho các phụ tải quan trọng trong trường hợp lưới điện Quốc gia bị sự cố gây mất điện đột xuất hoặc dao động điện áp.

16. Bên mua điện giao nhiệm vụ cho:

1. Ông: Nguyễn Ngọc Dũng

Chức vụ: Giám đốc An ninh

Số điện thoại liên hệ thường xuyên: 0913 371 661

2.

Chức vụ:

Số điện thoại liên hệ thường xuyên:

Trực tiếp và thường xuyên thay mặt Bên mua điện làm việc, tiếp nhận mọi thông tin: Thông báo, tin nhắn Brandname của Bên bán điện liên quan đến việc cung ứng và sử dụng điện giữa hai bên mua bán điện. Bên bán điện có trách nhiệm liên hệ với Bên mua điện theo các số điện thoại trên. Trong trường hợp Bên bán điện liên hệ theo các số điện thoại trên không thành do lỗi của Bên mua điện thì Bên mua điện hoàn toàn chịu trách nhiệm.



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Quang Huy



PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Đức Chiến

CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Kèm theo hợp đồng mua bán điện

Số:

2	3
---	---

 /

0	0	0	1	2	5
---	---	---	---	---	---

Điều 1. Chất lượng điện năng

Điện áp và tần số phải đảm bảo chất lượng theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ.

Điều 2. Đo đếm điện năng

1. Điện năng sử dụng được xác định qua chỉ số công tơ điện và hệ số nhân của thiết bị đo đếm điện. Hệ số nhân được thống nhất trong biên bản treo tháo thiết bị đo đếm điện.

2. Khi treo, tháo thiết bị đo đếm điện Bên bán điện và Bên mua điện phải cùng ký biên bản xác nhận thông số kỹ thuật của thiết bị đo đếm điện và chỉ số công tơ điện; Biên bản treo, tháo thiết bị đo đếm là Phụ lục của Hợp đồng này.

3. Các Bên có trách nhiệm bảo vệ thiết bị đo đếm điện đặt trong phạm vi quản lý của mình. Trường hợp phát hiện thiết bị đo đếm bị mất hoặc bị hỏng thì hai Bên lập biên bản xác định nguyên nhân và trách nhiệm sửa chữa, thay thế hoặc bồi thường.

4. Bên mua điện không được tự ý tháo gỡ, di chuyển công tơ điện. Khi có nhu cầu di chuyển công tơ điện sang vị trí khác, phải được sự đồng ý của Bên bán điện và phải chịu chi phí di chuyển.

Điều 3. Ghi chỉ số công tơ

Trường hợp ngày ghi chỉ số công tơ thay đổi so với quy định tại Mục 10 - Các điều khoản cụ thể của Hợp đồng, Bên bán điện phải thông báo cho Bên mua điện theo hình thức quy định tại Hợp đồng.

Điều 4. Giá điện

1. Giá điện thực hiện theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Căn cứ mục đích sử dụng điện của Bên mua điện đăng ký, Bên bán điện thực hiện áp giá bán điện theo quy định được ghi tại Mục 11 - Các điều khoản cụ thể của Hợp đồng.

2. Trong quá trình sử dụng điện Bên mua điện có thay đổi mục đích sử dụng điện hoặc mức sử dụng điện của từng mục đích làm thay đổi giá bán điện, Bên mua điện phải thông báo cho Bên bán điện trước 15 ngày để điều chỉnh đối tượng áp dụng giá điện. Biên bản thỏa thuận tỷ lệ mục đích sử dụng điện là Phụ lục Hợp đồng.

3. Khi giá điện thay đổi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt thì giá mới được áp dụng và hai bên không phải ký lại Hợp đồng.

Điều 5. Mua công suất phản kháng

Bên mua điện sử dụng điện để sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có công suất sử dụng cực đại đăng ký tại Hợp đồng này từ 40kW trở lên và có hệ số công suất $\cos\varphi < 0,9$ phải mua công suất phản kháng theo quy định tại Thông tư số 15/2014/TT-BCT ngày 28/5/2014 của Bộ Công Thương quy định về mua, bán công suất phản kháng.

Điều 6. Thanh toán

1. Bên mua điện phải thanh toán tiền điện, tiền mua công suất phản kháng, tiền bồi thường và tiền phạt vi phạm hợp đồng (nếu có) cho Bên bán điện bằng tiền Việt Nam theo hình thức và trong thời hạn theo thỏa thuận tại khoản 4 Điều 1 của Hợp đồng. Số lần thanh toán tiền điện, tiền mua công suất phản kháng tương ứng với số lần ghi chỉ số công tơ trong tháng.

2. Bên mua điện có trách nhiệm thanh toán đủ số tiền ghi trong hóa đơn. Quá thời hạn theo thỏa thuận mà chưa thanh toán thì:

a) Trường hợp Bên mua điện thực hiện bảo đảm thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận tại Điểm b Khoản 3 Điều 1 của Hợp đồng: Bên bán điện có quyền khấu trừ tiền đặt cọc hoặc yêu cầu ngân hàng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, nếu số tiền đặt cọc hoặc số tiền được bảo lãnh chưa thanh toán đủ, Bên mua điện phải thanh toán nốt số tiền còn thiếu và phải trả thêm cả tiền lãi của khoản tiền chậm trả cho Bên bán điện. Tiền lãi được tính bằng số tiền chậm trả nhân với mức lãi suất cho vay cao nhất của ngân hàng mà Bên bán điện có tài khoản ghi trong Hợp đồng tại thời điểm thanh toán và nhân với số ngày chậm trả, tính từ ngày phải thanh toán đến ngày Bên mua điện thanh toán. Sau 15 ngày, kể từ ngày thông báo lần đầu tiên nếu Bên mua điện chưa thanh toán đủ, Bên bán điện có quyền ngừng ngay việc cấp điện. Bên bán điện sẽ thông báo thời điểm ngừng cấp điện trước 24 giờ và không chịu trách nhiệm về thiệt hại do việc ngừng cấp điện gây ra.

Việc cấp điện trở lại chỉ tiến hành sau khi Bên mua điện hoàn thành nghĩa vụ thanh toán, nộp đủ tiền đặt cọc hoặc nộp Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng do Ngân hàng phát hành và mọi chi phí liên quan đến việc ngừng và cấp điện trở lại.

b) Trường hợp khác:

- Trường hợp, Bên mua điện là khách hàng chốt chỉ số và thanh toán nhiều kỳ/tháng mà đến hết ngày 26 hàng tháng vẫn chưa thanh toán đủ thì Bên bán điện sẽ thực hiện hạch toán (hoặc khấu trừ) số tiền mà Bên mua điện đã thanh toán ở kỳ đầu tiên vào các kỳ sau. Như vậy thời hạn sau 15 ngày kể từ ngày thông báo lần đầu tiên sẽ được hiểu là tính từ lần phát sinh tiền điện của kỳ đầu tiên trong tháng.

Khi Bên bán điện đã thông báo 02 lần mà Bên mua điện vẫn không thanh toán thì sau 15 ngày, kể từ ngày thông báo lần đầu tiên, Bên bán điện có quyền ngừng cấp điện. Bên bán điện sẽ thông báo thời điểm ngừng cấp điện trước 24 giờ và không chịu trách nhiệm về thiệt hại do việc ngừng cấp điện gây ra. Việc cấp điện trở lại chỉ tiến hành sau khi Bên mua điện đã hoàn thành nghĩa vụ thanh toán, tiền lãi của khoản tiền chậm trả cho Bên và mọi chi phí liên quan đến việc ngừng và cấp điện trở lại. Tiền lãi được tính bằng số tiền chậm trả nhân với mức lãi suất cho vay cao nhất của ngân hàng mà Bên bán điện có tài khoản ghi trong Hợp đồng tại thời điểm thanh toán và nhân với số ngày chậm trả, tính từ ngày Bên mua điện phải thanh toán đến ngày Bên mua điện thanh toán.

3. Trường hợp Bên mua điện được bồi thường và phạt: Bên bán điện có trách nhiệm thanh toán đầy đủ số tiền bồi thường và tiền phạt (nếu có) trong thời hạn 15 ngày. Quá thời hạn trên mà chưa thanh toán đủ thì Bên mua điện có quyền chậm trả tiền mua điện các tháng kế tiếp cho đến khi đủ số tiền được bồi thường, tiền phạt và Bên mua điện không phải chịu xử lý do chậm trả tiền điện. Khi Bên bán điện đã thanh toán cho Bên mua điện đủ số tiền phải bồi thường, tiền phạt (nếu có), thì Bên mua điện phải thanh

toán ngay cho Bên bán điện số tiền điện đã giữ lại, quá thời hạn theo thỏa thuận tại Điểm b Khoản 4 Điều 1 của Hợp đồng mà Bên mua điện chưa thanh toán, Bên mua điện phải trả thêm khoản tiền lãi chậm trả cho Bên bán điện và Bên bán điện được ngừng cấp điện cho Bên mua điện theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Bên bán điện

1. Quyền của Bên bán điện

a) Được vào khu vực quản lý của Bên mua điện để thao tác, bảo dưỡng; sửa chữa và thay thế mới trang thiết bị điện của Bên bán điện; kiểm tra; ghi chỉ số công tơ và liên hệ với Bên mua điện;

b) Bên bán điện được ngừng, giảm mức cung cấp điện theo quy định tại Thông tư số 22/2020/TT-BCT ngày 09/9/2020 của Bộ Công Thương quy định điều kiện, trình tự ngừng, giảm cung cấp điện;

c) Được Bên mua điện cung cấp thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động bán lẻ điện (áp dụng đối với khách hàng là đơn vị bán lẻ điện);

d) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ của Bên bán điện

a) Cung cấp điện năng đảm bảo chất lượng điện theo quy định, trừ trường hợp hệ thống điện bị quá tải theo xác nhận của cơ quan điều tiết điện lực;

b) Tiến hành xử lý sự cố để khôi phục cấp điện sau 02 giờ kể từ khi phát hiện hoặc nhận được thông báo của Bên mua điện về sự cố lưới điện do Bên bán điện quản lý; trường hợp không thực hiện được trong thời hạn trên thì phải thông báo cho Bên mua điện về nguyên nhân và dự kiến thời gian cấp điện trở lại;

c) Bồi thường thiệt hại cho Bên mua điện những thiệt hại trực tiếp do lỗi chủ quan của Bên bán điện gây ra, trừ trường hợp do sự kiện bất khả kháng hoặc do bên thứ ba gây lên;

d) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Bên mua điện

1. Quyền của Bên mua điện

a) Được cung cấp đủ công suất, điện năng, bảo đảm chất lượng điện đã được thỏa thuận trong hợp đồng;

b) Yêu cầu Bên bán điện kịp thời khôi phục việc cấp điện sau khi mất điện;

c) Được bồi thường thiệt hại do Bên bán điện gây ra theo quy định của Hợp đồng này và quy định của pháp luật;

d) Yêu cầu Bên bán điện kiểm tra chất lượng dịch vụ điện; tính chính xác của thiết bị đo đếm điện, số tiền điện phải thanh toán;

e) Khiếu nại, tố cáo các hành vi vi phạm pháp luật về hoạt động điện lực của Bên bán điện;

f) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ của Bên mua điện:

a) Sử dụng điện đúng mục đích, đúng công suất, điện năng đã thoả thuận tại Hợp đồng này;

b) Thanh toán tiền điện đầy đủ, đúng thời hạn và các khoản thu phát sinh khác theo thoả thuận trong Hợp đồng;

c) Giảm mức tiêu thụ điện hoặc cắt điện kịp thời khi nhận được thông báo của Bên bán điện trong các trường hợp Bên bán điện yêu cầu ngừng, giảm cung cấp điện theo quy định tại khoản 7 – CÁC ĐIỀU KHOẢN THỎA THUẬN CỤ THỂ;

d) Thông báo cho Bên bán điện biết chậm nhất 03 ngày trước thời điểm ngừng sử dụng điện khi có nhu cầu tạm ngừng sử dụng điện, chậm nhất 15 ngày trước thời điểm chấm dứt hợp đồng khi có nhu cầu chấm dứt Hợp đồng;

e) Thông báo kịp thời cho Bên bán điện khi phát hiện những hiện tượng bất thường có thể gây mất điện, mất an toàn cho người và tài sản;

f) Tạo điều kiện để Bên bán điện kiểm tra việc thực hiện Hợp đồng, ghi chỉ số công tơ và các công việc khác liên quan đến cấp điện.

g) Bảo đảm các trang thiết bị sử dụng điện đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật và yêu cầu về an toàn điện; thực hiện chế độ sử dụng điện theo yêu cầu của đơn vị điều độ hệ thống điện. Bên mua điện thực hiện thí nghiệm, bảo dưỡng thiết bị điện cao và hạ thế định kỳ theo quy phạm, quy trình và khuyến cáo của nhà sản xuất để biết tình trạng làm việc của thiết bị nhằm ngăn chặn các sự cố có thể xảy ra đối với các thiết bị.

h) Bên mua điện thực hiện nghiêm túc việc bảo dưỡng, kiểm định kỹ thuật an toàn thiết bị điện, dụng cụ điện hàng năm theo Thông tư 33/2015/TT-BCT ngày 27/10/2015 của Bộ Công thương đối với phần tài sản của bên mua điện.

i) Theo Nghị định 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính Phủ, Bên mua điện là khách hàng sử dụng điện có sản lượng điện tiêu thụ bình quân từ 1.000.000 kWh/ tháng trở lên có trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng mua bán điện.

j) Bồi thường khi gây thiệt hại cho Bên bán điện theo quy định của pháp luật;

k) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Bồi thường thiệt hại và phạt vi phạm

Bên mua điện và Bên bán điện cam kết chịu phạt vi phạm nghĩa vụ Hợp đồng và bồi thường thiệt hại đối với các hành vi vi phạm quy định tại Điều 28, Điều 29, Điều 31 Thông tư số 42/2022/TT-BCT ngày 30/12/2022 của Bộ Công Thương quy định về kiểm tra hoạt động điện lực và sử dụng điện, giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán điện.

Mức phạt bằng 08% giá trị phần nghĩa vụ Hợp đồng bị vi phạm hoặc giá trị hoàn trả, được xác định theo hành vi vi phạm..

Điều 10. Bất khả kháng và miễn trách nhiệm

1. Bên vi phạm hợp đồng được miễn trách nhiệm đối với hành vi vi phạm khi xảy ra các trường hợp quy định tại Điều 294 Luật Thương mại; Bên vi phạm hợp đồng có nghĩa vụ thông báo cho bên bị vi phạm và chứng minh các trường hợp miễn trách nhiệm.

2. Bất khả kháng

a) Bất khả kháng là sự kiện nằm ngoài khả năng kiểm soát hợp lý của bên bị ảnh hưởng, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 156 Bộ Luật dân sự.

b) Thông báo Bất khả kháng: Bên bị ảnh hưởng của Bất khả kháng phải thông báo cho bên kia về sự kiện, tình huống tạo thành Bất khả kháng trong thời gian sớm nhất có thể nhưng không được muộn hơn một (01) ngày kể từ khi thông tin liên lạc đã sẵn sàng. Thông báo phải bao gồm đầy đủ chi tiết về sự kiện, tình huống tạo thành Bất khả kháng, tác động của Bất khả kháng đối với việc thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng của bên bị ảnh hưởng và kiến nghị các biện pháp khắc phục. Bên bị ảnh hưởng phải cung cấp các báo cáo thường xuyên cho bên kia về việc triển khai các biện pháp khắc phục nhằm ngăn chặn hoặc giảm nhẹ những tác động của Bất khả kháng và các thông tin khác mà bên kia yêu cầu một cách hợp lý.

c) Hậu quả của Bất khả kháng: Không bên nào phải chịu trách nhiệm hoặc bị coi là vi phạm hợp đồng hoặc có lỗi do không thực hiện hoặc chậm trễ trong việc tuân thủ các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng khi xảy ra Bất khả kháng.

d) Nếu một bên do Bất khả kháng mà không thể thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định trong Hợp đồng trong vòng 180 ngày liên tục kể từ ngày xảy ra Bất khả kháng, Các bên sau đó có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng. Bên thực hiện quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn phải gửi văn bản thông báo cho bên kia trước ít nhất 60 ngày thời điểm muốn chấm dứt Hợp đồng.

e) Các nghĩa vụ phát sinh trước khi xảy ra Bất khả kháng đều không được miễn trừ.

Điều 11. Giải quyết tranh chấp

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, hai bên giải quyết bằng thương lượng. Nếu hai bên không tự giải quyết được thì có thể đề nghị Sở Công Thương nơi Bên bán điện đặt trụ sở giao dịch tổ chức hòa giải.

2. Trong trường hợp không đề nghị hòa giải hoặc hòa giải không thành, một trong hai bên hoặc các bên có quyền khởi kiện tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền.

3. Trong thời gian chờ giải quyết, Bên mua điện vẫn phải thanh toán tiền điện đã sử dụng và Bên bán điện thực hiện việc tạm ngừng cấp điện kể từ ngày hai bên phát sinh tranh chấp.

Điều 12. Chấm dứt Hợp đồng

1. Trường hợp chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn

a) Theo thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn của hai bên.

b) Bên bán điện có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn trong trường hợp:

- Bên mua điện không sử dụng điện liên tục quá 03 tháng mà không thông báo trước cho Bên bán điện.

- Bên mua điện không có ý kiến khác sau 10 ngày kể từ ngày Bên bán điện có đề nghị chấm dứt hợp đồng mua bán điện.

- Bên mua điện không còn quyền sở hữu, chiếm hữu, sử dụng, định đoạt đối với địa điểm mua điện nêu tại Hợp đồng này.

- Bên mua điện là tổ chức, hộ kinh doanh cá thể bị thu hồi giấy phép hoạt động, bị chấm dứt hoạt động, bị giải thể hoặc phá sản,... theo quy định pháp luật; Bên mua điện là cá nhân mất quyền công dân hoặc chết không có người thay thế hợp pháp.

Bên bán điện phải thông báo bằng văn bản tới Bên mua điện chậm nhất là 05 ngày trước thời điểm chấm dứt Hợp đồng.

2. Khi Hợp đồng này còn trong thời hạn hiệu lực mà Bên mua điện có văn bản yêu cầu chấm dứt Hợp đồng thì: Bên bán điện thực hiện ngừng cung cấp điện cho Bên mua điện từ thời điểm theo yêu cầu của Bên mua điện, đồng thời hai bên tiến hành các thủ tục chấm dứt Hợp đồng trong thời hạn 02 ngày kể từ thời điểm chấm dứt hợp đồng theo yêu cầu của Bên mua điện.

3. Bên bán điện thông báo cho Bên mua điện chậm nhất trước 15 ngày Hợp đồng này hết thời hạn hiệu lực hoặc thời hạn đã gia hạn của Hợp đồng về việc hết thời hạn Hợp đồng, để hai bên tiến hành chấm dứt Hợp đồng. Bên bán điện thực hiện ngay việc ngừng bán điện kể từ ngày hết thời hạn hiệu lực của Hợp đồng, nếu hai bên không có thỏa thuận ký lại Hợp đồng hoặc gia hạn Hợp đồng này.

Điều 13. Nguyên tắc áp dụng luật

1. Luật điều chỉnh Hợp đồng này là pháp luật Việt Nam.
2. Các nội dung không quy định trong Hợp đồng này được thực hiện theo quy định của pháp luật.
3. Trong Hợp đồng này, mọi dẫn chiếu liên quan đến bất kỳ văn bản quy phạm pháp luật nào sẽ bao gồm những văn bản sửa đổi, bổ sung và thay thế văn bản đó.



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Quang Huy



GIÁM ĐỐC
Phạm Đức Thắng

PHỤ LỤC I

Kèm theo hợp đồng mua bán điện

Số: 23 / 000125

XÁC ĐỊNH MUA ĐIỆN NĂNG PHẢN KHÁNG

1. Bên mua điện có trạm biến áp riêng hoặc không có trạm biến áp riêng, nhưng có công suất sử dụng cực đại đăng ký tại hợp đồng mua bán điện từ 40kW trở lên và có hệ số công suất $\cos\varphi < 0,9$ phải mua công suất phản kháng. Phương pháp xác định hệ số công suất $\cos\varphi$ được quy định tại khoản 2 Phụ lục này.

Trường hợp Bên mua điện có công suất sử dụng cực đại đăng ký tại hợp đồng mua bán điện dưới 40kW nhưng có công suất sử dụng điện thực tế cực đại từ 40kW trở lên trong 3 chu kỳ ghi chỉ số công tơ liên tiếp thì Bên mua điện thuộc đối tượng phải mua công suất phản kháng từ kỳ ghi chỉ số kế tiếp của 3 chu kỳ ghi chỉ số trên.

2. Hệ số công suất $\cos\varphi$ dùng để xác định việc mua công suất phản kháng của Bên mua điện được tính trên cơ sở số liệu đo đếm được tại công tơ đo đếm điện năng trong một chỉ kỳ ghi chỉ số công tơ theo công thức sau:

$$\cos\varphi = \frac{A_p}{\sqrt{A_p^2 + A_q^2}}$$

Trong đó :

- A_p : Điện năng tác dụng trong một chu kỳ ghi chỉ số công tơ (kWh).
- A_q : Điện năng phản kháng nhận về trong một chu kỳ ghi chỉ số công tơ là lượng công suất phản kháng tiêu thụ bởi các thiết bị điện trong khoảng thời gian giữa hai lần ghi chỉ số công tơ (kVArh).

3. Trường hợp Bên mua điện có sử dụng điện cho mục đích khác chung với mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thì việc xác định hệ số công suất $\cos\varphi$ như sau:

a). Khi có công tơ đo đếm riêng cho phần điện năng sử dụng để sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thì chỉ áp dụng mua công suất phản kháng đối với phần điện năng sử dụng cho mục đích này.

b). Khi không có công tơ đo đếm riêng cho phần điện năng sử dụng để sản xuất, kinh doanh, dịch vụ mà chỉ có công tơ đo đếm điện năng chung, nếu hệ số công suất $\cos\varphi < 0,9$ thì Bên mua điện vẫn phải mua công suất phản kháng cho cả phần điện năng chung đó.

4. Tiền mua công suất phản kháng là số tiền Bên mua điện phải trả cho Bên bán điện để bù đắp các khoản chi phí phát sinh thêm do Bên mua điện sử dụng quá lượng công suất phản kháng quy định được tính theo công thức:

$$T_q = T_p \times k\%$$

Trong đó:

- T_q : Tiền mua công suất phản kháng (chưa có thuế GTGT);
- T_p : Tiền mua điện năng tác dụng (chưa có thuế GTGT);

- k : Hệ số bù đắp chi phí do Bên mua điện sử dụng quá lượng công suất phản kháng quy định (%).

Hệ số k được tính theo bảng sau:

STT	Hệ số công suất (cosφ)	k (%)	STT	Hệ số công suất (cosφ)	k (%)
1	Từ 0,9 trở lên	0	17	0,74	21,62
2	0,89	1,12	18	0,73	23,29
3	0,88	2,27	19	0,72	25
4	0,87	3,45	20	0,71	26,76
5	0,86	4,65	21	0,70	28,57
6	0,85	5,88	22	0,69	30,43
7	0,84	7,14	23	0,68	32,35
8	0,83	8,43	24	0,67	34,33
9	0,82	9,76	25	0,66	36,36
10	0,81	11,11	26	0,65	38,46
11	0,80	12,5	27	0,64	40,63
12	0,79	13,92	28	0,63	42,86
13	0,78	15,38	29	0,62	45,16
14	0,77	16,88	30	0,61	47,54
15	0,76	18,42	31	0,60	50
16	0,75	20	32	Dưới 0,60	52,54

5. Bên mua điện phải thanh toán tiền mua bán công suất phản kháng cùng kỳ với tiền mua điện năng tác dụng. Hóa đơn mua công suất phản kháng thực hiện theo quy định của Bộ Tài Chính. Việc xử lý nợ tiền mua công suất phản kháng được thực hiện như xử lý nợ tiền điện năng tác dụng.



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Quang Huy



PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Đức Thắng

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
THANH LÝ HỢP ĐỒNG MUA BÁN ĐIỆN

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015 và các Nghị định, Thông tư, văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005 và các Nghị định, Thông tư, văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ vào hợp đồng mua bán điện số: 18/000125 ký ngày 30/09/2018 giữa Công ty Cổ phần Điện lực Miền Bắc và Công ty TNHH Khoá Huy Hoàng;

Hôm nay, ngày 30/09/2023 tại Công ty Cổ phần Điện lực Miền Bắc. Chúng tôi gồm:

I. BÊN BÁN ĐIỆN: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

- Đại diện là Ông: **Phạm Đức Thắng** Chức vụ: **Phó giám đốc**
(Theo giấy uỷ quyền số: 68 ngày 20 tháng 06 năm 2008 của Giám đốc công ty Cổ phần Điện lực miền Bắc)

- Địa chỉ: **Số 10S1-KĐT Hà Tiên - Liên Bảo - Vĩnh Yên - Vĩnh Phúc**

- Điện thoại: **0211 2211 888** Fax: **0211 3710 509**

II. BÊN MUA ĐIỆN: CÔNG TY TNHH KHOÁ HUY HOÀNG

- Đại diện là Ông: **Nguyễn Quang Huy** Chức vụ: **Tổng Giám đốc**

- Địa chỉ: **Lô 38D, KCN Quang Minh, Thị trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**

- Điện thoại: **0242 021 4391** Fax: **0243 525 0145**

Hai bên cùng nhất trí thanh lý hợp đồng mua bán điện số: 18/000125 ký ngày 30/09/2018.

Lý do: Hợp đồng mua bán điện đã ký hết hiệu lực.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng mua bán điện. Hai bên đã thực hiện đúng các nội dung của hợp đồng đã ký kết.

Khi bên mua điện thanh toán xong tiền điện phát sinh đến kỳ ghi chỉ số ký ngày 02/10/2023 thì hợp đồng mua bán điện số 18/000125 ký ngày 30/09/2018 chính thức được thanh lý.

Biên bản này được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản để thực hiện./.



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Quang Huy



PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Đức Thắng

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Kiểm tra mục đích sử dụng điện và thỏa thuận tỷ lệ giá bán điện

Căn cứ Luật Điện lực số 28/2004/QH11 ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực số 24/2012/QH13;

Căn cứ Nghị định số 137/2013/NĐ - CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực;

Căn cứ Thông tư số: 16/2014/TT-BCT ngày 29/05/2014; Thông tư số: 25/2018/TT-BCT ngày 12/9/2018; Thông tư số: 06/2021/TT-BCT ngày 06/8/2021 của Bộ Công thương Quy định về thực hiện giá bán điện;

Căn cứ Quyết định số: 1062/QĐ-BCT ngày 04/5/2023 của Bộ Công thương Quy định về giá bán điện.

Căn cứ mục đích sử dụng điện của thực tế của khách hàng;

Hôm nay, ngày 30/09/2023 tại địa điểm sử dụng điện của Công ty TNHH Khoá Huy Hoàng - KCN Quang Minh, H. Mê Linh, TP. Hà Nội, Chúng tôi gồm:

I. Bên bán điện: Công ty Cổ phần Điện lực miền Bắc

1. Ông: Phạm Đức Thắng

Chức vụ: Phó giám đốc

2. Ông: Tạ Văn Hội

Chức vụ: NV KD điện năng

II. Bên mua điện: Công ty TNHH Khoá Huy Hoàng

1. Ông: Nguyễn Quang Huy

Chức vụ: Tổng Giám đốc

2. Ông: Nguyễn Ngọc Dũng

Chức vụ: Giám đốc An ninh

Hai bên cùng nhau kiểm tra, tính toán và thống nhất xác định tỷ lệ giá bán điện cho cho từng mục đích sử dụng điện. Cụ thể như sau:

STT	Mã điểm đo	Mục đích sử dụng	Tỷ lệ % hoặc kWh	Giá bán điện chưa có thuế VAT (đ/kWh) (Theo 1062/QĐ/QĐ-BCT)		
				Giờ BT	Giờ CĐ	Giờ TĐ
1	NPC01_11201	Sản xuất	100%	1.738	3.171	1.133

Biên bản có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế các biên bản kiểm tra mục đích sử dụng điện và thỏa thuận tỷ lệ giá bán điện trước và là bộ phận không tách rời của Hợp đồng mua bán điện đã ký, được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản để thực hiện.

BÊN MUA ĐIỆN

TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Quang Huy

BÊN BÁN ĐIỆN

GIÁM ĐỐC
Phạm Đức Thắng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

HỢP ĐỒNG MUA BÁN ĐIỆN

Giữa

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

(Bên Bán điện)

và

CÔNG TY TNHH KHOÁ HUY HOÀNG

(Bên Mua điện)

Số hợp đồng: 26 / 000125



MỤC LỤC

ĐIỀU 1: ĐỊNH NGHĨA

ĐIỀU 2: MUA BÁN ĐIỆN NĂNG

ĐIỀU 3: THOẢ THUẬN CỤ THỂ

ĐIỀU 4: TIÊU CHUẨN VÀ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

ĐIỀU 5: MUA CÔNG SUẤT PHẢN KHÁNG

ĐIỀU 6: ĐO ĐẾM ĐIỆN NĂNG

ĐIỀU 7: GHI CHỈ SỐ CÔNG TƠ

ĐIỀU 8: BẢO ĐẢM THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

ĐIỀU 9: GIÁ ĐIỆN

ĐIỀU 10: THANH TOÁN

ĐIỀU 11: TẠM NGỪNG, NGỪNG, GIẢM CUNG CẤP ĐIỆN

ĐIỀU 12: CAM ĐOAN VÀ BẢO ĐẢM CỦA CÁC BÊN

ĐIỀU 13: QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

ĐIỀU 14: QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

ĐIỀU 15: VI PHẠM HỢP ĐỒNG

ĐIỀU 16: PHẠT VI PHẠM VÀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI

ĐIỀU 17: CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

ĐIỀU 18: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

ĐIỀU 19: THỜI HẠN VÀ HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

ĐIỀU 20: ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA BÁN ĐIỆN

Số hợp đồng:	2	6	/	0	0	0	1	2	5
--------------	---	---	---	---	---	---	---	---	---

Hôm nay, ngày 11/03/2026 tại Công ty Cổ phần Điện lực Miền Bắc, chúng tôi gồm:

A. BÊN BÁN ĐIỆN: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

- Mã số thuế: 2500292749

- Đăng ký kinh doanh doanh nghiệp thay đổi lần thứ 7: 2500292749 do Sở Tài chính tỉnh Phú Thọ cấp ngày 16/12/2026

- Địa chỉ trụ sở: Số 10S1, Khu đô thị Hà Tiên, Phường Vĩnh Phúc, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

- Tài khoản: 112000034683 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Minh hoặc tài khoản: 4270037716 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Minh

- Điện thoại: 0211 2211 888

Fax: 0211 3710 509

Email:

- Đại diện là ông: Phạm Đức Thắng

Chức vụ: Phó Giám đốc

(Theo văn bản ủy quyền số: 68/UQ-NPC ngày 20/6/2008 của Giám đốc Công ty Cổ phần Điện lực Miền Bắc)

Dưới đây gọi tắt là "Bên A"

Và

B. BÊN MUA ĐIỆN: CÔNG TY TNHH KHOÁ HUY HOÀNG

- Mã số thuế: 2500242018

- Đăng ký doanh nghiệp số: 2500242018 do Sở Tài chính TP Hà Nội cấp ngày 26/02/2026 (Thay đổi lần thứ 18)

- Địa chỉ trụ sở: Lô 38D, Khu Công nghiệp Quang Minh, Xã Quang Minh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

- Tài khoản: 1180000021472 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên

- Điện thoại: 0242 263 4499

Fax:

Email:

- Đại diện là ông: Nguyễn Quang Huy

Chức vụ: Tổng Giám đốc

+ Số chứng thực cá nhân (CMND/CCCD/HC): 001080000976 cấp ngày, Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Dưới đây gọi tắt là "Bên B"

Bên A và Bên B sau đây được gọi riêng là "Bên" và gọi chung là "Các Bên" Các Bên nhất trí ký kết Hợp Đồng với những điều khoản và điều kiện như sau:

ĐIỀU 1: ĐỊNH NGHĨA

Trong phạm vi Hợp Đồng này (trừ khi được Các Bên thống nhất mô tả hoặc quy định khác đi), các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1.1 *Biên Bản Treo, Tháo Các Thiết Bị Đo Đếm Điện* là Biên bản theo mẫu do Bên A quy định, có nội dung ghi nhận các thông tin về kết quả treo, tháo Thiết Bị Đo Đếm Điện, thông số kỹ thuật của Thiết Bị Đo Đếm Điện và chỉ số Công Tơ vào thời điểm treo, tháo Thiết Bị Đo Đếm Điện;

1.2 *Biện Pháp Bảo Đám* là biện pháp bảo đảm thực hiện Hợp Đồng nêu tại Điều 3.1;

1.3 *Cơ Quan Nhà Nước* là các cơ quan, chính quyền các cấp của Việt Nam hay người có thẩm quyền của các cơ quan đó, có quyền, trách nhiệm cấp các văn bản hành chính liên quan đến Hợp Đồng hoặc yêu cầu Các Bên cung cấp, thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của Pháp Luật;

1.4 *Công Tơ* là công tơ đo đếm, là thiết bị đo đếm điện năng thực hiện tích phân công suất theo thời gian, lưu và hiển thị giá trị điện năng đo đếm được;

1.5 *Địa Điểm Sử Dụng Điện* là địa điểm được Bên B đăng ký với Bên A để Bên A cấp điện và Bên B sử dụng điện theo quy định của Hợp Đồng;

1.6 *Giá Trị Tài Sản Bảo Đám* là giá trị của tài sản bảo đảm được Các Bên ghi nhận tại Điều 3.1.a;

1.7 *Hợp Đồng* là Hợp đồng mua bán điện ngoài mục đích sinh hoạt số: 26/000125 được ký kết giữa Các Bên và các bên phụ lục sửa đổi, bổ sung theo từng thời điểm;

1.8 *Lãi Suất Chậm Trả* là mức lãi suất cho vay cao nhất của ngân hàng mà Bên A có tài khoản ghi trong Hợp Đồng tại thời điểm phát sinh Nghĩa Vụ Thanh Toán, được Bên A thông báo cho Bên B khi phát sinh việc áp dụng Lãi Suất Chậm Trả theo quy định của Hợp Đồng;

1.9 *Nghĩa Vụ Thanh Toán* là một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của Bên B đối với việc thanh toán khoản tiền phát sinh từ Hợp Đồng cho Bên A, không chỉ bao gồm tiền điện, tiền mua công suất phản kháng, tiền lãi chậm trả, tiền bồi thường thiệt hại, tiền phạt vi phạm, chi phí tạm ngừng, ngừng, cấp điện trở lại, bổ sung Khoản Khấu Trừ vào tài sản bảo đảm theo đúng quy định tại Hợp Đồng;

1.10 *Pháp Luật* là toàn bộ các quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam có liên quan đến hoặc điều chỉnh mối quan hệ giữa Bên A và Bên B theo Hợp Đồng, bao gồm những quy định được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm;

1.11 *Quy Trình Chấm Dứt Hợp Đồng* là quy trình được áp dụng để xử lý việc chấm dứt Hợp Đồng, được quy định tại Điều 17.2;

1.12 *Thiết Bị Đo Đếm Điện* là thiết bị đo công suất, điện năng, dòng điện, điện áp, tần số, hệ số công suất, bao gồm các loại công tơ, các loại đồng hồ đo điện và các thiết bị phụ kiện kèm theo;

1.13 *Thời Hạn* là thời hạn của Hợp Đồng được xác định theo Điều 3.4.b;

1.14 *Vi Phạm Nghĩa Vụ Thanh Toán* là hành vi của Bên B không thực hiện đầy đủ và/hoặc không thực hiện đúng Nghĩa Vụ Thanh Toán theo quy định tại Hợp Đồng.

ĐIỀU 2: MUA BÁN ĐIỆN NĂNG

2.1 Địa điểm sử dụng điện: KCN Quang Minh, Xã Quang Minh, TP Hà Nội.

2.2 Mục đích sử dụng điện: Sản xuất khóa cửa

2.3 Cấp điện áp: 400V

2.4 Công suất, điện năng sử dụng:

a. Công suất: Cực đại P_{max} : 504 kW Trung bình P_{TB} : 276 kW Nhỏ nhất P_{min} : 102kW

b. Điện năng sử dụng trung bình A_{tb} : 116.608kWh/tháng.

c. Mua công suất phản kháng: Có

2.5 Điểm đấu nối cấp điện: Cột số 71 lộ 477E1.36 KCN Quang Minh

2.6 Đo đếm điện năng:

a. Số điểm đo: 01 điểm

a.1. Điểm đo đếm điện năng thứ nhất:

- Mã điểm đo: NPC01_11201

- Vị trí đo đếm: Đặt tại đầu cực hạ thế máy biến áp 630kVA-22/0,4kV.

- Thông số điểm đo:

Điểm đo	Thiết bị đo đếm	Loại/ Tỷ số	Cấp chính xác	Sở hữu	Trách nhiệm quản lý
1	Công tơ	3x5(10)A	0,5	Bên A	Các bên
	Biến dòng điện (TI)	600/5A	0,5	Bên A	Các bên
	Hệ số nhân	120 lần (Một trăm hai mươi lần)			

Biên Bản Treo, Tháo, kiểm định Các Thiết Bị Đo Đếm Điện kèm theo Hợp Đồng.

b. Vị trí xác định chất lượng điện: Trong điều kiện bình thường, được xác định tại phía thứ cấp của máy biến áp cấp điện cho Bên B hoặc tại vị trí đặt hệ thống đo.

2.7 Ghi chỉ số Công Tơ:

a. Kỳ ghi chỉ số điện năng: Căn cứ các quy định hiện hành và sản lượng điện tiêu thụ thực tế của Bên B. Bên A sẽ thực hiện ghi chỉ số điện năng 01 kỳ vào ngày 20 hàng tháng, có thể ghi trước hoặc sau 01 đến 02 ngày nếu trùng với ngày nghỉ lễ hoặc có kế hoạch đột xuất

b. Hình thức ghi chỉ số Công Tơ: Ghi trực tiếp hoặc ghi từ xa qua "Hệ thống quản lý đo đếm điện từ xa AMI.ONE". Dữ liệu công tơ được thu thập và tải lên Website: <http://mbpc.amione.vn>.

- Bên mua điện có thể đăng nhập vào Website trên với tài khoản (Lưu ý: Viết đúng chữ in hoa, in thường, dấu gạch ngang như ở dưới đây)

+ Tên tài khoản: NPC01_112

+ Mật khẩu: 123456@A

- Vào các ngày ghi chỉ số điện năng, Bên A thực hiện chốt chỉ số điện năng tại các điểm đo đếm điện năng đang thực hiện mua bán điện qua "Hệ thống quản lý đo đếm điện từ xa AMI.ONE" vào thời điểm lúc 08h30'. Chỉ số chốt này sẽ được lưu lại trên hệ thống. Bên B có thể truy cập vào Website với tài khoản đăng nhập như ở trên để kiểm tra, giám sát chỉ số điện năng của các điểm đo đếm.

- Trường hợp, lỗi hệ thống hoặc lỗi đường truyền dẫn tới việc không chốt chỉ số được vào

lúc 08h30' thì Bên A sẽ chốt chỉ số vào thời điểm khác gần thời điểm chốt lúc 8h30' nhất có thể, ưu tiên lấy sau thời điểm chốt.

2.8 Giá bán điện: Áp dụng từ ngày 10/5/2025 theo Quyết định số: 1279/QĐ-BCT ngày 09/5/2025 của Bộ Công thương, biểu giá điện cụ thể sau:

Mục đích sử dụng điện	Mã điểm đo	Cấp điện áp đặt đo đếm	Tỷ lệ	Giá bán điện chưa có thuế VAT (đ/kWh)		
				Giờ BT	Giờ CĐ	Giờ TĐ
1- Sản xuất	NPC01_11201	Dưới 6kV	100%	1.987	3.640	1.300

Từ thứ 2 đến thứ 7: Giờ bình thường (BT): (4h÷9h30'; 11h30÷17h; 20h÷22h), Giờ cao điểm (CĐ): (9h30'+11h30'; 17h÷20h) Giờ thấp điểm (TĐ): (22h ÷ 4h ngày hôm sau)

Ngày chủ nhật không có giờ cao điểm; Giờ bình thường: (4h÷22h); Giờ thấp điểm: (22h-04h sáng hôm sau).

- Các biên bản xác định tỷ lệ % điện năng hoặc lượng điện năng theo đối tượng áp dụng giá bán điện được lưu kèm theo hợp đồng này.

2.9 Ranh giới sở hữu tài sản: Phần công trình điện kể từ điểm đấu nối về đến nơi sử dụng điện là tài sản của bên B.

2.10 Ranh giới quản lý vận hành: Bên A và Bên B tự chịu trách nhiệm quản lý an toàn phần công trình điện thuộc sở hữu tài sản của mình đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật và quy định của Pháp luật. Trường hợp có thỏa thuận khác về quản lý vận hành công trình điện, hai bên sẽ thống nhất nội dung và ký kết hợp đồng riêng.

ĐIỀU 3: THỎA THUẬN CỤ THỂ

3.1 Bảo Đảm thực hiện Hợp Đồng: Không

3.2 Thanh toán:

a. Quy định này áp dụng đối với mọi khoản thanh toán phát sinh từ Hợp Đồng.

b. Thời hạn thanh toán: 03 ngày (ba ngày) kể từ ngày Bên A thông báo thanh toán lần đầu theo hình thức được quy định tại Điều 3.3.

c. Phương thức thanh toán: Chuyển khoản; Tiền mặt; Hình thức khác phù hợp với quy định hiện hành.

- Thông tin tài khoản:

+ Tài khoản: 112000034683 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Minh hoặc tài khoản số: 4270037716 tại Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam - Chi nhánh Quang Minh.

+ Đơn vị thụ hưởng: Công ty Cổ phần Điện lực Miền Bắc.

- Địa chỉ nộp tiền mặt: P303 tòa nhà Licogi 18.6, km9 đường Võ Văn Kiệt, Xã Quang Minh, TP Hà Nội.

3.3 Hình thức thông báo

a. Thanh toán tiền điện, tiền bồi thường, tiền phạt vi phạm hợp đồng: Bằng một trong các hình thức: Văn bản, tin nhắn, email, website.

b. Tạm ngừng, giảm cung cấp điện: Bằng một trong các hình thức: Văn bản, điện thoại, tin nhắn tổng đài Brandname, ứng dụng Zalo hoặc các phương tiện thông tin đại chúng khác

c. Thông báo, trao đổi thông tin trong quá trình thực hiện Hợp đồng:

Số ĐT nhận tin nhắn : Email :

Hình thức khác: Điện thoại, Văn bản, tin nhắn, email, ứng dụng Zalo

d. Địa chỉ nhận thông báo, văn bản:

- Bên A:

+ Trụ sở: Số 10S1-KĐT Hà Tiên - Phường Vĩnh Phúc - Tỉnh Phú Thọ

+ Trụ QL VH lưới điện KCN Quang Minh: P303 tòa nhà Licogi 18.6, km9 đường Võ Văn Kiệt, Xã Quang Minh, TP Hà Nội, Hà Nội

+ Số điện thoại trực QL VH: 02112211888/02422452888

- Bên B:

+ Địa chỉ nhận thông báo: Tại địa điểm sử dụng điện. Nếu là địa chỉ khác thì Bên B thông báo để các bên thống nhất.

+ Thông tin người nhận thông báo qua điện thoại, tin nhắn tổng đài Brandname, ứng dụng Zalo, Email, trao đổi thông tin trong quá trình thực hiện hợp đồng:

STT	Họ Và Tên	Chức vụ	SĐT di động	Email
1	Nguyễn Tiến Bắc	Nhân viên	0904943721	
2				

Khi thay đổi thông tin người, số điện thoại nhận thông báo, Bên B phải thông báo trước 05 ngày để Bên A cập nhật lại cho kịp thời.

Bên A có trách nhiệm liên hệ với Bên B theo thông tin ở trên. Trong trường hợp Bên A liên hệ nhưng không thành mà do lỗi của Bên B thì Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm.

e. Tra cứu, tải về thông báo thanh toán tiền điện, bảng kê chi tiết và hóa đơn điện tử:

Bên B có thể tra cứu, tải thông báo thanh toán tiền điện lần 1 và bảng kê chi tiết được Bên A đăng tải trên Website: <http://tracuuhd.dienluccmienbac.vn> vào các ngày ghi chỉ số điện năng.

Sau khi thanh toán tiền điện phát sinh của kỳ ghi chỉ số, Bên B có thể tra cứu và tải về hóa đơn điện tử tại Website: <http://tracuuhd.dienluccmienbac.vn>

Tài khoản đăng nhập như sau:

- Tên đăng nhập: <Mã KH> (Mã KH đang được thể hiện trên bảng kê chi tiết hóa đơn tiền điện)

- Mật khẩu: <Mã KH>

(Lưu ý: Viết đúng chữ in hoa, in thường, dấu gạch ngang)

3.4 Hiệu lực và thời hạn Hợp Đồng:

a. Hợp Đồng có hiệu lực từ ngày: 11/03/2026

b. Hợp Đồng có Thời hạn: Kể từ ngày 11/03/2026 đến ngày 22/01/2031

3.5 Các thỏa thuận cụ thể khác:

- Trường hợp có thay đổi lịch ghi chỉ số, Bên A có trách nhiệm thông báo trước cho Bên B về ngày thực hiện việc thay đổi ngày ghi chỉ số công tơ. Việc thông báo được thực hiện theo quy định.

- Bên A được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng mua bán điện này khi bên B không còn quyền sở hữu, chiếm hữu, sử dụng, định đoạt đối với địa điểm mua điện

nêu tại Hợp đồng này.

- Trường hợp có tranh chấp về địa điểm sử dụng điện/chủ sở hữu địa điểm sử dụng điện không đồng ý bằng văn bản cho Bên B được ký HĐMBĐ, Bên A được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng.
- Khi có sự thay đổi về thông tin chủ thể hợp đồng mua bán điện, Bên B phải thông báo cho bên A trước 15 ngày để hai bên cùng nhau thực hiện thanh lý hợp đồng cũ và ký lại hợp đồng mua bán điện mới.
- Bên B sử dụng đúng công suất như đã đăng ký tại ghi tại khoản 2.4 Điều 2 của hợp đồng. Nếu Bên B có sự thay đổi công suất sử dụng điện thì bên B phải gửi thông báo cho Bên A biết và đồng thời phải đăng ký lại biểu đồ đăng ký công suất sử dụng điện trong ngày trước 30 ngày.
- Trước ngày 30/11 hàng năm, Bên B phải gửi cho Bên A biểu đồ đăng ký công suất dự kiến sử dụng trong ngày của năm kế tiếp.
- Khi có yêu cầu về tiết giảm công suất do thiếu nguồn điện thì Bên B phải thực hiện việc tiết giảm theo các mức tiết giảm công suất mà Bên A yêu cầu để đảm bảo an toàn vận hành của Hệ thống điện.
- Bên B cần trang bị nguồn điện dự phòng để tự cấp điện trong trường hợp lưới điện bị sự cố gây mất điện đột xuất hoặc dao động điện áp.
- Trường hợp hệ thống đo đếm điện năng bị sự cố thì căn cứ vào tình hình thực tế, hai bên cùng nhau xem xét tính toán truy thu điện năng. Bên B có trách nhiệm thanh toán cho Bên A số tiền điện truy thu.
 - + Trường hợp hệ thống đo đếm điện năng bị mất hoặc hư hỏng do lỗi của Bên B thì Bên B phải:
 - Bồi thường phần tiền điện sử dụng trong thời gian hệ thống đếm điện bị mất hoặc hư hỏng.
 - Bồi thường phần giá trị (kể cả tiền công) để Bên A khôi phục lại hệ thống đếm điện.
 - Thực hiện các bồi thường khác theo quy định của pháp luật.
- Khi Bên B làm việc hoặc thao tác đóng cắt điện ở điện áp 22kV thì Bên B phải đăng ký với Bên A theo quy định an toàn điện và quy trình thao tác hệ thống điện. Trong trường hợp Bên B không thực hiện thì được coi là vi phạm hợp đồng mua bán điện. Nếu để xảy ra mất an toàn, sự cố lưới điện thì Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và các đơn vị liên quan.
- Nếu Bên B sử dụng công suất trung bình nhỏ hơn 60% công suất định mức của máy biến áp thì trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày Bên A gửi thông báo, Bên B phải có trách nhiệm thay máy biến áp có công suất phù hợp với công suất sử dụng.
- Do kết cấu nguồn và lưới điện nên điện áp thực tế trong điều kiện bình thường sẽ dao động từ (+5; -10%)Uđm. Trong điều kiện sự cố hệ thống điện, điện áp dao động ngoài giới hạn trên, Bên B cần báo cho Bên A biết để hai bên tìm giải pháp khắc phục trong thời gian sớm nhất để đảm bảo chất lượng điện cung cấp như đã thỏa thuận ở hợp đồng này.
- Bên B không tự ý thay đổi phương thức cấp điện giữa các điểm đo đếm điện, không tự ý cấp điện cho tổ chức, cá nhân sử dụng điện khác qua công trình điện của mình mà không được sự

cho phép của cơ quan chức năng có thẩm quyền hoặc thoả thuận đồng ý bằng văn bản của bên A.

- Bên B có trách nhiệm bảo vệ sự nguyên vẹn của hệ thống đo đếm điện. Trường hợp công tơ điện bị mất phải bồi thường.

- Trong mọi trường hợp sự cố lưới điện gây gián đoạn cung cấp điện hoặc dao động điện áp (được bên bán điện xác định do lỗi khách quan hoặc sự cố bất khả kháng) ảnh hưởng đến sản xuất của Bên B thì được coi là rủi ro trong sản xuất/kinh doanh dịch vụ, Các Bên không có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho nhau. Việc này phù hợp với quy định pháp luật Việt Nam về bồi thường thiệt hại.

- Các nội dung khác có liên quan đến hoạt động mua bán điện giữa hai bên không nêu trong hợp đồng này sẽ được thực hiện theo quy định của Pháp luật.

ĐIỀU 4: TIÊU CHUẨN VÀ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

Các Bên thống nhất rằng hoạt động mua bán điện năng theo Hợp Đồng này phải bảo đảm tuân thủ các yêu cầu về chất lượng điện năng, chất lượng dịch vụ khách hàng theo quy định của Pháp Luật.

ĐIỀU 5: MUA CÔNG SUẤT PHẢN KHÁNG

5.1 Các Bên thống nhất áp dụng quy định của Pháp Luật để xác định lựa chọn việc mua công suất phản kháng tại Điều 2.4.c của Hợp Đồng.

5.2 Trong trường hợp Các Bên lựa chọn có mua công suất phản kháng tại Điều 2.4.c, Bên B phải thanh toán cho Bên A tiền mua công suất phản kháng và việc thực hiện hoạt động mua công suất phản kháng được áp dụng theo quy định của Pháp Luật. Bên B thanh toán tiền mua công suất phản kháng cùng kỳ thanh toán tiền điện theo quy định của Hợp Đồng. Thông báo của Bên A về giá trị khoản tiền mua công suất phản kháng và hoá đơn mua công suất phản kháng cho Bên B sẽ được gửi cùng với thông báo thanh toán lần đầu theo quy định tại Điều 3.2.

5.3 Căn cứ quy định của Pháp Luật và Hợp Đồng, Các Bên có thể thoả thuận về việc (i) dừng mua công suất phản kháng và/hoặc (ii) điều chỉnh việc mua công suất phản kháng khi có thay đổi. Bên A thông báo cho Bên B việc chấp thuận các nội dung thoả thuận và phương án xử lý trên cơ sở thông báo của Bên B. Thông báo được lưu, đính kèm và trở thành Phụ lục của Hợp Đồng để làm căn cứ thực hiện.

ĐIỀU 6: ĐO ĐẾM ĐIỆN NĂNG

6.1 Hoạt động đo đếm điện năng được Các Bên thống nhất thực hiện theo quy định của Pháp Luật. Điện năng sử dụng được xác định thông qua chỉ số Công Tơ và hệ số nhân của Thiết Bị Đo Đếm Điện. Hệ số nhân của Thiết Bị Đo Đếm Điện được thống nhất và ghi nhận tại Biên Bản Treo, Tháo Thiết Bị Đo Đếm Điện.

6.2 Khi treo, tháo Thiết Bị Đo Đếm Điện, Các Bên có trách nhiệm ghi nhận đầy đủ kết quả và các thông tin cần thiết vào Biên Bản Treo, Tháo Thiết Bị Đo Đếm Điện. Biên Bản Treo, Tháo Các Thiết Bị Đo Đếm Điện phải có chữ ký của đại diện Các Bên khi hoàn thành công tác treo tháo. Biên Bản Treo, Tháo Các Thiết Bị Đo Đếm Điện được đính kèm Hợp Đồng này. Các Bên có trách nhiệm bảo vệ Thiết Bị Đo Đếm Điện trong phạm vi quản lý của mình. Trường hợp phát hiện Thiết Bị Đo Đếm Điện bị mất hoặc hư

hồng, Các Bên lập biên bản để xác định nguyên nhân và trách nhiệm của Các Bên có liên quan trong việc sửa chữa, thay thế hoặc bồi thường.

6.3 Bên B không được tự ý tháo gỡ, di chuyển Công Tơ. Bên B phải được sự đồng ý của Bên A khi có nhu cầu di chuyển Công Tơ sang vị trí khác và phải chịu mọi chi phí phát sinh trong quá trình di chuyển.

6.4 Khi thay đổi Thiết Bị Đo Đếm Điện, Các Bên có trách nhiệm cùng ký biên bản xác nhận thông số kỹ thuật của Thiết Bị Đo Đếm Điện và chỉ số Công Tơ.

ĐIỀU 7: GHI CHỈ SỐ CÔNG TƠ

Căn cứ theo quy định của Pháp Luật, Các Bên thống nhất ghi nhận ngày ghi, số kỳ ghi và hình thức ghi chỉ số Công Tơ tại Điều 2.7 của Hợp Đồng. Trường hợp ngày, số kỳ ghi chỉ số Công Tơ và hình thức ghi chỉ số Công Tơ thay đổi so với quy định tại Điều 2.7 Hợp Đồng, Bên A có trách nhiệm thông báo cho Bên B trước 05 ngày kể từ ngày có sự thay đổi theo hình thức thông báo được quy định tại Điều 3.3. Thông báo được lưu, đính kèm và trở thành Phụ lục của Hợp Đồng để làm căn cứ thực hiện.

ĐIỀU 8: BẢO ĐẢM THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

8.1 Phạm vi bảo đảm: Các Bên thống nhất rằng Bên B xác lập Biện Pháp Bảo Đảm với phạm vi bảo đảm là toàn bộ Nghĩa Vụ Thanh Toán.

8.2 Việc bảo đảm thực hiện Hợp Đồng được Các Bên thống nhất áp dụng theo quy định của Pháp Luật. Các Bên căn cứ vào thỏa thuận về Thời Hạn tại Điều 3.4.b, Điều 19 và các quy định tại Điều này để xác định và ghi nhận Giá trị Tài Sản Bảo Đảm thực hiện Hợp Đồng tại Điều 3.1.

8.3 Trong trường hợp Bên B không thực hiện bảo đảm thực hiện hợp đồng tại khoản 3.1 - Điều 3 thì Hợp Đồng sẽ không có hiệu lực.

8.4 Giá trị Tài Sản Bảo Đảm sẽ được Các Bên thống nhất điều chỉnh mỗi năm 01(một) lần căn cứ vào sản lượng điện mua bán thực tế của năm trước liền kề. Các Bên điều chỉnh và thông báo cho nhau về Giá trị Tài Sản Bảo Đảm mỗi năm sau khi điều chỉnh để thực hiện theo quy định của Hợp Đồng.

8.5 Thời hạn bảo đảm:

Biện Pháp Bảo Đảm được Các Bên lựa chọn tại Điều 3.1 sẽ không hủy ngang và Bên B phải duy trì biện pháp bảo đảm liên tục trong suốt Thời Hạn cộng thêm 30 (ba mươi) ngày.

8.6 Xử lý tài sản bảo đảm:

a. Ngay sau khi kết thúc thời hạn thanh toán tại Điều 3.2.b mà Bên B Vi Phạm Nghĩa Vụ Thanh Toán trong thời hạn bảo đảm theo Điều 8.6, Bên A lập tức gửi thông báo thanh toán lần hai cho Bên B và được quyền:

(i) Đối với Biện Pháp Bảo Đảm là bảo lãnh ngân hàng: ngay lập tức yêu cầu ngân hàng phát hành bảo lãnh thực hiện Hợp Đồng cho Bên B thanh toán vô điều kiện cho Bên A khoản tiền tương ứng với giá trị của Nghĩa Vụ Thanh Toán bị vi phạm cộng với tiền lãi chậm trả đối với giá trị của Nghĩa Vụ Thanh Toán bị vi phạm (nếu có).

Khoản tiền lãi chậm trả được tính bằng giá trị của Nghĩa Vụ Thanh Toán bị vi phạm nhân với Lãi Suất Chậm Trả và nhân với số ngày được tính từ ngày đầu tiên kết thúc thời

hạn thanh toán tại Điều 3.2.b đến ngày ngân hàng phát hành bảo lãnh chính thức thanh toán khoản tiền tương ứng với giá trị của Nghĩa Vụ Thanh Toán bị vi phạm cho Bên A;

(ii) Đối với Biện Pháp Bảo Đám là đặt cọc bằng tiền: ngay lập tức khấu trừ trực tiếp vào khoản tiền đặt cọc của Bên B cho Bên A khoản tiền tương ứng với giá trị Nghĩa Vụ Thanh Toán bị vi phạm;

b. Khoản tiền tương ứng với giá trị của Nghĩa Vụ Thanh Toán bị vi phạm mà theo Điều 8.7 này được thanh toán cho Bên A thông qua việc xử lý tài sản bảo đảm trong Hợp Đồng được gọi là Khoản Khấu Trừ.

c. Quyền, nghĩa vụ của Các Bên sau khi xử lý tài sản bảo đảm theo Điều này sẽ được thực hiện theo Điều 10 của Hợp Đồng. Các Bên đồng ý rằng việc khấu trừ Khoản Khấu Trừ theo Điều này không đồng nghĩa với việc Bên B không bị coi là Vi Phạm Nghĩa Vụ Thanh Toán, và vẫn phải chịu trách nhiệm với khoản phạt vi phạm theo Điều 10.

8.7 Bên A có quyền ngừng cấp điện nếu Bên B không duy trì Biện Pháp Bảo Đám trong thời hạn bảo đảm hoặc ngừng cấp điện do Bên B không bổ sung Khoản Khấu Trừ theo quy định tại Điều 10.4.

8.8 Căn cứ quy định của Pháp Luật và Điều này, Các Bên có thể thỏa thuận về việc (i) dừng thực hiện Biện Pháp Bảo Đám và/hoặc (ii) điều chỉnh Giá trị Tài Sản Bảo Đám. Bên A thông báo cho Bên B về việc chấp thuận các nội dung thỏa thuận theo Điều này và phương án xử lý/ thay đổi Giá trị Tài Sản Bảo Đám.

ĐIỀU 9: GIÁ ĐIỆN

9.1 Giá điện thực hiện theo quy định của Cơ Quan Nhà Nước về mức giá điện. Căn cứ mục đích sử dụng điện của Bên B theo quy định tại Điều 2.2 của Hợp Đồng, Các Bên ghi nhận việc áp dụng mức giá điện tương ứng tại Điều 2.8 của Hợp Đồng.

9.2 Trong trường hợp Bên B có nhiều hơn một mục đích sử dụng điện, Các Bên thỏa thuận về tỷ lệ mục đích sử dụng điện cho mỗi loại mục đích.

9.3 Trong quá trình sử dụng điện, nếu Bên B có nhu cầu thay đổi mục đích sử dụng điện hoặc mức sử dụng điện của từng mục đích dẫn đến việc thay đổi giá điện quy định tại Điều 2.8, Bên B có trách nhiệm thông báo cho Bên A trước 10 (mười) ngày kể từ thời điểm hoạt động sử dụng điện của Bên B có sự thay đổi trên thực tế. Bên A xác định và thông báo áp dụng mức giá điện mới cho Bên B.

9.4 Trong trường hợp mức giá điện theo quy định của Cơ Quan Nhà Nước có sự thay đổi thì mức giá điện mới ngay lập tức được áp dụng kể từ thời điểm quy định mới của Cơ Quan Nhà Nước có hiệu lực.

ĐIỀU 10: THANH TOÁN

10.1 Hóa đơn thanh toán tiền điện, tiền mua công suất phản kháng được lập theo chu kỳ ghi chỉ số Công Tơ quy định tại Điều 2.7 của Hợp Đồng. Bên A thông báo cho Bên B về việc thanh toán tiền điện tương ứng với số lần ghi chỉ số Công Tơ theo hình thức thông báo quy định tại Điều 3.3 của Hợp Đồng.

10.2 Việc thực hiện Nghĩa Vụ Thanh Toán sẽ bằng đồng Việt Nam.

10.3 Hình thức thanh toán, thời hạn thanh toán được Các Bên thỏa thuận và ghi tại Điều 3.2 của Hợp Đồng.

10.4 Bên B có trách nhiệm thanh toán đầy đủ số tiền điện, tiền mua công suất phản kháng ghi trong hóa đơn được Bên A phát hành trong thời hạn ghi nhận tại Điều 3.2. Trường hợp Bên B có Vi Phạm Nghĩa Vụ Thanh Toán tại Điều 10.4 này thì:

a. Trường hợp Bên B thực hiện việc bảo đảm thực hiện Hợp Đồng:

(i) Bên A thông báo thanh toán lần hai cho Bên B theo hình thức quy định tại Hợp Đồng về việc Vi Phạm Nghĩa Vụ Thanh Toán khi phát sinh vi phạm và thực hiện theo quy định tại Điều 8.7 của Hợp Đồng.

(ii) Nếu Khoản Khấu Trừ đủ để hoàn tất Nghĩa Vụ Thanh Toán, trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ thời điểm Bên A gửi thông báo thanh toán lần đầu cho Bên B, Bên B có trách nhiệm:

- Thanh toán khoản tiền phạt vi phạm theo Điều 16;
- Bổ sung đầy đủ Khoản Khấu Trừ vào tài sản bảo đảm.

(iii) Nếu Khoản Khấu Trừ không đủ để hoàn tất Nghĩa Vụ Thanh Toán, trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày Bên A gửi thông báo thanh toán lần đầu cho Bên B, Bên B có trách nhiệm:

- Thanh toán khoản tiền phạt vi phạm theo Điều 16;
- Bổ sung đầy đủ Khoản Khấu Trừ vào tài sản bảo đảm;
- Thanh toán cho Bên A khoản tiền chênh lệch giữa giá trị Nghĩa Vụ Thanh Toán bị vi phạm và Khoản Khấu Trừ (sau đây được gọi là Khoản Còn Thiếu) và tiền lãi chậm trả đối với Khoản Còn Thiếu;

Khoản tiền lãi chậm trả theo Điều này được tính bằng Khoản Còn Thiếu nhân với Lãi Suất Chậm Trả và nhân với số ngày chậm trả. Số ngày chậm trả được tính từ ngày đầu tiên kết thúc thời hạn thanh toán tại Điều 3.2.b đến ngày Bên B thanh toán đủ hoặc ngày Bên A ngừng cấp điện cho Bên B theo quy định tại Điều 10.4.c và 11.1.a.

(iv) Tới ngày thứ 9 (chín) trong thời hạn quy định tại Điều 10.4.a.(ii) và Điều 10.4.a.(iii), nếu Bên B vẫn chưa hoàn tất Nghĩa Vụ Thanh Toán theo Điều này, Bên A sẽ gửi thông báo ngừng cấp điện cho Bên B.

(v) Nội dung thông báo ngừng cấp điện phải ghi nhận rõ:

- Kết thúc thời hạn tại Điều 10.4.a.(ii), Điều 10.4.a.(iii) mà Bên B không hoàn tất Nghĩa Vụ Thanh Toán, Bên A sẽ ngừng ngay việc cấp điện theo Hợp Đồng;
- Thời điểm ngừng cấp điện. Thời điểm ngừng cấp điện phải là thời điểm thỏa mãn:

(i) thời hạn tại Điều 10.4.a.(ii), Điều 10.4.a.(iii) đã kết thúc và (ii) sau 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ thời điểm có thông báo ngừng cấp điện.

b. Trường hợp không thực hiện việc bảo đảm thực hiện Hợp Đồng:

(i) Bên A thông báo thanh toán lần hai cho Bên B theo hình thức quy định tại Hợp Đồng về việc Vi Phạm Nghĩa Vụ Thanh Toán ngay khi phát sinh Vi Phạm Nghĩa Vụ Thanh Toán. Bên B thực hiện đầy đủ Nghĩa Vụ Thanh Toán trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ thời điểm Bên A gửi thông báo thanh toán lần đầu cho Bên B, bao gồm cả các khoản sau:

- Khoản tiền phạt vi phạm theo Điều 16;

- Khoản tiền lãi chậm trả đối với giá trị Nghĩa Vụ Thanh Toán bị vi phạm;
Khoản tiền lãi chậm trả theo Điều này được tính bằng giá trị Nghĩa Vụ Thanh Toán bị vi phạm nhân với Lãi Suất Chậm Trả và nhân với số ngày chậm trả. Số ngày chậm trả được tính từ ngày đầu tiên kết thúc thời hạn thanh toán tại Điều 3.2.b đến ngày Bên B thanh toán đủ hoặc ngày Bên A ngừng cấp điện cho Bên B theo quy định tại Điều 10.4.c. và Điều 11.1.a.

(ii) Tới ngày thứ 9 (Chín) trong thời hạn nêu tại Điều 10.4.b.(i), nếu Bên B vẫn chưa hoàn tất Nghĩa Vụ Thanh Toán, Bên A thông báo về việc ngừng cấp điện cho Bên B. Nội dung thông báo ngừng cấp điện thực hiện tương tự theo quy định tại Điều 10.4.a.(v).

c. Bên A có quyền ngừng ngay việc cấp điện theo nội dung thông báo ngừng cấp điện gửi cho Bên B. Bên A không chịu trách nhiệm về bất cứ thiệt hại nào của Bên B và các bên liên quan do việc ngừng cấp điện gây ra.

Việc cấp điện trở lại chỉ được tiến hành sau khi Bên B đã hoàn tất Nghĩa Vụ Thanh Toán theo Điều này.

10.5 Trừ trường hợp Các Bên có thỏa thuận về việc thanh toán trước tiền điện, trong trường hợp Bên B thanh toán tiền điện thừa cho Bên A, Bên B có thể yêu cầu Bên A hoàn trả hoặc chuyển tiền điện thừa cho các kỳ thanh toán kế tiếp.

ĐIỀU 11: TẠM NGỪNG, NGỪNG, GIẢM MỨC CUNG CẤP ĐIỆN

11.1 Các Bên thống nhất rằng Bên A có quyền ngừng, giảm mức cung cấp điện cho Bên B khi có phát sinh các sự kiện dưới đây:

- a. Theo quy định tại Điều 10.4 và các quy định khác của Hợp Đồng;
- b. Theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong trường hợp tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của Luật Điện lực hoặc quy định của luật khác và phải áp dụng biện pháp ngừng cung cấp điện theo quy định của luật đó.
- c. Bên A được quyền ngừng cấp điện theo yêu cầu của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong trường hợp Bên B vi phạm một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 Luật Thủ đô ngày 28/6/2024 để đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn

Thành phố.

11.2 Khi các sự kiện theo Điều 11.1 phát sinh trên thực tế, Bên A thực hiện quyền ngừng, giảm mức cung cấp điện. Trình tự ngừng, giảm mức cung cấp điện thực hiện theo quy định của Bộ Công Thương.

ĐIỀU 12: CAM ĐOAN VÀ BẢO ĐẢM CỦA CÁC BÊN

12.1 Có đủ năng lực và chức năng theo quy định của Pháp Luật để ký kết và thực hiện Hợp Đồng.

12.2 Việc thỏa thuận và ký kết Hợp Đồng diễn ra trên tinh thần thiện chí, trung thực, tự nguyện và không bị cưỡng ép, đe dọa bởi bất cứ chủ thể nào.

12.3 Các thông tin được Các Bên cung cấp phục vụ cho việc ký kết Hợp Đồng và được ghi nhận tại Hợp Đồng này là hoàn toàn đầy đủ, chính xác, đúng sự thật.

12.4 Các Bên đã đọc, đã hiểu các quy định của Hợp Đồng và các quy định của Pháp

Luật có liên quan. Các Bên xác nhận Hợp Đồng có hiệu lực ràng buộc và khả năng thi hành đối với Các Bên.

ĐIỀU 13: QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

13.1 Quyền của Bên A:

- a. Yêu cầu Bên B thực hiện Nghĩa Vụ Thanh Toán đầy đủ và đúng hạn;
- b. Được vào khu vực quản lý của Bên B để thao tác, bảo dưỡng, sửa chữa và thay thế mới trang thiết bị điện của Bên A; kiểm tra, ghi chỉ số Công Tơ và liên hệ với Bên B theo quy định của Pháp Luật;
- c. Được tạm ngừng, ngừng, giảm mức cung cấp điện theo quy định tại Điều 11 của Hợp Đồng;
- d. Được Bên B cung cấp đầy đủ các thông tin, tài liệu cần thiết liên quan và phục vụ cho việc thực hiện Hợp Đồng;
- e. Được thường xuyên kiểm tra việc thực hiện Hợp Đồng;
- f. Được quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng theo quy định tại Điều 17;
- g. Các quyền khác theo quy định của Hợp Đồng này và Pháp Luật.

13.2 Nghĩa vụ của Bên A:

- a. Cung cấp điện năng bảo đảm chất lượng điện năng và chất lượng dịch vụ khách hàng theo Điều 4 của Hợp Đồng và Pháp Luật, trừ trường hợp hệ thống điện bị quá tải theo xác nhận của Cơ quan Điều tiết Điện lực hoặc các trường hợp theo quy định của Pháp Luật;
- b. Tiến hành xử lý sự cố để khôi phục cấp điện sau 02 (hai) giờ kể từ khi phát hiện hoặc nhận được thông báo của Bên B về sự cố lưới điện Bên A quản lý; trường hợp không thực hiện được việc xử lý sự cố trong thời hạn nêu trên thì phải thông báo cho Bên B nguyên nhân và dự kiến thời gian cấp điện trở lại;
- c. Cấp điện trở lại sau khi Bên B đã hoàn thành Nghĩa Vụ Thanh Toán theo quy định tại Điều 10;
- d. Giải toả bảo lãnh, hoàn trả lại tiền, tài sản bảo đảm mà Bên B thực hiện Biện Pháp Bảo Đám (nếu có) cho Bên B khi kết thúc thời hạn bảo đảm hoặc sau khi kết thúc Thời Hạn mà Bên B đã hoàn tất toàn bộ nghĩa vụ theo Hợp Đồng;
- e. Kiểm tra chất lượng dịch vụ điện; tính chính xác của Thiết Bị Đo Đếm Điện theo quy định của Pháp Luật;
- f. Giải quyết nhanh chóng, kịp thời các khiếu nại của Bên B liên quan đến việc cung cấp và sử dụng dịch vụ điện theo quy định tại Hợp Đồng;
- g. Kiểm tra lại tiền điện theo yêu cầu của Bên B tại Điều 14.1.e;
- h. Bảo mật thông tin, tài liệu có được trong quá trình kí kết, thực hiện Hợp Đồng;
- i. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Hợp Đồng này và Pháp Luật.

ĐIỀU 14: QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

14.1 Quyền của Bên B:

- a. Yêu cầu người của Bên A khi thực hiện quyền theo quy định tại Điều 13.1.a phải xuất trình thẻ Kiểm tra viên điện lực hoặc thẻ cán bộ nhân viên hoặc văn bản, tài liệu

khác theo quy định của Pháp Luật.

- b. Yêu cầu Bên A kịp thời khôi phục việc cấp điện sau khi mất điện;
- c. Yêu cầu Bên A cấp điện trở lại sau khi đã hoàn thành Nghĩa Vụ Thanh Toán;
- d. Yêu cầu Bên A giải toả bảo lãnh, hoàn trả lại tiền, tài sản bảo đảm mà Bên B thực hiện Biện Pháp Bảo Đảm (nếu có) khi kết thúc thời hạn bảo đảm hoặc sau khi kết thúc Thời Hạn mà Bên B đã hoàn tất toàn bộ nghĩa vụ theo Hợp Đồng;
- e. Yêu cầu Bên A kiểm tra chất lượng dịch vụ điện; tính chính xác của Thiết Bị Đo Đếm Điện, số tiền điện phải thanh toán theo quy định của Pháp Luật;
- f. Các quyền khác theo quy định của Hợp Đồng này và Pháp Luật.

14.2 Nghĩa vụ của Bên B:

- a. Sử dụng điện năng đúng mục đích và định mức đã thỏa thuận tại Hợp Đồng;
- b. Thực hiện đầy đủ Nghĩa Vụ Thanh Toán theo quy định của Hợp Đồng;
- c. Giảm mức tiêu thụ điện hoặc cắt điện kịp thời khi nhận được thông báo của Bên A trong các trường hợp Bên A ngừng, giảm cung cấp điện theo quy định tại Điều 11 của Hợp Đồng;
- d. Thông báo cho Bên A chậm nhất trong thời hạn 05 (năm) ngày trước thời điểm tạm ngừng sử dụng điện năng khi có nhu cầu tạm ngừng sử dụng điện;
- e. Thông báo ngay lập tức cho Bên A (i) về việc Bên B không còn quyền sở hữu và/hoặc sử dụng hợp pháp Địa Điểm Sử Dụng Điện; (ii) khi có các khiếu nại, tranh chấp liên quan đến quyền sở hữu và/hoặc sử dụng hợp pháp Địa Điểm Sử Dụng Điện; và (iii) khi Bên B bị thu hồi giấy phép, chấm dứt hoạt động, ra quyết định giải thể, chuyển nhượng dự án/tài sản có liên quan đến Địa Điểm Sử Dụng Điện hoặc tuyên bố phá sản;
- f. Thông báo kịp thời cho Bên A khi phát hiện những hiện tượng bất thường có thể gây mất điện, mất an toàn cho người và tài sản;
- g. Tạo điều kiện để Bên A kiểm tra việc thực hiện Hợp Đồng, ghi chỉ số Công Tơ và thực hiện các quyền, nghĩa vụ khác theo Hợp Đồng;
- h. Bảo đảm các trang thiết bị sử dụng điện đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật và yêu cầu về an toàn điện; thực hiện chế độ sử dụng điện theo yêu cầu của Đơn vị Điều độ Hệ thống Điện Quốc gia theo quy định của Pháp Luật;
- i. Không được chuyển giao quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Hợp Đồng cho bất kỳ chủ thể nào khác nếu không thông báo và được Bên A chấp thuận;
- j. Bảo mật thông tin, tài liệu có được trong quá trình kí kết, thực hiện Hợp Đồng;
- k. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Hợp Đồng và Pháp Luật.

ĐIỀU 15: VI PHẠM HỢP ĐỒNG

15.1 Các hành vi vi phạm của Bên A bao gồm:

- a. Trì hoãn việc cấp điện theo Hợp Đồng, trừ trường hợp nguyên nhân của việc trì hoãn là do lỗi của Bên B;
- b. Không bảo đảm tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ theo Điều 4 của Hợp Đồng;
- c. Trì hoãn hoặc không bồi thường cho Bên B theo Điều 16;
- d. Các hành vi khác vi phạm các quy định của Hợp Đồng và Pháp Luật ảnh hưởng

đến việc thực hiện Hợp Đồng.

15.2 Các hành vi vi phạm của Bên B bao gồm:

- a. Trì hoãn việc thực hiện Hợp Đồng đã ký;
- b. Sử dụng điện sai mục đích ghi tại Điều 2.2 Hợp Đồng;
- c. Sử dụng quá công suất đã đăng ký vào giờ cao điểm;
- d. Không thanh lý Hợp Đồng khi không sử dụng điện năng;
- e. Vi Phạm Nghĩa Vụ Thanh Toán;
- f. Trì hoãn hoặc không bồi thường thiệt hại cho Bên A theo Điều 16;
- g. Tự ý cung cấp điện cho cá nhân hoặc tổ chức khác sử dụng điện;
- h. Không còn quyền sở hữu và/hoặc sử dụng hợp pháp đối với Địa Điểm Sử Dụng Điện;
- i. Không sử dụng điện 06 (sáu) tháng liên tục mà không thông báo trước cho Bên A;
- j. Các hành vi khác vi phạm các quy định tại Hợp Đồng và Pháp Luật ảnh hưởng đến việc thực hiện Hợp Đồng.

15.3 Nếu một Bên vi phạm các nghĩa vụ, các cam kết, bảo đảm của mình tại Hợp Đồng này thì phải chấm dứt mọi hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả của hành vi vi phạm trong thời hạn hợp lý theo thông báo của Bên bị vi phạm.

ĐIỀU 16: PHẠT VI PHẠM VÀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI

16.1 Các Bên chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại và phạt vi phạm khi có những hành vi vi phạm Hợp Đồng. Việc xử lý trách nhiệm bồi thường thiệt hại và phạt vi phạm được áp dụng theo Điều này, Hợp Đồng và quy định của Pháp Luật.

16.2 Khi có bất cứ hành vi vi phạm nghĩa vụ nào, Bên vi phạm sẽ phải chịu phạt vi phạm Hợp Đồng đối với hành vi vi phạm đó. Mức phạt vi phạm được tính bằng 08 (tám) % giá trị phần nghĩa vụ của Hợp Đồng bị vi phạm. Giá trị phần nghĩa vụ của Hợp Đồng bị vi phạm được xác định theo quy định của Pháp Luật.

16.3 Trong quá trình thực hiện Hợp Đồng, nếu có bất cứ hành vi vi phạm Hợp Đồng của một Bên gây thiệt hại cho Bên còn lại, thì Bên vi phạm có trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Bên bị vi phạm. Giá trị bồi thường thiệt hại được xác định theo quy định của Pháp Luật.

16.4 Chậm thực hiện nghĩa vụ phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại:

a. Đối với khoản tiền phạt vi phạm do Bên B vi phạm Hợp Đồng:

(i) Đối với khoản tiền phạt vi phạm phát sinh theo Điều 10.4: Nếu Bên B không hoàn tất việc thanh toán toàn bộ khoản tiền phạt vi phạm trong thời hạn được nêu tại Điều 10.4.a.(ii), Điều 10.4.a.(iii) hoặc thời hạn nêu tại Điều 10.4.b.(i), Bên B sẽ phải chịu Lãi Suất Chậm Trả đối với khoản tiền phạt vi phạm này cho tới khi hoàn tất Nghĩa Vụ Thanh Toán.

(ii) Đối với các khoản tiền phạt vi phạm khác phát sinh từ việc Bên B vi phạm Hợp Đồng: Bên B phải thanh toán khoản tiền phạt vi phạm trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày có thông báo của Bên A về nghĩa vụ phạt vi phạm của Bên B. Quá thời hạn này mà Bên B không hoàn tất việc thanh toán toàn bộ khoản tiền phạt vi phạm, Bên

B sẽ phải chịu Lãi Suất Chậm Trả đối với khoản tiền phạt vi phạm này cho tới khi hoàn tất Nghĩa Vụ Thanh Toán.

b. Đối với khoản tiền bồi thường thiệt hại do Bên B vi phạm Hợp Đồng:

Bên B có Nghĩa Vụ Thanh Toán cho Bên A khoản bồi thường thiệt hại phát sinh trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày Bên A thông báo cho Bên B về nghĩa vụ bồi thường thiệt hại. Trường hợp Bên B chậm thanh toán khoản tiền bồi thường thiệt hại, Bên B vi phạm sẽ phải chịu Lãi Suất Chậm Trả trên khoản tiền bồi thường thiệt hại cho tới khi hoàn tất Nghĩa Vụ Thanh Toán.

c. Đối với khoản tiền bồi thường thiệt hại và khoản tiền phạt vi phạm do Bên A vi phạm Hợp Đồng:

(i) Trường hợp phát sinh nghĩa vụ bồi thường thiệt hại và phạt vi phạm của Bên A đối với Bên B, Bên A có trách nhiệm thanh toán đầy đủ khoản tiền bồi thường và tiền phạt mà hai Bên đã thống nhất trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo chính thức của Bên B. Quá thời hạn trên mà Bên A chưa thanh toán đủ thì Bên B có quyền chậm thanh toán tiền điện với giá trị không quá khoản tiền Bên A chậm thanh toán cho đến khi Bên A thanh toán và Bên B không phải chịu bất cứ trách nhiệm nào do chậm thanh toán tiền điện trong phạm vi Điều này.

(ii) Nếu Bên A đã thanh toán cho Bên B đủ khoản tiền bồi thường thiệt hại, khoản tiền phạt vi phạm trong thời hạn nêu tại Điều 16.4.c.(i), Bên B phải thực hiện Nghĩa Vụ Thanh Toán Nghĩa Vụ Thanh Toán bình thường theo Hợp Đồng.

ĐIỀU 17: CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

17.1 Hợp Đồng sẽ chấm dứt theo một trong các căn cứ dưới đây:

a. Kết thúc Thời Hạn mà Các Bên không thỏa thuận gia hạn Hợp Đồng hoặc Bên B không có phản hồi theo Điều 19.4.

b. Các Bên thỏa thuận về việc chấm dứt Hợp Đồng trước Thời Hạn.

c. Bên B có quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng trước Thời Hạn khi Bên A có hành vi vi phạm Hợp Đồng mà không khắc phục theo Điều 15.3. Trong trường hợp này, Bên B có nghĩa vụ thông báo trước cho Bên A về việc đề nghị chấm dứt Hợp Đồng ít nhất 15 (mười lăm) ngày trước khi thực hiện Quy Trình Chấm Dứt Hợp Đồng.

d. Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng trước Thời Hạn trong các trường hợp dưới đây:

(i) Bên B có hành vi vi phạm Hợp Đồng mà không khắc phục theo Điều 15.3;

(ii) Bên B là tổ chức, hộ kinh doanh bị chấm dứt hoạt động, bị thu hồi giấy phép hoạt động, bị giải thể, chuyển nhượng tài sản/dự án có liên quan đến Địa Điểm Sử Dụng Điện, mất khả năng thanh toán, bị phá sản hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Pháp Luật; là cá nhân mất tích, chết không có người thay thế hợp pháp. Bên A có quyền thực hiện Quy Trình Chấm Dứt Hợp Đồng ngay lập tức khi phát sinh các sự kiện theo quy định này.

17.2 Quy trình chấm dứt Hợp Đồng:

a. Ngay sau khi phát sinh các trường hợp hoặc kết thúc thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày có thông báo về việc đề nghị chấm dứt Hợp Đồng của một Bên theo quy định tại

Điều 17.1, Bên A tiến hành:

- (i) Gửi thông báo ngay cho Bên B về thời điểm ngừng cấp điện, phục vụ việc chấm dứt Hợp Đồng.
- (ii) Ngừng cấp điện tại thời điểm đã thông báo trước đó.
- (iii) Xác định chỉ số Công Tơ, sản lượng điện đã giao nhận, lập và phát hành hoá đơn. Việc xác định được thực hiện tại Địa Điểm Sử Dụng Điện tính đến thời điểm ngừng cấp điện theo thông báo, không phụ thuộc vào việc điện năng được Bên B hay bất kỳ một bên nào khác sử dụng. Số tiền điện phải thanh toán được xác định theo Điều này do Bên B gánh chịu.
- (iv) Các Bên tiến hành hoàn tất toàn bộ Nghĩa Vụ Thanh Toán phát sinh theo Hợp Đồng tính đến thời điểm ngừng cấp điện.
- (v) Xử lý tài sản bảo đảm: Các Bên tổng kết về Giá trị Tài Sản Bảo Đảm còn lại tính đến thời điểm chấm dứt Hợp Đồng và xác định ngày chấm dứt thời hạn bảo đảm, ngày giải toả bảo lãnh, hoàn trả tiền, tài sản bảo đảm cho Bên B. Ngày giải toả bảo lãnh, hoàn trả tiền, tài sản bảo đảm cho Bên B có thể là ngày sau khi kết thúc thời hạn bảo đảm hoặc sau khi kết thúc Thời Hạn mà Bên B đã hoàn tất toàn bộ nghĩa vụ theo Hợp Đồng.

b. Sau khi Các Bên hoàn tất các nghĩa vụ theo Hợp đồng:

- (i) Trường hợp chấm dứt theo Điều 17.1.a, các Bên thống nhất Hợp đồng sẽ tự động chấm dứt và không phải ký Biên bản chấm dứt Hợp đồng.
- (ii) Các trường hợp còn lại, Bên A gửi Bên B dự thảo Biên bản chấm dứt Hợp Đồng. Bên B xác nhận đồng ý bằng cách ký vào Biên bản chấm dứt Hợp Đồng. Trong thời hạn 05 (năm) ngày kể từ ngày Bên B nhận được Biên bản chấm dứt Hợp Đồng nhưng không ký Biên bản chấm dứt Hợp Đồng và không có văn bản gửi cho Bên A nêu rõ lý do, Bên A có quyền hiểu là Bên B đã đồng ý chấm dứt Hợp Đồng. Hợp Đồng chấm dứt theo nội dung Biên bản chấm dứt Hợp Đồng.

c. Đối với các trường hợp do lỗi của Bên B hoặc các trường hợp khác mà Các Bên không thể tiến hành Quy Trình Chấm Dứt Hợp Đồng theo Điều 17.2 này, việc chấm dứt Hợp Đồng được thực hiện theo quyết định của Cơ Quan Nhà Nước thông qua quá trình giải quyết tranh chấp hoặc quy trình theo quy định của Pháp Luật.

ĐIỀU 18: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Trường hợp phát sinh tranh chấp, Các Bên sẽ cùng nhau tiến hành thương lượng để tìm ra giải pháp giải quyết tranh chấp tối ưu. Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp mà Các Bên không đạt được thỏa thuận, một trong Các Bên có quyền đưa vụ việc ra giải quyết tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền.

ĐIỀU 19: THỜI HẠN VÀ HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

19.1 Hiệu lực của Hợp Đồng

- a. Hiệu lực của Hợp Đồng do Các Bên thỏa thuận. Trong trường hợp Các Bên thỏa thuận lựa chọn việc áp dụng bảo đảm thực hiện Hợp Đồng tại Điều 3.1, ngày có hiệu lực của Hợp Đồng được xác định là (i) Ngày Xác Nhận Bảo Đảm theo Điều 3.1.c hoặc (ii) ngày nghiệm thu đóng điện, phụ thuộc vào thời điểm nào xảy ra sớm hơn.

b. Căn cứ theo Điều 19.1.a, Các Bên thỏa thuận và thống nhất ghi nhận ngày có hiệu lực của Hợp Đồng tại Điều 3.4.a.

19.2 Thời Hạn của Hợp Đồng:

a. Thời Hạn của Hợp Đồng do Các Bên thỏa thuận nhưng không vượt quá thời hạn mà Bên B có quyền sở hữu và/hoặc sử dụng hợp pháp Địa Điểm Sử Dụng Điện.

Việc xác định quyền sở hữu và sử dụng hợp pháp của Bên B đối với Địa Điểm Sử Dụng Điện căn cứ vào các tài liệu được Bên B chủ động cung cấp hoặc theo yêu cầu của Bên A. Các tài liệu này sẽ được đính kèm Hợp Đồng.

b. Căn cứ theo Điều 19.2.a, Các Bên thỏa thuận và thống nhất ghi nhận Thời Hạn của Hợp Đồng tại Điều 3.4.b.

19.3 Thời Hạn có thể được điều chỉnh hoặc gia hạn theo thỏa thuận giữa Các Bên và phải được quy định thành phụ lục đính kèm Hợp Đồng.

19.4 Bên A thông báo trước cho Bên B về việc hết Thời Hạn ít nhất 10 ngày trước ngày Hợp Đồng này hết hiệu lực để Các Bên tiến hành việc thỏa thuận gia hạn, ký lại Hợp Đồng mới hoặc chấm dứt Hợp Đồng. Bên B phản hồi lại về việc gia hạn, ký lại Hợp Đồng mới hoặc chấm dứt Hợp Đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A. Bên A thực hiện ngay việc ngừng bán điện kể từ ngày hết Thời Hạn nếu không nhận được phản hồi từ Bên B.

19.5 Đối với trường hợp tại Điều 19.4, Các Bên thống nhất về việc gia hạn Hợp Đồng:

a. Các Bên hoàn thành việc ký phụ lục gia hạn Hợp Đồng hoặc ký hợp đồng mua bán điện mới trước ngày Hợp Đồng hết hiệu lực;

b. Đối với trường hợp có áp dụng Biện Pháp Bảo Đảm, Các Bên có nghĩa vụ hoàn tất việc gia hạn đối với thời hạn bảo đảm của Biện Pháp Bảo Đảm hoặc hoàn tất việc áp dụng biện pháp bảo đảm mới, bảo đảm phù hợp với hiệu lực của Hợp Đồng và Thời Hạn gia hạn hoặc phù hợp với hiệu lực và thời hạn của hợp đồng mua bán điện mới theo quy định của Hợp Đồng. Trong trường hợp này, Các Bên căn cứ Thời Hạn gia hạn, thời hạn của hợp đồng mua bán điện mới, sản lượng điện xác định theo quy định tại Điều 8.3 đối với từng trường hợp để xác định Giá trị Tài Sản Bảo Đảm thực hiện Hợp Đồng cho Thời Hạn gia hạn hoặc giá trị tài sản bảo đảm thực hiện hợp đồng mua bán điện mới.

ĐIỀU 20: ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

20.1 Thông báo và liên lạc

a. Một thông báo được đưa ra theo Hợp Đồng này phải bằng văn bản và gửi cho người nhận là cá nhân, tổ chức có liên quan đến địa chỉ được quy định tại Điều 3.3.b (hoặc địa chỉ hoặc người nhận khác theo thông báo của mỗi Bên cho Bên còn lại trong từng trường hợp) bằng các hình thức tại Điều 3.3.c.

b. Căn cứ theo quy định này, Các Bên thỏa thuận và ghi nhận các nội dung quy định về hình thức thông báo và địa chỉ gửi thông báo tại Điều 3.3.

20.2 Việc sửa đổi, bổ sung Hợp Đồng được thực hiện bằng cách ký kết phụ lục sửa đổi, bổ sung hoặc theo thông báo của Bên A.

20.3 Việc giải thích và thực hiện Hợp Đồng này được điều chỉnh bởi Pháp Luật. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa nội dung của Hợp Đồng và quy định của Pháp

Luật, Các Bên thống nhất áp dụng quy định Pháp Luật để điều chỉnh vấn đề đó.

20.4 Trường hợp bất kỳ quy định nào trong Hợp Đồng bị vô hiệu hoặc không thể thi hành, thì quy định đó sẽ không có hiệu lực và không làm ảnh hưởng đến hiệu lực của các quy định còn lại trong Hợp Đồng. Khi đó, Hợp Đồng này sẽ được hiểu và giải thích theo các quy định còn lại của Hợp Đồng. Các Bên sẽ cùng nhau, trên tinh thần hợp tác, thiện chí, nỗ lực để thay thế quy định vô hiệu hoặc không thể thi hành đó bằng một quy định khác có hiệu lực và có thể thi hành, với nội dung phù hợp nhất với quy định bị thay thế.

20.5 Việc thỏa thuận và ký kết Hợp Đồng diễn ra trên tinh thần thiện chí, trung thực. Hợp Đồng là kết quả của việc đàm phán giữa Các Bên và sẽ không bị suy đoán rằng một điều khoản không rõ nghĩa nào cần phải được giải thích theo hướng có lợi hoặc bất lợi cho bất kỳ Bên nào.

20.6 Hợp Đồng được lập bằng tiếng Việt. Trong quá trình thực hiện Hợp Đồng mà Bên B có nhu cầu dịch Hợp Đồng sang ngôn ngữ khác ngoài tiếng Việt, nếu có sự không thống nhất giữa nội dung bản dịch và bản gốc tiếng Việt thì nội dung của bản gốc tiếng Việt được ưu tiên áp dụng.

Hợp Đồng này được lập thành 02 (hai) bản gốc bằng tiếng Việt với đầy đủ chữ ký của Các Bên. Mỗi Bên giữ 01 (một) bản Hợp Đồng để làm căn cứ thực hiện.



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Quang Huy



GIÁM ĐỐC
Phạm Đức Cường

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
THANH LÝ HỢP ĐỒNG MUA BÁN ĐIỆN

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015 và các Nghị định, Thông tư, văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005 và các Nghị định, Thông tư, văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ vào hợp đồng mua bán điện số: 23/000125 ký ngày 30/09/2023 giữa Công ty Cổ phần Điện lực Miền Bắc và Công ty TNHH Khoá Huy Hoàng;

Hôm nay, ngày 11/03/2026 tại Công ty Cổ phần Điện lực Miền Bắc. Chúng tôi gồm:

I. BÊN BÁN ĐIỆN: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

- Đại diện là Ông: **Phạm Đức Thắng** Chức vụ: **Phó giám đốc**

(Theo giấy uỷ quyền số: 68 ngày 20 tháng 06 năm 2008 của Giám đốc công ty Cổ phần Điện lực miền Bắc)

- Địa chỉ: Số 10S1, Khu đô thị Hà Tiên, Phường Vĩnh Phúc, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam.

- Điện thoại: 0211 2211 888

Fax: 0211 3710 509

II. BÊN MUA ĐIỆN: CÔNG TY TNHH KHOÁ HUY HOÀNG

- Đại diện là Ông: **Nguyễn Quang Huy** Chức vụ: **Tổng Giám đốc**

- Địa chỉ: Lô 38D, Khu Công nghiệp Quang Minh, Xã Quang Minh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

- Điện thoại: 0242 263 4499

Fax:

Hai bên cùng nhất trí thanh lý hợp đồng mua bán điện số: 23/000125 ký ngày 30/09/2023.

Lý do: Hợp đồng mua bán điện đã ký hết hiệu lực.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng mua bán điện. Hai bên đã thực hiện đúng các nội dung của hợp đồng đã ký kết.

Khi bên mua điện thanh toán xong tiền điện phát sinh đến kỳ ghi chỉ số kỳ ngày 20/03/2026 thì hợp đồng mua bán điện số 23/000125 ký ngày 30/09/2023 chính thức được thanh lý.

Biên bản này được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản để thực hiện.



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quang Huy



GIÁM ĐỐC

Phạm Đức Thắng

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Kiểm tra mục đích sử dụng điện và thỏa thuận tỷ lệ giá bán điện

Căn cứ vào Luật Điện lực số: 61/2024/QH15 ngày 30/11/2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Điện lực;

Căn cứ Thông tư số: 60/2025/TT-BCT ngày 02/12/2025 của Bộ Công thương Quy định về thực hiện giá bán điện;

Căn cứ Quyết định số: 1279/QĐ-BCT ngày 10/5/2025 của Bộ Công thương Quy định về giá bán điện.

Căn cứ mục đích sử dụng điện của thực tế của khách hàng.

Hôm nay, ngày 11/03/2026 tại địa điểm sử dụng điện của Công ty TNHH Khoá Huy Hoàng - KCN Quang Minh, Xã Quang Minh, TP. Hà Nội, Chúng tôi gồm:

I. Bên bán điện: Công ty Cổ phần Điện lực miền Bắc

1. Ông: Phạm Đức Thắng Chức vụ: Phó giám đốc
2. Ông: Tạ Văn Hội Chức vụ: NV KD điện năng

II. Bên mua điện: Công ty TNHH Khoá Huy Hoàng

1. Ông: Nguyễn Quang Huy Chức vụ: Tổng Giám đốc

Hai bên cùng nhau kiểm tra, tính toán và thống nhất xác định tỷ lệ giá bán điện cho từng mục đích sử dụng điện. Cụ thể như sau:

STT	Mã điểm đo	Cấp điện áp đo đếm điện năng	Mục đích sử dụng	Tỷ lệ	Giá bán điện chưa có thuế VAT (đ/kWh) (Theo QĐ: 1279/QĐ-BCT)		
					Giờ BT	Giờ CD	Giờ TĐ
1	NPC01_11201	Dưới 6kV	Sản xuất	100%	1.987	3.640	1.300

Biên bản có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế các biên bản kiểm tra mục đích sử dụng điện và thỏa thuận tỷ lệ giá bán điện đã ký trước đó và là bộ phận không tách rời của Hợp đồng mua bán điện đã ký, được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản để thực hiện.



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Quang Huy



PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Đức Thắng



HÓA ĐƠN GTGT (TIỀN ĐIỆN)
VAT INVOICE (ELECTRIC BILL)

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Kỳ (Term): 1 Từ ngày (From): 21/12/2024 Đến ngày (To): 02/01/2025

Mã của CQT: 00FD0C0FCD9FE14183AFA73BFDF717CA0A

Ký hiệu (Series): IC25TAA

Số (No.): 00000240

Số bảo mật: 178902

(Security number)

Bên bán điện (Seller): CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Địa chỉ (Address): Số 10 - S1, Khu đô thị Hà Tiên, Phường Liên Bảo, Thành phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

Điện thoại (Phone number): 0988657663

MST (Tax ID): 2500292749

Bên mua điện (Buyer): CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG

Địa chỉ (Address): Lô 38D, KCN Quang Minh, Thị trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MST (Tax ID): 2500242018

BỘ CS (Time of rate tariffs)	ĐN THỰC TẾ (Actual consumption)	ĐƠN GIÁ (Price)	THÀNH TIỀN (Amount)
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
B ^T	31.716	1.896	60.133.536
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
CD	11.004	3.474	38.227.896
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
TD	10.524	1.241	13.060.284
Cộng (Total):			111.421.716
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8 %		Tiền thuế (VAT):	8.913.737
Tổng cộng tiền thanh toán (Total charges)			120.335.453
Số tiền bằng chữ (Written amount): Một trăm hai mươi triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn bốn trăm năm mươi ba đồng			

Ngày ký (Date signed): 02/01/2025

Signed by
Được ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN
LỰC MIỀN BẮC



HÓA ĐƠN GTGT (TIỀN ĐIỆN)
VAT INVOICE (ELECTRIC BILL)

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Kỳ (Term): 2 Từ ngày (From): 03/01/2025 Đến ngày (To): 12/01/2025

Mã của CQT: 0014BA91410CB74139AE039797877C181E

Ký hiệu (Series): 1C25TAA

Số (No.): 00000582

Số bảo mật: 179440

(Security number)

Bên bán điện (Seller): CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Địa chỉ (Address): Số 10 - S1, Khu đô thị Hà Tiên, Phường Liên Bảo, Thành phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

Điện thoại (Phone number): 0988657663

MST (Tax ID): 2500292749

Bên mua điện (Buyer): CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG

Địa chỉ (Address): Lô 38D, KCN Quang Minh, Thị trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MST (Tax ID): 2500242018

BỘ CS (Time of rate tariffs)	ĐN THỰC TẾ (Actual consumption)	ĐƠN GIÁ (Price)	THÀNH TIỀN (Amount)
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
B*	26.748	1.896	50.714.208
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
CD	10.044	3.474	34.892.856
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
TD	10.380	1.241	12.881.580
Cộng (Total):			98.488.644
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8 %	Tiền thuế (VAT):		7.879.092
Tổng cộng tiền thanh toán (Total charges)			106.367.736
Số tiền bằng chữ (Written amount): Một trăm linh sáu triệu ba trăm sáu mươi bảy nghìn bảy trăm ba mươi sáu đồng			

Ngày ký (Date signed): 13/01/2025

Signed by
Được ký bởi CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN
LỰC MIỀN BẮC



HÓA ĐƠN GTGT (TIỀN ĐIỆN)
VAT INVOICE (ELECTRIC BILL)

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Kỳ (Term): 3 Từ ngày (From): 13/01/2025 Đến ngày (To): 22/01/2025

Mã của CQT: 00B7614DAF2E5948E4916226CF5551F20D

Ký hiệu (Series): 1C25TAA

Số (No.): 00001197

Số bảo mật: 180275

(Security number)

Bên bán điện (Seller): CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Địa chỉ (Address): Số 10 - S1, Khu đô thị Hà Tiên, Phường Liên Bảo, Thành phố Vinh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

Điện thoại (Phone number): 0988657663

MST (Tax ID): 2500292749

Bên mua điện (Buyer): CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG

Địa chỉ (Address): Lô 38D, KCN Quang Minh, Thị trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MST (Tax ID): 2500242018

BỘ CS (Time of rate tariffs)	ĐN THỰC TẾ (Actual consumption)	ĐƠN GIÁ (Price)	THÀNH TIỀN (Amount)
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
B	21.348	1.896	40.475.808
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
CD	7.752	3.474	26.930.448
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
TD	8.724	1.241	10.826.484
Cộng (Total):			78.232.740
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8 %	Tiền thuế (VAT):		6.258.619
Tổng cộng tiền thanh toán (Total charges)			84.491.359
Số tiền bằng chữ (Written amount): Tám mươi bốn triệu bốn trăm chín mươi một nghìn ba trăm năm mươi chín đồng			

Ngày ký (Date signed): 22/01/2025

✓
Signed by
Được ký bởi CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN
LỰC MIỀN BẮC



HÓA ĐƠN GTGT (TIỀN ĐIỆN)
VAT INVOICE (ELECTRIC BILL)

(Bản thể hiện của hòa đơn điện từ)

Kỳ (Term): 1 Từ ngày (From): 23/01/2025 Đến ngày (To): 02/02/2025

Mã của CQT: 00E15D23391C9449D0940303FA32C19393

Ký hiệu (Series): 1C25TAA

Số (No.): 00001304

Số bảo mật: 180462

(Security number)

Bên bán điện (Seller): CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Địa chỉ (Address): Số 10 - S1, Khu đô thị Hà Tiên, Phường Liên Bảo, Thành phố Vinh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

Điện thoại (Phone number): 0988657663

MST (Tax ID): 2500292749

Bên mua điện (Buyer): CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG

Địa chỉ (Address): Lô 38D, KCN Quang Minh, Thị trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MST (Tax ID): 2500242018

BỘ CS (Time of rate tariffs)	ĐN THỰC TẾ (Actual consumption)	ĐƠN GIÁ (Price)	THÀNH TIỀN (Amount)
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
E	8.604	1.896	16.313.184
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
CD	3.636	3.474	12.631.464
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
TD	3.348	1.241	4.154.868
Cộng (Total):			33.099.516
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8 %		Tiền thuế (VAT):	2.647.961
Tổng cộng tiền thanh toán (Total charges)			35.747.477
Số tiền bằng chữ (Written amount): Ba mươi lăm triệu bảy trăm bốn mươi bảy nghìn bốn trăm bảy mươi bảy đồng			

Ngày ký (Date signed): 03/02/2025

Signed by
Được ký bởi CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN
LỰC MIỀN BẮC



HÓA ĐƠN GTGT (TIỀN ĐIỆN)
VAT INVOICE (ELECTRIC BILL)

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Kỳ (Term): 2 Từ ngày (From): 03/02/2025 Đến ngày (To): 12/02/2025

Mã của CQT: 00B7591B412805421DBD7575FD6BFFDF42

Ký hiệu (Series): 1C25TAA

Số (No.): 00001840

Số bảo mật: 180805

(Security number)

Bên bán điện (Seller): CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Địa chỉ (Address): Số 10 - S1, Khu đô thị Hà Tiên, Phường Liên Bảo, Thành phố Vinh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

Điện thoại (Phone number): 0988657663

MST (Tax ID): 2500292749

Bên mua điện (Buyer): CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG

Địa chỉ (Address): Lô 38D, KCN Quang Minh, Thị trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MST (Tax ID): 2500242018

BỘ CS (Time of rate tariffs)	ĐN THỰC TẾ (Actual consumption)	ĐƠN GIÁ (Price)	THÀNH TIỀN (Amount)
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
B	18.120	1.896	34.355.520
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
CD	6.036	3.474	20.969.064
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
TD	7.044	1.241	8.741.604
Cộng (Total):			64.066.188
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8 %	Tiền thuế (VAT):		5.125.295
Tổng cộng tiền thanh toán (Total charges)			69.191.483
Số tiền bằng chữ (Written amount): Sáu mươi chín triệu một trăm chín mươi một nghìn bốn trăm tám mươi ba đồng			

Ngày ký (Date signed): 12/02/2025

Signed by
Được ký bởi CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN
LỰC MIỀN BẮC



HÓA ĐƠN GTGT (TIỀN ĐIỆN)
VAT INVOICE (ELECTRIC BILL)

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Kỳ (Term): 3 Từ ngày (From): 13/02/2025 Đến ngày (To): 22/02/2025

Mã của CQT: 000CC523FE8D68423A92C821D2BD7E7F31

Ký hiệu (Series): 1C25TAA

Số (No.): 00002384

Số bảo mật: 181667

(Security number)

Bên bán điện (Seller): CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Địa chỉ (Address): Số 10 - S1, Khu đô thị Hà Tiên, Phường Liên Bảo, Thành phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

Điện thoại (Phone number): 0988657663

MST (Tax ID): 2500292749

Bên mua điện (Buyer): CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG

Địa chỉ (Address): Lô 38D, KCN Quang Minh, Thị trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MST (Tax ID): 2500242018

BỘ CS (Time of rate tariffs)	ĐN THỰC TẾ (Actual consumption)	ĐƠN GIÁ (Price)	THÀNH TIỀN (Amount)
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
B	28.704	1.896	54.422.784
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
CD	12.000	3.474	41.688.000
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
TD	9.084	1.241	11.273.244
Cộng (Total):			107.384.028
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8 %		Tiền thuế (VAT):	8.590.722
Tổng cộng tiền thanh toán (Total charges)			115.974.750
Số tiền bằng chữ (Written amount): Một trăm mười lăm triệu chín trăm bảy mươi bốn nghìn bảy trăm năm mươi đồng			

Ngày ký (Date signed): 22/02/2025

Signed by
Được ký bởi CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN
LỰC MIỀN BẮC



HÓA ĐƠN GTGT (TIỀN ĐIỆN)
VAT INVOICE (ELECTRIC BILL)

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Kỳ (Term): I Từ ngày (From): 23/02/2025 Đến ngày (To): 02/03/2025

Mã của CQT: 0091E23D9BDA0E4E0C896C768938FAC5EA

Ký hiệu (Series): 1C25TAA

Số (No.): 00002742

Số bảo mật: 181865

(Security number)

Bên bán điện (Seller): CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Địa chỉ (Address): Số 10 - S1, Khu đô thị Hà Tiên, Phường Liên Bảo, Thành phố Vinh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

Điện thoại (Phone number): 0988657663

MST (Tax ID): 2500292749

Bên mua điện (Buyer): CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG

Địa chỉ (Address): Lô 38D, KCN Quang Minh, Thị trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MST (Tax ID): 2500242018

Bộ CS (Time of rate tariffs)	ĐN THỰC TẾ (Actual consumption)	ĐƠN GIÁ (Price)	THÀNH TIỀN (Amount)
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
E	22.044	1.896	41.795.424
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
CD	9.540	3.474	33.141.960
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
TD	7.824	1.241	9.709.584
Cộng (Total):			84.646.968
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8 %	Tiền thuế (VAT):		6.771.757
Tổng cộng tiền thanh toán (Total charges)			91.418.725
Số tiền bằng chữ (Written amount): Chín mươi một triệu bốn trăm mười tám nghìn bảy trăm hai mươi lăm đồng			

Ngày ký (Date signed): 03/03/2025

✓
Signed by
Được ký bởi CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN
LỰC MIỀN BẮC



HÓA ĐƠN GTGT (TIỀN ĐIỆN)
VAT INVOICE (ELECTRIC BILL)

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Kỳ (Term): 2 Từ ngày (From): 03/03/2025 Đến ngày (To): 12/03/2025

Mã của CQT: 0011892EE1A8EE4EE9A13296D115A51C22

Ký hiệu (Series): 1C25TAA

Số (No.): 00003171

Số bảo mật: 182470

(Security number)

Bên bán điện (Seller): CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Địa chỉ (Address): Số 10 - S1, Khu đô thị Hà Tiên, Phường Liên Bảo, Thành phố Vinh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

Điện thoại (Phone number): 0988657663

MST (Tax ID): 2500292749

Bên mua điện (Buyer): CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG

Địa chỉ (Address): Lô 38D, KCN Quang Minh, Thị trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MST (Tax ID): 2500242018

BỘ CS (Time of rate tariffs)	ĐN THỰC TẾ (Actual consumption)	ĐƠN GIÁ (Price)	THÀNH TIỀN (Amount)
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
BT	24.204	1.896	45.890.784
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
CD	8.376	3.474	29.098.224
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
TD	8.148	1.241	10.111.668
Cộng (Total):			85.100.676
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8 %		Tiền thuế (VAT):	6.808.054
Tổng cộng tiền thanh toán (Total charges)			91.908.730
Số tiền bằng chữ (Written amount): Chín mươi một triệu chín trăm linh tám nghìn bảy trăm ba mươi đồng			

Ngày ký (Date signed): 12/03/2025

Signed by
Được ký bởi CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN
LỰC MIỀN BẮC



HÓA ĐƠN GTGT (TIỀN ĐIỆN)
VAT INVOICE (ELECTRIC BILL)

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Kỳ (Term): 3 Từ ngày (From): 13/03/2025 Đến ngày (To): 22/03/2025

Mã của CQT: 00751D0D1EF56A48D1B1B4C75FD7523485

Ký hiệu (Series): 1C25TAA

Số (No.): 00003643

Số bảo mật: 183058

(Security number)

Bên bán điện (Seller): CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Địa chỉ (Address): Số 10 - S1, Khu đô thị Hà Tiên, Phường Liên Bảo, Thành phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

Điện thoại (Phone number): 0988657663

MST (Tax ID): 2500292749

Bên mua điện (Buyer): CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG

Địa chỉ (Address): Lô 38D, KCN Quang Minh, Thị trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MST (Tax ID): 2500242018

BỘ CS (Time of rate tariffs)	DN THỰC TẾ (Actual consumption)	ĐƠN GIÁ (Price)	THÀNH TIỀN (Amount)
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
BT	22.536	1.896	42.728.256
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
CD	8.628	3.474	29.973.672
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
TD	8.028	1.241	9.962.748
Cộng (Total):			82.664.676
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8 %	Tiền thuế (VAT):		6.613.174
Tổng cộng tiền thanh toán (Total charges)			89.277.850
Số tiền bằng chữ (Written amount): Tám mươi chín triệu hai trăm bảy mươi bảy nghìn tám trăm năm mươi đồng			

Ngày ký (Date signed): 22/03/2025

Signed by
Được ký bởi CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN
LỰC MIỀN BẮC



HÓA ĐƠN GTGT (TIỀN ĐIỆN)
VAT INVOICE (ELECTRIC BILL)

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Kỳ (Term): 2 Từ ngày (From): 03/04/2025 Đến ngày (To): 12/04/2025

Mã của CQT: 00F58CB99BB5F54FB39A26BA370AC12F4E

Ký hiệu (Series): 1C25TAA

Số (No.): 00004274

Số bảo mật: 183635

(Security number)

Bên bán điện (Seller): CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Địa chỉ (Address): Số 10 - S1, Khu đô thị Hà Tiên, Phường Liên Bảo, Thành phố Vinh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

Điện thoại (Phone number): 0988657663

MST (Tax ID): 2500292749

Bên mua điện (Buyer): CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG

Địa chỉ (Address): Lô 38D, KCN Quang Minh, Thị trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MST (Tax ID): 2500242018

Bộ CS (Time of rate tariffs)	ĐN THỰC TẾ (Actual consumption)	ĐƠN GIÁ (Price)	THÀNH TIỀN (Amount)
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
B	22.932	1.896	43.479.072
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
CD	8.232	3.474	28.597.968
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
TD	9.504	1.241	11.794.464
Cộng (Total):			83.871.504
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8 %	Tiền thuế (VAT):		6.709.720
Tổng cộng tiền thanh toán (Total charges)			90.581.224
Số tiền bằng chữ (Written amount): Chín mươi triệu năm trăm tám mươi một nghìn hai trăm hai mươi bốn đồng			

Ngày ký (Date signed): 12/04/2025

✓
Được ký bởi CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN
LỰC MIỀN BẮC



HÓA ĐƠN GTGT (TIỀN ĐIỆN)
VAT INVOICE (ELECTRIC BILL)

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Kỳ (Term): 1 Từ ngày (From): 23/03/2025 Đến ngày (To): 02/04/2025

Mã của CQT: 00279EE49D8B85437A8429F7FE5486F05C

Ký hiệu (Series): 1C25TAA

Số (No.): 00003984

Số bảo mật: 183248

(Security number)

Bên bán điện (Seller): CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Địa chỉ (Address): Số 10 - S1, Khu đô thị Hà Tiên, Phường Liên Bảo, Thành phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

Điện thoại (Phone number): 0988657663

MST (Tax ID): 2500292749

Bên mua điện (Buyer): CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG

Địa chỉ (Address): Lô 38D, KCN Quang Minh, Thị trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MST (Tax ID): 2500242018

BỘ CS (Time of rate tariffs)	ĐN THỰC TẾ (Actual consumption)	ĐƠN GIÁ (Price)	THÀNH TIỀN (Amount)
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
BT	27.648	1.896	52.420.608
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
CD	9.636	3.474	33.475.464
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
TD	8.832	1.241	10.960.512
Cộng (Total):			96.856.584
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8 %	Tiền thuế (VAT):		7.748.527
Tổng cộng tiền thanh toán (Total charges)			104.605.111
Số tiền bằng chữ (Written amount): Một trăm linh bốn triệu sáu trăm linh năm nghìn một trăm mười một đồng			

Ngày ký (Date signed): 02/04/2025

✓ Signed by
Được ký bởi CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN
LỰC MIỀN BẮC



HÓA ĐƠN GTGT (TIỀN ĐIỆN)
VAT INVOICE (ELECTRIC BILL)

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Kỳ (Term): 3 Từ ngày (From): 13/04/2025 Đến ngày (To): 22/04/2025

Mã của CQT: 008B56EC56D61B410F87F9A80AD06D77BB

Ký hiệu (Series): 1C25TAA

Số (No.): 00004866

Số bảo mật: 184665

(Security number)

Bên bán điện (Seller): CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Địa chỉ (Address): Số 10 - S1, Khu đô thị Hà Tiên, Phường Liên Bảo, Thành phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

Điện thoại (Phone number): 0988657663

MST (Tax ID): 2500292749

Bên mua điện (Buyer): CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG

Địa chỉ (Address): Lô 38D, KCN Quang Minh, Thị trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MST (Tax ID): 2500242018

BỘ CS (Time of rate tariffs)	ĐƠN THỰC TẾ (Actual consumption)	ĐƠN GIÁ (Price)	THÀNH TIỀN (Amount)
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
B7	22.080	1.896	41.863.680
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
CD	8.808	3.474	30.598.992
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
TD	7.044	1.241	8.741.604
Cộng (Total):			81.204.276
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8 %	Tiền thuế (VAT):		6.496.342
Tổng cộng tiền thanh toán (Total charges)			87.700.618
Số tiền bằng chữ (Written amount): Tám mươi bảy triệu bảy trăm nghìn sáu trăm mười tám đồng			

Ngày ký (Date signed): 22/04/2025

Signed by
Được ký bởi CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN
LỰC MIỀN BẮC



HÓA ĐƠN GTGT (TIỀN ĐIỆN)
VAT INVOICE (ELECTRIC BILL)

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Kỳ (Term): 1 Từ ngày (From): 23/04/2025 Đến ngày (To): 02/05/2025

Mã của CQT: 00E4871458AC1C463AA4737536AC2624EC

Ký hiệu (Series): 1C25TAA

Số (No.): 00005247

Số bảo mật: 184965

(Security number)

Bên bán điện (Seller): CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Địa chỉ (Address): Số 10 - S1, Khu đô thị Hà Tiên, Phường Liên Bảo, Thành phố Vinh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

Điện thoại (Phone number): 0988657663

MST (Tax ID): 2500292749

Bên mua điện (Buyer): CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG

Địa chỉ (Address): Lô 38D, KCN Quang Minh, Thị trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MST (Tax ID): 2500242018

BỘ CS (Time of rate tariffs)	ĐN THỰC TẾ (Actual consumption)	ĐƠN GIÁ (Price)	THÀNH TIỀN (Amount)
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
B	19.644	1.896	37.245.024
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
CD	8.808	3.474	30.598.992
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
TD	6.396	1.241	7.937.436
Cộng (Total):			75.781.452
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8 %	Tiền thuế (VAT):		6.062.516
Tổng cộng tiền thanh toán (Total charges)			81.843.968
Số tiền bằng chữ (Written amount): Tám mươi một triệu tám trăm bốn mươi ba nghìn chín trăm sáu mươi tám đồng			

Ngày ký (Date signed): 05/05/2025

Signed by
Được ký bởi CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN
LỰC MIỀN BẮC



HÓA ĐƠN GTGT (TIỀN ĐIỆN)
VAT INVOICE (ELECTRIC BILL)

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Kỳ (Term): 2 Từ ngày (From): 03/05/2025 Đến ngày (To): 12/05/2025

Mã của CQT: 001349159E9779430EB42413C8DABCA33C

Ký hiệu (Series): 1C25TAA

Số (No.): 00005463

Số bảo mật: 185409

(Security number)

Bên bán điện (Seller): CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Địa chỉ (Address): Số 10 - S1, Khu đô thị Hà Tiên, Phường Liên Bảo, Thành phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

Điện thoại (Phone number): 0988657663

MST (Tax ID): 2500292749

Bên mua điện (Buyer): CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG

Địa chỉ (Address): Lô 38D, KCN Quang Minh, Thị trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MST (Tax ID): 2500242018

BỘ CS (Time of rate tariffs)	ĐN THỰC TẾ (Actual consumption)	ĐƠN GIÁ (Price)	THÀNH TIỀN (Amount)
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
BT	19.212	1.896	36.425.952
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
BT	4.872	1.987	9.680.664
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
CD	6.828	3.474	23.720.472
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
CD	1.380	3.640	5.023.200
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
TD	6.144	1.241	7.624.704
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
TD	1.620	1.300	2.106.000
C ₃ (Total):			84.580.992
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8 % Tiền thuế (VAT):			6.766.479
Tổng cộng tiền thanh toán (Total charges)			91.347.471
Số tiền bằng chữ (Written amount): Chín mươi một triệu ba trăm bốn mươi bảy nghìn bốn trăm bảy mươi một đồng			

Ngày ký (Date signed): 12/05/2025

✓ Signed by
Được ký bởi CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN
LỰC MIỀN BẮC



HÓA ĐƠN GTGT (TIỀN ĐIỆN)
VAT INVOICE (ELECTRIC BILL)

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Kỳ (Term): 3 Từ ngày (From): 13/05/2025 Đến ngày (To): 22/05/2025

Mã của CQT: 0011619CB3F70C4198A81C68105280D8BF

Ký hiệu (Series): 1C25TAA

Số (No.): 00006180

Số bảo mật: 186807

(Security number)

Bên bán điện (Seller): CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Địa chỉ (Address): Số 10 - S1, Khu đô thị Hà Tiên, Phường Liên Bảo, Thành phố Vinh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

Điện thoại (Phone number): 0988657663

MST (Tax ID): 2500292749

Bên mua điện (Buyer): CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG

Địa chỉ (Address): Lô 38D, KCN Quang Minh, Thị trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MST (Tax ID): 2500242018

Bộ CS (Time of rate tariffs)	ĐN THỰC TẾ (Actual consumption)	ĐƠN GIÁ (Price)	THÀNH TIỀN (Amount)
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
B	24.168	1.987	48.021.816
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
CD	10.608	3.640	38.613.120
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
TD	7.740	1.300	10.062.000
Cộng (Total):			96.696.936
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8 %	Tiền thuế (VAT):		7.735.755
Tổng cộng tiền thanh toán (Total charges)			104.432.691
Số tiền bằng chữ (Written amount): Một trăm linh bốn triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn sáu trăm chín mươi một đồng			

Ngày ký (Date signed): 22/05/2025

✓
Được ký bởi CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN
LỰC MIỀN BẮC



HÓA ĐƠN GTGT (TIỀN ĐIỆN)
VAT INVOICE (ELECTRIC BILL)

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Kỳ (Term): 1 Từ ngày (From): 23/05/2025 Đến ngày (To): 02/06/2025

Mã của CQT: 00D83D1F4B5B3D46F0A8EBA1A145E92FBB

Ký hiệu (Series): 1C25TAA

Số (No.): 00006485

Số bảo mật: 187184

(Security number)

Bên bán điện (Seller): CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Địa chỉ (Address): Số 10 - S1, Khu đô thị Hà Tiên, Phường Liên Bảo, Thành phố Vinh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

Điện thoại (Phone number): 0988657663

MST (Tax ID): 2500292749

Bên mua điện (Buyer): CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG

Địa chỉ (Address): Lô 38D, KCN Quang Minh, Thị trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MST (Tax ID): 2500242018

BỘ CS (Time of rate tariffs)	ĐƠN THỰC TẾ (Actual consumption)	ĐƠN GIÁ (Price)	THÀNH TIỀN (Amount)
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
BT	27.684	1.987	55.008.108
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
CD	10.644	3.640	38.744.160
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
TD	8.676	1.300	11.278.800
Cộng (Total):			105.031.068
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8 %	Tiền thuế (VAT):		8.402.485
Tổng cộng tiền thanh toán (Total charges)			113.433.553
Số tiền bằng chữ (Written amount): Một trăm mười ba triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn năm trăm năm mươi ba đồng			

Ngày ký (Date signed): 02/06/2025

Signed by
Được ký bởi CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN
LỰC MIỀN BẮC



HÓA ĐƠN GTGT (TIỀN ĐIỆN)
VAT INVOICE (ELECTRIC BILL)

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Kỳ (Term): 2 Từ ngày (From): 03/06/2025 Đến ngày (To): 12/06/2025

Mã của CQT: 003E328FDD5D454F2A8749A3E169963AA8

Ký hiệu (Series): 1C25TAA

Số (No.): 00006924

Số bảo mật: 187452

(Security number)

Bên bán điện (Seller): CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Địa chỉ (Address): Số 10 - S1, Khu đô thị Hà Tiên, Phường Liên Bảo, Thành phố Vinh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

Điện thoại (Phone number): 0988657663

MST (Tax ID): 2500292749

Bên mua điện (Buyer): CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG

Địa chỉ (Address): Lô 38D, KCN Quang Minh, Thị trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MST (Tax ID): 2500242018

BỘ CS (Time of rate tariffs)	ĐƠN THỰC TẾ (Actual consumption)	ĐƠN GIÁ (Price)	THÀNH TIỀN (Amount)
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
B7	26.340	1.987	52.337.580
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
CD	9.828	3.640	35.773.920
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
TD	8.412	1.300	10.935.600
Cộng (Total):			99.047.100
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8 %		Tiền thuế (VAT):	7.923.768
Tổng cộng tiền thanh toán (Total charges)			106.970.868
Số tiền bằng chữ (Written amount): Một trăm linh sáu triệu chín trăm bảy mươi nghìn tám trăm sáu mươi tám đồng			

Ngày ký (Date signed): 12/06/2025

Signed by
Được ký bởi CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN
LỰC MIỀN BẮC



HÓA ĐƠN GTGT (TIỀN ĐIỆN)
VAT INVOICE (ELECTRIC BILL)

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Kỳ (Term): 3 Từ ngày (From): 13/06/2025 Đến ngày (To): 22/06/2025

Mã của CQT: 0014006A591AA0405EACD0ACA2561ED3BC

Ký hiệu (Series): 1C25TAA

Số (No.): 00007381

Số bảo mật: 188339

(Security number)

Bên bán điện (Seller): CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Địa chỉ (Address): Số 10 - S1, Khu đô thị Hà Tiên, Phường Liên Bảo, Thành phố Vinh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

Điện thoại (Phone number): 0988657663

MST (Tax ID): 2500292749

Bên mua điện (Buyer): CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG

Địa chỉ (Address): Lô 38D, KCN Quang Minh, Thị trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MST (Tax ID): 2500242018

BỘ CS (Time of rate tariffs)	ĐN THỰC TẾ (Actual consumption)	ĐƠN GIÁ (Price)	THÀNH TIỀN (Amount)
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
B7	24.540	1.987	48.760.980
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
CD	9.828	3.640	35.773.920
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
TD	7.716	1.300	10.030.800
Cộng (Total):			94.565.700
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8 %	Tiền thuế (VAT):		7.565.256
Tổng cộng tiền thanh toán (Total charges)			102.130.956
Số tiền bằng chữ (Written amount): Một trăm linh hai triệu một trăm ba mươi nghìn chín trăm năm mươi sáu đồng			

Ngày ký (Date signed): 23/06/2025

Signed by
Được ký bởi CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN
LỰC MIỀN BẮC



HÓA ĐƠN GTGT (TIỀN ĐIỆN)
VAT INVOICE (ELECTRIC BILL)

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Kỳ (Term): 1 Từ ngày (From): 23/06/2025 Đến ngày (To): 02/07/2025

Mã của CQT: 0044532ED2B2144AD180CDA626594AE5A4

Ký hiệu (Series): 1C25TAA

Số (No.): 00007765

Số bảo mật: 188523

(Security number)

Bên bán điện (Seller): CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Địa chỉ (Address): Số 10 - S1, Khu đô thị Hà Tiên, phường Vĩnh Phúc, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Điện thoại (Phone number): 0988657663

MST (Tax ID): 2500292749

Bên mua điện (Buyer): CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG

Địa chỉ (Address): Lô 38D, Khu Công nghiệp Quang Minh, Xã Quang Minh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MST (Tax ID): 2500242018

BỘ CS (Time of rate tariffs)	ĐN THỰC TẾ (Actual consumption)	ĐƠN GIÁ (Price)	THÀNH TIỀN (Amount)
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
B7	21.672	1.987	43.062.264
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
CD	7.500	3.640	27.300.000
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
TD	6.852	1.300	8.907.600
Cộng (Total):			79.269.864
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8 %	Tiền thuế (VAT):		6.341.589
Tổng cộng tiền thanh toán (Total charges)			85.611.453
Số tiền bằng chữ (Written amount): Tám mươi lăm triệu sáu trăm mười một nghìn bốn trăm năm mươi ba đồng			

Ngày ký (Date signed): 02/07/2025

Signed by
Được ký bởi CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN
LỰC MIỀN BẮC



HÓA ĐƠN GTGT (TIỀN ĐIỆN)
VAT INVOICE (ELECTRIC BILL)

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Kỳ (Term): 2 Từ ngày (From): 03/07/2025 Đến ngày (To): 12/07/2025

Mã của CQT: 00BC97FFB338C54F7296632E0C53E139BF

Ký hiệu (Series): IC25TAA

Số (No.): 00008205

Số bảo mật: 189106

(Security number)

Bên bán điện (Seller): CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Địa chỉ (Address): Số 10 - S1, Khu đô thị Hà Tiên, phường Vĩnh Phúc, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Điện thoại (Phone number): 0988657663

MST (Tax ID): 2500292749

Bên mua điện (Buyer): CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG

Địa chỉ (Address): Lô 38D, Khu Công nghiệp Quang Minh, Xã Quang Minh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MST (Tax ID): 2500242018

Bộ CS (Time of rate tariffs)	DN THỰC TẾ (Actual consumption)	ĐƠN GIÁ (Price)	THÀNH TIỀN (Amount)
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
B	18.528	1.987	36.815.136
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
CD	6.756	3.640	24.591.840
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
TD	5.412	1.300	7.035.600
Cộng (Total):			68.442.576
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8 %	Tiền thuế (VAT):		5.475.406
Tổng cộng tiền thanh toán (Total charges)			73.917.982
Số tiền bằng chữ (Written amount): Bảy mươi ba triệu chín trăm mười bảy nghìn chín trăm tám mươi hai đồng			

Ngày ký (Date signed): 12/07/2025

✓
Signed by
Được ký bởi CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN
LỰC MIỀN BẮC



HÓA ĐƠN GTGT (TIỀN ĐIỆN)
VAT INVOICE (ELECTRIC BILL)

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Kỳ (Term): 3 Từ ngày (From): 13/07/2025 Đến ngày (To): 22/07/2025

Mã của CQT: 0074205868ED5344FF936FE1FDF5570E40

Ký hiệu (Series): 1C25TAA

Số (No.): 00008699

Số bảo mật: 190218

(Security number)

Bên bán điện (Seller): CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Địa chỉ (Address): Số 10 - S1, Khu đô thị Hà Tiên, phường Vĩnh Phúc, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Điện thoại (Phone number): 0988657663

MST (Tax ID): 2500292749

Bên mua điện (Buyer): CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG

Địa chỉ (Address): Lô 38D, Khu Công nghiệp Quang Minh, Xã Quang Minh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MST (Tax ID): 2500242018

BỘ CS (Time of rate tariffs)	ĐN THỰC TẾ (Actual consumption)	ĐƠN GIÁ (Price)	THÀNH TIỀN (Amount)
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
B*	26.184	1.987	52.027.608
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
CD	10.464	3.640	38.088.960
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
TD	6.948	1.300	9.032.400
Cộng (Total):			99.148.968
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8 %	Tiền thuế (VAT):		7.931.917
Tổng cộng tiền thanh toán (Total charges)			107.080.885
Số tiền bằng chữ (Written amount): Một trăm linh bảy triệu không trăm tám mươi nghìn tám trăm tám mươi lăm đồng			

Ngày ký (Date signed): 22/07/2025

✓ Signed by
Được ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN
LỰC MIỀN BẮC



HÓA ĐƠN GTGT (TIỀN ĐIỆN)
VAT INVOICE (ELECTRIC BILL)

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Kỳ (Term): I Từ ngày (From): 23/07/2025 Đến ngày (To): 02/08/2025

Mã của CQT: 0050FE13D053664A31B72EA38785D227DE

Ký hiệu (Series): 1C25TAA

Số (No.): 00008870

Số bảo mật: 190423

(Security number)

Bên bán điện (Seller): CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Địa chỉ (Address): Số 10 - S1, Khu đô thị Hà Tiên, phường Vĩnh Phúc, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Điện thoại (Phone number): 0988657663

MST (Tax ID): 2500292749

Bên mua điện (Buyer): CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG

Địa chỉ (Address): Lô 38D, Khu Công nghiệp Quang Minh, Xã Quang Minh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MST (Tax ID): 2500242018

BỘ CS (Time of rate tariffs)	ĐƠN THỰC TẾ (Actual consumption)	ĐƠN GIÁ (Price)	THÀNH TIỀN (Amount)
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
B7	32.688	1.987	64.951.056
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
CD	12.012	3.640	43.723.680
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
TD	8.580	1.300	11.154.000
Cộng (Total):			119.828.736
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8 %	Tiền thuế (VAT):		9.586.299
Tổng cộng tiền thanh toán (Total charges)			129.415.035
Số tiền bằng chữ (Written amount): Một trăm hai mươi chín triệu bốn trăm mười lăm nghìn không trăm ba mươi lăm đồng			

Ngày ký (Date signed): 02/08/2025

✓ Signed by
Được ký bởi CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN
LỰC MIỀN BẮC



HÓA ĐƠN GTGT (TIỀN ĐIỆN)
VAT INVOICE (ELECTRIC BILL)

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Kỳ (Term): 2 Từ ngày (From): 03/08/2025 Đến ngày (To): 12/08/2025

Mã của CQT: 00923C3308C60947BD96949556E994047A

Ký hiệu (Series): 1C25TAA

Số (No.): 00009310

Số bảo mật: 190913

(Security number)

Bên bán điện (Seller): CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Địa chỉ (Address): Số 10 - S1, Khu đô thị Hà Tiên, phường Vĩnh Phúc, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Điện thoại (Phone number): 0988657663

MST (Tax ID): 2500292749

Bên mua điện (Buyer): CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG

Địa chỉ (Address): Lô 38D, Khu Công nghiệp Quang Minh, Xã Quang Minh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MST (Tax ID): 2500242018

BỘ CS (Time of rate tariffs)	ĐN THỰC TẾ (Actual consumption)	ĐƠN GIÁ (Price)	THÀNH TIỀN (Amount)
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
B	25.032	1.987	49.738.584
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
CD	9.120	3.640	33.196.800
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
TD	7.104	1.300	9.235.200
Cộng (Total):			92.170.584
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8 %		Tiền thuế (VAT):	7.373.647
Tổng cộng tiền thanh toán (Total charges)			99.544.231
Số tiền bằng chữ (Written amount): Chín mươi chín triệu năm trăm bốn mươi bốn nghìn hai trăm ba mươi một đồng			

Ngày ký (Date signed): 12/08/2025

✓
Signed by
Được ký bởi CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN
LỰC MIỀN BẮC



HÓA ĐƠN GTGT (TIỀN ĐIỆN)
VAT INVOICE (ELECTRIC BILL)

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Kỳ (Term): 3 Từ ngày (From): 13/08/2025 Đến ngày (To): 22/08/2025

Mã của CQT: 004D9E3EEC3D8D48B2BAD4ED8B1644BF40

Ký hiệu (Series): 1C25TAA

Số (No.): 00009969

Số bảo mật: 191989

(Security number)

Bên bán điện (Seller): CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Địa chỉ (Address): Số 10 - S1, Khu đô thị Hà Tiên, phường Vĩnh Phúc, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Điện thoại (Phone number): 0988657663

MST (Tax ID): 2500292749

Bên mua điện (Buyer): CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG

Địa chỉ (Address): Lô 38D, Khu Công nghiệp Quang Minh, Xã Quang Minh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MST (Tax ID): 2500242018

BỘ CS (Time of rate tariffs)	ĐƠN THỰC TẾ (Actual consumption)	ĐƠN GIÁ (Price)	THÀNH TIỀN (Amount)
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
B	25.140	1.987	49.953.180
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
CD	9.924	3.640	36.123.360
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
TD	8.268	1.300	10.748.400
Cộng (Total):			96.824.940
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8 %	Tiền thuế (VAT):		7.745.995
Tổng cộng tiền thanh toán (Total charges)			104.570.935
Số tiền bằng chữ (Written amount): Một trăm linh bốn triệu năm trăm bảy mươi nghìn chín trăm ba mươi lăm đồng			

Ngày ký (Date signed): 22/08/2025

Signed by
Được ký bởi CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN
LỰC MIỀN BẮC



HÓA ĐƠN GTGT (TIỀN ĐIỆN)
VAT INVOICE (ELECTRIC BILL)

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Kỳ (Term): 1 Từ ngày (From): 23/08/2025 Đến ngày (To): 02/09/2025

Mã của CQT: 00664771FDAA9D424A95E75C68B3E111A4

Ký hiệu (Series): 1C25TAA

Số (No.): 00010378

Số bảo mật: 192143

(Security number)

Bên bán điện (Seller): CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Địa chỉ (Address): Số 10 - S1, Khu đô thị Hà Tiên, phường Vĩnh Phúc, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Điện thoại (Phone number): 0988657663

MST (Tax ID): 2500292749

Bên mua điện (Buyer): CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG

Địa chỉ (Address): Lô 38D, Khu Công nghiệp Quang Minh, Xã Quang Minh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MST (Tax ID): 2500242018

BỘ CS (Time of rate tariffs)	DN THỰC TẾ (Actual consumption)	ĐƠN GIÁ (Price)	THÀNH TIỀN (Amount)
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
B	23.268	1.987	46.233.516
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
CD	8.292	3.640	30.182.880
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
TD	6.804	1.300	8.845.200
Cộng (Total):			85.261.596
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8 %		Tiền thuế (VAT):	6.820.928
Tổng cộng tiền thanh toán (Total charges)			92.082.524
Số tiền bằng chữ (Written amount): Chín mươi hai triệu không trăm tám mươi hai nghìn năm trăm hai mươi bốn đồng			

Ngày ký (Date signed): 03/09/2025

✓
Signed by
Được ký bởi CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN
LỰC MIỀN BẮC



HÓA ĐƠN GTGT (TIỀN ĐIỆN)
VAT INVOICE (ELECTRIC BILL)

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Kỳ (Term): 2 Từ ngày (From): 03/09/2025 Đến ngày (To): 12/09/2025

Mã của CQT: 0055E73866083E46F3B38F5333776DB504

Ký hiệu (Series): 1C25TAA

Số (No.): 00010672

Số bảo mật: 192986

(Security number)

Bên bán điện (Seller): CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Địa chỉ (Address): Số 10 - S1, Khu đô thị Hà Tiên, phường Vĩnh Phúc, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Điện thoại (Phone number): 0988657663

MST (Tax ID): 2500292749

Bên mua điện (Buyer): CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG

Địa chỉ (Address): Lô 38D, Khu Công nghiệp Quang Minh, Xã Quang Minh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MST (Tax ID): 2500242018

BỘ CS (Time of rate tariffs)	ĐN THỰC TẾ (Actual consumption)	ĐƠN GIÁ (Price)	THÀNH TIỀN (Amount)
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
BT	24.144	1.987	47.974.128
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
CD	8.712	3.640	31.711.680
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
TD	7.008	1.300	9.110.400
Cộng (Total):			88.796.208
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8 %		Tiền thuế (VAT):	7.103.697
Tổng cộng tiền thanh toán (Total charges)			95.899.905
Số tiền bằng chữ (Written amount): Chín mươi lăm triệu tám trăm chín mươi chín nghìn chín trăm linh năm đồng			

Ngày ký (Date signed): 12/09/2025

✓ Signed by
Được ký bởi CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN
LỰC MIỀN BẮC



HÓA ĐƠN GTGT (TIỀN ĐIỆN)
VAT INVOICE (ELECTRIC BILL)

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Kỳ (Term): 3 Từ ngày (From): 13/09/2025 Đến ngày (To): 22/09/2025

Mã của CQT: 005511C73ADD5E480B94F1A6BF67E0738E

Ký hiệu (Series): 1C25TAA

Số (No.): 00011296

Số bảo mật: 193754

(Security number)

Bên bán điện (Seller): CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Địa chỉ (Address): Số 10 - S1, Khu đô thị Hà Tiên, phường Vĩnh Phúc, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Điện thoại (Phone number): 0988657663

MST (Tax ID): 2500292749

Bên mua điện (Buyer): CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG

Địa chỉ (Address): Lô 38D, Khu Công nghiệp Quang Minh, Xã Quang Minh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MST (Tax ID): 2500242018

BỘ CS (Time of rate tariffs)	ĐN THỰC TẾ (Actual consumption)	ĐƠN GIÁ (Price)	THÀNH TIỀN (Amount)
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
B	24.636	1.987	48.951.732
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
CD	9.048	3.640	32.934.720
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
TD	7.152	1.300	9.297.600
Cộng (Total):			91.184.052
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8 %		Tiền thuế (VAT):	7.294.724
Tổng cộng tiền thanh toán (Total charges)			98.478.776
Số tiền bằng chữ (Written amount): Chín mươi tám triệu bốn trăm bảy mươi tám nghìn bảy trăm bảy mươi sáu đồng			

Ngày ký (Date signed): 22/09/2025

Signed by
Được ký bởi CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN
LỰC MIỀN BẮC



HÓA ĐƠN GTGT (TIỀN ĐIỆN)
VAT INVOICE (ELECTRIC BILL)

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Kỳ (Term): 1 Từ ngày (From): 23/09/2025 Đến ngày (To): 02/10/2025

Mã của CQT: 00FD722536E44940108E32270BA20F4EE5

Ký hiệu (Series): 1C25TAA

Số (No.): 00011666

Số bảo mật: 193848

(Security number)

Bên bán điện (Seller): CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Địa chỉ (Address): Số 10 - S1, Khu đô thị Hà Tiên, phường Vĩnh Phúc, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Điện thoại (Phone number): 0988657663

MST (Tax ID): 2500292749

Bên mua điện (Buyer): CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG

Địa chỉ (Address): Lô 38D, Khu Công nghiệp Quang Minh, Xã Quang Minh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MST (Tax ID): 2500242018

BỘ CS (Time of rate tariffs)	ĐN THỰC TẾ (Actual consumption)	ĐƠN GIÁ (Price)	THÀNH TIỀN (Amount)
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
B	21.168	1.987	42.060.816
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
CD	8.568	3.640	31.187.520
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
TD	7.092	1.300	9.219.600
Cộng (Total):			82.467.936
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8 %		Tiền thuế (VAT):	6.597.435
Tổng cộng tiền thanh toán (Total charges)			89.065.371
Số tiền bằng chữ (Written amount): Tám mươi chín triệu không trăm sáu mươi lăm nghìn ba trăm bảy mươi một đồng			

Ngày ký (Date signed): 02/10/2025

Signed by
Được ký bởi CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN
LỰC MIỀN BẮC



HÓA ĐƠN GTGT (TIỀN ĐIỆN)
VAT INVOICE (ELECTRIC BILL)

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Kỳ (Term): 2 Từ ngày (From): 03/10/2025 Đến ngày (To): 12/10/2025

Mã của CQT: 003799EB33E2DE4801AC6F07DA5950428F

Ký hiệu (Series): 1C25TAA

Số (No.): 00011792

Số bảo mật: 194411

(Security number)

Bên bán điện (Seller): CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Địa chỉ (Address): Số 10 - S1, Khu đô thị Hà Tiên, phường Vĩnh Phúc, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Điện thoại (Phone number): 0988657663

MST (Tax ID): 2500292749

Bên mua điện (Buyer): CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG

Địa chỉ (Address): Lô 38D, Khu Công nghiệp Quang Minh, Xã Quang Minh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MST (Tax ID): 2500242018

Bộ CS (Time of rate tariffs)	DN THỰC TẾ (Actual consumption)	ĐƠN GIÁ (Price)	THÀNH TIỀN (Amount)
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
B	20.556	1.987	40.844.772
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
CD	7.572	3.640	27.562.080
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
TD	6.540	1.300	8.502.000
Cộng (Total):			76.908.852
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8 %	Tiền thuế (VAT):		6.152.708
Tổng cộng tiền thanh toán (Total charges)			83.061.560
Số tiền bằng chữ (Written amount): Tám mươi ba triệu không trăm sáu mươi một nghìn năm trăm sáu mươi đồng			

Ngày ký (Date signed): 13/10/2025

✓
Signed by
Được ký bởi CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN
LỰC MIỀN BẮC



HÓA ĐƠN GTGT (TIỀN ĐIỆN)
VAT INVOICE (ELECTRIC BILL)

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Kỳ (Term): 3 Từ ngày (From): 13/10/2025 Đến ngày (To): 22/10/2025

Mã của CQT: 00F4B09A8E93D2411EB477211B0EC22DE1

Ký hiệu (Series): 1C25TAA

Số (No.): 00012531

Số bảo mật: 195297

(Security number)

Bên bán điện (Seller): CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Địa chỉ (Address): Số 10 - S1, Khu đô thị Hà Tiên, phường Vĩnh Phúc, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Điện thoại (Phone number): 0988657663

MST (Tax ID): 2500292749

Bên mua điện (Buyer): CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG

Địa chỉ (Address): Lô 38D, Khu Công nghiệp Quang Minh, Xã Quang Minh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MST (Tax ID): 2500242018

BỘ CS (Time of rate tariffs)	ĐN THỰC TẾ (Actual consumption)	ĐƠN GIÁ (Price)	THÀNH TIỀN (Amount)
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
B	29.052	1.987	57.726.324
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
CD	9.144	3.640	33.284.160
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
TD	7.008	1.300	9.110.400
Cộng (Total):			100.120.884
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8 %	Tiền thuế (VAT):		8.009.671
Tổng cộng tiền thanh toán (Total charges)			108.130.555
Số tiền bằng chữ (Written amount): Một trăm linh tám triệu một trăm ba mươi nghìn năm trăm năm mươi lăm đồng			

Ngày ký (Date signed): 22/10/2025

Signed by
Được ký bởi CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN
LỰC MIỀN BẮC



HÓA ĐƠN GTGT (TIỀN ĐIỆN)
VAT INVOICE (ELECTRIC BILL)

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Kỳ (Term): 1 Từ ngày (From): 23/10/2025 Đến ngày (To): 02/11/2025

Mã của CQT: 000869573FACF64E88A07EE958F25960DC

Ký hiệu (Series): 1C25TAA

Số (No.): 00012721

Số bảo mật: 195482

(Security number)

Bên bán điện (Seller): CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Địa chỉ (Address): Số 10 - S1, Khu đô thị Hà Tiên, phường Vĩnh Phúc, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Điện thoại (Phone number): 0988657663

MST (Tax ID): 2500292749

Bên mua điện (Buyer): CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG

Địa chỉ (Address): Lô 38D, Khu Công nghiệp Quang Minh, Xã Quang Minh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MST (Tax ID): 2500242018

BỘ CS (Time of rate tariffs)	ĐN THỰC TẾ (Actual consumption)	ĐƠN GIÁ (Price)	THÀNH TIỀN (Amount)
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
BT	30.336	1.987	60.277.632
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
CD	10.884	3.640	39.617.760
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
TD	8.532	1.300	11.091.600
Cộng (Total):			110.986.992
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8 %	Tiền thuế (VAT):		8.878.959
Tổng cộng tiền thanh toán (Total charges)			119.865.951
Số tiền bằng chữ (Written amount): Một trăm mười chín triệu tám trăm sáu mươi lăm nghìn chín trăm năm mươi một đồng			

Ngày ký (Date signed): 03/11/2025

✓
Signed by
Được ký bởi CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN
LỰC MIỀN BẮC



HÓA ĐƠN GTGT (TIỀN ĐIỆN)
VAT INVOICE (ELECTRIC BILL)

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Kỳ (Term): 2 Từ ngày (From): 03/11/2025 Đến ngày (To): 12/11/2025

Mã của CQT: 001BE77843FA3C4576A8E7FE482C4B0678

Ký hiệu (Series): 1C25TAA

Số (No.): 00013019

Số bảo mật: 195904

(Security number)

Bên bán điện (Seller): CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Địa chỉ (Address): Số 10 - S1, Khu đô thị Hà Tiên, phường Vĩnh Phúc, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Điện thoại (Phone number): 0988657663

MST (Tax ID): 2500292749

Bên mua điện (Buyer): CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG

Địa chỉ (Address): Lô 38D, Khu Công nghiệp Quang Minh, Xã Quang Minh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MST (Tax ID): 2500242018

BỘ CS (Time of rate tariffs)	DN THỰC TẾ (Actual consumption)	ĐƠN GIÁ (Price)	THÀNH TIỀN (Amount)
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
B7	21.624	1.987	42.966.888
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
CD	8.292	3.640	30.182.880
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
TD	5.868	1.300	7.628.400
Cộng (Total):			80.778.168
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8 %	Tiền thuế (VAT):		6.462.253
Tổng cộng tiền thanh toán (Total charges)			87.240.421
Số tiền bằng chữ (Written amount): Tám mươi bảy triệu hai trăm bốn mươi nghìn bốn trăm hai mươi một đồng			

Ngày ký (Date signed): 12/11/2025

Signed by
Được ký bởi CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN
LỰC MIỀN BẮC



HÓA ĐƠN GTGT (TIỀN ĐIỆN)
VAT INVOICE (ELECTRIC BILL)

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Kỳ (Term): 3 Từ ngày (From): 13/11/2025 Đến ngày (To): 22/11/2025

Mã của CQT: 00D8552BC7A5E643BC92D10700163546DB

Ký hiệu (Series): 1C25TAA

Số (No.): 00013806

Số bảo mật: 196792

(Security number)

Bên bán điện (Seller): CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Địa chỉ (Address): Số 10 - S1, Khu đô thị Hà Tiên, phường Vĩnh Phúc, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Điện thoại (Phone number): 0988657663

MST (Tax ID): 2500292749

Bên mua điện (Buyer): CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG

Địa chỉ (Address): Lô 38D, Khu Công nghiệp Quang Minh, Xã Quang Minh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MST (Tax ID): 2500242018

BỘ CS (Time of rate tariffs)	ĐN THỰC TẾ (Actual consumption)	ĐƠN GIÁ (Price)	THÀNH TIỀN (Amount)
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
B	29.016	1.987	57.654.792
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
CD	12.312	3.640	44.815.680
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
TD	8.712	1.300	11.325.600
Cộng (Total):			113.796.072
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8 %		Tiền thuế (VAT):	9.103.686
Tổng cộng tiền thanh toán (Total charges)			122.899.758
Số tiền bằng chữ (Written amount): Một trăm hai mươi hai triệu tám trăm chín mươi chín nghìn bảy trăm năm mươi tám đồng			

Ngày ký (Date signed): 22/11/2025

✓ Signed by
Được ký bởi CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN
LỰC MIỀN BẮC



HÓA ĐƠN GTGT (TIỀN ĐIỆN)
VAT INVOICE (ELECTRIC BILL)

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Kỳ (Term): 1 Từ ngày (From): 23/11/2025 Đến ngày (To): 02/12/2025
Mã của CQT: 000F6BF69ACB664246B6F934F899E28E3C

Ký hiệu (Series): IC25TAA
Số (No.): 00014203
Số bảo mật: 196937
(Security number)

Bên bán điện (Seller): CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Địa chỉ (Address): Số 10 - S1, Khu đô thị Hà Tiên, phường Vĩnh Phúc, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Điện thoại (Phone number): 0988657663

MST (Tax ID): 2500292749

Bên mua điện (Buyer): CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG

Địa chỉ (Address): Lô 38D, Khu Công nghiệp Quang Minh, Xã Quang Minh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MST (Tax ID): 2500242018

BỘ CS (Time of rate tariffs)	DN THỰC TẾ (Actual consumption)	ĐƠN GIÁ (Price)	THÀNH TIỀN (Amount)
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
B	28.512	1.987	56.653.344
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
CD	10.632	3.640	38.700.480
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
TD	7.404	1.300	9.625.200
Cộng (Total):			104.979.024
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8 %	Tiền thuế (VAT):		8.398.322
Tổng cộng tiền thanh toán (Total charges)			113.377.346
Số tiền bằng chữ (Written amount): Một trăm mười ba triệu ba trăm bảy mươi bảy nghìn ba trăm bốn mươi sáu đồng			

Ngày ký (Date signed): 02/12/2025

✓
Signed by
Được ký bởi CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN
LỰC MIỀN BẮC



HÓA ĐƠN GTGT (TIỀN ĐIỆN)
VAT INVOICE (ELECTRIC BILL)

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Kỳ (Term): 2 Từ ngày (From): 03/12/2025 Đến ngày (To): 12/12/2025

Mã của CQT: 00E7F1441DB2074C939A1F2F31C3F428D3

Ký hiệu (Series): 1C25TAA

Số (No.): 00014506

Số bảo mật: 197316

(Security number)

Bên bán điện (Seller): CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Địa chỉ (Address): Số 10 - S1, Khu đô thị Hà Tiên, phường Vĩnh Phúc, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Điện thoại (Phone number): 0988657663

MST (Tax ID): 2500292749

Bên mua điện (Buyer): CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG

Địa chỉ (Address): Lô 38D, Khu Công nghiệp Quang Minh, Xã Quang Minh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MST (Tax ID): 2500242018

BỘ CS (Time of rate tariffs)	ĐN THỰC TẾ (Actual consumption)	ĐƠN GIÁ (Price)	THÀNH TIỀN (Amount)
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
B7	32.484	1.987	64.545.708
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
CD	12.300	3.640	44.772.000
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
TD	8.568	1.300	11.138.400
Cộng (Total):			120.456.108
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8 %	Tiền thuế (VAT):		9.636.489
Tổng cộng tiền thanh toán (Total charges)			130.092.597
Số tiền bằng chữ (Written amount): Một trăm ba mươi triệu không trăm chín mươi hai nghìn năm trăm chín mươi bảy đồng			

Ngày ký (Date signed): 12/12/2025

✓ Signed by
Được ký bởi CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN
LỰC MIỀN BẮC



HÓA ĐƠN GTGT (TIỀN ĐIỆN)
VAT INVOICE (ELECTRIC BILL)

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Kỳ (Term): 3 Từ ngày (From): 13/12/2025 Đến ngày (To): 20/12/2025

Mã của CQT: 004F3AAB15350C49608FF43D9847FF08AC

Ký hiệu (Series): 1C25TAA

Số (No.): 00015145

Số bảo mật: 198024

(Security number)

Bên bán điện (Seller): CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Địa chỉ (Address): Số 10 - S1, Khu đô thị Hà Tiên, phường Vĩnh Phúc, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Điện thoại (Phone number): 0988657663

MST (Tax ID): 2500292749

Bên mua điện (Buyer): CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG

Địa chỉ (Address): Lô 38D, Khu Công nghiệp Quang Minh, Xã Quang Minh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MST (Tax ID): 2500242018

BỘ CS (Time of rate tariffs)	ĐN THỰC TẾ (Actual consumption)	ĐƠN GIÁ (Price)	THÀNH TIỀN (Amount)
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
BT	25.128	1.987	49.929.336
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
CD	10.428	3.640	37.957.920
Điểm đo (Meter location): NPC01_11201 (Số (No.): 54652726)			
TD	6.372	1.300	8.283.600
Cộng (Total):			96.170.856
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8 %		Tiền thuế (VAT):	7.693.668
Tổng cộng tiền thanh toán (Total charges)			103.864.524
Số tiền bằng chữ (Written amount): Một trăm linh ba triệu tám trăm sáu mươi bốn nghìn năm trăm hai mươi bốn đồng			

Ngày ký (Date signed): 20/12/2025

Signed by
Được ký bởi CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN
LỰC MIỀN BẮC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**HỢP ĐỒNG THU GOM, VẬN CHUYỂN
VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP, NGUY HẠI**
Số: 28.02.2024/HĐXLCT/MTX-KHH

- Căn cứ luật doanh nghiệp (sửa đổi) và luật dân sự (sửa đổi) nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/11/2020 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2022;

- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ban hành ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và có hiệu lực từ ngày 10/01/2022;

- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và môi trường về việc Quản lý chất thải nguy hại ký ngày 10 tháng 01 năm 2022;

- Căn cứ giấy phép xử lý chất thải nguy hại số 1-2-3.009VX của Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp lần 2 cho Công ty TNHH Môi trường Công nghiệp Xanh ngày 10/9/2021.

- Căn cứ khả năng và nhu cầu của các bên.

Hôm nay, ngày 28 tháng 02 năm 2024, Tại văn phòng Công ty TNHH Môi trường công nghiệp xanh, chúng tôi gồm:

1. CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG (BÊN A)

- Địa chỉ : Lô 38D, KCN Quang Minh, Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội

- Điện thoại : 024. 20214391

- Mã số thuế : 2500242018

- Số tài khoản: 112000057166 tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Quang Minh

- Người đại diện: Ông Nguyễn Quang Huy

Chức vụ: Tổng Giám đốc

2. CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CÔNG NGHIỆP XANH (BÊN B)

- Địa chỉ : Tổ Xuân Mai 1, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc Việt Nam

- Điện thoại : 0211. 2479880

- Tài khoản số: 114 0000 26975 tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc

- Mã số thuế : 0102169887

- Người đại diện: Ông Đỗ Việt Bình

Chức vụ: Giám đốc

Hai bên cùng thống nhất thỏa thuận nội dung hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải như sau:

Điều 1. Bên A và bên B thực hiện các công việc sau:

Bên B: Tiếp nhận, thu gom, vận chuyển, xử lý và tái sử dụng chất thải công nghiệp và nguy hại của bên A, theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam về môi trường.

Điều 2. Danh mục chất thải, địa điểm, thời gian giao nhận, phương tiện vận chuyển:

1. Danh mục chất thải:

STT	Tên chất thải	ĐVT	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Đơn giá xử lý (VNĐ)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	kg	Rắn	16 01 06	2.000
2	Giẻ lau, găng tay dính dầu	kg	Rắn	18 02 01	3.500
3	Bùn thải đã tách nước từ hệ thống xử lý nước thải mạ điện	kg	Bùn	12 06 06	3.000
4	Dầu máy bôi trơn tổng hợp thải	kg	Lỏng	17 02 03	2.800
5	Bã sơn thải	kg	Rắn	08 01 01	3.200
6	Các vật liệu mài mòn chứa TPNH	kg	Rắn	07 03 08	3.000
7	Ắc quy, pin thải	kg	Rắn	19 06 01	3.000
8	Thùng, bao bì đựng hóa chất bằng sắt thải	kg	Rắn	18 01 02	4.000
9	Thùng, bao bì đựng hóa chất bằng nhựa thải	kg	Rắn	18 01 03	4.000
10	Axit thải	kg	Lỏng	02 01 01	3.500

Ghi chú:

Khối lượng mỗi chuyến hàng > 2.000 kg. Nếu khối lượng < 2.000 kg thì bên A sẽ chịu thêm phí vận chuyển là 2.000.000 đồng/chuyến xe (Hai triệu đồng).

Các đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT theo quy định.

Giá trên đã bao gồm chi phí bốc xếp, vận chuyển, xử lý chất thải theo đúng quy định.

2. **Địa điểm giao nhận chất thải:** Tại kho lưu giữ chất thải của bên A - Lô 38D, KCN Quang Minh, Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội.

3. Bên A thông báo lịch giao chất thải cho bên B trước 01 ngày để thu xếp phương tiện.

4. **Địa điểm xử lý chất thải:** Tại Thôn Thanh Cao – xã Ngọc Thanh – Thành phố Phúc Yên – tỉnh Vĩnh Phúc.

Điều 3. Phương thức thanh toán:

1. Sau mỗi đợt giao nhận hàng, hai bên căn cứ vào khối lượng thực tế để lập biên bản giao nhận chất thải cho từng chuyến, lập bảng tổng hợp khối lượng cho từng tháng làm cơ sở quyết toán cho từng tháng.

2. Phương thức thanh toán:

Bên A thanh toán cho bên B vào ngày 15 hàng tháng sau khi bên A nhận được đầy đủ hồ sơ thanh toán của bên B.

3. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản bằng tiền đồng Việt Nam

Điều 4: Trách nhiệm và quyền hạn của mỗi bên

1. Trách nhiệm và quyền hạn của bên A.

- Chịu trách nhiệm sắp xếp kho lưu giữ, đảm bảo thành phần chất thải đúng như đã thông báo, tuyệt đối không trộn lẫn các loại chất thải với nhau, ghi rõ tên, loại chất thải trên bao bì thu chứa. Trong trường hợp có sự thay đổi về thành phần chất thải Bên A phải thông báo trước cho Bên B để có phương án giải quyết kịp thời và điều chỉnh giá thành xử lý cho phù hợp.

- Chất thải công nghiệp và nguy hại phải được kiểm soát theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và môi trường về việc Quản lý chất thải nguy hại.

- Cung cấp sổ chủ nguồn thải cho bên B.

- Bên A có quyền kiểm tra giám sát quá trình xử lý chất thải của mình, việc giám sát, kiểm tra này không làm ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất của Bên B.

- Bàn giao Chứng từ Chất thải nguy hại cho bên B khi bên B nhận chuyển giao chất thải từ bên A.

2. Trách nhiệm và quyền hạn của bên B.

- Chịu trách nhiệm xử lý chất thải theo đúng các quy định của Việt Nam về bảo vệ môi trường hiện hành.

- Cùng Bên A xác nhận khối lượng chất thải giao nhận để làm cơ sở nghiệm thu và thanh toán.

- Thông tin đầy đủ cho Bên A về các vấn đề phát sinh trong quá trình xử lý.

- Hoàn thiện Chứng từ chất thải nguy hại sau khi xử lý xong và trả lại cho bên A kèm theo biên bản hoàn thành xử lý trong thời hạn không quá 1 tháng kể từ ngày nhận chất thải.

- Khi chất thải đã bàn giao ra khỏi nhà máy của bên A, nếu có bất kỳ sự cố nào xảy ra (thất thoát, làm ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường) trong quá trình vận chuyển, xử lý chất thải của bên A thì bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm.

- Bên B có thể nghiên cứu áp dụng các phương án xử lý khác hoặc tái chế trên cơ sở tuân thủ các quy định về môi trường.

Điều 5. Các điều khoản chung:

1. Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản của hợp đồng này, trong khi thực hiện có vấn đề gì vướng mắc hai bên phải chủ động gặp nhau để giải quyết trên tinh thần thương lượng và hợp tác, không làm tổn hại đến lợi ích của mỗi bên.

2. Trong thời hạn hợp đồng còn hiệu lực không được tự ý chấm dứt hợp đồng. Nếu một trong hai bên muốn chấm dứt hợp đồng phải thông báo bằng văn bản trước cho bên kia 30 ngày kể từ ngày chấm dứt hợp đồng.

3. Mọi sửa đổi bổ sung của hợp đồng phải được lập thành văn bản kèm theo hợp đồng chỉ có giá trị khi có đầy đủ chữ ký xác nhận của đại diện có thẩm quyền ở cả hai bên.

4. Mọi tranh chấp phát sinh từ hợp đồng này nếu không được các bên thương lượng và hoà giải được với nhau sẽ được giải quyết tại toà án tỉnh Vĩnh Phúc.

Điều 6. Hiệu lực của hợp đồng:

1. Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày 28/02/2024 đến hết ngày 28/02/2027.

2. Hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bản bằng tiếng Việt Nam, mỗi bên giữ 02 (hai) bản cùng có giá trị như nhau về mặt pháp lý và là cơ sở để hai bên làm nghiệm thu thanh toán Hợp đồng.

3. Hợp đồng này chỉ có giá trị đối với hai Bên (A và B), không có hiệu lực với bất cứ bên thứ ba nào khác.

ĐẠI DIỆN BÊN A *P*



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Quang Huy

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC
Đỗ Việt Bình



TỈNH/THÀNH PHỐ
VĨNH PHÚC

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 66/2024/1-2-3.009.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi Trường Công Nghiệp Xanh Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX
Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010
Địa chỉ cơ sở: Thôn Thanh Cao, Xã Ngọc Thanh, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010/ 2479880

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng:.....ĐT:
Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG Mã số QLCTNH: 01.000371.T
Địa chỉ văn phòng: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391
Địa chỉ cơ sở: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1.	Bùn thải sau quá trình xử lý nước			✓	12 06 05	16405	Thiêu đốt, HR
2.	Axit thải		✓		02 01 01	3120	TH, XLHL
3.	Giẻ lau, găng tay dính dầu	✓			18 02 01	210	Thiêu đốt, HR
4.	Bã sơn thải	✓			08 01 01	220	Thiêu đốt, HR
5.	Các vật liệu mài mòn thải có TPNH	✓			07 03 08	630	Thiêu đốt, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có).....Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập
Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 88C-17704,29H-18723, 29C-22797

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Đào Ngọc Minh Ký: Minh Ngày: 05/01/2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:.....Ký:.....Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2024
Chức danh người ký
(chữ ký, đóng dấu)
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG
KHÓA HUY HOÀNG
TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Quang Huy

Vĩnh phúc, ngày 24 tháng 01 năm 2024
Chức danh người ký
(chữ ký, đóng dấu)
CÔNG TY
TNHH
MÔI TRƯỜNG
CÔNG NGHIỆP XANH
GIÁM ĐỐC
Đỗ Việt Bình

@Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□
Ghi chú :(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ
VĨNH PHÚC

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 509/2024/1-2-3.009.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi Trường Công Nghiệp Xanh Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX
Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010
Địa chỉ cơ sở: Thôn Thanh Cao, Xã Ngọc Thanh, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010/ 2479880

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng:.....ĐT:
Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....ĐT:

3. Chủ nguồn thải: **CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG** Mã số QLCTNH: 01.000371.T
Địa chỉ văn phòng: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391
Địa chỉ cơ sở: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1.	Bùn thải sau quá trình xử lý nước			✓	12 06 05	9188	Thiêu đốt, HR
2.	Axit thải		✓		02 01 01	4430	TH, XLHL
3.	Giẻ lau, găng tay dính dầu	✓			18 02 01	150	Thiêu đốt, HR
4.	Bã sơn thải	✓			08 01 01	90	Thiêu đốt, HR
5.	Các vật liệu mài mòn thải có TPNH	✓			07 03 08	180	Thiêu đốt, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đông xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/dóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có).....Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập
Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29C-86681, 29C-22797

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Nguyễn Văn Khôi Ký: *[Signature]* Ngày: 31/01/2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:.....Ký:.....Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Hà Nội, ngày 31 tháng 01 năm 2024
Chức danh người ký
(chữ ký, đóng dấu)

TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Quang Huy

Vĩnh phúc, ngày 20 tháng 02 năm 2024
Chức danh người ký
(chữ ký, đóng dấu)

GIÁM ĐỐC
Đỗ Việt Bình

@Liên số: 1 - 2 - 3 - 4
Ghi chú :(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ
VĨNH PHÚC

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 517/2024/1-2-3.009.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi Trường Công Nghiệp Xanh Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX
Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010
Địa chỉ cơ sở: Thôn Thanh Cao, Xã Ngọc Thanh, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010/ 2479880

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng:.....ĐT:
Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG Mã số QLCTNH: 01.000371.T
Địa chỉ văn phòng: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391
Địa chỉ cơ sở: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
6.	Bùn thải sau quá trình xử lý nước			✓	12 06 05	12480	Thiêu đốt, HR
7.	Axit thải		✓		02 01 01	0	TH, XLHL
8.	Giẻ lau, găng tay dính dầu	✓			18 02 01	230	Thiêu đốt, HR
9.	Bã sơn thải	✓			08 01 01	70	Thiêu đốt, HR
10.	Các vật liệu mài mòn thải có TPNH	✓			07 03 08	320	Thiêu đốt, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/dóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có).....Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập
Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29C-86681, 29H-18723

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Bùi Văn Hội Ký: *Hội* Ngày: 01/02/2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:.....Ký:.....Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hà Nội, ngày 01 tháng 02 năm 2024 *HL*
Chức danh người ký
(chữ ký, đóng dấu)

TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Quang Huy

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Vĩnh phúc, ngày 20 tháng 02 năm 2024
Chức danh người ký
(chữ ký, đóng dấu)

GIÁM ĐỐC
Đỗ Việt Bình

@Liên số: 1 - 2 - 3 - 4

Ghi chú :(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ
VĨNH PHÚC

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 911/2024/1-2-3.009.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi Trường Công Nghiệp Xanh Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX
Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010
Địa chỉ cơ sở: Thôn Thanh Cao, Xã Ngọc Thanh, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010/ 2479880

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng:.....ĐT:
Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):..... ĐT:

3. Chủ nguồn thải: **CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG** Mã số QLCTNH: 01.000371.T
Địa chỉ văn phòng: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391
Địa chỉ cơ sở: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1.	Bùn thải sau quá trình xử lý nước			✓	12 06 05	19025	Thiêu đốt, HR
2.	Axit thải		✓		02 01 01	3160	TH, XLHL
3.	Giẻ lau, găng tay dính dầu	✓			18 02 01	570	Thiêu đốt, HR
4.	Bã sơn thải	✓			08 01 01	430	Thiêu đốt, HR
5.	Các vật liệu mài mòn thải có TPNH	✓			07 03 08	960	Thiêu đốt, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có).....Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập
Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29C-86681, 29C-22797, 88H-01658

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Bùi Văn Sơn Ký: *Sơn* Ngày: 07/03/2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:.....Ký:.....Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Hà Nội, ngày 07 tháng 03 năm 2024

Chức danh người ký
(chữ ký, đóng dấu)
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG
KHÓA HUY HOÀNG
TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Quang Huy

Vĩnh phúc, ngày 20 tháng 03 năm 2024

Chức danh người ký
(chữ ký, đóng dấu)
CÔNG TY
TNHH
MÔI TRƯỜNG
CÔNG NGHIỆP XANH
GIÁM ĐỐC
Đỗ Việt Bình

@Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

Ghi chú :(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ
VĨNH PHÚC

CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 1036/2024/1-2-3.009.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi Trường Công Nghiệp Xanh Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX
Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010
Địa chỉ cơ sở: Thôn Thanh Cao, Xã Ngọc Thanh, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010/ 2479880

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng:..... ĐT:
Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):..... ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG Mã số QLCTNH: 01.000371.T
Địa chỉ văn phòng: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391
Địa chỉ cơ sở: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
6.	Bùn thải sau quá trình xử lý nước			✓	12 06 05	6980	Thiêu đốt, HR
7.	Axit thải		✓		02 01 01	0	TH, XLHL
8.	Giẻ lau, găng tay dính dầu	✓			18 02 01	120	Thiêu đốt, HR
9.	Bã sơn thải	✓			08 01 01	50	Thiêu đốt, HR
10.	Các vật liệu mài mòn thải có TPNH	✓			07 03 08	250	Thiêu đốt, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đông xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có).....Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập
Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 88H-01658

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Bùi Văn Sơn Ký: *Sơn* Ngày: 15/03/2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:..... Ký:..... Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2024 *h*

Chức danh người ký
(chữ ký, đóng dấu)
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG
KHÓA HUY HOÀNG
TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Quang Huy

Vĩnh phúc, ngày 22 tháng 03 năm 2024

Chức danh người ký
(chữ ký, đóng dấu)
CÔNG TY
TNHH
MÔI TRƯỜNG
CÔNG NGHIỆP XANH
GIÁM ĐỐC
Đỗ Việt Bình

@Liên số: 1 - 2 - 3 - 4

Ghi chú :(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng tử không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ **VĨNH PHÚC** CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 1146/2024/1-2-3.009.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi Trường Công Nghiệp Xanh Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX
 Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010
 Địa chỉ cơ sở: Thôn Thanh Cao, Xã Ngọc Thanh, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010/ 2479880

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... Mã số QLCTNH:
 Địa chỉ văn phòng:.....ĐT:
 Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....ĐT:

3. Chủ nguồn thải: **CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG** Mã số QLCTNH: 01.000371.T
 Địa chỉ văn phòng: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391
 Địa chỉ cơ sở: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
11	Bùn thải sau quá trình xử lý nước			✓	12 06 05	5800	Thiêu đốt, HR
12	Axit thải		✓		02 01 01	0	TH, XLHL
13	Giẻ lau, găng tay dính dầu	✓			18 02 01	80	Thiêu đốt, HR
14	Bã sơn thải	✓			08 01 01	0	Thiêu đốt, HR
15	Các vật liệu mài mòn thải có TPNH	✓			07 03 08	50	Thiêu đốt, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đông xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có).....Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập
 Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 88C-17704

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Đào Ngọc Minh Ký: *Mirle* Ngày: 23/03/2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:.....Ký:.....Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2024 *th*

 Chức danh người ký (chữ ký, đóng dấu)
TỔNG GIÁM ĐỐC
Ngọc Ân Quang Huy

Vĩnh phúc, ngày 28 tháng 03 năm 2024

 Chức danh người ký (chữ ký, đóng dấu)
GIÁM ĐỐC
Đỗ Việt Bình

@Liên số: 1 - 2 - 3 - 4
 Ghi chú :(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ
VĨNH PHÚC

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 1279/2024/1-2-3.009.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi Trường Công Nghiệp Xanh Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX

Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010

Địa chỉ cơ sở: Thôn Thanh Cao, Xã Ngọc Thanh, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010/ 2479880

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng:.....ĐT:

Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):..... ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG Mã số QLCTNH: 01.000371.T

Địa chỉ văn phòng: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391

Địa chỉ cơ sở: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391

4. kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

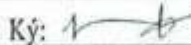
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
16	Bùn thải sau quá trình xử lý nước			✓	12 06 05	1820	Thiêu đốt, HR
17	Axit thải		✓		02 01 01	1870	TH, XLHL
18	Giẻ lau, găng tay dính dầu	✓			18 02 01	80	Thiêu đốt, HR
19	Bã sơn thải	✓			08 01 01	50	Thiêu đốt, HR
20	Các vật liệu mài mòn thải có TPNH	✓			07 03 08	250	Thiêu đốt, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/dóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có).....Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập

Số phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29C-22797, 29C-88101

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Nguyễn Văn Khôi Ký:  Ngày: 30/03/2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:.....Ký:.....Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2024
Chức danh người ký
(chữ ký, đóng dấu)
CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG
TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG
KIỂM SOÁT VÀ XỬ LÝ
TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Quang Huy

Vĩnh phúc, ngày 31 tháng 03 năm 2024
Chức danh người ký
(chữ ký, đóng dấu)
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CÔNG NGHIỆP XANH
GIÁM ĐỐC
Đỗ Việt Bình

@Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

Ghi chú :(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ
VĨNH PHÚC

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 1358/2024/1-2-3.009.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi Trường Công Nghiệp Xanh Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX
Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010
Địa chỉ cơ sở: Thôn Thanh Cao, Xã Ngọc Thanh, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010/ 2479880

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng:.....ĐT:
Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG Mã số QLCTNH: 01.000371.T
Địa chỉ văn phòng: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391
Địa chỉ cơ sở: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391

4. Kế khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1.	Bùn thải sau quá trình xử lý nước			✓	12 06 05	3385	Thiêu đốt, HR
2.	Axit thải		✓		02 01 01	665	TH, XLHL
3.	Giẻ lau, găng tay dính dầu	✓			18 02 01	120	Thiêu đốt, HR
4.	Bã sơn thải	✓			08 01 01	60	Thiêu đốt, HR
5.	Các vật liệu mài mòn thải có TPNH	✓			07 03 08	130	Thiêu đốt, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có).....Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập
Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 88H-01658

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Bùi Văn Sơn Ký:  Ngày: 06/04/2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:.....Ký:.....Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hà Nội, ngày 06 tháng 04 năm 2024



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quang Huy

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Vĩnh phúc, ngày 06 tháng 04 năm 2024



GIÁM ĐỐC

Đỗ Việt Bình

@Liên số: 1 - 2 - 3 - 4

Ghi chú :(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ
VĨNH PHÚC

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 1721/2024/1-2-3.009.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi Trường Công Nghiệp Xanh Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX
Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010
Địa chỉ cơ sở: Thôn Thanh Cao, Xã Ngọc Thanh, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010/ 2479880

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng:.....ĐT:
Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG Mã số QLCTNH: 01.000371.T
Địa chỉ văn phòng: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391
Địa chỉ cơ sở: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
11	Bùn thải sau quá trình xử lý nước			✓	12 06 05	5508	Thiêu đốt, HR
12	Axit thải		✓		02 01 01	960	TH, XLHL
13	Giẻ lau, găng tay dính dầu	✓			18 02 01	220	Thiêu đốt, HR
14	Bã sơn thải	✓			08 01 01	170	Thiêu đốt, HR
15	Các vật liệu mài mòn thải có TPNH	✓			07 03 08	560	Thiêu đốt, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đông xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có).....Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập
Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 88H-01658, 29Z-3257

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Bùi Văn Sơn Ký: *SBS* Ngày: 27/04/2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:.....Ký:.....Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Hà Nội, ngày 27 tháng 04 năm 2024 *h*
Chức danh người ký:
(chữ ký, đóng dấu)
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
KHÓA HUY HOÀNG
TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Quang Huy

Vĩnh phúc, ngày 29 tháng 04 năm 2024
Chức danh người ký
(chữ ký, đóng dấu)
CÔNG TY
TNHH
MÔI TRƯỜNG
CÔNG NGHIỆP XANH
GIÁM ĐỐC
Đỗ Việt Bình

@Liên số: 1 - 2 - 3 - 4

Ghi chú :(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ
VĨNH PHÚC

CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 1881/2024/1-2-3.009.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi Trường Công Nghiệp Xanh Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX
Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010
Địa chỉ cơ sở: Thôn Thanh Cao, Xã Ngọc Thanh, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010/ 2479880

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng:.....ĐT:
Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....ĐT:

3. Chủ nguồn thải: **CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG** Mã số QLCTNH: 01.000371.T
Địa chỉ văn phòng: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391
Địa chỉ cơ sở: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1.	Bùn thải sau quá trình xử lý nước			✓	12 06 05	6995	Thiêu đốt, HR
2.	Axit thải		✓		02 01 01	825	TH, XLHL
3.	Giẻ lau, găng tay dính dầu	✓			18 02 01	170	Thiêu đốt, HR
4.	Bã sơn thải	✓			08 01 01	120	Thiêu đốt, HR
5.	Các vật liệu mài mòn thải có TPNH	✓			07 03 08	280	Thiêu đốt, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/dóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có).....Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập
Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29C-88101, 29C-22797

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Đỗ Văn Linh Ký: *cb* Ngày: 11/05/2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:.....Ký:.....Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Hà Nội, ngày 11 tháng 05 năm 2024
Chức danh người ký
(chữ ký, đóng dấu)

TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Quang Huy

Vĩnh Phúc, ngày 18 tháng 05 năm 2024
Chức danh người ký
(chữ ký, đóng dấu)

GIÁM ĐỐC
Đỗ Việt Bình

*Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

Ghi chú:(ghi rõ trong trường hợp lỗ CTNH trong chứng tử không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ
VĨNH PHÚC

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 2008/2024/1-2-3.009.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi Trường Công Nghiệp Xanh Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX
Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010
Địa chỉ cơ sở: Thôn Thanh Cao, Xã Ngọc Thanh, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010/ 2479880

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng:.....ĐT:
Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG Mã số QLCTNH: 01.000371.T
Địa chỉ văn phòng: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391
Địa chỉ cơ sở: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1.	Bùn thải sau quá trình xử lý nước			✓	12 06 05	3820	Thiêu đốt, HR
2.	Axit thải		✓		02 01 01	-	TH, XLHL
3.	Giẻ lau, găng tay dính dầu	✓			18 02 01	130	Thiêu đốt, HR
4.	Bã son thải	✓			08 01 01	110	Thiêu đốt, HR
5.	Các vật liệu mài mòn thải có TPNH	✓			07 03 08	270	Thiêu đốt, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có).....Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập
Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29C-88101

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Đỗ Văn Linh Ký: *Ch* Ngày: 18/05/2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:.....Ký:.....Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Hà Nội, ngày 18 tháng 05 năm 2024 *hl*
Chức danh người ký
(chữ ký, đóng dấu)
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG
CÔNG NGHIỆP XANH
KHÓA HUY HOÀNG
TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Quang Huy

Vĩnh Phúc, ngày 25 tháng 05 năm 2024
Chức danh người ký
(chữ ký, đóng dấu)
CÔNG TY
TNHH
MÔI TRƯỜNG
CÔNG NGHIỆP XANH
GIÁM ĐỐC
Đỗ Việt Bình

@Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

Ghi chú :(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ
VĨNH PHÚC

CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 2114/2024/1-2-3.009.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi Trường Công Nghiệp Xanh Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX
Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010
Địa chỉ cơ sở: Thôn Thanh Cao, Xã Ngọc Thanh, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010/ 2479880

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng:.....ĐT:
Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG Mã số QLCTNH: 01.000371.T
Địa chỉ văn phòng: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391
Địa chỉ cơ sở: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1.	Bùn thải sau quá trình xử lý nước			✓	12 06 05	1735	Thiêu đốt, HR
2.	Axit thải		✓		02 01 01	1070	TH, XLHL
3.	Giẻ lau, găng tay dính dầu	✓			18 02 01	140	Thiêu đốt, HR
4.	Bã son thải	✓			08 01 01	110	Thiêu đốt, HR
5.	Các vật liệu mài mòn thải có TPNH	✓			07 03 08	250	Thiêu đốt, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tập thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cổ lập/dóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có).....Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập
Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29C-88101, 29C-02001

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Đỗ Văn Linh Ký: *Đỗ Văn Linh* Ngày: 25/05/2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:.....Ký:.....Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2024
Chức danh người ký
CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
KIỂM SOÁT MÔI TRƯỜNG
TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Quang Huy

Vĩnh Phúc, ngày 31 tháng 05 năm 2024
Chức danh người ký
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CÔNG NGHIỆP XANH
GIÁM ĐỐC
Đỗ Việt Bình

@Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□
Ghi chú :(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ
VĨNH PHÚC

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 2235/2024/1-2-3.009.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi Trường Công Nghiệp Xanh Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX
Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010
Địa chỉ cơ sở: Thôn Thanh Cao, Xã Ngọc Thanh, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010/ 2479880

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng:.....ĐT:
Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG Mã số QLCTNH: 01.000371.T
Địa chỉ văn phòng: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391
Địa chỉ cơ sở: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391


4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1.	Bùn thải sau quá trình xử lý nước			✓	12 06 05	3760	Thiêu đốt, HR
2.	Axit thải		✓		02 01 01	-	TH, XLHL
3.	Giẻ lau, găng tay dính dầu	✓			18 02 01	120	Thiêu đốt, HR
4.	Bã sơn thải	✓			08 01 01	110	Thiêu đốt, HR
5.	Các vật liệu mài mòn thải có TPNH	✓			07 03 08	230	Thiêu đốt, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đóng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/dóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có).....Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập
Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29C-88101

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Đỗ Văn Linh Ký:  Ngày: 01/06/2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:.....Ký:.....Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Hà Nội, ngày 01 tháng 06 năm 2024 /
Chức danh người ký
(chữ ký, đóng dấu)

TỔNG GIÁM ĐỐC


Vĩnh Phúc, ngày 07 tháng 06 năm 2024
Chức danh người ký
(chữ ký, đóng dấu)

GIÁM ĐỐC


@Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

Ghi chú :(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ
VĨNH PHÚC

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 2463/2024/1-2-3.009.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi Trường Công Nghiệp Xanh Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX
Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010
Địa chỉ cơ sở: Thôn Thanh Cao, Xã Ngọc Thanh, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010/ 2479880

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng:..... ĐT:
Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):..... ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG Mã số QLCTNH: 01.000371.T
Địa chỉ văn phòng: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391
Địa chỉ cơ sở: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1.	Bùn thải sau quá trình xử lý nước			✓	12 06 05	5070	Thiêu đốt, HR
2.	Axit thải		✓		02 01 01	1600	TH, XLHL
3.	Giẻ lau, găng tay dính dầu	✓			18 02 01	150	Thiêu đốt, HR
4.	Bã sơn thải	✓			08 01 01	110	Thiêu đốt, HR
5.	Các vật liệu mài mòn thải có TPNH	✓			07 03 08	350	Thiêu đốt, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/dóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có).....Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập
Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29C-88101, 29C-85208

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Đỗ Văn Linh Ký: *Ch* Ngày: 15/06/2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:..... Ký:..... Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Hà Nội, ngày 15 tháng 06 năm 2024 *HL*



Chức danh người ký
(chữ ký, đóng dấu)

TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngọc Sơn Quang Huy

Vĩnh Phúc, ngày 22 tháng 06 năm 2024



Chức danh người ký
(chữ ký, đóng dấu)

GIÁM ĐỐC

Đỗ Việt Bình

Liên số: 1 - 2 - 3 - 4

Ghi chú :(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ
VĨNH PHÚC

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 2570/2024/1-2-3.009.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi Trường Công Nghiệp Xanh Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX
Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010
Địa chỉ cơ sở: Thôn Thanh Cao, Xã Ngọc Thanh, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010/ 2479880

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng:.....ĐT:
Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):..... ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG Mã số QLCTNH: 01.000371.T
Địa chỉ văn phòng: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391
Địa chỉ cơ sở: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1.	Bùn thải sau quá trình xử lý nước			✓	12 06 05	1145	Thiêu đốt, HR
2.	Axit thải		✓		02 01 01	-	TH, XLHL
3.	Giẻ lau, găng tay dính dầu	✓			18 02 01	90	Thiêu đốt, HR
4.	Bã sơn thải	✓			08 01 01	110	Thiêu đốt, HR
5.	Các vật liệu mài mòn thải có TPNH	✓			07 03 08	350	Thiêu đốt, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đông xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có).....Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập
Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 88H-01658

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Bùi Văn Sơn Ký: *Sơn* Ngày: 22/06/2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:.....Ký:.....Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Hà Nội, ngày 22 tháng 06 năm 2024 *h*

Chức danh người ký

(chữ ký, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quang Huy

Vĩnh Phúc, ngày 29 tháng 06 năm 2024

Chức danh người ký

(chữ ký, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC

Đỗ Việt Bình

@Liên số: 1☐ - 2☐ - 3☐ - 4☐

Ghi chú:(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ
VĨNH PHÚC

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 2695/2024/1-2-3.009.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi Trường Công Nghiệp Xanh Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX
Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010
Địa chỉ cơ sở: Thôn Thanh Cao, Xã Ngọc Thanh, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010/ 2479880

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng:.....ĐT:
Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG Mã số QLCTNH: 01.000371.T
Địa chỉ văn phòng: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391
Địa chỉ cơ sở: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391


4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1.	Bùn thải sau quá trình xử lý nước			✓	12 06 05	4060	Thiêu đốt, HR
2.	Axit thải		✓		02 01 01	1280	TH, XLHL
3.	Giẻ lau, găng tay dính dầu	✓			18 02 01	120	Thiêu đốt, HR
4.	Bã sơn thải	✓			08 01 01	60	Thiêu đốt, HR
5.	Các vật liệu mài mòn thải có TPNH	✓			07 03 08	350	Thiêu đốt, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/dóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có).....Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập
Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29C-22797, 29C-02021

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Nguyễn Văn Khôi Ký:  Ngày: 29/06/2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:.....Ký:.....Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2024 *H*
Chức danh người ký
(chữ ký, đóng dấu)

TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Quang Huy

Vĩnh Phúc, ngày 08 tháng 07 năm 2024
Chức danh người ký
(chữ ký, đóng dấu)

GIÁM ĐỐC
Đỗ Việt Bình

@Liên số: 1 - 2 - 3 - 4

Ghi chú :(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ
VĨNH PHÚC

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 2795/2024/1-2-3.009.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi Trường Công Nghiệp Xanh Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX
Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010
Địa chỉ cơ sở: Thôn Thanh Cao, Xã Ngọc Thanh, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010/ 2479880

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng:.....ĐT:
Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....ĐT:

3. Chủ nguồn thải: **CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG** Mã số QLCTNH: 01.000371.T
Địa chỉ văn phòng: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391
Địa chỉ cơ sở: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1.	Bùn thải sau quá trình xử lý nước			✓	12 06 05	3700	Thiêu đốt, HR
2.	Axit thải		✓		02 01 01	-	TH, XLHL
3.	Giẻ lau, găng tay dính dầu	✓			18 02 01	80	Thiêu đốt, HR
4.	Bã sơn thải	✓			08 01 01	60	Thiêu đốt, HR
5.	Các vật liệu mài mòn thải có TPNH	✓			07 03 08	320	Thiêu đốt, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cò lập/dóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có).....Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập
Số hồ sơ phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 88H-01658

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Bùi Văn Sơn Ký: *Sơn* Ngày: 06/07/2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:.....Ký:.....Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Hà Nội, ngày 06 tháng 07 năm 2024 *h*

Chức danh người ký



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Quang Huy

Vĩnh Phúc, ngày 13 tháng 07 năm 2024

Chức danh người ký



GIÁM ĐỐC

Đỗ Việt Bình

Liên số: 1 - 2 - 3 - 4

Ghi chú:(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ
VĨNH PHÚC

CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 2914/2024/1-2-3.009.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi Trường Công Nghiệp Xanh Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX
Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010
Địa chỉ cơ sở: Thôn Thanh Cao, Xã Ngọc Thanh, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010/ 2479880

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng:.....ĐT:
Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG Mã số QLCTNH: 01.000371.T
Địa chỉ văn phòng: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391
Địa chỉ cơ sở: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1.	Bùn thải sau quá trình xử lý nước			✓	12 06 05	4610	Thiêu đốt, HR
2.	Axit thải		✓		02 01 01	850	TH, XLHL
3.	Giẻ lau, găng tay dính dầu	✓			18 02 01	90	Thiêu đốt, HR
4.	Bã sơn thải	✓			08 01 01	80	Thiêu đốt, HR
5.	Các vật liệu mài mòn thải có TPNH	✓			07 03 08	230	Thiêu đốt, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đông xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có).....Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập
Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29C-88101, 29C-85208

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Đỗ Văn Linh Ký: *Đỗ Văn Linh* Ngày: 13/07/2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:.....Ký:.....Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Hà Nội, ngày 13 tháng 07 năm 2024 *K*
Chức danh người ký
(chữ ký, đóng dấu)

TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Quang Huy

Vĩnh Phúc, ngày 22 tháng 07 năm 2024
Chức danh người ký
(chữ ký, đóng dấu)

GIÁM ĐỐC
Đỗ Việt Bình

Liên số: 1 - 2 - 3 - 4
Ghi chú :(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ
VĨNH PHÚC

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 3039/2024/1-2-3.009.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi Trường Công Nghiệp Xanh Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX
Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010
Địa chỉ cơ sở: Thôn Thanh Cao, Xã Ngọc Thanh, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010/ 2479880

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng:.....ĐT:
Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):..... ĐT:

3. Chủ nguồn thải: **CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG** Mã số QLCTNH: 01.000371.T
Địa chỉ văn phòng: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391
Địa chỉ cơ sở: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391


4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
6.	Bùn thải sau quá trình xử lý nước			✓	12 06 05	4010	Thiêu đốt, HR
7.	Axit thải		✓		02 01 01	-	TH, XLHL
8.	Giẻ lau, găng tay dính dầu	✓			18 02 01	80	Thiêu đốt, HR
9.	Bã sơn thải	✓			08 01 01	50	Thiêu đốt, HR
10.	Các vật liệu mài mòn thải có TPNH	✓			07 03 08	120	Thiêu đốt, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đóng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cò lập/dóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có).....Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập
Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29C-88101

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Đỗ Văn Linh Ký:  Ngày: 20/07/2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:.....Ký:.....Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2024 H

Chức danh người ký
(chữ ký, đóng dấu)
TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Quang Huy

Vĩnh Phúc, ngày 27 tháng 07 năm 2024

Chức danh người ký
(chữ ký, đóng dấu)
GIÁM ĐỐC
Đỗ Việt Bình

@Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

Ghi chú :(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ
VĨNH PHÚC

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 3133/2024/1-2-3.009.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi Trường Công Nghiệp Xanh Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX
Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010
Địa chỉ cơ sở: Thôn Thanh Cao, Xã Ngọc Thanh, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010/ 2479880

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng:.....ĐT:
Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG Mã số QLCTNH: 01.000371.T
Địa chỉ văn phòng: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391
Địa chỉ cơ sở: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý ^a
		Rắn	Lỏng	Bùn			
11	Bùn thải sau quá trình xử lý nước			✓	12 06 05	895	Thiêu đốt, HR
12	Axit thải		✓		02 01 01	-	TH, XLHL
13	Giẻ lau, găng tay dính dầu	✓			18 02 01	80	Thiêu đốt, HR
14	Bã sơn thải	✓			08 01 01	80	Thiêu đốt, HR
15	Các vật liệu mài mòn thải có TPNH	✓			07 03 08	230	Thiêu đốt, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có).....Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập
Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 88H-01658

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Bùi Văn Sơn Ký: *Sơn* Ngày: 27/07/2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:.....Ký:.....Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Hà Nội, ngày 27 tháng 07 năm 2024
Chức danh người ký
(chữ ký, đóng dấu)
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
KHÓA HUY HOÀNG
TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Quang Huy

Vĩnh Phúc, ngày 31 tháng 07 năm 2024
Chức danh người ký
(chữ ký, đóng dấu)
CÔNG TY
TNHH
MÔI TRƯỜNG
CÔNG NGHIỆP XANH
GIÁM ĐỐC
Đỗ Việt Bình

@Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

Ghi chú :(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ **VĨNH PHÚC** CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 3134/2024/1-2-3.009.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi Trường Công Nghiệp Xanh Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX
 Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010
 Địa chỉ cơ sở: Thôn Thanh Cao, Xã Ngọc Thanh, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010/ 2479880

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... Mã số QLCTNH:.....
 Địa chỉ văn phòng:.....ĐT:.....
 Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: **CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG** Mã số QLCTNH: 01.000371.T
 Địa chỉ văn phòng: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391
 Địa chỉ cơ sở: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1.	Bùn thải sau quá trình xử lý nước			✓	12 06 05	3715	Thiêu đốt, HR
2.							
3.							
4.							
5.							

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có).....Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập.....
 Số lượng phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:.....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 88H-01658

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Bùi Văn Sơn Ký: *Sơn* Ngày: 27/07/2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:.....Ký:.....Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Hà Nội, ngày 27 tháng 07 năm 2024 *R*
 Chức danh người ký
 (chữ ký, đóng dấu)

 TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Quang Huy

Vĩnh Phúc, ngày 07 tháng 08 năm 2024
 Chức danh người ký
 (chữ ký, đóng dấu)

 GIÁM ĐỐC
Đỗ Việt Bình

@Liên số: 1 - 2 - 3 - 4
 Ghi chú :(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ
VĨNH PHÚC

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 3245/2024/1-2-3.009.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi Trường Công Nghiệp Xanh Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX
Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010
Địa chỉ cơ sở: Thôn Thanh Cao, Xã Ngọc Thanh, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010/ 2479880

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng:.....ĐT:
Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG Mã số QLCTNH: 01.000371.T
Địa chỉ văn phòng: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391
Địa chỉ cơ sở: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1.	Bùn thải sau quá trình xử lý nước			✓	12 06 05	5550	Thiêu đốt, HR
2.	Axit thải		✓		02 01 01	1510	TH, XLHL
3.	Giẻ lau, găng tay dính dầu	✓			18 02 01	90	Thiêu đốt, HR
4.	Bã sơn thải	✓			08 01 01	70	Thiêu đốt, HR
5.	Các vật liệu mài mòn thải có TPNH	✓			07 03 08	210	Thiêu đốt, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có).....Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập
Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29H-18723, 29C-02021

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Nguyễn Văn Khôi Ký: *[Signature]* Ngày: 03/08/2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:.....Ký:.....Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Hà Nội, ngày 03 tháng 08 năm 2024 *[Signature]*

Chức danh người ký
(chữ ký, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Quang Huy

Vĩnh Phúc, ngày 12 tháng 08 năm 2024

Chức danh người ký
(chữ ký, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC
Đỗ Việt Bình

Liên số: 1 - 2 - 3 - 4

Ghi chú:(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ
VĨNH PHÚC

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 3333/2024/1-2-3.009.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi Trường Công Nghiệp Xanh Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX

Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010

Địa chỉ cơ sở: Thôn Thanh Cao, Xã Ngọc Thanh, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010/2479880

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng:.....ĐT:

Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG Mã số QLCTNH: 01.000371.T

Địa chỉ văn phòng: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391

Địa chỉ cơ sở: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1.	Bùn thải sau quá trình xử lý nước			✓	12 06 05	4000	Thiêu đốt, HR
2.	Axit thải		✓		02 01 01	-	TH, XLHL
3.	Giẻ lau, găng tay dính dầu	✓			18 02 01	70	Thiêu đốt, HR
4.	Bã sơn thải	✓			08 01 01	60	Thiêu đốt, HR
5.	Các vật liệu mài mòn thải có TPNH	✓			07 03 08	120	Thiêu đốt, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đông xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/dóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có).....Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập

Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29C-88101

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Đỗ Văn Linh Ký: *cb* Ngày: 10/08/2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:.....Ký:.....Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2024

Chức danh người ký

(chữ ký, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quang Huy

Vĩnh Phúc, ngày 17 tháng 08 năm 2024

Chức danh người ký

(chữ ký, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC

Đỗ Việt Bình

@Liên số: 1 - 2 - 3 - 4

Ghi chú :(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ
VĨNH PHÚC

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 3697/2024/1-2-3.009.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi Trường Công Nghiệp Xanh Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX
Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010
Địa chỉ cơ sở: Thôn Thanh Cao, Xã Ngọc Thanh, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010/2479880

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng:.....ĐT:
Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG Mã số QLCTNH: 01.000371.T
Địa chỉ văn phòng: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391
Địa chỉ cơ sở: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391

4. K...ai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1.	Bùn thải sau quá trình xử lý nước			✓	12 06 05	6085	Thiêu đốt, HR
2.	Axit thải		✓		02 01 01	-	TH, XLHL
3.	Giẻ lau, găng tay dính dầu	✓			18 02 01	85	Thiêu đốt, HR
4.	Bã sơn thải	✓			08 01 01	90	Thiêu đốt, HR
5.	Các vật liệu mài mòn thải có TPNH	✓			07 03 08	280	Thiêu đốt, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cò lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có).....Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập
Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:

7. X...nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 88H-01658

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Bùi Văn Sơn Ký: *Sơn* Ngày: 31/08/2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:.....Ký:.....Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Hà Nội, ngày 31 tháng 08 năm 2024

Chức danh người ký
(chữ ký, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Quang Huy

Vĩnh Phúc, ngày 31 tháng 08 năm 2024

Chức danh người ký
(chữ ký, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC

Đỗ Huy Cường

@Liên số: 1 - 2 - 3 - 4

Ghi chú :(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ
VĨNH PHÚC

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 3590/2024/1-2-3.009.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi Trường Công Nghiệp Xanh Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX

Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010

Địa chỉ cơ sở: Thôn Thanh Cao, Xã Ngọc Thanh, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010/ 2479880

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng:.....ĐT:

Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....ĐT:

3. Chủ nguồn thải: **CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG** Mã số QLCTNH: 01.000371.T

Địa chỉ văn phòng: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391

Địa chỉ cơ sở: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391

4. Kể lại CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1.	Bùn thải sau quá trình xử lý nước			✓	12 06 05	9100	Thiêu đốt, HR
2.	Axit thải		✓		02 01 01	2020	TH, XLHL
3.	Giẻ lau, găng tay dính dầu	✓			18 02 01	110	Thiêu đốt, HR
4.	Bã sơn thải	✓			08 01 01	160	Thiêu đốt, HR
5.	Các vật liệu mài mòn thải có TPNH	✓			07 03 08	320	Thiêu đốt, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/dóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có).....Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập

Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29C-88101, 29C-22797

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Nguyễn Văn Khôi Ký: *[Signature]* Ngày: 24/08/2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:.....Ký:.....Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Hà Nội, ngày 24 tháng 08 năm 2024

Chức danh người ký



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quang Huy

Vĩnh Phúc, ngày 30 tháng 08 năm 2024

Chức danh người ký



GIÁM ĐỐC

Đỗ Huy Cường

Liên số: 1 - 2 - 3 - 4

Ghi chú :(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ **VĨNH PHÚC** **CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI**
Số: 3847/2024/1-2-3.009.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi Trường Công Nghiệp Xanh Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX
Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010
Địa chỉ cơ sở: Thôn Thanh Cao, Xã Ngọc Thanh, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010/ 2479880

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng:.....ĐT:
Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....ĐT:

3. Chủ nguồn thải: **CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG** Mã số QLCTNH: 01.000371.T
Địa chỉ văn phòng: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391
Địa chỉ cơ sở: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391

4. kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1.	Bùn thải sau quá trình xử lý nước			✓	12 06 05	5920	Thiêu đốt, HR
2.	Axit thải		✓		02 01 01	1880	TH, XLHL
3.	Giẻ lau, găng tay dính dầu	✓			18 02 01	80	Thiêu đốt, HR
4.	Bã sơn thải	✓			08 01 01	90	Thiêu đốt, HR
5.	Các vật liệu mài mòn thải có TPNH	✓			07 03 08	320	Thiêu đốt, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cò lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có).....Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập
Số lượng phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 88H-01658, 29Z-3257

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Bùi Văn Sơn Ký: *Sơn* Ngày: 14/09/2024


7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:.....Ký:.....Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Hà Nội, ngày 14 tháng 09 năm 2024
Chức danh người ký
(chữ ký, đóng dấu)

TỔNG GIÁM ĐỐC
Ngọc Ân Quang Huy

Vĩnh Phúc, ngày 20 tháng 09 năm 2024
Chức danh người ký
(chữ ký, đóng dấu)

GIÁM ĐỐC
Đỗ Huy Cường

Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□
Ghi chú :(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ
VĨNH PHÚC

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 3969/2024/1-2-3.009.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi Trường Công Nghiệp Xanh Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX
Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010
Địa chỉ cơ sở: Thôn Thanh Cao, Xã Ngọc Thanh, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010/ 2479880

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng:.....ĐT:
Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG Mã số QLCTNH: 01.000371.T
Địa chỉ văn phòng: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391
Địa chỉ cơ sở: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391

4. Các loại CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1.	Bùn thải sau quá trình xử lý nước			✓	12 06 05	4325	Thiêu đốt, HR
2.	Axit thải		✓		02 01 01	-	TH, XLHL
3.	Giẻ lau, găng tay dính dầu	✓			18 02 01	75	Thiêu đốt, HR
4.	Bã sơn thải	✓			08 01 01	80	Thiêu đốt, HR
5.	Các vật liệu mài mòn thải có TPNH	✓			07 03 08	280	Thiêu đốt, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cò lập/dóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có).....Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập
Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29C-88101

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Đỗ Văn Linh Ký: *Ch* Ngày: 21/09/2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:.....Ký:.....Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Hà Nội, ngày 21 tháng 09 năm 2024

Chức danh người ký



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Quang Huy

Vĩnh Phúc, ngày 21 tháng 09 năm 2024

Chức danh người ký



GIÁM ĐỐC

Đỗ Huy Cường

Liên số: 1 - 2 - 3 - 4

Ghi chú :(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ
VĨNH PHÚC

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 4124/2024/1-2-3.009.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi Trường Công Nghiệp Xanh Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX
Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010
Địa chỉ cơ sở: Thôn Thanh Cao, Xã Ngọc Thanh, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010/ 2479880

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng:.....ĐT:
Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):..... ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG Mã số QLCTNH: 01.000371.T
Địa chỉ văn phòng: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391
Địa chỉ cơ sở: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391

4. Kể lại CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1.	Bùn thải sau quá trình xử lý nước			✓	12 06 05	5740	Thiêu đốt, HR
2.	Axit thải		✓		02 01 01	-	TH, XLHL
3.	Giẻ lau, găng tay dính dầu	✓			18 02 01	70	Thiêu đốt, HR
4.	Bã sơn thải	✓			08 01 01	80	Thiêu đốt, HR
5.	Các vật liệu mài mòn thải có TPNH	✓			07 03 08	310	Thiêu đốt, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có).....Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập
Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29C-86681

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Bùi Văn Hợi Ký: Hợi Ngày: 28/09/2024


7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:.....Ký:.....Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Hà Nội, ngày 28 tháng 09 năm 2024
Chức danh người ký
(chữ ký, đóng dấu)

TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Quang Huy

Vĩnh Phúc, ngày 30 tháng 09 năm 2024
Chức danh người ký
(chữ ký, đóng dấu)

GIÁM ĐỐC
Đỗ Huy Cường

@Liên số: 1 - 2 - 3 - 4

Ghi chú :(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ **VĨNH PHÚC** CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 4547/2024/1-2-3.009.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi Trường Công Nghiệp Xanh Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX
 Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010
 Địa chỉ cơ sở: Thôn Thanh Cao, Xã Ngọc Thanh, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010/ 2479880

2. Chủ CS DV XL CTNH 2: Mã số QLCTNH: Địa chỉ văn phòng: ĐT: Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng): ĐT:

3. Chủ nguồn thải: **CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG** Mã số QLCTNH: 01.000371.T
 Địa chỉ văn phòng: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391
 Địa chỉ cơ sở: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391

4. Kê khai CTNH chuyên giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1.	Bùn thải sau quá trình xử lý nước			✓	12 06 05	10810	Thiêu đốt, HR
2.	Axit thải		✓		02 01 01	-	TH, XLHL
3.	Giẻ lau, găng tay dính dầu	✓			18 02 01	130	Thiêu đốt, HR
4.	Bã sơn thải	✓			08 01 01	90	Thiêu đốt, HR
5.	Các vật liệu mài mòn thải có TPNH	✓			07 03 08	320	Thiêu đốt, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xếp hạng CTNH (nếu có): Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập: Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29H-18723, 29C-88101

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Đỗ Văn Linh Ký: Ngày: 26/10/2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
 Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2024
 Chức danh người ký (chữ ký, đóng dấu)

 TÔNG GIÁM ĐỐC
 Nguyễn Quang Huy

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.
 Vĩnh Phúc, ngày 31 tháng 10 năm 2024
 Chức danh người ký (chữ ký, đóng dấu)

 GIÁM ĐỐC
 Đỗ Huy Cường

Liên số: 1 - 2 - 3 - 4
 Ghi chú: (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

VĨNH PHÚC

Số: 4336/2024/1-2-3.009.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi Trường Công Nghiệp Xanh

Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX

Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

ĐT: 0211.221.9010

Địa chỉ cơ sở: Thôn Thanh Cao, Xã Ngọc Thanh, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

ĐT: 0211.221.9010/ 2479880

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng:.....ĐT:

Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG

Mã số QLCTNH: 01.000371.T

Địa chỉ văn phòng: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội

ĐT: 024.20214391

Địa chỉ cơ sở: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội

ĐT: 024.20214391

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)


Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1.	Bùn thải sau quá trình xử lý nước			✓	12 06 05	5330	Thiêu đốt, HR
2.	Axit thải		✓		02 01 01	380	TH, XLHL
3.	Giẻ lau, găng tay dính dầu	✓			18 02 01	70	Thiêu đốt, HR
4.	Bã sơn thải	✓			08 01 01	80	Thiêu đốt, HR
5.	Các vật liệu mài mòn thải có TPNH	✓			07 03 08	280	Thiêu đốt, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xi hâu CTNH (nếu có).....Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập

Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29Z-3257

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Nguyễn Đình Lục Ký:  Ngày: 12/10/2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:.....Ký:.....Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Hà Nội, ngày 12 tháng 10 năm 2024

Chức danh người ký
(chữ ký, đóng dấu)

TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Quang Huy



Vĩnh Phúc, ngày 26 tháng 10 năm 2024

Chức danh người ký
(chữ ký, đóng dấu)

GIÁM ĐỐC
Đỗ Huy Cường



Liên số: 1 - 2 - 3 - 4

Ghi chú :(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ
VĨNH PHÚC

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 4232/2024/1-2-3.009.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi Trường Công Nghiệp Xanh Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX
Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010
Địa chỉ cơ sở: Thôn Thanh Cao, Xã Ngọc Thanh, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010/ 2479880

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng:.....ĐT:
Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG Mã số QLCTNH: 01.000371.T
Địa chỉ văn phòng: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391
Địa chỉ cơ sở: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1.	Bùn thải sau quá trình xử lý nước			✓	12 06 05	4345	Thiêu đốt, HR
2.	Axit thải		✓		02 01 01	1630	TH, XLHL
3.	Giẻ lau, găng tay dính dầu	✓			18 02 01	70	Thiêu đốt, HR
4.	Bã sơn thải	✓			08 01 01	80	Thiêu đốt, HR
5.	Các vật liệu mài mòn thải có TPNH	✓			07 03 08	230	Thiêu đốt, HR
6.	Bóng đèn huỳnh quang thải	✓			16 01 06	5	Nghiên, PT, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có).....Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập
Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29H-18723, 29C-22797

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Bùi Văn Sơn Ký: *SB* Ngày: 05/10/2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:.....Ký:.....Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Hà Nội, ngày 05 tháng 10 năm 2024 ✓
Chức danh người ký
(chữ ký, đóng dấu)

TỔNG GIÁM ĐỐC
Ngọc Sơn Quang Huy

Vĩnh Phúc, ngày 15 tháng 10 năm 2024
Chức danh người ký
(chữ ký, đóng dấu)

GIÁM ĐỐC
Đỗ Huy Thắng

Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

Ghi chú :(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ **VĨNH PHÚC** **CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI**
 Số: 4777/2024/1-2-3.009.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi Trường Công Nghiệp Xanh Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX
 Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010
 Địa chỉ cơ sở: Thôn Thanh Cao, Xã Ngọc Thanh, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010/ 2479880

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... Mã số QLCTNH:
 Địa chỉ văn phòng:.....ĐT:
 Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):..... ĐT:

3. Chủ nguồn thải: **CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG** Mã số QLCTNH: **01.000371.T**
 Địa chỉ văn phòng: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391
 Địa chỉ cơ sở: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391

4. kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1.	Bùn thải sau quá trình xử lý nước			✓	12 06 05	5350	Thiêu đốt, HR
2.	Axit thải		✓		02 01 01		TH, XLHL
3.	Giẻ lau, găng tay dính dầu	✓			18 02 01	90	Thiêu đốt, HR
4.	Bã sơn thải	✓			08 01 01	90	Thiêu đốt, HR
5.	Các vật liệu mài mòn thải có TPNH	✓			07 03 08	240	Thiêu đốt, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cò lập/dóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. X khẩu CTNH (nếu có).....Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập
 Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29C-88101,

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Đỗ Văn Linh Ký: *Ch* Ngày: 09/11/2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:.....Ký:.....Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Hà Nội, ngày 09 tháng 11 năm 2024 *th*
 Chức danh người ký
 (chữ ký, đóng dấu)

 T. K. MÊ LINH - TP. HÀ NỘI
 TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Quang Huy

Vĩnh Phúc, ngày *11* tháng *11* năm 2024
 Chức danh người ký
 (chữ ký, đóng dấu)

 T. P. PHÚC YÊN - T. VĨNH PHÚC
 GIÁM ĐỐC
Đỗ Huy Cường

TỈNH/THÀNH PHỐ **VĨNH PHÚC** CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 4999/2024/1-2-3.009.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi Trường Công Nghiệp Xanh Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX
Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010
Địa chỉ cơ sở: Thôn Thanh Cao, Xã Ngọc Thanh, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010/ 2479880

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng:.....ĐT:
Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):..... ĐT:

3. Chủ nguồn thải: **CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG** Mã số QLCTNH: **01.000371.T**
Địa chỉ văn phòng: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391
Địa chỉ cơ sở: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1.	Bùn thải sau quá trình xử lý nước			✓	12 06 05	11570	Thiêu đốt, HR
2.	Axit thải		✓		02 01 01	2370	TH, XLHL
3.	Giẻ lau, găng tay dính dầu	✓			18 02 01	140	Thiêu đốt, HR
4.	Bã sơn thải	✓			08 01 01	130	Thiêu đốt, HR
5.	Các vật liệu mài mòn thải có TPNH	✓			07 03 08	280	Thiêu đốt, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cò lập/dóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xu hướng CTNH (nếu có).....Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập
Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29Z-3257, 29C-88101

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Đỗ Văn Linh Ký: *Ch* Ngày: 23/11/2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:.....Ký:.....Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
Hà Nội, ngày 23 tháng 11 năm 2024

Chức danh người ký (chữ ký, đóng dấu)
TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyen Quang Huy

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.
Vĩnh Phúc, ngày 30 tháng 11 năm 2024

Chức danh người ký (chữ ký, đóng dấu)
GIÁM ĐỐC
Đỗ Huy Cường

@Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□
Ghi chú :(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ **VĨNH PHÚC** **CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI**
Số: 5768/2024/1-2-3.009.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi Trường Công Nghiệp Xanh Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX
Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010
Địa chỉ cơ sở: Thôn Thanh Cao, Xã Ngọc Thanh, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010/ 2479880

2. Chủ CS DV XL CTNH 2: Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng:ĐT:
Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):ĐT:

3. Chủ nguồn thải: **CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG** Mã số QLCTNH: 01.000371.T
Địa chỉ văn phòng: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391
Địa chỉ cơ sở: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1.	Bùn thải sau quá trình xử lý nước			✓	12 06 05	12.575	Thiêu đốt, HR
2.	Axit thải		✓		02 01 01	3860	TH, XLHL
3.	Giẻ lau, găng tay dính dầu	✓			18 02 01	85	Thiêu đốt, HR
4.	Bã sơn thải	✓			08 01 01	90	Thiêu đốt, HR
5.	Các vật liệu mài mòn thải có TPNH	✓			07 03 08	320	Thiêu đốt, HR
6.	Bóng đèn huỳnh quang thải	✓			16 01 06		Nghiên, PT, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiều/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/dóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. X. Khẩu CTNH (nếu có).....Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập
Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29H-18723

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Lê Tiến Hoàng Ký: *[Signature]* Ngày: 28/12/2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:.....Ký:.....Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2024
Chức danh người ký *[Signature]*
(chữ ký, đóng dấu)
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
KHÓA HUY HOÀNG
TỔNG GIÁM ĐỐC
[Signature]

Vĩnh Phúc, ngày 08 tháng 01 năm 2025
Chức danh người ký *[Signature]*
(chữ ký, đóng dấu)
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
MÔI TRƯỜNG
CÔNG NGHIỆP XANH
GIÁM ĐỐC
[Signature]

@Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□
Ghi chú:(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ
VĨNH PHÚC

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 35/2025/1-2-3.009.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi Trường Công Nghiệp Xanh Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX

Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010

Địa chỉ cơ sở: Thôn Thanh Cao, Xã Ngọc Thanh, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010/ 2479880

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng:.....ĐT:

Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG Mã số QLCTNH: 01.000371.T

Địa chỉ văn phòng: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391

Địa chỉ cơ sở: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391

4. Khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

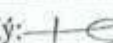
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1.	Bùn thải sau quá trình xử lý nước			✓	12 06 05	5605	Thiêu đốt, HR
2.	Axit thải		✓		02 01 01	/	TH, XLHL
3.	Giẻ lau, găng tay dính dầu	✓			18 02 01	75	Thiêu đốt, HR
4.	Bã son thải	✓			08 01 01	80	Thiêu đốt, HR
5.	Các vật liệu mài mòn thải có TPNH	✓			07 03 08	300	Thiêu đốt, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cò lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có).....Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập

Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29H-18723

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Lê Tiến Hoàng Ký:  Ngày: 04/01/2025

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:.....Ký:.....Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Hà Nội, ngày 04 tháng 01 năm 2025



Chức danh người ký
(chữ ký, đóng dấu)

TỔNG GIÁM ĐỐC

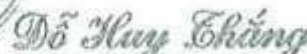


Vĩnh Phúc, ngày 16 tháng 01 năm 2025



Chức danh người ký
(chữ ký, đóng dấu)

GIÁM ĐỐC



Liên số: 1 - 2 - 3 - 4

Ghi chú :(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ **VĨNH PHÚC** **CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI**
 SỐ: 131/2025/1-2-3.009.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi Trường Công Nghiệp Xanh Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX
 Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010
 Địa chỉ cơ sở: Thôn Thanh Cao, Xã Ngọc Thanh, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010/ 2479880

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... Mã số QLCTNH:
 Địa chỉ văn phòng:.....ĐT:
 Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....ĐT:

3. Chủ nguồn thải: **CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG** Mã số QLCTNH: 01.000371.T
 Địa chỉ văn phòng: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391
 Địa chỉ cơ sở: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391

4. kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý *
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1.	Bùn thải sau quá trình xử lý nước			✓	12 06 05	6840	Thiêu đốt, HR
2.	Axit thải		✓		02 01 01	1390	TH, XLHL
3.	Giẻ lau, găng tay dính dầu	✓			18 02 01	80	Thiêu đốt, HR
4.	Bã son thải	✓			08 01 01	90	Thiêu đốt, HR
5.	Các vật liệu mài mòn thải có TPNH	✓			07 03 08	310	Thiêu đốt, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có).....Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập
 Số phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 88C-08550, 29C-02021

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Nguyễn Anh Linh Ký: *lianh* Ngày: 11/01/2025

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:.....Ký:.....Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
 Hà Nội, ngày 11 tháng 01 năm 2025
 Chức danh người ký *Nguyen Anh Quang Huy*
 (chữ ký, đóng dấu)

TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyen Anh Quang Huy

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.
 Vĩnh Phúc, ngày 20 tháng 01 năm 2025
 Chức danh người ký *Đỗ Huy Thắng*
 (chữ ký, đóng dấu)

GIÁM ĐỐC
Đỗ Huy Thắng

Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□
 Ghi chú :(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng tử không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ
VĨNH PHÚC

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 236/2025/1-2-3.009.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi Trường Công Nghiệp Xanh Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX

Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010

Địa chỉ cơ sở: Thôn Thanh Cao, Xã Ngọc Thanh, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010/ 2479880

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng:.....ĐT:

Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):..... ĐT:

3. Chủ nguồn thải: **CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG** Mã số QLCTNH: 01.000371.T

Địa chỉ văn phòng: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391

Địa chỉ cơ sở: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
6.	Bùn thải sau quá trình xử lý nước			✓	12 06 05	6240	Thiếu đốt, HR
7.	Axit thải		✓		02 01 01	/	TH, XLHL
8.	Giẻ lau, găng tay dính dầu	✓			18 02 01	90	Thiếu đốt, HR
9.	Bã sơn thải	✓			08 01 01	80	Thiếu đốt, HR
10	Các vật liệu mài mòn thải có TPNH	✓			07 03 08	230	Thiếu đốt, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiếu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có).....Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập

Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29C-86681

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Nguyễn Mạnh Thắng Ký: *Thắng* Ngày: 18/01/2025

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:.....Ký:.....Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2025,
Chức danh người ký
(chữ ký, đóng dấu)

TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Quang Huy

Vĩnh Phúc, ngày 25 tháng 01 năm 2025
Chức danh người ký
(chữ ký, đóng dấu)

GIÁM ĐỐC
Đỗ Huy Thắng

@Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

Ghi chú :(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ **VĨNH PHÚC** CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI
 Số: 365/2025/1-2-3.009.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi Trường Công Nghiệp Xanh Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX
 Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010
 Địa chỉ cơ sở: Thôn Thanh Cao, Xã Ngọc Thanh, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010/ 2479880

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... Mã số QLCTNH:
 Địa chỉ văn phòng:.....ĐT:
 Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....ĐT:

3. Chủ nguồn thải: **CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG** Mã số QLCTNH: 01.000371.T
 Địa chỉ văn phòng: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391
 Địa chỉ cơ sở: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải sau quá trình xử lý nước			✓	12 06 05	6920	Thiêu đốt, HR
2	Axit thải		✓		02 01 01	1210	TH, XLHL
3	Giẻ lau, găng tay dính dầu	✓			18 02 01	70	Thiêu đốt, HR
4	Bã sơn thải	✓			08 01 01	90	Thiêu đốt, HR
5	Các vật liệu mài mòn thải có TPNH	✓			07 03 08	180	Thiêu đốt, HR
6	Nước làm mát lẫn dầu		✓		07 03 04	800	TH, XLHL

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Khẩu CTNH (nếu có).....Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập
 Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:.....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29C-88101, 29C-85208

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: **Đỗ Văn Linh** Ký: *[Signature]* Ngày: 25/01/2025

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:.....Ký:.....Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2025
 Chức danh người ký *[Signature]*
 (ghi ký, đóng dấu)
CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG
 TRÁCH NHIỆM NỘI BỘ
 KHÓA HUY HOÀNG
 H. MÊ LINH - T. HÀ NỘI
 CÔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Quang Huy

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Vĩnh Phúc, ngày 19 tháng 02 năm 2025
 Chức danh người ký *[Signature]*
 (ghi ký, đóng dấu)
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CÔNG NGHIỆP XANH
 H. PHÚC YÊN - T. VĨNH PHÚC
 GIÁM ĐỐC
Đỗ Huy Cường

@Liên số: 1 - 2 - 3 - 4
 Ghi chú :(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ
VĨNH PHÚC

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 435/2025/1-2-3.009.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi Trường Công Nghiệp Xanh Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX

Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010

Địa chỉ cơ sở: Thôn Thanh Cao, Xã Ngọc Thanh, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010/ 2479880

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng:.....ĐT:

Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG Mã số QLCTNH: 01.000371.T

Địa chỉ văn phòng: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391

Địa chỉ cơ sở: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải sau quá trình xử lý nước			✓	12 06 05	3100	Thiêu đốt, HR
2	Axit thải		✓		02 01 01		TH, XLHL
3	Giẻ lau, găng tay dính dầu	✓			18 02 01	50	Thiêu đốt, HR
4	Bã sơn thải	✓			08 01 01	180	Thiêu đốt, HR
5	Các vật liệu mài mòn thải có TPNH	✓			07 03 08	30	Thiêu đốt, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/dóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có).....Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập

Số hồ sơ phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 88H-01658

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Bùi Văn Sơn Ký: *Sơn* Ngày: 08/02/2025

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:.....Ký:.....Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Hà Nội, ngày 08 tháng 02 năm 2025
Chức danh người ký
CỔNG KÝ, ĐỒNG DẤU
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
KHÓA HUY HOÀNG
TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Quang Huy

Vĩnh Phúc, ngày 15 tháng 02 năm 2025
Chức danh người ký
CỔNG KÝ, ĐỒNG DẤU
TNHH
MÔI TRƯỜNG
CÔNG NGHIỆP XANH
GIÁM ĐỐC
Đỗ Huy Cường

*Liên số: 1 - 2 - 3 - 4

Ghi chú :(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ
VĨNH PHÚC

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 521/2025/1-2-3.009.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi Trường Công Nghiệp Xanh Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX
Địa chỉ văn phòng: Tô Xuân Mai 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010
Địa chỉ cơ sở: Thôn Thanh Cao, Xã Ngọc Thanh, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010/ 2479880

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng:.....ĐT:
Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....ĐT:

3. Chủ nguồn thải: **CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG** Mã số QLCTNH: 01.000371.T
Địa chỉ văn phòng: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391
Địa chỉ cơ sở: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391


4. Khai CTNH chuyên giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải sau quá trình xử lý nước			✓	12 06 05	5650	Thiêu đốt, HR
2	Axit thải		✓		02 01 01		TH, XLHL
3	Giẻ lau, găng tay dính dầu	✓			18 02 01	90	Thiêu đốt, HR
4	Bã sơn thải	✓			08 01 01	70	Thiêu đốt, HR
5	Các vật liệu mài mòn thải có TPNH	✓			07 03 08	130	Thiêu đốt, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có).....Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập
Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:

7. Xếp nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29H-18723

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Lê Tiến Hoàng Ký:  Ngày: 15/02/2025

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:.....Ký:.....Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2025



Vĩnh Phúc, ngày 25 tháng 02 năm 2025



@Liên số: 1 - 2 - 3 - 4

Ghi chú :(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ
VĨNH PHÚC

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 623/2025/1-2-3.009.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi Trường Công Nghiệp Xanh Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX
Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010
Địa chỉ cơ sở: Thôn Thanh Cao, Xã Ngọc Thanh, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010/ 2479880

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng:.....ĐT:
Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG Mã số QLCTNH: 01.000371.T
Địa chỉ văn phòng: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391
Địa chỉ cơ sở: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391

4. I hai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải sau quá trình xử lý nước			✓	12 06 05	3350	Thiêu đốt, HR
2	Axit thải		✓		02 01 01	1400	TH, XLHL
3	Giẻ lau, găng tay dính dầu	✓			18 02 01	60	Thiêu đốt, HR
4	Bã sơn thải	✓			08 01 01	90	Thiêu đốt, HR
5	Các vật liệu mài mòn thải có TPNH	✓			07 03 08	80	Thiêu đốt, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có).....Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập
Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:

7. Nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29H-18723, 88C-17704

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Lê Tiến Hoàng Ký:  Ngày: 22/02/2025


7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:.....Ký:.....Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2025
Chức danh người ký
CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG
(chữ ký, đóng dấu)

TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Quang Huy

Vĩnh Phúc, ngày 01 tháng 03 năm 2025
Chức danh người ký
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CÔNG NGHIỆP XANH
(chữ ký, đóng dấu)

GIÁM ĐỐC
Đỗ Huy Cường

Liên số: 1 - 2 - 3 - 4

Ghi chú :(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ **VĨNH PHÚC** **CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI**
 Số: 730/2025/1-2-3.009.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi Trường Công Nghiệp Xanh Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX
 Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010
 Địa chỉ cơ sở: Thôn Thanh Cao, Xã Ngọc Thanh, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010/ 2479880

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... Mã số QLCTNH:
 Địa chỉ văn phòng:.....ĐT:
 Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):..... ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI XUẤT KHẨU HUHO HARDWARE VIỆT NAM Mã số QLCTNH:
 Địa chỉ văn phòng: Lô 41D, KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391
 Địa chỉ cơ sở: Lô 41D, KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải sau quá trình xử lý nước			✓	12 06 05	3200	Thiêu đốt, HR
2	Axit thải		✓		02 01 01	/	TH, XLHL
3	Giẻ lau, găng tay dính dầu	✓			18 02 01	90	Thiêu đốt, HR
4	Bã sơn thải	✓			08 01 01	/	Thiêu đốt, HR
5	Các vật liệu mài mòn thải có TPNH	✓			07 03 08	180	Thiêu đốt, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có).....Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập
 Số phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 88H-01658

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Nguyễn Văn Lung Ký: *Lung* Ngày: 01/03/2025

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:..... Ký:..... Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2025
 Chức danh người ký
 (chữ ký, đóng dấu) *[Signature]*

 GIÁM ĐỐC
Lê Thị Hồng Hạnh

Vĩnh Phúc, ngày 10 tháng 03 năm 2025
 Chức danh người ký
 (chữ ký, đóng dấu) *[Signature]*

 GIÁM ĐỐC
Đỗ Huy Cường

Liên số: 1 - 2 - 3 - 4
 Ghi chú:(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ
VĨNH PHÚC

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 821/2025/1-2-3.009.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi Trường Công Nghiệp Xanh Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX
Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010
Địa chỉ cơ sở: Thôn Thanh Cao, Xã Ngọc Thanh, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010/ 2479880

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng:.....ĐT:
Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):..... ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI XUẤT KHẨU HUHO HARDWARE VIỆT NAM Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng: Lô 41D, KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391
Địa chỉ cơ sở: Lô 41D, KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391


4. Kể lại CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải sau quá trình xử lý nước			✓	12 06 05	2225	Thiêu đốt, HR
2	Axit thải		✓		02 01 01	/	TH, XLHL
3	Giẻ lau, găng tay dính dầu	✓			18 02 01	330	Thiêu đốt, HR
4	Bã sơn thải	✓			08 01 01	/	Thiêu đốt, HR
5	Các vật liệu mài mòn thải có TPNH	✓			07 03 08	470	Thiêu đốt, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có).....Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập
Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29H-18723

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Lê Tiến Hoàng Ký:  Ngày: 08/03/2025

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:..... Ký:..... Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2025
Chức danh người ký
(chữ ký, đóng dấu) 

Lê Hồng Khánh
GIÁM ĐỐC

Vĩnh Phúc, ngày 15 tháng 03 năm 2025
Chức danh người ký
(chữ ký, đóng dấu) 

Đỗ Huy Cường
GIÁM ĐỐC

@Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

Ghi chú :(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ
VĨNH PHÚC

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 894/2025/1-2-3.009.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi Trường Công Nghiệp Xanh Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX
Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010
Địa chỉ cơ sở: Thôn Thanh Cao, Xã Ngọc Thanh, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010/ 2479880

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng:.....ĐT:
Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI XUẤT KHẨU HUHO HARDWARE VIỆT NAM Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng: Lô 41D, KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391
Địa chỉ cơ sở: Lô 41D, KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391


4. Các loại CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải sau quá trình xử lý nước			✓	12 06 05	1000	Thiêu đốt, HR
2	Axit thải		✓		02 01 01	/	TH, XLHL
3	Giẻ lau, găng tay dính dầu	✓			18 02 01	350	Thiêu đốt, HR
4	Bã sơn thải	✓			08 01 01	/	Thiêu đốt, HR
5	Các vật liệu mài mòn thải có TPNH	✓			07 03 08	850	Thiêu đốt, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cò lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có).....Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập
Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29H-18723

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Lê Tiến Hoàng Ký:  Ngày: 14/03/2025

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:.....Ký:.....Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2025

Chức danh người ký
(chữ ký, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC

Vĩnh Phúc, ngày 21 tháng 03 năm 2025

Chức danh người ký
(chữ ký, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC

Đỗ Huy Cường

©Liên số: 1 2 3 4 5 6 7 8 9 0 *Thị Kiều Khanh*

Ghi chú :(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ **VĨNH PHÚC** CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 996/2025/1-2-3.009.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi Trường Công Nghiệp Xanh Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX
 Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010
 Địa chỉ cơ sở: Thôn Thanh Cao, Xã Ngọc Thanh, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010/ 2479880

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... Mã số QLCTNH:
 Địa chỉ văn phòng:.....ĐT:
 Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI XUẤT KHẨU HUHO HARDWARE VIỆT NAM Mã số QLCTNH:
 Địa chỉ văn phòng: Lô 41D, KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391
 Địa chỉ cơ sở: Lô 41D, KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391

4. Khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải sau quá trình xử lý nước			✓	12 06 05	1795	Thiêu đốt, HR
2	Axit thải		✓		02 01 01	/	TH, XLHL
3	Giẻ lau, găng tay dính dầu	✓			18 02 01	215	Thiêu đốt, HR
4	Bã sơn thải	✓			08 01 01	/	Thiêu đốt, HR
5	Các vật liệu mài mòn thải có TPNH	✓			07 03 08	365	Thiêu đốt, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tập thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/dóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có).....Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập
 Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29H-18723

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Lê Tiến Hoàng Ký: *[Signature]* Ngày: 21/03/2025

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:.....Ký:.....Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5) 8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2025
 Chức danh người ký *[Signature]*
 (chữ ký, đóng dấu)



Vĩnh Phúc, ngày 29 tháng 03 năm 2025
 Chức danh người ký *[Signature]*
 (chữ ký, đóng dấu)



@Liên số: 1 - 2 - 3 - 4 *[Handwritten]*
 Ghi chú :(ghi rõ trong trường hợp lỗ CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ **VĨNH PHÚC** **CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI**
 SỐ: 1138/2025/1-2-3.009.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi Trường Công Nghiệp Xanh Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX
 Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010
 Địa chỉ cơ sở: Thôn Thanh Cao, Xã Ngọc Thanh, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010/ 2479880

2. Chủ CS DV XL CTNH 2: Mã số QLCTNH:
 Địa chỉ văn phòng:ĐT:
 Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI XUẤT KHẨU HUHO HARDWARE VIỆT NAM Mã số QLCTNH:
 Địa chỉ văn phòng: Lô 41D, KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391
 Địa chỉ cơ sở: Lô 41D, KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải đã tách nước từ hệ thống xử lý nước thải			✓	12 06 05	1750	Thiêu đốt, HR
2	Axit thải		✓		02 01 01		TH, XLHL
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, găng tay dính dầu	✓			18 02 01	350	Thiêu đốt, HR
4	Bã sơn thải	✓			08 01 01		Thiêu đốt, HR
5	Các vật liệu mài mòn thải có TPNH	✓			07 03 08	670	Thiêu đốt, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/dóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có).....Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập
 Số hiệuương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29C-88101

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Đỗ Văn Linh Ký: *Đỗ Văn Linh* Ngày: 29/03/2025

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:.....Ký:.....Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2025
 Chức danh người ký
 (chữ ký, đóng dấu)

Đỗ Văn Linh
 GIÁM ĐỐC

Vĩnh Phúc, ngày 04 tháng 04 năm 2025
 Chức danh người ký
 (chữ ký, đóng dấu)

Đỗ Huy Cường
 GIÁM ĐỐC

@Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□
 Ghi chú :(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ
VĨNH PHÚC

CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 1227/2025/1-2-3.009.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi Trường Công Nghiệp Xanh Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX
Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010
Địa chỉ cơ sở: Thôn Thanh Cao, Xã Ngọc Thanh, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010/ 2479880

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng:.....ĐT:
Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI XUẤT KHẨU HUHO HARDWARE VIỆT NAM Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng: Lô 41D, KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391
Địa chỉ cơ sở: Lô 41D, KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391


4. Kê khai CTNH chuyên giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải đã tách nước từ hệ thống xử lý nước thải			✓	12 06 05	2780	Thiêu đốt, HR
2	Axit thải		✓		02 01 01		TH, XLHL
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, găng tay dính dầu	✓			18 02 01	170	Thiêu đốt, HR
4	Bã sơn thải	✓			08 01 01		Thiêu đốt, HR
5	Các vật liệu mài mòn thải có TPNH	✓			07 03 08	420	Thiêu đốt, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cò lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có).....Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập
Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29H-18723, 29C-02021

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Lê Tiến Hoàng Ký:  Ngày: 05/04/2025

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:.....Ký:.....Ngày:.....


6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2025

Chức danh người ký
(chữ ký, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC


Vĩnh Phúc, ngày 12 tháng 04 năm 2025

Chức danh người ký
(chữ ký, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC


@Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

Ghi chú :(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng tử không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ
VĨNH PHÚC

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 1307/2025/1-2-3.009.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi Trường Công Nghiệp Xanh Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX
Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010
Địa chỉ cơ sở: Thôn Thanh Cao, Xã Ngọc Thanh, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010/ 2479880

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng:.....ĐT:
Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):..... ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI XUẤT KHẨU HUHO HARDWARE VIỆT NAM Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng: Lô 41D, KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391
Địa chỉ cơ sở: Lô 41D, KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý *
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải đã tách nước từ hệ thống xử lý nước thải			✓	12 06 05	2350	Thiêu đốt, HR
2	Axit thải		✓		02 01 01		TH, XLHL
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, găng tay dính dầu	✓			18 02 01	210	Thiêu đốt, HR
4	Bã sơn thải	✓			08 01 01		Thiêu đốt, HR
5	Các vật liệu mài mòn thải có TPNH	✓			07 03 08	430	Thiêu đốt, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có).....Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập
Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29C-86681

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Nguyễn Mạnh Thắng Ký: *Thắng* Ngày: 12/04/2025

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:.....Ký:.....Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thông nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Hà Nội, ngày 12 tháng 04 năm 2025

Chức danh người ký



GIÁM ĐỐC

*Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

Ghi chú :(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

Vĩnh Phúc, ngày 19 tháng 04 năm 2025

Chức danh người ký



GIÁM ĐỐC

Đỗ Huy Thắng

TỈNH/THÀNH PHỐ
VĨNH PHÚC

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 1400/2025/1-2-3.009.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi Trường Công Nghiệp Xanh Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX
Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010
Địa chỉ cơ sở: Thôn Thanh Cao, Xã Ngọc Thanh, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010/ 2479880

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng:.....ĐT:
Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI XUẤT KHẨU HUHO HARDWARE VIỆT NAM Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng: Lô 41D, KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391
Địa chỉ cơ sở: Lô 41D, KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391

4. Kể khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải đã tách nước từ hệ thống xử lý nước thải			✓	12 06 05	2300	Thiêu đốt, HR
2	Nước thải có TPNH		✓		07 03 04	1410	TH, XLHL
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, găng tay dính dầu	✓			18 02 01	190	Thiêu đốt, HR
4	Bã sơn thải	✓			08 01 01		Thiêu đốt, HR
5	Các vật liệu mài mòn thải có TPNH	✓			07 03 08	280	Thiêu đốt, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tập thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có).....Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập
Số hiện phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29H-18723, 29C-02021

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Lê Tiến Hoàng Ký:  Ngày: 18/04/2025

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:.....Ký:.....Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.


Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2025

Chức danh người ký

(Chữ ký, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC




Vĩnh Phúc, ngày 19 tháng 04 năm 2025

Chức danh người ký

(Chữ ký, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC



Liên số: 1 - 2 - 3 - 4

Ghi chú :(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ **VĨNH PHÚC** CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI
SỐ: 1537/2025/1-2-3.009.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi Trường Công Nghiệp Xanh Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX
Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010
Địa chỉ cơ sở: Thôn Thanh Cao, Xã Ngọc Thanh, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010/ 2479880

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng:.....ĐT:
Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):..... ĐT:

3. Chủ nguồn thải: **CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG** Mã số QLCTNH: **01.000371.T**
Địa chỉ văn phòng: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391
Địa chỉ cơ sở: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải đã tách nước từ hệ thống xử lý nước thải			✓	12 06 05	4790	Thiêu đốt, HR
2	Axit thải		✓		02 01 01		TH, XLHL
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, găng tay dính dầu	✓			18 02 01	120	Thiêu đốt, HR
4	Bã sơn thải	✓			08 01 01	370	Thiêu đốt, HR
5	Các vật liệu mài mòn thải có TPNH	✓			07 03 08	520	Thiêu đốt, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có).....Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập
Số phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 88H-01658

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Bùi Văn Sơn Ký: *Sơn* Ngày: 26/04/2025

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:.....Ký:.....Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Hà Nội, ngày 26 tháng 04 năm 2025
Chức danh người ký *Quang Huy*
(chữ ký, đóng dấu)
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KHÓA HUY HOÀNG
KIỂM SOÁT VÀ GIÁM ĐỐC
Quang Huy

Vĩnh Phúc, ngày 05 tháng 05 năm 2025
Chức danh người ký *Đỗ Huy Cường*
(chữ ký, đóng dấu)
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CÔNG NGHIỆP XANH
KIỂM SOÁT VÀ GIÁM ĐỐC
Đỗ Huy Cường

@Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□
Ghi chú :(ghi rõ trong trường hợp lỗi CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ
VĨNH PHÚC

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 1620/2025/1-2-3.009.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi Trường Công Nghiệp Xanh Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX
Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010
Địa chỉ cơ sở: Thôn Thanh Cao, Xã Ngọc Thanh, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010/ 2479880

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng:.....ĐT:
Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG Mã số QLCTNH: 01.000371.T
Địa chỉ văn phòng: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391
Địa chỉ cơ sở: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391

4. Khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải đã tách nước từ hệ thống xử lý nước thải			✓	12 06 05	3950	Thiêu đốt, HR
2	Axit thải		✓		02 01 01	/	TH, XLHL
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, găng tay dính dầu	✓			18 02 01	150	Thiêu đốt, HR
4	Bã sơn thải	✓			08 01 01	350	Thiêu đốt, HR
5	Các vật liệu mài mòn thải có TPNH	✓			07 03 08	550	Thiêu đốt, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/dóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có).....Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập
Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:

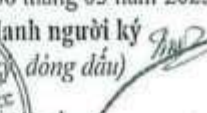

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29H-18723

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Lê Tiến Hoàng Ký:  Ngày: 06/05/2025

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:.....Ký:.....Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Hà Nội, ngày 06 tháng 05 năm 2025
Chức danh người ký 
(chữ ký, đóng dấu)

CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
KHÓA HUY HOÀNG
GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Quang Huy

Vĩnh Phúc, ngày 12 tháng 05 năm 2025
Chức danh người ký 
(chữ ký, đóng dấu)

CÔNG TY
TNHH
MÔI TRƯỜNG
CÔNG NGHIỆP XANH
GIÁM ĐỐC
Đỗ Huy Cường

@Liên số: 1 - 2 - 3 - 4

Ghi chú:(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ
VĨNH PHÚC

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 1692/2025/1-2-3.009.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi Trường Công Nghiệp Xanh Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX
Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010
Địa chỉ cơ sở: Thôn Thanh Cao, Xã Ngọc Thanh, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010/ 2479880

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng:.....ĐT:
Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG Mã số QLCTNH: 01.000371.T
Địa chỉ văn phòng: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391
Địa chỉ cơ sở: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391

4. Kế khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải đã tách nước từ hệ thống xử lý nước thải			✓	12 06 05	1120	Thiêu đốt, HR
2	Axit thải		✓		02 01 01	1390	TH, XLHL
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, găng tay dính dầu	✓			18 02 01	/	Thiêu đốt, HR
4	Bã sơn thải	✓			08 01 01	310	Thiêu đốt, HR
5	Các vật liệu mài mòn thải có TPNH	✓			07 03 08	/	Thiêu đốt, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/dóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có).....Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập
Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29C-88101, 29C-02021

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Đỗ Văn Linh Ký: *cb* Ngày: 10/05/2025

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:.....Ký:.....Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Hà Nội, ngày 10 tháng 05 năm 2025
Chức danh người ký
(chữ ký, đóng dấu)

TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyen Van Quang Huy

Vĩnh Phúc, ngày 19 tháng 05 năm 2025
Chức danh người ký
(chữ ký, đóng dấu)

GIÁM ĐỐC
Đỗ Huy Thắng

Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

Ghi chú:(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ
VĨNH PHÚC

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 1805/2025/1-2-3.009.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi Trường Công Nghiệp Xanh Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX
Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010
Địa chỉ cơ sở: Thôn Thanh Cao, Xã Ngọc Thanh, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010/2479880

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng:.....ĐT:
Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG Mã số QLCTNH: 01.000371.T
Địa chỉ văn phòng: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391
Địa chỉ cơ sở: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391

4. Kể lại CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải đã tách nước từ hệ thống xử lý nước thải			✓	12 06 05	3265	Thiêu đốt, HR
2	Axit thải		✓		02 01 01	/	TH, XLHL
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, găng tay dính dầu	✓			18 02 01	/	Thiêu đốt, HR
4	Bã sơn thải	✓			08 01 01	285	Thiêu đốt, HR
5	Các vật liệu mài mòn thải có TPNH	✓			07 03 08	/	Thiêu đốt, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có).....Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập
Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29C-86681

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Nguyễn Mạnh Thắng Ký: *Thắng* Ngày: 19/05/2025

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:.....Ký:.....Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Hà Nội, ngày 19 tháng 05 năm 2025

Chức danh người ký

(chữ ký, đóng dấu)

TỔNG GIÁM ĐỐC
Quang Huy

Vĩnh Phúc, ngày 24 tháng 05 năm 2025

Chức danh người ký

(chữ ký, đóng dấu)

GIÁM ĐỐC
Đỗ Huy Thắng

Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

Ghi chú :(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ
VĨNH PHÚC

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 1914/2025/1-2-3.009.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi Trường Công Nghiệp Xanh Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX
Địa chỉ văn phòng: Tô Xuân Mai 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010
Địa chỉ cơ sở: Thôn Thanh Cao, Xã Ngọc Thanh, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010/ 2479880

2. Chủ CS DV XL CTNH 2: Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng:ĐT:
Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG Mã số QLCTNH: 01.000371.T
Địa chỉ văn phòng: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391
Địa chỉ cơ sở: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391

4. Hai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
6	Bùn thải đã tách nước từ hệ thống xử lý nước thải			✓	12 06 05	2860	Thiêu đốt, HR
7	Axit thải		✓		02 01 01	/	TH, XLHL
8	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, găng tay dính dầu	✓			18 02 01	/	Thiêu đốt, HR
9	Bã sơn thải	✓			08 01 01	355	Thiêu đốt, HR
10	Các vật liệu mài mòn thải có TPNH	✓			07 03 08	/	Thiêu đốt, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/dóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có).....Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập
Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:

7. Nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29C-88101

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Đỗ Văn Linh Ký: *Ch* Ngày: 24/05/2025

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:.....Ký:.....Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Hà Nội, ngày 24 tháng 05 năm 2025

Chức danh người ký
(chữ ký, đóng dấu)
Quang Huy
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
KHÓA HUY HOÀNG
GIÁM ĐỐC
Quang Huy

Vĩnh Phúc, ngày 31 tháng 05 năm 2025

Chức danh người ký
(chữ ký, đóng dấu)
Đỗ Huy Cường
CÔNG TY
TNHH
MÔI TRƯỜNG
CÔNG NGHIỆP XANH
GIÁM ĐỐC
Đỗ Huy Cường

Liên số: 1 - 2 - 3 - 4

Ghi chú :(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ **VĨNH PHÚC** CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 2012A/2025/1-2-3.009.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi Trường Công Nghiệp Xanh Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX
Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010
Địa chỉ cơ sở: Thôn Thanh Cao, Xã Ngọc Thanh, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010/ 2479880

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng:.....ĐT:
Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):..... ĐT:

3. Chủ nguồn thải: **CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG** Mã số QLCTNH: **01.000371.T**
Địa chỉ văn phòng: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391
Địa chỉ cơ sở: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải đã tách nước từ hệ thống xử lý nước thải			✓	12 06 05	1715	Thiêu đốt, HR
2	Axit thải		✓		02 01 01	2090	TH, XLHL
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, găng tay dính dầu	✓			18 02 01		Thiêu đốt, HR
4	Bã son thải	✓			08 01 01	325	Thiêu đốt, HR
5	Các vật liệu mài mòn thải có TPNH	✓			07 03 08		Thiêu đốt, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có).....Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập
Số lượng phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29C-88101, 29C-85208

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: **Đỗ Văn Linh** Ký: *Đỗ Văn Linh* Ngày: 31/05/2025

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:.....Ký:.....Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Hà Nội, ngày 31 tháng 05 năm 2025

Chức danh người ký



Nguyễn Quang Huy
GIÁM ĐỐC

Vĩnh Phúc, ngày 10 tháng 06 năm 2025

Chức danh người ký



Đỗ Huy Cường
GIÁM ĐỐC

@Liên số: 1☐ - 2☐ - 3☐ - 4☐
Ghi chú :(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ
VĨNH PHÚC

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 2120/2025/1-2-3.009.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi Trường Công Nghiệp Xanh Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX
Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010
Địa chỉ cơ sở: Thôn Thanh Cao, Xã Ngọc Thanh, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010/2479880

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng:.....ĐT:
Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG Mã số QLCTNH: 01.000371.T
Địa chỉ văn phòng: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391
Địa chỉ cơ sở: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải đã tách nước từ hệ thống xử lý nước thải			✓	12 06 05	3000	Thiêu đốt, HR
2	Axit thải		✓		02 01 01	/	TH, XLHL
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, găng tay dính dầu	✓			18 02 01	/	Thiêu đốt, HR
4	Bã sơn thải	✓			08 01 01	284	Thiêu đốt, HR
5	Các vật liệu mài mòn thải có TPNH	✓			07 03 08	/	Thiêu đốt, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/dóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có).....Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập.....
Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:.....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29C-86681

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Nguyễn Mạnh Thắng Ký: *Thắng* Ngày: 07/06/2025

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:.....Ký:.....Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Hà Nội, ngày 07 tháng 06 năm 2025

Chức danh người ký
(chữ ký, đóng dấu)

CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG
KHÓA HUY HOÀNG
HÀ NỘI
ĐỒNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Quang Huy

Vĩnh Phúc, ngày 17 tháng 06 năm 2025

Chức danh người ký
(chữ ký, đóng dấu)

CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG
CÔNG NGHIỆP XANH
T. PHÚC YÊN - T. VĨNH PHÚC
GIÁM ĐỐC
Đỗ Huy Cường

@Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

Ghi chú :(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ
VĨNH PHÚC

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 2242/2025/1-2-3.009.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi Trường Công Nghiệp Xanh Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX
Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010
Địa chỉ cơ sở: Thôn Thanh Cao, Xã Ngọc Thanh, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010/ 2479880

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng:.....ĐT:
Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG Mã số QLCTNH: 01.000371.T
Địa chỉ văn phòng: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391
Địa chỉ cơ sở: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải đã tách nước từ hệ thống xử lý nước thải			✓	12 06 05	1990	Thiêu đốt, HR
2	Axit thải		✓		02 01 01	/	TH, XLHL
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, găng tay dính dầu	✓			18 02 01	/	Thiêu đốt, HR
4	Bã sơn thải	✓			08 01 01	395	Thiêu đốt, HR
5	Các vật liệu mài mòn thải có TPNH	✓			07 03 08	/	Thiêu đốt, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có).....Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập
Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29H-18723

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Bùi Văn Hợi Ký: *th* Ngày: 14/06/2025

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:.....Ký:.....Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Hà Nội, ngày 14 tháng 06 năm 2025

Chức danh người ký



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Quang Huy

Vĩnh Phúc, ngày 20 tháng 06 năm 2025

Chức danh người ký



GIÁM ĐỐC

Đỗ Huy Cường

@Liên số: 1 - 2 - 3 - 4

Ghi chú :(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ
VĨNH PHÚC

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 2343/2025/1-2-3.009.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi Trường Công Nghiệp Xanh Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX
Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010
Địa chỉ cơ sở: Thôn Thanh Cao, Xã Ngọc Thanh, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010/ 2479880

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng:.....ĐT:
Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG Mã số QLCTNH: 01.000371.T
Địa chỉ văn phòng: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391
Địa chỉ cơ sở: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391

4. Khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải đã tách nước từ hệ thống xử lý nước thải			✓	12 06 05	2090	Thiêu đốt, HR
2	Axit thải		✓		02 01 01	1650	TH, XLHL
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, găng tay dính dầu	✓			18 02 01	/	Thiêu đốt, HR
4	Bã sơn thải	✓			08 01 01	305	Thiêu đốt, HR
5	Các vật liệu mài mòn thải có TPNH	✓			07 03 08	/	Thiêu đốt, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/dóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có).....Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập
Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29H-18723, 29C-02021

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Lê Đình Hiệp Ký: *[Signature]* Ngày: 20/06/2025

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:.....Ký:.....Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Hà Nội, ngày 20 tháng 06 năm 2025

Chức danh người ký

[Signature]
HỒNG GIÁM ĐỐC
[Signature]
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KHÓA HUY HOÀNG
H. MÊ LINH - TP. HÀ NỘI

Vĩnh Phúc, ngày 20 tháng 06 năm 2025

Chức danh người ký

[Signature]
GIÁM ĐỐC
[Signature]
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CÔNG NGHIỆP XANH
T. PHÚC YÊN - T. VĨNH PHÚC

@Liên số: 1 - 2 - 3 - 4

Ghi chú :(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ
VĨNH PHÚC

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 2483/2025/1-2-3.009.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi Trường Công Nghiệp Xanh Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX

Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010

Địa chỉ cơ sở: Thôn Thanh Cao, Xã Ngọc Thanh, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc ĐT: 0211.221.9010/ 2479880

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng:.....ĐT:

Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG Mã số QLCTNH: 01.000371.T

Địa chỉ văn phòng: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391

Địa chỉ cơ sở: Lô 38D KCN Quang Minh, Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội ĐT: 024.20214391

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải đã tách nước từ hệ thống xử lý nước thải			✓	12 06 05	2620	Thiêu đốt, HR
2	Axit thải		✓		02 01 01	-	TH, XLHL
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, găng tay dính dầu	✓			18 02 01	-	Thiêu đốt, HR
4	Bã sơn thải	✓			08 01 01	330	Thiêu đốt, HR
5	Các vật liệu mài mòn thải có TPNH	✓			07 03 08	-	Thiêu đốt, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/dóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có).....Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập

Số phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29C-88101

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Đỗ Văn Linh Ký: *ĐVL* Ngày: 28/06/2025

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:.....Ký:.....Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2025

Chức danh người ký

(chữ ký, đóng dấu)



GIAM ĐỐC
Nguyễn Mạnh Cường

Phúc Yên, ngày 05 tháng 07 năm 2025

Chức danh người ký

(chữ ký, đóng dấu)



GIAM ĐỐC

Đỗ Hưng Cường

Liên số: 1 - 2 - 3 - 4

Ghi chú :(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

PHÚ THỌ

Số: 2563/2025/1-2-3.009.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi Trường Công Nghiệp Xanh

Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX

Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

ĐT: 0211.221.9010

Địa chỉ cơ sở: Tổ Xuân Mai 1, Phường Xuân Hòa, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

ĐT: 0211.221.9010/ 2479880

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng:.....ĐT:

Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG

Mã số QLCTNH: 01.000371.T

Địa chỉ văn phòng: Lô 38D, Khu Công nghiệp Quang Minh, Xã Quang Minh, TP Hà Nội, Việt Nam

ĐT: 024.20214391

Địa chỉ cơ sở: Lô 38D, Khu Công nghiệp Quang Minh, Xã Quang Minh, TP Hà Nội, Việt Nam

ĐT: 024.20214391

4. Kê khai CTNH chuyên giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý [#]
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải đã tách nước từ hệ thống xử lý nước thải			✓	12 06 05	2385	Thiêu đốt, HR
2	Axit thải		✓		02 01 01	-	TH, XLHL
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, găng tay dính dầu	✓			18 02 01	-	Thiêu đốt, HR
4	Bã sơn thải	✓			08 01 01	275	Thiêu đốt, HR
5	Các vật liệu mài mòn thải có TPNH	✓			07 03 08	-	Thiêu đốt, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có).....Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập

Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

Số hiệu phương tiện vận chuyển: 88H-01658

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Bùi Văn Sơn

Ký: *Sơn*

Ngày: 04/07/2025

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:.....Ký:.....Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Hà Nội, ngày 04 tháng 07 năm 2025



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Mạnh Chung

Phú Thọ, ngày 10 tháng 07 năm 2025



GIÁM ĐỐC

Đỗ Huy Cường

@Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

Ghi chú :(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ

PHÚ THỌ

CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 2687/2025/1-2-3.009.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi Trường Công Nghiệp Xanh

Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX

Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

ĐT: 0211.221.9010

Địa chỉ cơ sở: Tổ Xuân Mai 1, Phường Xuân Hòa, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

ĐT: 0211.221.9010/ 2479880

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng:.....ĐT:

Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG

Mã số QLCTNH: 01.000371.T

Địa chỉ văn phòng: Lô 38D, Khu Công nghiệp Quang Minh, Xã Quang Minh, TP Hà Nội, Việt Nam

ĐT: 024.20214391

Địa chỉ cơ sở: Lô 38D, Khu Công nghiệp Quang Minh, Xã Quang Minh, TP Hà Nội, Việt Nam

ĐT: 024.20214391

4. Kê li CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải đã tách nước từ hệ thống xử lý nước thải			✓	12 06 05	2700	Thiêu đốt, HR
2	Axit thải		✓		02 01 01	-	TH, XLHL
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, găng tay dính dầu	✓			18 02 01	-	Thiêu đốt, HR
4	Bã sơn thải	✓			08 01 01	140	Thiêu đốt, HR
5	Các vật liệu mài mòn thải có TPNH	✓			07 03 08	-	Thiêu đốt, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có).....Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập

Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29C-85208

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Nguyễn Trường Dũng Ký: *Đức* Ngày: 12/07/2025

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:.....Ký:.....Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Hà Nội, ngày 12 tháng 07 năm 2025

Chức danh người ký
(chữ ký, đóng dấu)

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Mạnh Chương

Phú Thọ, ngày 18 tháng 07 năm 2025

Chức danh người ký
(chữ ký, đóng dấu)

GIÁM ĐỐC

Đỗ Hằng Cường

@Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

Ghi chú :(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

PHÚ THỌ

Số: 2782/2025/1-2-3.009.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi Trường Công Nghiệp Xanh

Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX

Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

ĐT: 0211.221.9010

Địa chỉ cơ sở: Tổ Xuân Mai 1, Phường Xuân Hòa, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

ĐT: 0211.221.9010/ 2479880

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng:.....ĐT:

Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG

Mã số QLCTNH: 01.000371.T

Địa chỉ văn phòng: Lô 38D, Khu Công nghiệp Quang Minh, Xã Quang Minh, TP Hà Nội, Việt Nam

ĐT: 024.20214391

Địa chỉ cơ sở: Lô 38D, Khu Công nghiệp Quang Minh, Xã Quang Minh, TP Hà Nội, Việt Nam

ĐT: 024.20214391

4. Kể lại CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải đã tách nước từ hệ thống xử lý nước thải			✓	12 06 05	1325	Thiêu đốt, HR
2	Axit thải		✓		02 01 01	-	TH, XLHL
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, găng tay dính dầu	✓			18 02 01	-	Thiêu đốt, HR
4	Bã son thải	✓			08 01 01	265	Thiêu đốt, HR
5	Các vật liệu mài mòn thải có TPNH	✓			07 03 08	-	Thiêu đốt, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có).....Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập

Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29C-37265

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Nguyễn Trường Dũng Ký: *[Signature]* Ngày: 19/07/2025

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:.....Ký:.....Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Hà Nội, ngày 19 tháng 07 năm 2025



GIAM ĐỐC

Nguyễn Mạnh Chung

Phú Thọ, ngày 26 tháng 07 năm 2025



GIAM ĐỐC

Đỗ Huy Cường

Liên số: 1 - 2 - 3 - 4

Ghi chú :(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ **PHÚ THỌ** CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 2918/2025/1-2-3.009.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi Trường Công Nghiệp Xanh Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX
 Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam ĐT: 0211.221.9010
 Địa chỉ cơ sở: Tổ Xuân Mai 1, Phường Xuân Hòa, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam ĐT: 0211.221.9010/ 2479880

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... Mã số QLCTNH:
 Địa chỉ văn phòng:.....ĐT:
 Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....ĐT:

3. Chủ nguồn thải: **CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG** Mã số QLCTNH: 01.000371.T
 Địa chỉ văn phòng: Lô 38D, Khu Công nghiệp Quang Minh, Xã Quang Minh, TP Hà Nội, Việt Nam ĐT: 024.20214391
 Địa chỉ cơ sở: Lô 38D, Khu Công nghiệp Quang Minh, Xã Quang Minh, TP Hà Nội, Việt Nam ĐT: 024.20214391

4. kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý *
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải đã tách nước từ hệ thống xử lý nước thải			✓	12 06 05	3250	Thiêu đốt, HR
2	Axit thải		✓		02 01 01	650	TH, XLHL
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, găng tay dính dầu	✓			18 02 01	-	Thiêu đốt, HR
4	Bã sơn thải	✓			08 01 01	435	Thiêu đốt, HR
5	Các vật liệu mài mòn thải có TPNH	✓			07 03 08	-	Thiêu đốt, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có).....Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập
 Số..... phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29C-22797

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Nguyễn Văn Khôi Ký: *[Signature]* Ngày: 28/07/2025

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:.....Ký:.....Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2025
 Chức danh người ký
 (chữ ký, đóng dấu) *[Signature]*

 GIAM ĐỐC
Nguyễn Mạnh Chung

Phú Thọ, ngày 02 tháng 08 năm 2025
 Chức danh người ký
 (chữ ký, đóng dấu) *[Signature]*

 GIAM ĐỐC
Đỗ Huy Cường

Liên số: 1 - 2 - 3 - 4
 Ghi chú :(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ **PHÚ THỌ** CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 3004/2025/1-2-3.009.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi Trường Công Nghiệp Xanh Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX
 Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam ĐT: 0211.221.9010
 Địa chỉ cơ sở: Tổ Xuân Mai 1, Phường Xuân Hòa, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam ĐT: 0211.221.9010/ 2479880

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... Mã số QLCTNH:
 Địa chỉ văn phòng:.....ĐT:
 Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):..... ĐT:

3. Chủ nguồn thải: **CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG** Mã số QLCTNH: 01.000371.T
 Địa chỉ văn phòng: Lô 38D, Khu Công nghiệp Quang Minh, Xã Quang Minh, TP Hà Nội, Việt Nam ĐT: 024.20214391
 Địa chỉ cơ sở: Lô 38D, Khu Công nghiệp Quang Minh, Xã Quang Minh, TP Hà Nội, Việt Nam ĐT: 024.20214391

4. Khai CTNH chuyên giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải đã tách nước từ hệ thống xử lý nước thải			✓	12 06 05	2950	Thiêu đốt, HR
2	Axit thải		✓		02 01 01	-	TH, XLHL
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, găng tay dính dầu	✓			18 02 01	-	Thiêu đốt, HR
4	Bã sơn thải	✓			08 01 01	15	Thiêu đốt, HR
5	Các vật liệu mài mòn thải có TPNH	✓			07 03 08	-	Thiêu đốt, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có).....Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập
 Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29C-86681

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Hà Văn Duẩn Ký: *Duẩn* Ngày: 02/08/2025

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:.....Ký:.....Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Hà Nội, ngày 02 tháng 08 năm 2025
 Chữ danh người ký (chữ ký, đóng dấu) *[Signature]*

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Mạnh Cường

Phú Thọ, ngày 02 tháng 08 năm 2025
 Chữ danh người ký (chữ ký, đóng dấu) *[Signature]*

GIÁM ĐỐC
Đỗ Huy Cường

TỈNH/THÀNH PHỐ

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

PHÚ THỌ

Số: 3107/2025/1-2-3.009.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi Trường Công Nghiệp Xanh

Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX

Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

ĐT: 0211.221.9010

Địa chỉ cơ sở: Tổ Xuân Mai 1, Phường Xuân Hòa, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

ĐT: 0211.221.9010/ 2479880

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng:.....ĐT:

Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG

Mã số QLCTNH: 01.000371.T

Địa chỉ văn phòng: Lô 38D, Khu Công nghiệp Quang Minh, Xã Quang Minh, TP Hà Nội, Việt Nam

ĐT: 024.20214391

Địa chỉ cơ sở: Lô 38D, Khu Công nghiệp Quang Minh, Xã Quang Minh, TP Hà Nội, Việt Nam

ĐT: 024.20214391

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải đã tách nước từ hệ thống xử lý nước thải			✓	12 06 05	2550	Thiêu đốt, HR
2	Axit thải		✓		02 01 01	1296	TH, XLHL
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, găng tay dính dầu	✓			18 02 01	-	Thiêu đốt, HR
4	Bã sơn thải	✓			08 01 01	330	Thiêu đốt, HR
5	Các vật liệu mài mòn thải có TPNH	✓			07 03 08	-	Thiêu đốt, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cò lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có).....Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập

Số hồ sơ phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29C-88101, 29C-85208

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Đỗ Văn Linh Ký: *Ch* Ngày: 09/08/2025

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:.....Ký:.....Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Hà Nội, ngày 09 tháng 08 năm 2025

Chức danh người ký



GIAM ĐỐC

Nguyễn Mạnh Chung

Phú Thọ, ngày 15 tháng 08 năm 2025

Chức danh người ký



GIAM ĐỐC

Đỗ Huy Cường

@Liên số: 1 - 2 - 3 - 4

Ghi chú :(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ
PHÚ THỌ

CHỨNG TỬ CHẤT THÁI NGUY HẠI
Số:3202/2025/1-2-3.009.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi Trường Công Nghiệp Xanh Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX
Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam ĐT: 0211.221.9010
Địa chỉ cơ sở: Tổ Xuân Mai 1, Phường Xuân Hòa, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam ĐT: 0211.221.9010/ 2479880

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng:.....ĐT:
Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):..... ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG Mã số QLCTNH: 01.000371.T
Địa chỉ văn phòng: Lô 38D, Khu Công nghiệp Quang Minh, Xã Quang Minh, TP Hà Nội, Việt Nam ĐT: 024.20214391
Địa chỉ cơ sở: Lô 38D, Khu Công nghiệp Quang Minh, Xã Quang Minh, TP Hà Nội, Việt Nam ĐT: 024.20214391


4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải đã tách nước từ hệ thống xử lý nước thải			✓	12 06 05	1460	Thiêu đốt, HR
2	Axit thải		✓		02 01 01	-	TH, XLHL
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, găng tay dính dầu	✓			18 02 01	-	Thiêu đốt, HR
4	Bã sơn thải	✓			08 01 01	120	Thiêu đốt, HR
5	Các vật liệu mài mòn thải có TPNH	✓			07 03 08	-	Thiêu đốt, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có).....Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập
Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29H-18723

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Lê Tiến Hoàng Ký:  Ngày: 15/08/2025

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:.....Ký:.....Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2025

Chức danh người ký

(chức ký, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Mạnh Chung

Phú Thọ, ngày 20 tháng 08 năm 2025

Chức danh người ký

(chức ký, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC

Đỗ Huy Cường

@Liên số: 1 - 2 - 3 - 4

Ghi chú :(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng tử không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ
PHÚ THỌ

CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 3306/2025/1-2-3.009.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi Trường Công Nghiệp Xanh
Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam
Địa chỉ cơ sở: Tổ Xuân Mai 1, Phường Xuân Hòa, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX
ĐT: 0211.221.9010
ĐT: 0211.221.9010/ 2479880

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng:.....ĐT:
Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....ĐT:

3. Chủ nguồn thải: **CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG** Mã số QLCTNH: 01.000371.T
Địa chỉ văn phòng: Lô 38D, Khu Công nghiệp Quang Minh, Xã Quang Minh, TP Hà Nội, Việt Nam ĐT: 024.20214391
Địa chỉ cơ sở: Lô 38D, Khu Công nghiệp Quang Minh, Xã Quang Minh, TP Hà Nội, Việt Nam ĐT: 024.20214391

4. Kê...ai CTNH chuyên giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải đã tách nước từ hệ thống xử lý nước thải			✓	12 06 05	1030	Thiêu đốt, HR
2	Axit thải		✓		02 01 01	-	TH, XLHL
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, găng tay dính dầu	✓			18 02 01	80	Thiêu đốt, HR
4	Bã sơn thải	✓			08 01 01	-	Thiêu đốt, HR
5	Các vật liệu mài mòn thải có TPNH	✓			07 03 08	1250	Thiêu đốt, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tập thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiều/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có).....Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập
Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 88H-01658

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Bùi Văn Sơn Ký: *Sơn* Ngày: 23/08/2025

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:.....Ký:.....Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Hà Nội, ngày 23 tháng 08 năm 2025



Phú Thọ, ngày 26 tháng 08 năm 2025



@Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

Ghi chú :(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ **PHÚ THỌ** **CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI**
Số:3401/2025/1-2-3.009.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi Trường Công Nghiệp Xanh Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX
 Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam ĐT: 0211.221.9010
 Địa chỉ cơ sở: Tổ Xuân Mai 1, Phường Xuân Hòa, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam ĐT: 0211.221.9010/ 2479880

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... Mã số QLCTNH:
 Địa chỉ văn phòng:.....ĐT:
 Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):..... ĐT:

3. Chủ nguồn thải: **CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG** Mã số QLCTNH: 01.000371.T
 Địa chỉ văn phòng: Lô 38D, Khu Công nghiệp Quang Minh, Xã Quang Minh, TP Hà Nội, Việt Nam ĐT: 024.20214391
 Địa chỉ cơ sở: Lô 38D, Khu Công nghiệp Quang Minh, Xã Quang Minh, TP Hà Nội, Việt Nam ĐT: 024.20214391

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải đã tách nước từ hệ thống xử lý nước thải			✓	12 06 05	2150	Thiêu đốt, HR
2	Axit thải		✓		02 01 01	-	TH, XLHL
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, găng tay dính dầu	✓			18 02 01	-	Thiêu đốt, HR
4	Bã sơn thải	✓			08 01 01	290	Thiêu đốt, HR
5	Các vật liệu mài mòn thải có TPNH	✓			07 03 08	-	Thiêu đốt, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đông xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cò lập/dóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có).....Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập
 Số phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29H-18723

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Lê Tiến Hoàng Ký: *[Signature]* Ngày: 30/08/2025

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:..... Ký:.....Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
 Hà Nội, ngày 30 tháng 08 năm 2025
 Chức danh người ký *[Signature]*
 (chữ ký, đóng dấu)

 GIÁM ĐỐC
Nguyễn Mạnh Chung

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.
 Phú Thọ, ngày 06 tháng 09 năm 2025
 Chức danh người ký *[Signature]*
 (chữ ký, đóng dấu)

 GIÁM ĐỐC
Đỗ Huy Cường

Liên số: 1 - 2 - 3 - 4
 Ghi chú :(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ
PHÚ THỌ

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 3460/2025/1-2-3.009.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi Trường Công Nghiệp Xanh

Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX

Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

ĐT: 0211.221.9010

Địa chỉ cơ sở: Tổ Xuân Mai 1, Phường Xuân Hòa, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

ĐT: 0211.221.9010/ 2479880

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng:.....ĐT:

Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG

Mã số QLCTNH: 01.000371.T

Địa chỉ văn phòng: Lô 38D, Khu Công nghiệp Quang Minh, Xã Quang Minh, TP Hà Nội, Việt Nam

ĐT: 024.20214391

Địa chỉ cơ sở: Lô 38D, Khu Công nghiệp Quang Minh, Xã Quang Minh, TP Hà Nội, Việt Nam

ĐT: 024.20214391

4. Kể lại CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải đã tách nước từ hệ thống xử lý nước thải			✓	12 06 05	1530	Thiêu đốt, HR
2	Axit thải		✓		02 01 01	1490	TH, XLHL
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, găng tay dính dầu	✓			18 02 01	-	Thiêu đốt, HR
4	Bã sơn thải	✓			08 01 01	190	Thiêu đốt, HR
5	Các vật liệu mài mòn thải có TPNH	✓			07 03 08	-	Thiêu đốt, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có).....Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập

Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

Số hiệu phương tiện vận chuyển: 88H-01658

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Bùi Văn Sơn

Ký: *Sơn*

Ngày: 06/09/2025

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:.....Ký:.....Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Hà Nội, ngày 06 tháng 09 năm 2025



Chức danh người ký
(chữ ký, đóng dấu)

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Mạnh Chung

Phú Thọ, ngày 12 tháng 09 năm 2025



Chức danh người ký
(chữ ký, đóng dấu)

GIÁM ĐỐC

Đỗ Huy Cường

@Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

Ghi chú :(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ
PHÚ THỌ

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 3579/2025/1-2-3.009.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi Trường Công Nghiệp Xanh

Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX

Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

ĐT: 0211.221.9010

Địa chỉ cơ sở: Tổ Xuân Mai 1, Phường Xuân Hòa, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

ĐT: 0211.221.9010/ 2479880

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng:.....ĐT:

Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....ĐT:

3. Chủ nguồn thải: **CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG**

Mã số QLCTNH: 01.000371.T

Địa chỉ văn phòng: Lô 38D, Khu Công nghiệp Quang Minh, Xã Quang Minh, TP Hà Nội, Việt Nam

ĐT: 024.20214391

Địa chỉ cơ sở: Lô 38D, Khu Công nghiệp Quang Minh, Xã Quang Minh, TP Hà Nội, Việt Nam

ĐT: 024.20214391

4. K...mai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải đã tách nước từ hệ thống xử lý nước thải			✓	12 06 05	2150	Thiêu đốt, HR
2	Axit thải		✓		02 01 01	-	TH, XLHL
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, găng tay dính dầu	✓			18 02 01	-	Thiêu đốt, HR
4	Bã sơn thải	✓			08 01 01	280	Thiêu đốt, HR
5	Các vật liệu mài mòn thải có TPNH	✓			07 03 08	-	Thiêu đốt, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có).....Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập

Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29C-88101

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Đỗ Văn Linh Ký: *ĐVL* Ngày: 13/09/2025

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:.....Ký:.....Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Hà Nội, ngày 13 tháng 09 năm 2025

Chức danh người ký

(chữ ký, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Mạnh Chung

Phú Thọ, ngày 13 tháng 09 năm 2025

Chức danh người ký

(chữ ký, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC

Đỗ Huy Cường

Liên số: 1 - 2 - 3 - 4

Ghi chú :(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

PHÚ THỌ

Số:3681/2025/1-2-3.009.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi Trường Công Nghiệp Xanh

Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX

Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

ĐT: 0211.221.9010

Địa chỉ cơ sở: Tổ Xuân Mai 1, Phường Xuân Hòa, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

ĐT: 0211.221.9010/ 2479880

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng:.....ĐT:

Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG

Mã số QLCTNH: 01.000371.T

Địa chỉ văn phòng: Lô 38D, Khu Công nghiệp Quang Minh, Xã Quang Minh, TP Hà Nội, Việt Nam

ĐT: 024.20214391

Địa chỉ cơ sở: Lô 38D, Khu Công nghiệp Quang Minh, Xã Quang Minh, TP Hà Nội, Việt Nam

ĐT: 024.20214391

4. K...hai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải đã tách nước từ hệ thống xử lý nước thải			✓	12 06 05	1620	Thiêu đốt, HR
2	Axit thải		✓		02 01 01	-	TH, XLHL
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, găng tay dính dầu	✓			18 02 01	-	Thiêu đốt, HR
4	Bã sơn thải	✓			08 01 01	185	Thiêu đốt, HR
5	Các vật liệu mài mòn thải có TPNH	✓			07 03 08	-	Thiêu đốt, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cò lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có).....Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

Số hiệu phương tiện vận chuyển: 88H-01658

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Bùi Văn Sơn Ký: *[Chữ ký]* Ngày: 19/09/2025

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:..... Ký:..... Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Hà Nội, ngày 19 tháng 09 năm 2025
 Chức danh người ký
 (chữ ký, đóng dấu)

 GIÁM ĐỐC
Nguyễn Mạnh Chung

Phú Thọ, ngày 25 tháng 09 năm 2025
 Chức danh người ký
 (chữ ký, đóng dấu)

 GIÁM ĐỐC
Đỗ Huy Cường

①Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

Ghi chú :(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ
PHÚ THỌ

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số:3809/2025/1-2-3.009.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi Trường Công Nghiệp Xanh Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX
Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam ĐT: 0211.221.9010
Địa chỉ cơ sở: Tổ Xuân Mai 1, Phường Xuân Hòa, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam ĐT: 0211.221.9010/ 2479880

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng:.....ĐT:
Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):..... ĐT:

3. Chủ nguồn thải: **CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG** Mã số QLCTNH: 01.000371.T
Địa chỉ văn phòng: Lô 38D, Khu Công nghiệp Quang Minh, Xã Quang Minh, TP Hà Nội, Việt Nam ĐT: 024.20214391
Địa chỉ cơ sở: Lô 38D, Khu Công nghiệp Quang Minh, Xã Quang Minh, TP Hà Nội, Việt Nam ĐT: 024.20214391

4. kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải đã tách nước từ hệ thống xử lý nước thải			✓	12 06 05	2810	Thiêu đốt, HR
2	Axit thải		✓		02 01 01	-	TH, XLHL
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, găng tay dính dầu	✓			18 02 01	-	Thiêu đốt, HR
4	Bã sơn thải	✓			08 01 01	255	Thiêu đốt, HR
5	Các vật liệu mài mòn thải có TPNH	✓			07 03 08	-	Thiêu đốt, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/dóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có).....Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập
Số lượng phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29C-8810

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Đỗ Văn Linh Ký: *Đỗ Văn Linh* Ngày: 27/09/2025

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:.....Ký:.....Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Hà Nội, ngày 27 tháng 09 năm 2025
Chức danh người ký
(chữ ký, đóng dấu)

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Minh Chung

Phú Thọ, ngày 30 tháng 09 năm 2025
Chức danh người ký
(chữ ký, đóng dấu)

GIÁM ĐỐC
Đỗ Huy Cường

@Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

Ghi chú :(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ

CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI

PHÚ THỌ

Số: 3878/2025/1-2-3.009.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi Trường Công Nghiệp Xanh

Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX

Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

ĐT: 0211.221.9010

Địa chỉ cơ sở: Tổ Xuân Mai 1, Phường Xuân Hòa, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

ĐT: 0211.221.9010/ 2479880

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng:.....ĐT:

Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):..... ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG

Mã số QLCTNH: 01.000371.T

Địa chỉ văn phòng: Lô 38D, Khu Công nghiệp Quang Minh, Xã Quang Minh, TP Hà Nội, Việt Nam

ĐT: 024.20214391

Địa chỉ cơ sở: Lô 38D, Khu Công nghiệp Quang Minh, Xã Quang Minh, TP Hà Nội, Việt Nam

ĐT: 024.20214391

4. kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải đã tách nước từ hệ thống xử lý nước thải			✓	12 06 05	1440	Thiêu đốt, HR
2	Axit thải		✓		02 01 01	1980	TH, XLHL
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, găng tay dính dầu	✓			18 02 01	-	Thiêu đốt, HR
4	Bã sơn thải	✓			08 01 01	250	Thiêu đốt, HR
5	Các vật liệu mài mòn thải có TPNH	✓			07 03 08	-	Thiêu đốt, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có).....Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập

Số phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29C-22797, 29C-02021

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Nguyễn Văn Khôi Ký: *[Signature]* Ngày: 03/10/2025

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:.....Ký:.....Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Hà Nội, ngày 03 tháng 10 năm 2025

Chức danh người ký
(chữ ký, đóng dấu)
[Signature]

GIAM ĐỐC
Nguyễn Mạnh Chung

Phú Thọ, ngày 10 tháng 10 năm 2025

Chức danh người ký
(chữ ký, đóng dấu)
[Signature]

GIAM ĐỐC
Đỗ Hưng Cường

Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

Ghi chú :(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ
PHÚ THỌ

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 4007/2025/1-2-3.009.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi Trường Công Nghiệp Xanh Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX
Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam ĐT: 0211.221.9010
Địa chỉ cơ sở: Tổ Xuân Mai 1, Phường Xuân Hòa, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam ĐT: 0211.221.9010/ 2479880

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng:.....ĐT:
Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):..... ĐT:

3. Chủ nguồn thải: **CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG** Mã số QLCTNH: 01.000371.T
Địa chỉ văn phòng: Lô 38D, Khu Công nghiệp Quang Minh, Xã Quang Minh, TP Hà Nội, Việt Nam ĐT: 024.20214391
Địa chỉ cơ sở: Lô 38D, Khu Công nghiệp Quang Minh, Xã Quang Minh, TP Hà Nội, Việt Nam ĐT: 024.20214391

4. Hai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải đã tách nước từ hệ thống xử lý nước thải			✓	12 06 05	1350	Thiêu đốt, HR
2	Axit thải		✓		02 01 01	-	TH, XLHL
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, găng tay dính dầu	✓			18 02 01	-	Thiêu đốt, HR
4	Bã sơn thải	✓			08 01 01	140	Thiêu đốt, HR
5	Các vật liệu mài mòn thải có TPNH	✓			07 03 08	-	Thiêu đốt, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/dóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có).....Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập
Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29C-86681

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Nguyễn Mạnh Thắng Ký: *Thống* Ngày: 11/10/2025

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:.....Ký:.....Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Hà Nội, ngày 11 tháng 10 năm 2025

Chức danh người ký



GIAM ĐỐC

Nguyễn Mạnh Thắng

Phú Thọ, ngày 18 tháng 10 năm 2025

Chức danh người ký



GIAM ĐỐC

Đỗ Huy Cường

Liên số: 1 - 2 - 3 - 4

Ghi chú:(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

PHÚ THỌ

Số: 4111/2025/1-2-3.009.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi Trường Công Nghiệp Xanh

Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX

Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

ĐT: 0211.221.9010

Địa chỉ cơ sở: Tổ Xuân Mai 1, Phường Xuân Hòa, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

ĐT: 0211.221.9010/ 2479880

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng:.....ĐT:

Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG

Mã số QLCTNH: 01.000371.T

Địa chỉ văn phòng: Lô 38D, Khu Công nghiệp Quang Minh, Xã Quang Minh, TP Hà Nội, Việt Nam

ĐT: 024.20214391

Địa chỉ cơ sở: Lô 38D, Khu Công nghiệp Quang Minh, Xã Quang Minh, TP Hà Nội, Việt Nam

ĐT: 024.20214391

4. K...nại CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải đã tách nước từ hệ thống xử lý nước thải			✓	12 06 05	2750	Thiêu đốt, HR
2	Axit thải		✓		02 01 01	-	TH, XLHL
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, găng tay dính dầu	✓			18 02 01	-	Thiêu đốt, HR
4	Bã sơn thải	✓			08 01 01	220	Thiêu đốt, HR
5	Các vật liệu mài mòn thải có TPNH	✓			07 03 08	-	Thiêu đốt, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/dóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có).....Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập

Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29H-18723

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Lê Đình Hiệp

Ký: *Lê Đình Hiệp*

Ngày: 18/10/2025

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:.....Ký:.....Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Hà Nội, ngày 18 tháng 10 năm 2025

Chức danh người ký
(chữ ký, đóng dấu) *Nguyễn Minh Tuấn*

CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
KHÓA HUY HOÀNG

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Minh Tuấn

Phú Thọ, ngày 25 tháng 10 năm 2025

Chức danh người ký
(chữ ký, đóng dấu) *Đỗ Hùng Cường*

CÔNG TY
TNHH
MÔI TRƯỜNG
CÔNG NGHIỆP
XANH

GIÁM ĐỐC
Đỗ Hùng Cường

Liên số: 1 - 2 - 3 - 4

Ghi chú:(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ
PHÚ THỌ

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 4227/2025/1-2-3.009.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi Trường Công Nghiệp Xanh

Mã số QLCTNH: 1-2-3.009.VX

Địa chỉ văn phòng: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

ĐT: 0211.221.9010

Địa chỉ cơ sở: Tổ Xuân Mai 1, Phường Xuân Hòa, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

ĐT: 0211.221.9010/ 2479880

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:..... Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng:.....ĐT:

Địa chỉ cơ sở (nơi tái sử dụng):.....ĐT:

3. Chủ nguồn thải: **CÔNG TY TNHH KHÓA HUY HOÀNG**

Mã số QLCTNH: 01.000371.T

Địa chỉ văn phòng: Lô 38D, Khu Công nghiệp Quang Minh, Xã Quang Minh, TP Hà Nội, Việt Nam

ĐT: 024.20214391

Địa chỉ cơ sở: Lô 38D, Khu Công nghiệp Quang Minh, Xã Quang Minh, TP Hà Nội, Việt Nam

ĐT: 024.20214391

4. Kể lại CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải đã tách nước từ hệ thống xử lý nước thải			✓	12 06 05	2405	Thiêu đốt, HR
2	Axit thải		✓		02 01 01	2480	TH, XLHL
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, găng tay dính dầu	✓			18 02 01	-	Thiêu đốt, HR
4	Bã sơn thải	✓			08 01 01	255	Thiêu đốt, HR
5	Các vật liệu mài mòn thải có TPNH	✓			07 03 08	-	Thiêu đốt, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có).....Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập

Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29C-88101, 29C-22797

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Nguyễn Văn Khôi Ký: *[Ký]* Ngày: 25/10/2025

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:.....Ký:.....Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2025

Chức danh người ký



GIAM ĐỐC

Nguyễn Mạnh Chung

Phú Thọ, ngày 21 tháng 10 năm 2025

Chức danh người ký



GIAM ĐỐC

Đỗ Huy Cường

Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

Ghi chú :(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)